

SỬ MẶC  
*nói chuyện với nguyên trung hối  
về hiện tình văn học hải ngoại*

# chủ đề

**LÊ THỊ THẨM VÂN**

*mưa lửa*

**HÀN SONG TƯỜNG**

*con ách bích*

**NHẬT NGUYỄN**

*thực*

**TRẦN THỊ MINH NGUYỆT**

*dỗ dề m bằng câu kinh yêu*

**HOÀNG NGỌC-TUẤN**

*(mọt truyện cho tác giả)*

ĐỨC PHỔ - NAM DAO - LƯU NGUYỄN TỬ THỨC - DUNG  
NHAM - TRỊNH THANH THỦY - PHẠM NGỌC - HOÀNG  
XUÂN SƠN - HÀ NGUYỄN DU - HẢI PHƯƠNG - HỒNG THỊ  
DÃ QUỲ - NGUYỄN QUANG TUẤN - CỔ NGŨ - NGUYỄN  
TRUNG DŨNG - TRẦN THỊ HOA - LÊ XUÂN HY - NGHIÊM  
HỒNG - NGUYỄN VY KHANH - PHẠM VŨ HELGA

**NGUYỄN MINH TRIẾT**

**về diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa**

**NGŨ THUYẾT**

**chủ nghĩa và văn học hậu thuộc địa**



**chủ đề**  
**GIAI PHẨM VĂN NGHỆ**  
**PHÁT HÀNH 1 NĂM 4 SỐ**

**Điều hành: NGUYỄN TRUNG HỐI**

**Thư từ, bài vở, tiền bạc xin đề : CHỦ ĐỀ**  
**và gửi về :**

**P. O. Box 13283**  
**Portland, OR 97213-0283 – USA**  
**Tel. : (503) 281-1621**  
**E-mail : chude\_2000@juno.com**

**LỜI CẢM ƠN:**

**Trong thời gian qua, CHỦ ĐỀ tiếp tục nhận được**  
**sự bảo trợ quý báu của quý vị Mạnh Thường Quân:**

- Gs Lê Thị Kim Anh, Toronto, Canada;**
- Gs Nguyễn Thị Xuân, Etobioke, Canada;**
- Bs Nguyễn Đức Tùng, Vancouver BC, Canada;**
- Ts Nhật Đan, Oklahoma City, OK;**
- Hs Tống Phước Cường, Portland, OR.**

**CHỦ ĐỀ xin chân thành cảm ơn!**

**Ấn hành tại Hoa Kỳ – Mùa Đông 2002**  
**Bản quyền của các tác giả và CHỦ ĐỀ – 2002**  
**ISSN 1542 068X**



# GIAI PHẨM MÙA ĐÔNG 2002

*chủ nghĩa & văn chương*

*hậu thuộc địa*

## NỘI DUNG:

CHỦ ĐỀ 2 *văn chương hậu-thuộc địa*

**Thơ :** LÊ THỊ THẨM VÂN 4 *mặt đất và em . thành khẩn*

ĐỨC PHỔ 6 *bữa ghé san francisco đã hôn ngát nguyệt*

TRẦN THỊ MINH NGUYỆT 8 *đỗ đêm bình cầu kinh yêu*

NAM DAO 10 *đêm mây châu*

LƯU NGUYỄN TỪ THỨC 12 *ngón tay bốn lông*

DUNG NHAM 14 *mẹ đích thật*

TRỊNH THANH THỦY 18 *hỏi*

PHẠM NGỌC 20 *nắng mùa*

HỒNG THỊ DÃ QUỲ 22 *để em biết*

HOÀNG XUÂN SƠN 24 *ban sơ . mượn một tiêu đề*

HÀ NGUYỄN DU 27 *bí ẩn em... quên ta đời thủy thủ . cành lá*

HẢI PHƯƠNG 30 *cuộc hành trình u nhĩ . từng ký ức xôn xao...*

NGUYỄN NÚI VUA 199 *đêm hè*

**Truyện :** HÀN SONG TƯỜNG 34 *con ách bích*

NHẬT NGUYỄN 45 *thực*

NGUYỄN QUANG TUẤN 58 *làm ơn vẽ giùm tôi một việt kiều*

LÊ THỊ THẨM VÂN 65 *mười lửa*

TRẦN THỊ MINH NGUYỆT 77 *màu hồng cam trên biển*

NGUYỄN TRUNG DŨNG 80 *khu vườn đường fifth*

HOÀNG NGỌC-TUẤN 86 *(một truyện cho tác giả của chính nó)*

**Tiểu luận :** NGỰ THUYẾT 98 *lý thuyết và văn học hậu-thuộc địa*

NGUYỄN MINH TRIẾT 112 *diễn ngôn văn chương hậu-thuộc địa*

LÊ XUÂN HY-PHAN QUỐC VIỆT 138 *văn chương caribbean*

LÊ XUÂN HY-TRẦN THỊ HOA 152 *văn học tại nam dương*

TIỆM KHANH NGHIÊM HỒNG 159 *về văn chương maghreb*

NGUYỄN VY-KHANH 168 *về thi ca québécoise*

SỬ MẶC 186 *nguyễn trung hối - "trong mệ cung"/ngoài mệ lộ*

PHẠM VŨ HELGA 202 *thuở ấy ở murnau (7)*



# CHỦ ĐỀ

## *chủ nghĩa*

### *& văn chương hậu thuộc địa*

Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc, trong bài ‘ Tính chất thuộc địa và hậu thuộc địa trong văn học Việt Nam’ (Tập chí *Việt*, số 6 - giữa năm 2000; in lại trong *Văn học Việt Nam từ điểm nhìn h(ậu h)iện đại*, California: Văn Nghệ, 2000) đã cho rằng văn học Việt Nam trong thế kỷ 20 là một nền văn học “thậm thụt”, “chưa bao giờ thanh thản và đủ tự tin để dám là mình, dù là một cái “mình” nghèo nàn, lạc hậu, yếu đuối”. Đúng như thế, người ta luôn luôn khư khư với những gì vốn có, luôn luôn hô hào bảo tồn văn hóa dân tộc, dù biết rằng đó chưa hẳn là của dân tộc; có muốn bỏ cũ để theo mới cũng không dứt khoát, chê văn chương hậu thuộc địa lại tự hăm mình trong văn chương thuộc địa (xin đọc lại những bài tranh luận về ‘Chánh học cùng tà thuyết’ trên *Tiếng Dân*; tiểu thuyết Tự lực văn đoàn [những cuốn gọi là “tiểu thuyết luận đề” – đả kích lễ giáo phong kiến, vinh danh cho cái “tôi” cá nhân], cuộc tranh luận về “thơ mới” trước 1945 và thơ “tân hình thức” trên *Talawas* hiện nay...) Do đó, số báo này chủ yếu đi sâu vào *lý luận* và nêu tiêu biểu một vài nền văn học nước ngoài, với các bài biên khảo công phu của Ngự Thuyết, Nguyễn Minh Triết, Lê Xuân Hy, Phan Quốc Việt, Trần Thị Hoa, Nghiêm Hồng, Nguyễn Vy-Khanh... Xin hãy cứ đọc người rồi ngẫm đến mình. Tất nhiên có nhiều người cho rằng đây là vấn đề không liên quan gì đến “chúng tôi”[!] Và xin đừng bao giờ tự hào mình viết tiếng Tây tiếng U hoặc mình được vinh hạnh là một quốc gia hội viên “nói tiếng Pháp” rồi huênh hoang tổ chức đại hội quốc tế này nọ, không nghĩ rằng mình chỉ là một con cờ của chủ nghĩa thực dân! Tài hoa như



Leconte de Lisle chỉ được coi là một nhà thơ đảo Réunion; J-M.G. Le Clézio, tác phẩm phổ biến ra nước ngoài đứng hàng thứ ba hiện nay, văn học Pháp chỉ liệt vào hàng nhà văn đảo Maurice,... thì kể gì một Phạm Văn Ký, Linda Lê, ...?

Về Thơ, kỳ này *CD* giới thiệu những bài thơ “mới” nhất của: Lê Thị Thấm Vân, Đức Phổ, Trần Thị Minh Nguyệt, Nam Dao, Lưu Nguyễn Từ Thúc, Hồng Thị Di Quỳ, Dung Nham, Trịnh Thanh Thủy, Phạm Ngọc, Hoàng Xuân Sơn, Hà Nguyên Du, Hải Phương, Nguyễn Núi Vua... Từ số này *CD* đổi mới văn xuôi. Đây không phải là trường phái, mà do anh em muốn tìm cho mình một con đường mới, nhất thời chắc chắn còn ảnh hưởng của văn chương nước ngoài. Nhưng, xin cứ để coi... Tất cả còn ở phía trước. Mời các văn hữu mạn mà với văn chương mới, cùng góp tay! Đổi mới văn, có sự góp mặt của Lê Thị Thấm Vân, người bạn “đồng chí” của Monique Wittig; sự trở về của Nhật Nguyễn, sau một thời gian dài buông bút chán nản vì thấy tác phẩm của bạn bè bị rao bán “sale”; Hoàng Ngọc-Tuấn khúc tác gia, nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận phê bình văn/nhạc không bao giờ mệt mỏi đi tìm cái mới; cùng những tác phẩm “mới” của Hàn Song Tường, Trần Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Trung Dũng, Nguyễn Quang Tuấn (qua bản dịch của Cổ Ngư). Sau cùng mời bạn đọc tham dự cuộc mạn đàm của Sử Mặc và Nguyễn Trung Hối về hiện tình “chộn rộn” (chữ của Sử Mặc) của văn học hải ngoại, “chim báo bão” *sự lụi tàn của văn học tiếng Việt* - cả ở trong nước - với biến cố văn học: sự “tự bức tử” (cũng chữ của SM) của tạp chí *Việt* in ở Úc! Số tới, có chủ đề: *Tình yêu và cái chết trong văn chương*. Tình yêu và Nỗi chết không chỉ được phân tích bằng luận văn, thổ lộ qua thơ mà còn được thể hiện trong truyện “tân hình thức”, chắc chắn sẽ vô cùng mới lạ!

Cuối thư, tòa soạn xin chúc quý vị Mạn Thưởng Quân, độc giả, văn hữu cùng gia đình **Một Năm Mới Quý Mùi 2003 An Vui và Hạnh Phúc!**



LÊ THỊ THẨM VÂN

*m ấ t đ ấ t v à e m*

Mặt đất  
thấm đẫm  
những trận mưa đổ xuống từ trời  
mặt đất  
đơn bông.

Em đã uống  
những giọt nước  
từ mắt anh  
từ môi anh  
từ sự sống anh  
thân thể em  
đơn bông.

*t h à n h k h ẩ n*

Em cúi đầu  
dần sát xuống  
vũng ngực      trứng  
những sợi lông đen  
mượt  
những nốt ruồi  
đậm, nhạt  
những đốm tàn nhang  
dấu vết thời gian.



Em,  
nhắm nghiền đôi mắt  
hít sâu  
thân thể anh  
thơm thơm mùi sách cũ.

## *c ò n l ạ i*

Rồi một ngày nào đó  
em và anh sẽ phải rũ lòng già từ tất cả  
ra đi.

Cây sồi trăm năm ngoài khung cửa sổ sẽ rụi tàn, gãy đổ.  
Căn phòng tràn ắp âm thanh sóng sẽ bị phá hủy, người ta sẽ  
cất lên  
một căn phòng mới khác.

Quán cà-phê năng đuổi, nơi chốn thường xuyên hẹn hò sẽ lần  
lượt đổi qua bao đời chủ.  
Tiệm sách quen thuộc sẽ chứa thêm những tác giả mới và loại  
bớt những tác giả cũ.  
Chiếc xe đen cao chở em với tiếng đàn mê hoặc Mark Knop-  
fler rồi cũng bị hư hỏng,  
quăng vào một xô trong thành phố.

Dấu tích  
còn lại  
là những bài thơ tình em viết  
cho anh.

LÊ THỊ THẨM VÂN

# ĐỨC PHỔ

*b ữ a g h é s a n f r a n c i s c o*

*đ ã h ò n n g á t n g u y ệ t*

Bước ngược gió bước ngược nắng  
khoảng trời trống trước mặt phía  
lưng, quanh quất trống trở bãi  
chiều thăm dưng. Bật ngửa bàn  
tay rồi đang vận mệnh, dải

vọng bóng hình đời ruỗi thân  
rong vút bay ký ức ảo  
tưởng, bước qua thung mắt đắm  
vàng hoa thoảng lay dị thảo  
ấp e mọc mời, thuyền cấm

sững hợp âm, môi bờ ngậm  
bến thăm thê treo cầu lơ  
lửng. Nghe khó tin. Lời ngỏ  
muộn còn hơn không. Ôm thầm  
ước mơ xanh xao lá cỏ.

Vực hồn ấp vừa tình nhân  
hưởng thụ nghiệt ngã điếng đau  
niềm phúc hạnh ngợp ngất, âm  
bản tự tình rầm rối ngẫu  
nhiên thương khó đuổi đời tầm



trời nghiêng xế rọi thanh âm  
khuất lẫn vòm em, phong rêu  
dựng bờm gợi khêu dị cảm.  
Nghe khó tin. Bữa ghé San  
Francisco đã hôn ngát nguyệt.

San Francisco-San Jose, 10082002.

*t ì n h y ê u đ ế n l ạ, đ ờ i n à y . . .*

Thơ vẽ em núi đồi bầu trời tinh tú  
cỏ cây hoa lá thung lũng hồ ao  
mưa dầm gió lộng nắng hanh  
tình cảnh đủ đầy  
chẳng cần chi đến anh  
tô hoa điểm nguyệt.

Lắm khi anh chỉ là cọng rơm khô  
giữa đồng nắng lụa  
lại khi anh chỉ loài lá cỏ  
mọc dại bên đàng  
mỗi dấu chim qua nghiêng ngọt xuân tình,  
vẫn tặng chẳng tiếc bài tụng ca tình yêu  
thì sá chi lời ong tiếng mật  
của người muốn hóa thân loài bướm  
ngấp ghé dạo vườn em.

Một hôm nào thơ bỗng nhiên bay  
từ chân dung sóng bủa  
anh ghiền, nhớ bức tranh xưa thơ từng vẽ  
mới hay  
(tình yêu đến lạ, đời này...)

ĐỨC PHỔ

# TRẦN THỊ MINH NGUYỆT

## *dỗ đêm bằng câu kinh yêu*

Bưng bít cách gì rồi em cũng thấy  
những thói tật của anh  
giữa xuân  
anh ép thơ cầm cộ sơn phết phóng lớn  
làn hạnh phúc nhỏ ti nhặt như đuôi lá non  
đàn ông lẫn đàn bà tất tả đốt ngòi ghen tị dưới lòng chân  
họ biến thành những con mắt đỏ loè  
rực trong màn mê đen.  
giữa hè  
anh rón rén rót vào màng nhĩ họ  
âm điệu tình tứ châm chích  
tự ti, ảo tưởng, ích kỷ  
quyện thành dòng lai láng mặt sần  
mê miết đầu họ lướt xoay khắp hướng  
chân chơi với trời  
anh hả hê đơn độc  
em cầu cứu ánh sáng và mưa.

Bưng bít cách gì rồi anh cũng thấy  
những thói tật của em  
thèm vin tay anh tới góc phố  
nâng niu ly café thơm tóc lan vai rừng  
lòng no đầy nhịp đập hai mươi



chẳng dám chối từ những buổi nhóm họp  
dứt khỏi căn phòng ngập thanh âm  
dắt gọn lần thực hư ngấn ngủi .  
đổ đêm  
bằng câu kinh yêu  
bám giấu bật những giấc mơ ngọt dưới lớp gối  
mà đời sống và anh rập rình tiêu diệt  
ngô nghê cười  
với từng đoạn phim ngắn dài  
thanh sắc hình kỳ lạ  
gồng xô luồng gió chương đập tường vỡ hời hợt .  
đeo kính miên man đọc rề rọt  
từng chương quá khứ  
chữ ấm lạnh  
chiếm hữu  
tìm, mất  
tiếc gấp lại chương cuối  
rũ lạng  
không hề thấy chữ yêu  
câu kinh vẫn gõ trong giấc mơ.

TRẦN THỊ MINH NGUYỆT  
San Jose 09 - 2002

# NAM DAO

*đêm mà y chau\**

Chau

chau

biếc mà y xanh

Giấc ngủ lại

vật vờ

Mi mi khép hồng môi

Chao kỷ niệm bông bênh

Nhan sắc ấy, còn đâu

Thiên đường kia mất rồi

Sự thật?

Oằn oằn múa mép khua môi

Hỡi tôi ơi

Xin cho tôi ngủ

Như dòng sông kia bình yên

Sóng sánh trăng chênh chếch lưỡi liềm

Đêm ngủ lại

ven bờ thành phố hóa lân tinh

*chủ đề 12/10*



Đêm thật đêm  
Đêm thật  
Một mình  
Đêm đến tận mênh mông

Nhan sắc = vẽ vờ  
Lý tưởng = viễn vông  
Chợt rụng rời giữa có và không

Mây xanh mi biếc môi hồng  
Tĩnh ra sông đã bênh bồng cuốn trôi  
Tôi ơi hơi!  
Tôi ơi!

\* Bài thơ này đã đăng trong *CD 10*, vì lỗi xếp trang đã thiếu mất 4 câu. Nay đăng lại để đính chính. Mong tác giả và bạn đọc thứ lỗi!  
- CD.

# LỮU NGUYỄN TỪ THỨC

*có ai thấy một bàn tay  
có một ngón tay bốn móng*

Tiếng nổ  
vang đi từ Oklahoma City  
như tiếng nổ giữa hồn tôi tan tác  
những kỷ niệm

Dáng em flashback chớp chờn hư ảo  
dáng học trò thơ ngây tà áo lụa bay trong nắng  
mỗi sáng đi học  
với môi cười cặn ảnh ngập hồn tôi

Sáng tinh mơ bao người ra vào tòa cao ốc  
Nào hay đâu có tên ma quỷ  
dấu bom trong xe phục sẵn bên đường  
bao nhiêu người già đàn bà và trẻ nít đã tan thân  
giữa những hoang tàn đổ nát  
có ai thấy một cành hoa

Có một cành hoa  
phất phơ trong ngõ vắng  
giữa Sài Gòn tiếng súng át tiếng pháo mừng xuân  
giặc tràn về khu xóm nơi em sống yên bình bao năm tháng  
giờ phải chạy loạn trong tiếng súng đi đùng



Tiếng súng loạn cuồng ngày nào em không chết  
Lẽ nào lại tan thân vì tiếng nổ quỷ ma  
không kiêng nể gì em  
ngày nào em cũng đứng thứ ba sau ma và quỷ  
cũng đã đem dấu tim anh  
khiến anh ngơ ngẩn đi kiếm đi tìm

Đi kiếm đi tìm  
bao người tìm kiếm thân nhân trong gạch vụn  
những cận ảnh thương đau với nước mắt nhạt nhòa màn ảnh tv  
những phần thân xác văng cùng khắp  
những lòng ngực mở toang với trái tim đỏ còn thoi thóp  
những đôi mắt trừng trừng như muốn nhìn rõ mặt  
tên đồ tể  
có ai thấy một bàn tay  
có một ngón búp măng ba lóng  
có thêm một lần chỉ ngang ở lóng có móng tay dài thường hay  
sơn đỏ  
tôi đã một thời ấp ủ nâng niu

Bàn tay và bàn tay  
bao nhiêu là bàn tay  
đang đem những chiếc ghế  
sắp thành hàng dài giữa công viên tưởng niệm  
bên hồ nước trong xanh thăm thẳm  
tận đáy sâu có áng mây trôi êm đềm  
có chiếc ghế nào dành cho em.

Để tưởng niệm các nạn nhân vụ nổ tại  
Murrah Building ở Oklahoma City-1995

LƯU NGUYỄN TỪ THỨC

# D U N G N H A M

## *m ẹ đ í c h t h ậ t*

### LỜI CON

MẸ ngụ chốn nào?

Chưa bao giờ con được thấy hình ảnh MẸ .  
Hình ảnh MẸ luôn mịt mờ: Niềm an ủi con tự tạo mơ hồ trong  
những giờ phút đớn đau.

Phải chăng đó là MẸ ?

Chỉ hiện ra như phép lạ bao dung  
trong giây phút xuất thần  
phút giây linh hồn con tàn tạ ?

Phải chăng đó là MẸ ?

Hiện ra như một cứu rỗi nhân ái hững  
hờ ?

Chẳng bao giờ sao ?

MẸ hiện ra như búp nồn rừng Xuân ?

Chẳng bao giờ sao ?

MẸ là suối vĩnh cửu ôm ấp thân xác  
đứa con yêu ?

Kính MẸ thân yêu,  
Giờ đây con đã rõ  
Bằng nỗ lực và chấp nhận  
Trong đau thương linh hồn con tỏa sáng  
Tia sáng soi vào hình ảnh MẸ ngự mù mịt trong cõi trời tay  
con không vươn thấu nhưng tâm trí con mơ đến hình ảnh MẸ: “  
Cõi-Im- Lặng- Ngàn Đời”  
từ bao năm con chẳng hề biết đến .

Hỡi MẸ- Cao- Cả !  
Tự bao giờ MẸ đã bên con  
Luôn soi mắt vào tên con trong  
cuốn Sổ-số- mệnh  
Bao năm qua con chẳng tìm thấy MẸ  
Bởi chính MẸ là:  
HƯ VÔ !

### *LỜI MẸ*

Lúc ra đời con đã quên lời ru của MẸ:

“Hãy xa MẸ nghe con  
dấn bước vào cõi đời  
can đảm nhận chịu bao vò xé của đau  
thương  
Hãy xa MẸ nghe con  
dấn bước vào cõi đời  
chịu đựng những thử thách khôn lường  
Định mệnh mang đến  
cho con  
MẸ luôn ấp ủ trái tim bé nhỏ của con



Dòng máu MẸ luôn tuần hoàn trong thân thể con  
Khối óc sáng láng của MẸ tan hòa trong tâm trí con  
Hơi thở con luôn điều hòa trong phổi MẸ  
Tóc mượt MẸ là tay ve vuốt con dịu dàng

Hãy xa MẸ nghe con

dẫn bước vào cõi đời

Thản nhiên bước qua mọi thử thách của Định mệnh

Đợi chờ ngày đoàn tụ

Đó là lúc con nhắm mắt

vĩnh biệt cõi sống

Đó là lúc Định mệnh đã xóa bỏ tên con

trong Sổ số mệnh

Con khép mắt lại

yên nghỉ

MẸ thu hồi tất cả

“Rồi từ trong cõi trời xa xăm MẸ vươn tay tiếp đón con ?”

Vâng ! Đó là lúc MẸ đặt tay dịu hiền lên vầng trán con giá buốt

MẸ vuốt mắt con lần cuối cùng

ru con:

“Hãy ngủ yên đi con!

ngủ yên đi con giấc-muôn-đời

Đó là giấc ngủ diễm phúc đưa mẹ con ta đến gần nhau”

Hỡi MẸ- Cao- Cả!

Lời ru của MẸ từ lâu con đã quên

Ân sủng nào khiến con nhớ lại ?

Phải chăng một mũi tên ?

Mũi tên êm ái đã xuyên vào tim con

Lời ru của MẸ hiện ra trên tay con dẫm máu!

Hỡi MẸ-Cao-cả!

Đến bao giờ con ngủ giấc muôn đời ?

Bao giờ tay dịu hiền MẸ vuốt mắt con yêu ?

Hỡi MẸ-Cao-cả!

Bao giờ Định mệnh buông tha con ?

Bao giờ con trở về với MẸ ?

Bây giờ con MẸ vẫn bơ vơ

Con không sao trông thấy MẸ

Bởi chính MẸ là:

HƯ

VÔ ...

DUNG NHAM

# TRỊNH THANH THỦY

## *hỏi*

Tôi hỏi anh sao bóng con người hoá trắng  
lúc không còn sự sống  
anh gợi tôi bàn tay reo hoan bếp lửa

Tôi hỏi anh sao tiếng máy cắt cỏ náo động  
thêm hoa mùa xuân  
anh gợi tôi lời hát thầm một con kết cam

Điều tôi hỏi  
Có là trận gió lá táo khô đang thổi về  
tôi nụ hôn anh thầm lặng  
Tôi được tiếng vang đồng xu rỗng  
và thứ tình yêu xanh đỏ biến màu  
thần lẩn dối sắc  
mùa thay tình

Người tu sĩ đứng khuất thực trước khu  
thương xá Việt Nam  
ông được điều không cầu  
đâu sạm cháy nắng vàng



Cô gái chạy lạc vào một "Internet's Chat room"  
hỏi mọi người có ai trông thấy bí danh "  
CIA"

người đã xâm nhập hộp điện  
thư ,

nghe lén, đặt máy quay phim nhà cô và xem  
trộm cô tắm.

Cô được sự chú ý và câu trả lời thành thật  
" Gửi con bé đó vào nhà thương điên "

Gã ăn mày quỳ trước tượng chúa  
cầu nguyện được thoát nỗi cùng khổ  
ngược lên  
thấy chúa trên cao trong khố rách  
bươm, một chân  
tàn phế và một tay cụt đến nách

Khi tôi hiểu thấu những điều cần hiểu  
tất cả đều  
rất muộn

# PHẠM NGỌC

## *nắng mùa*

Cũng cái nóng ngật nghèo  
một trăm lẻ bốn Fahrenheit  
chiều cao nhiệt độ  
tháng tám hạ vàng  
nặng giọt nắng hanh  
bay nhẩy trên mặt đường  
long lanh mùa hoa luân vũ

nắng  
nào có giữ được  
tuổi thơ tôi  
rơi rớt  
ở một phương trời xa xôi lắm  
những con phố  
xanh hàng cây lá thắm  
cánh diều bay  
chấp chới gió trong chiều

những sợi tóc mây em - còn vương trên mắt ?  
chút nắng mùa  
cho má đỏ hây hây  
những kỷ niệm  
như hương trầm phảng phất  
chút bụi đường lấm tấm trên vai

em - ngọn sóng  
vỗ mềm năm tháng rộng  
em - nửa vầng trăng  
khuyết bóng giữa đêm khuya  
nắng còn hanh sao heo may lồng lộng  
hạ quanh đây lòng đã chớm thu về

ta loài chim di trú  
bay giữa nắng mùa hôn mê xứ lạ  
biết về đâu  
con nước đã xa nguồn  
gửi đến em  
chút lửa vàng cuối hạ  
hiu hắt bên đời  
đồng vọng những hồi chuông...

14082002



# HỒNG THỊ DÃ QUỲ

## *để em biết*

Mỗi sáng  
từ parking lot đến chỗ làm  
băng qua vài đoạn đường ngang  
một con đường thẳng  
đầu ngọn. Mất hút theo vòng lượn khá xa  
nơi đó. Em bắt đầu điểm rẽ..

đôi diện ngã tư đèn xanh  
liên hồi nhấp nháy  
Lê đường vụn đá vữa  
ngổn ngang chờ trắng nhựa ngày nầy qua tháng nọ  
ngay bảng Stop cũ kỹ vạch sơn đỏ  
Thường. Khi kim đồng hồ nhích dần số 8  
nắng mon men bò qua ngọn tháp  
nằm lưng chừng  
và. Đỗ xuống từng vệt dài nền tấm quảng cáo  
nhạc jazz. Người nghệ sĩ da đen cầm thân kèn bất động  
thối đêm qua ngày nắng.  
thối vòng quanh  
không gian quẩn quanh  
thơm lừng mùi bánh nướng

đi thêm chút nữa  
tiệm Pizza mang rất tên Ý  
món macaroni cheese vàng ươm rắc quá nhiều bay leaves

không gặp được đũa thứ hai  
dưới tàng dù sọc trắng xanh  
một vài chỗ ngồi ngoài sân thấp  
dựa ngang. Cửa sổ nhỏ khoen rèm móc sợi  
tiệm chỉ đông vào khoảng xế chiều

Mở cửa sớm  
lão Roberto người Spanish  
tay đấm lưng thùm thụp như chữa cơn ngái ngủ  
lũng lẳng chiếc tạp dề màu khói ám  
ngày nào như ngày nấy  
vẫn một điệu chào quen thuộc  
“You look very beautiful, today”

còn nhiều những con đường  
mỗi ngày đi qua  
những ngõ tắt ngang vòng quanh cố ý  
em mang anh theo  
chỗ này  
chỗ nọ  
cùng em hít hà mùi bánh nướng  
cùng em, một chỗ ngồi dưới thân dù sọc trắng xanh  
để ao ước. Có lần  
anh nắm tay em  
vượt qua bảng Stop  
vượt qua những con đường khác  
không bảng dẫn đường. Không one way, không yield  
không hết thấy  
để em biết  
Ít ra. Trong cuộc đời này  
còn có một tình yêu  
vượt ngoài giới hạn

# HOÀNG XUÂN SƠN

## *b a n s o*

... buông một tiếng thở dài vào ngổn ngang chấn mền cũ  
rồi lim dim  
đời quên thay cánh áo sao biết thịt da ngụ phương nào ? ...

Sáng núi đề tường sụm  
hóa ra lại mình thời trai lơ  
tay bắt mặt mừng  
lâu rồi không ngộ trời xanh  
thong thả nhè túi quần tay điệu chào bưng nén \*  
sáo thổi mượt đầu ngọn cây  
thanh và trong  
con mắt đá mát rượi cái nhìn  
râm ran khe suối  
vẫn thường mơ núi đề vô tâm  
phiên này hành giả góc đầu dậy  
ồ đại gì không bước đi  
con chim chào mào đỏ hướng bông quỳ  
sông miên man lũ tròng  
đi thăm trái tim trữ tình thay lượng máu  
đấy nhè, đỏ ối vi ti mạch gân  
bạn hỡi  
núi kéo nhau đi châu thân mỗi mòn  
lâu rồi chim trứng sáo



sáng hóa dạ người thở lòng tơ . cỏ

Sáng núi đè lơ mơ  
phía mạn sườn rút êm một chiếc  
vờ không nghe mà đứt ruột thương  
từ hang ổ cùng mình đêm co cụm  
mãi miết chui  
độ biết khóc cười hồn nhiên như sông  
và mũi lòng  
như núi .

HOÀNG XUÂN SƠN  
tháng tám linh hai

\* Ý thơ Nguyễn Đạt.

*m ư ợ n m ộ t t i ê u đ ề \**

Kìn kìn gõ thức  
trên rừng tiếng chân đời  
đục  
khàn  
chùng như đau  
họng viêm  
rã rụng  
đỏ ngẫu con mắt  
trắng dã đêm thâu  
bời bời  
gỗ căng nứt mạch sống  
cười cười nói chớm dễ  
ngày trời tân thanh  
lý môn hộ thôi  
hộ đành xếp lớp lang  
trật tự  
tròng trành khuya lên rừng gỗ bức  
mù mê ụp sóng xuống biển khôn lìa mây  
bay ngàn năm vây khổn  
chân mày vẽ một đường tà dục  
ngây ngây nhìn đứng  
im nhìn thít thìn thìn miệng  
ngậm hạt thị lửa  
đim  
âm âm .

HOÀNG XUÂN SƠN

*\* Tâm Thanh : Gõ Thức Trên Rừng (Văn Mới, 2002)*

# HÀ NGUYỄN DU

*b í ả n e m ... q u ê n t a đ ờ i t h ử y t h ử*

chạnh suốt bảng lảng bước bào ảnh!!  
gõ lạch cạch vết rạn quá khứ !?  
em không dừng ... đứng đỉnh  
xua tay cửa tình lá chắn!  
ta thân lữ say trăng ...  
nào lụy ngang??

nhận chân bước đi sai phương lệch hướng  
thui chột thiên bầm  
xót cỗi thịnh âm thấu xanh  
vẫn nhấp nhả co giãn  
mấy mươi năm mọc sao nên cây !?  
với búng đốn cắt tủa!!  
hoa đâu cho em trái đâu cho ta ?

còn đam mê ới! là chiếc tàu ngầm thám hiểm thâm cung  
khám phá đại dương  
bí ẩn em ... quên ta đời thủy thủ!!  
ới! thế giới huyền diệu biển ...  
em tuyệt mỹ kia rừng rong ...kia cao ốc san hô  
kia ngọc trai... kia kho tàng khoáng sản  
kia muôn loài muôn vóc dáng hay hay  
ta muốn thì thầm bằng ngôn ngữ riêng  
hỏi về đời sống biển ...  
như hỏi mệnh mông cỗi người ...



## *c à n h l á v à c o n m o*

(Với Dr. Bùi Xuân Nhiếp, Toronto, Canada)

1.

chuyện bức lá lìa cảnh tàn phai diệp lục đến chết dần mòn bởi ván mưa tinh bởi đờn nắng quái từ thời gian từ thế ác đến nay tôi càng có tuổi tôi càng mang thai tôi càng chịu ghen nhiều lần nhiều hơn khi ngày lại ngày luồng tinh...ý... cứ chui vào...trứng...thơ tôi bắt tôi phải đặt dờ với thiêng chức làm mẹ đợi giờ phút nở nhụy khai hoa hồng đón lấy nguồn vui sống từ sự chào đời của các con tinh thần được nên thân nên dáng nhờ phần lớn máu huyết của em của tôi của lấm cơn đuối hụt trên dòng sông tình của tia trời ngày cuối hạ của ánh trăng đêm đầu thu của thằng con trai ở tuổi first grade của đứa con gái kindergarten và của xưa hơn là vết hèn trả đũa ngày lâm chung nhất là ơi! của mớ rau với bát cơm Mẹ tôi mang về từ một sương hai nắng ...

2.

... giờ nghĩ đến không hiểu sao tôi sống thích nghi như sinh vật nơi hồ nước ngọt trên núi lửa Licancabur ngủ quanh năm với dãy băng tuyết phủ thuộc dãy Andes xứ Chí lợi ... phút nghĩ đến ếch nhái ễnh ương chích chòe đồng rộ lên tấu khúc nhạc quê gây mê cho bao bước chân thiếu lớp lang lại vẽ đường dancing trên sàn ảo tưởng...giây nghĩ đến đám cỏ đàn hạc dần tàn rụi theo lối nhỏ với thưa thớt tiếng chười thè của mấy gã ưa bàn tính chuyện bảo tồn hay phát huy ... ...khắc nghĩ đến lũ ma trời rồi chắc đến lúc không còn oxy

không còn hydro cho lửa múa may trên trần gian nghĩa địa  
... toàn thời gian nghĩ đến mặt trời tuôn ánh sáng mà thường  
lúc ngỡ tuôn huyết tươi

3.

như kẻ không nhà thẩn thức sắc mây như phận chơi với ưu  
tư tiết mùa vận mệnh tôi điều tức hơi thở tôi chờ thơ nhập  
định tợ trường phái The Black Mountain ảnh hưởng Ezra  
Pound hay W. C Williams hướng vào hơi thở nhịp tim cho  
thơ kiểu dòng thơ tuôn dài của Allen Ginsberg ... ôi! màu  
sắc mây và tiết mùa cố nắm lấy bầu trời tôi như tình tôi  
nằm trong tay em với mười ngón lý tính mà bão sóng đục  
tình theo muôn sợi thần kinh lúc mưa lúc nắng lắm lúc mở  
cửa tôi giọt tôi vào trong thơ vươn vai một tời hí lộng vẫn  
luôn tôi ở đầu sóng luôn ở ngọn gió vui khói bếp nhà ai bay  
lên buồn đèn nhà ai phụt tắt nghe động cơ vang rền như có  
tiếng khóc đâu đây ngỡ già ngỡ trẻ và tôi nhấm nghiền đôi  
mắt đợi cơn mơ nhập thần

HÀ NGUYỄN DU

11/ 20 / 02



# HẢI PHƯƠNG

*c u ộ c h à n h t r ì n h u n h ã*  
*p h ụ c c h ế b ầ u t r ờ i ý n i ệ m*

Loài dã tràng từng phút giây phục chế bầu trời làm mái nhà  
ngôn ngữ và mặt trăng làm ngọn hải đăng định hướng treo lơ  
lửng chung quanh lâu đài vừa mới xây trên cát biển rực sáng  
nguy nga

ta phục chế ta từng ngày đóng đinh trên thập tự giá em khái  
huyền đường cong khóa thân bén như dao cắt vỡ vụn liên tục  
tiết tấu của một dòng sông chảy âm thanh khàn đục  
rừng thùy dương bắt đầu trầm khúc đêm của gió  
mùi hương của đất trộn lẫn mùi hương của tóc em bay.

Loài dã tràng phục chế chùm sao điện tử kết dính trên ngực  
em tặng phẩm trang điểm bầu trời ẩn dụ điều tiết khí hậu mưa  
nắng và mùa màng

em phục chế ta từ rú xuống rừng từ đồng bằng lên phố chợ từ  
nguồn xuống biển giống cánh buồm cuồng lũ ra khơi thân  
thang

ta phục chế ta từng con sóng vỗ về bên mạn thuyền em lung  
linh cơn mộng du cuộc hải trình u nhã.

Loài dã tràng phục chế bầu trời ý niệm như khi em làm nháp  
lại đời ta bắt đầu bằng tử thiên niên kỷ của đá bùng vỡ ra từng



hạt cát cựa mình  
như khi loài vương điệp đa tình sải cánh dạo trường trở về  
vườn thiên thai là chỗ quê nhà không quên ghé lại nơi hò hẹn  
cũ là chốn rong chơi phiêu lãng  
như khi em rẽ ngang đời ta tình cờ đặt để một cơn mê xối xả  
tạt vào trí nhớ cuồng điên  
như khi trình diễn xong phần mình trên sân khấu lộ thiên  
khán giả lặng im  
ta tự vỗ tay ca tụng đấu trường cô độc vì hồi cuối cùng không  
còn gì để hỏi và cũng không còn ai để vinh danh  
như khi mùa giáng sinh bầy chim lạ tha nhánh phúc âm về làm  
tổ trên mái nhà thờ Núi Đá Nha Trang em đứng hát bài thánh  
ca chờ sớm mai đón chuyến tàu hỏa trong nam ra chạy một  
vòng rồi ngừng lại trên thềm ga tỉnh sương.

Loài dã tràng phục chế khuôn mặt mù sương của thơ  
khuôn mặt mù sương của thơ được vẽ lại bằng kỷ niệm lóng  
lánh bước chân lưu đầy trên xứ sở bức tranh nghênh ngang dấu  
yêu  
như khi em làm nháp lại đời ta  
như khi ta ra biển ngóng  
gió phục chế đám phù vân chảy cầu vòng ý niệm phía chân  
trời cắt ngang ký ức vong thân mềm mại từng sợi thời gian  
hiện sinh giăng ra như lưới bủa.

Ta phục chế ta từng ngày đóng đinh trên tháp tự giá em  
rừng thùy dương bắt đầu trầm khúc đêm của gió  
loài dã tràng tiếp tục cuộc hành trình u nhả trở lại mái nhà xưa  
xây trên cát biển.

*Khi ở San Jose  
tháng mười 02*

*r ừ n g k ý ứ c*  
*x ô n x a o m ù a g i ó h ư v ô*

Như trong cổ tích vén mây ra trăng lộ thiên trên thềm ngực em  
chảy dài nhánh vai u xuất bãi bờ hiu quạnh cổ kim ta.

Như trong cổ tích mái tóc dòng sông xa thuyền xuân thu sao  
chở nổi quê nhà ta đứng đợi bên bờ suốt thời gian bốn nghìn  
năm bờ đá cuội bụi ngùi con sóng gợn bóng cây đa.

Như trong cổ tích vén màn lên những con chữ nguy nga em  
khỏa thân bước ra thế giới chào mùa xuân bên trang nhà chòm  
sao điện tử lóng lánh những con chip cửa mình bắt cầu qua  
dòng sinh mệnh của thế kỷ lao lung thiếu vắng tình người và  
bỏ quên những buổi chiều trên đồi gió rừng cây lãng mạn hát  
ngân nga.

Như trong cổ tích rực rỡ khuôn màu hoài niệm em bước ra từ  
độ lá trúc mơ màng tranh tố nữ rạn vỡ những phạm trù hư vô  
như đêm đọc ngữ vựng của thượng đế vắng mặt đầy ảo tưởng  
gỗ mòn ký ức phù hao.

Như trong cổ tích đường nứt của thân phận xé nát bầu trời ý  
niệm vong thân giấu trong mắt em chòm sao phúc âm lấp lánh  
bay lên và rụng xuống địa cầu đen phiến xúc giác tươi nguyên  
vỡ vụn rớt trên đầu vú em những tiếc thương đền đài nguy nga  
hàng có.

Như trong cổ tích đọng lại chất chứa chuyền chở ngôn lời vô nghĩa xô giạt chìm khuất mép lề tư lự khép lại mở ra mở ra khép lại hoài hoài cánh cửa nhìn xa lạ em từng giây phút cuồng lũ trôi qua.

Như trong cổ tích lấp đặt nhùng nhằng cơn chấn động giứt sập lâu đài của loài còng biển và mặt trời cháy khô trên cát nóng em phục chế và bày biện cơn mưa độ lượng và nắng chan rười mùa màng.

Như trong cổ tích đất đai ngậm hạt thánng giêng nứt mầm ra cỏ mùa xuân ra nụ em ra bông và rừng ký ức xôn xao mùa gió hư vô điệp khúc trắng xanh và đêm rì rào từng cơn mộng du không ngớt.

Không ngớt

Không ngớt vòng ôm em tầm tã cánh tay mưa ướt sũng vùng trí nhớ lũ lụt.

Khi ở San Jose

tháng mười một 02

haiphuong68@hotmail.com



# HÀN SONG TƯỜNG

## *con ách bích*

Bố tôi chết được một năm thì chị Tám đuổi tôi và em Mười Ba ra khỏi nhà, lúc tôi thu dọn đồ đạc, em gái tôi vẫn còn hốt hoảng như lên kinh phong, tay chân em run lạt bạt, rồi chạy vào phòng tám, trong nhà em Mười Ba vốn yếu, mẹ em là dì Tư, người vợ nhỏ nhất của bố có mang dị tật, nên sinh em ra nó không được khỏe mạnh và nhan sắc không mấy mỹ miều, ngày bố tôi còn sống, ông phải dẫn em đi sửa sắc đẹp hai lần, một lần cắt một miếng thịt dư ở trên trán và một lần dọn cằm, bố tôi không thích đàn bà quá xấu, nhất là không có cái cằm, em sửa hoàn tất vào năm 17 tuổi, em cao lớn mắt phượng mày ngài, em đẹp hồn nhiên như đóa hoa mới nở, ai nhìn thấy em cũng ca tụng, đó là công lao của bố cho em... hai chị em ôm đóng quần áo vắt lên xe, ngồi chờ ra cho đến thắm tối, em Mười Ba bàn chúng tôi nên gọi anh chị khác phân xử, dĩ nhiên tôi gật - làm sao mọi người có thể lặng thinh cho chị Tám giạt hết tài sản của chúng tôi được, nhất là dì Hai, mẹ của chị còn sống, bà ấy dư biết bố tôi đối với các con ai cũng được phần, trong di chúc bố ghi rõ ràng, các con trai thì bất động sản, con gái thì tiền và quý kim, chỉ có tôi và em Mười Ba tin chị Tám nên đã đưa hết tiền và nữ trang cho chị ấy giữ hộ, chẳng có giấy tờ nào làm bằng cả, không ngờ chị Tám lưu manh như vậy, chị Tám, cô Duyên mắt xanh của bố, bố cưng chị, chị ăn nói khôn ngoan, học giỏi và đặc biệt đôi mắt tròn trắng phốt xanh như mây mùa thu, cả nhà gọi là cô Duyên mắt



xanh cho bố vui lòng, ai ngờ bố mới đi mà hai đứa nhỏ bị chị lừa bịp hoàn toàn... anh cả nói chúng mày kiện củ khoai, ai bảo đưa nó giữ dùm, nhà bank đâu sao không bỏ vào, em Mười Ba lắm bả - em sợ nhiều tiền thì khó xin học bằng nên đâu dám bỏ ngân hàng, ối trời, tham thì thâm, rán chịt em ạ, chị Bảy day nghiêng rồi thấy quần áo, vật dụng của chúng tôi vào phòng đồ chơi của thằng con chị, chị nói, tao cho chúng mày ở tạm, rồi liệu kiếm chỗ ở, chúng mày cũng hiểu, chẳng tao người Mỹ, ở không tiện, tôi cảm ơn và ba ngày sau dẫn em Mười Ba chạy tới nhà anh Tư, ở tít vùng gần biển, hai đứa bỏ học vì uất hận, gần hai trăm ngàn chứ ít gì, tôi tự trách mình, nằm buồn cả tuần, anh Tư là con út của mẹ, người vợ thứ nhất của bố, anh người tầm thước, da nâu, anh chất phác không thích phờ trương, tuy ai cũng biết mấy cái tàu đánh cá của anh là bạc triệu và tiền thu hàng tháng nội trong cái nhà hàng tên Seafood by the Bay của anh ở Kemah đủ đốt tôi chết, dì Hai rủ mẹ anh vào trong chùa làm công quả, ít khi về thăm con cháu, chúng tôi ai cũng phải gọi bà là mẹ, còn từ người vợ thứ hai chúng tôi gọi là dì, dù là mẹ đẻ ra mình cũng vậy, điều này tôi không hiểu do ai chế ra, nhưng các bà mẹ, các đứa con chẳng một ai thắc mắc, mẹ của tôi, dì Ba trước là một ca sĩ, đã bỏ bố từ lâu, hiện ở bên Pháp, sống với người chồng sau rất hạnh phúc, anh trai tôi thứ mười bán hết cơ sở bố cho, sang ở với dì Ba tháng trước, nghe nói anh sẽ cưới vợ đầm lai, cô ta là người sanh đẻ tại Paris... bố và các mẹ có tất cả mười ba người con, nhưng chết mất bốn, vì cái vụ vượt biển, bà nào cũng bị tổn thất, khi nghe các con chết ngoài khơi, mất xác, bốn bà gào lên kinh hoàng, có lẽ không có nỗi bi thảm nào bằng mất con, ngày tang thương ấy, tôi ôm chặt Mười Ba vào lòng, em sợ hãi ướt đầm cả người tôi, chúng tôi ngủ trong vũng nước dãi và nước mắt, nỗi đau khổ của bố và các bà mẹ kéo dài và không có thuốc nào hàn gắn được, những người lớn hình như họ sợ nhìn mặt nhau, họ lẩn tránh nhau trong nhà không còn bố và các bà ngồi ăn cơm chung, bàn bạc chuyện gia đình nữa, cho đến



một ngày mẹ lớn ở riêng, dì Hai vào chùa, dì Ba đi lấy chồng và dì Tư lăn ra chết vì u uất, từ thảm cảnh gia đình, tôi đau lòng, che chở và thương em Mười Ba hết mực, em là đứa con nhỏ nhất của bố, em đẻ bên Mỹ, một ngày sau khi chôn cất dì Tư, em thắc mắc hỏi bố sao bố đi vượt biển còn để lại bốn người con, bố giải thích, bốn người ấy do chú ruột tôi dẫn dắt, ai ngờ cứ kẹt lại mãi, rồi ra nông nỗi này, lỗi tại bố cả, bố xin lỗi cả nhà, câu xin lỗi ấy ám ảnh ông, cho cả một đời cần cù, ông làm việc không mệt, không trách móc ai bao giờ, lúc nào ông cũng chỉ trách mình, cả cái vụ mẹ tôi bỏ bố để ở với người khác, bố cũng cho là phải, bố nói ông không xứng đáng để cho các bà ấy nhìn mặt, tôi nằm khóc vui cả ngày khi mẹ ruột bỏ đi... mẹ có hiểu con luôn muốn nhìn thấy mẹ, nghe mẹ hát ca, dì Ba đẹp nhất của con, dì có biết con cô độc biết bao nhiêu

cái vụ tiền bạc của chúng tôi, được dì Hai can thiệp, chị Tám im lặng, nhưng chúng tôi cũng khởi tố lên tòa, luật sư bảo dĩ nhiên phải thắng, vì cái chúc thư của bố còn nguyên, và chúng tôi chưa tiêu pha một đồng nào cả, chỉ cái vụ nữ trang, thôi đành mất vậy, em Mười Ba an ủi - cho bà ấy, mỗi lần đeo vào người là thấy mắc cỡ, tôi phì cười - người ác đâu có mắc cỡ, họ cứ làm được điều gì phá hoại là họ mừng, em đừng hòng họ biết lỗi, em lấy viết ghi xuống số tiền của em và kể tôi nghe về cái nhẫn bố mua cho em năm vừa xong trung học, gồm hồng ngọc, bích ngọc và kim cương, hóa ra con gái của bố, ai cũng được bố tặng những món nữ trang đặc biệt, ước gì chị Tám trả lại cho chúng tôi, đó là kỷ niệm của chúng tôi, tôi nói với em Mười Ba tôi sẽ không bỏ qua vụ này, một ngày tôi sẽ lấy lại đủ, em đừng sợ, trời sanh trời dưỡng, câu nói của bố lại vang lên trong đầu, các vợ của bố ai cũng ghét câu này, một lần anh cả hỏi - bố cù lần, sao các bà lại lấy làm chồng, câu này khiến tất cả lặng thinh, mẹ lớn nói, cái số, khi bố tôi về hưu, sống một mình, ông đã là chủ hai apartments, một tàu đánh cá, ba khu thương mại cho thuê, không ai hiểu tài trí nào ông xây dựng được như vậy, khi ông sang Mỹ



với hai bàn tay trắng, bốn bà vợ và chín đứa con... ở nhà anh Tư vài tháng thì vùng Kemah ồn ào lên vì bão, vùng ven biển tổn thất nặng nề, một cái tàu đánh cá của anh Tư bị vỡ làm đôi, các ngư phủ làm việc đều mất tích, chị dâu ngời da trắng, vợ anh ngất xỉu vì không thấy xác đứa em trai, biến cố này cũng dễ sợ, tôi dẫn em Mười Ba bơi qua dòng nước xoáy mạnh, leo lên được chiếc thuyền của người cứu trợ, tôi ôm em trong tay, da em xanh như chết, em ngồi trên lòng tôi, mái tóc sũng xuống dúi nóng hổi. em thì thào - xin lỗi Mười Một nghe, tôi gật, tôi hiểu khi em sợ hoặc quá xúc động là em mái ra quần, bố đã từng đưa em đi bác sĩ nhưng không chữa được bệnh này, đi đâu tôi cũng dặn em mặc tã, lỡ gặp chuyện gì mái ra không ai biết, em gật nhưng không nghe lời, em bảo nóng...

sau cơn bão ở Kemah, chị em tôi được anh cả cho ở một căn nhà trong khu Apt. của bố cũ, không lấy tiền thuê nhà, em Mười Ba nói gia tài của bố đã bán hết để chia chác, chỉ có mỗi anh là còn giữ được, tôi cười - thì anh ấy có tiền mua lại của anh Tư, chị Bảy, cũng công bằng, ở đời muôn sự của chung, của người này lại sang tay người khác, chung nhau hết thảy, chúng tôi cùng ly, uống rượu tới bời đêm hôm đó với các con anh cả, và các bạn, đã lâu các cháu mới gặp cô Mười Một, cô Mười Ba, chúng nó đều ngoan và có tình cảm, thằng lớn đã có bạn gái, tôi nói với chúng nó, cứ vui vẻ là trên hết, trên môi bao giờ cũng nở nụ cười, dù có con dao hù dọa sau lưng, tôi lấy câu này của bố làm hành trang vào đời và chưa một người cùng nào thấy chị em tôi không vui... tôi bỏ học luôn, em Mười Ba tiếp tục đi học và ra trường hai năm sau đó, em là cô giáo dạy toán cho một trường trung học ở vùng tây nam, và tôi làm việc trên tàu cờ bạc ở Galveston, tôi được họ dạy chia bài, rồi làm Casino Hostess lương cũng khá nhưng bỗng dưng một ngày tôi sợ biển, tôi muốn theo một người bạn đi Las Vegas nhận việc mới, em Mười Ba sợ xa tôi, nên nhất định đi theo, số tiền chị Tám trả lại, hai đứa đem đi mua đất ở vùng Fushear cách Houston rất xa về phía nam, tôi



bảo em cứ mua đất để đó, đất không biến được, trừ tận thế, em gặt gù, cho là phải - tiền bạc chúng tôi bỏ hết vào đất - mỗi lần tôi nghĩ đến vùng đất, với một đàn bò của một cặp vợ chồng người Mỹ ở nhờ, tôi lại mỉm cười sung sướng

khi đến sòng bài MGM Grand nhận việc, tôi mới hết hồn, cái sòng bạc gì mà nó lớn đến khiếp thế, với 3700 máy kéo, từ năm xu đến 500 đồng một lần giạt chơi, và đủ các loại bài bạc, đếm không kể xiết, so với cái tàu ở vịnh Galveston nơi tôi làm cũ, nó là núi Thái Sơn, là ông vua, người quản lý nói với tôi, ở đây sự thật tôi không cần người chia bài, nhưng một người làm Casino Hostess phải biết tất cả, nên chúng tôi muốn xem cách làm việc của cô, lần lượt từng giai đoạn một, bà ta nói dịu dàng, cách nói không làm tôi phật ý, dù bà rất quả quyết khi chỉ định, và tôi bằng lòng đứng chia bài từ hai đến bốn tháng, dĩ nhiên khi làm việc cờ bạc, tôi phải làm sao phần thắng phải là tôi, người chơi chỉ được thắng một phần trăm là cùng, tôi sợ nhất là đứng làm việc ở bàn Caribbean Stud Poker, bàn này chơi phải cẩn thận, lỡ con bạc trúng ngay cái jackpot, royal flushes là bỏ mẹ, một đồng ăn một ngàn, hoặc mười ngàn, có nước mất việc, nhất là giai đoạn đầu, mới vào làm, còn các bàn như pai grow poker, roulette thì tôi rất giỏi, tôi xếp cờ, tung hột, nhanh nhẹn và tuyệt đẹp, các chủ tịch, các quản lý đều ưng ý nên tôi chính thức được nhận vào làm casino hostess vào tháng thứ ba, em Mười Ba khen chị giỏi và đẹp chắc chắn không một người chủ nào dám đá dít, dĩ nhiên - tôi được giới thiệu, làm quen với công việc mới, quả là rất xa lạ và khó khăn, so với các cô làm việc trước đều là người da trắng, tôi thấp hần hơn họ, cái nét đẹp Á Đông khó nổi giữa đám đông, bà quản lý bảo nguyên cái thấp đã thua, nhưng chúng ta không phải chỉ có khách hàng da trắng, chúng tôi cần casino hostess người Á Đông, và chúng tôi đang đương đầu với quá nhiều địch thủ, cô thấy không, họ mới mở cái sòng bài Paris được vài tháng nay mà nó đông quá trời... làm việc được một năm ở MGM Grand tôi đã rất thành thạo, tôi và Như Mai một



cô bạn cùng làm với tôi được làm quen với những tay cờ bạc giàu có ở khắp thế giới, những ông chủ đến từ Nhật, các bà chủ từ Singapore, các công chúa, hoàng tử Thái Lan, nhiệm vụ của chúng tôi không thể làm mất những khách hàng, chúng tôi được chỉ dẫn ăn nói cho duyên dáng, mặc áo quần hợp thời và lịch sự, mỗi năm chúng tôi được mua sắm quần áo bốn lần ở những cửa tiệm như Marshall Rouso, Saks Fifth Avenue, và Neiman Marcus chi phí hoàn toàn chủ trả, những khách giàu sang, nổi tiếng dù khó tánh đến đâu cũng không thể chê trách chúng tôi về sự tiếp đãi, khách đàn bà thì được tặng hoa ngay ở phi trường, nếu chúng tôi đón họ từ các nơi đến, tất cả đều được tiếp rước bằng Limousine đẹp dễ, tiện nghi, không kể khi họ ngồi bài bạc, dù họ thua hay thắng, lời lẽ của chúng tôi phải làm sao cho họ nghỉ kỳ sau họ trở lại, họ sẽ thắng lớn...

mùa xuân rồi đến mùa hè, cơn nóng giê gớm ở Las Vegas hắt vào mặt rất cháy, thành phố dân cư mỗi lúc một đông, một phát triển, vợ con của các nhân viên sòng bạc và gia đình họ lần lượt đến lập nghiệp nơi đây, Như Mai kể với tôi, trước chị làm ở Reno, Las Vegas không sầm uất như bây giờ, tôi hỏi - sao chị bỏ làm ở Reno - Mai cười thì chỗ nào trả cao hơn thì đi, với lại ai cũng hiểu đây là một thành phố tân kỳ, bởi thế ngoài bài bạc, trường học cũng mọc lên khắp mọi nơi, nên em tôi đã kiếm ngay được chỗ dạy học, một trường trung học không xa phố chính, những ngày được nghỉ tôi dẫn em Mười Ba đi lang thang ngắm cảnh, xem người, em thích nhất là vào Aladin để được nhìn những con mưa giả và đứng xem một họa sĩ vẽ thuê ngay tại thương xá, khách cứ ngồi yên là anh vẽ được một bức bằng phấn tiên hoặc bằng bút chì trong vòng mười phút, bức họa chỉ bằng tờ giấy học trò nhưng cũng khá mắc tiền, Như Mai quý mến chị em tôi, chị nói không dè chị mới làm đã gặp ngay một đồng hương, lúc trước chị làm ở chỗ khác không có đàn bà Việt làm Casino Hostess, chỉ có người Tàu, người Nhật, tôi biết chị làm việc nhanh nhẹn và chăm chỉ hơn tôi, tuy chị đã lập gia đình và có



một con trai lên bảy, chồng chị làm ở ngân hàng, chị kể hồi mới lấy nhau, anh rất ghen tuông, nhiều lần bắt chị nghỉ việc, vì việc làm của chị phải tiếp xúc với nhiều người, giờ thì anh đã rõ việc của chị không phải dễ, nhân viên ai cũng phải nghiêm chỉnh, lễ độ và thân mật nhưng không ai được quá trớn để sòng bài của họ mang tiếng, em Mười Ba rất thích nói chuyện với Như Mai, họ hay gọi nhau đi ăn, dù có mặt tôi hay không, nơi hai người thường đến là nhà hàng La Scala, ở dọc bên MGM Studio Walk, nhà hàng có lan can và có người bồi bàn tên Louis rất đẹp trai em Mười Ba gọi là người trong mộng, anh ta còn đi học chưa ra trường, ngày sinh nhật Louis em tôi gửi hoa đến tặng, Như Mai bảo kỳ con gái mà tin con trai, tôi nói em cứ tiếp tục làm những gì em muốn, tôi chỉ sợ em chán rồi bỏ cuộc, tôi lo một mai tôi chết, em sẽ cô độc, thà em lấy chồng, Louis một gã trai mới lớn nên rất thật lòng, hấn bảo, chưa gặp ai thương yêu hấn như em Mười Ba, nên những gì tôi và Như Mai bày ra đã thành công, Louis trở thành người yêu thứ nhất của em tôi, Mười Ba gọi người đàn ông của em là Jungle Turkey, vì đây là tên gọi của một món ăn mà Louis bê đến cho em vào ngày đầu tiên em nhìn thấy hấn, Mười Ba kể mới nhìn thấy Louis em đã yêu... buổi sáng trong hơn sau một cơn mưa lớn, cơn bão chỉ chạy xém vào Nevada một chút xíu, Mười Ba đá ra quần khi cơn gió đập mạnh văng bể cửa kính, Louis nhìn nước đầy dưới chân em an ủi - không sao - cơn bão đã đi về hướng khác, em gái tôi thần thờ tuột quần, nhìn chúng tôi ứa lệ, đó là một ngày em khổ sở nhất trước mặt người yêu, em than thở với tôi - em xấu hổ - em điên, em sẽ chết, tôi chắc chắn với Mười Ba rằng - hấn yêu em hấn sợ gì chuyện đá dâm của em, mà đá thì đã có sao, em vẫn nhìn xuống vũng nước lặn người... em Mười Ba trốn biệt trong phòng, Louis ra vào như chiếc bóng... còn tôi lặng nhìn, đắm chìm theo cơn mưa gió cuối cùng, cái không khí của ngày bão rút, dâng trong tôi nỗi cô quạnh lạnh người, chẳng ai mở cho tôi một cánh cửa mới, cho tôi chuỗi ngày thơ mộng của tuổi vào đời,



có lần tôi nói với bố - tôi hoài nghi tình yêu thương của cha mẹ, cho dù rất nhiều điều tôi bắt chước bố mẹ để sống và có nhiều điều tôi quên họ để sống, bố tôi nói - tôi có quyền nghi ngờ - rồi tôi sẽ có câu trả lời - thú thật tôi vẫn mang trong tôi sự hoang vắng như kẻ không nhà, như một đứa bé mồ côi thiếu hẳn tình thương yêu - đêm tôi về rất khuya, bước nhẹ từ phòng tắm vào phòng ngủ, người đã bay đi mùi thuốc lá đọng vào quần áo, mặt mũi, khói thuốc bám theo tôi từ chỗ làm về, khói thuốc em Mười Ba bảo thấy ghê, tôi vào phòng ngồi một góc, nhìn em ngủ ở giường bên cạnh mà nghĩ tôi đã đến đây từ một nơi rất khác, tôi không là tôi, tôi nhìn ngắm em và nghĩ ra một câu thơ rất lạ nếu em nghe thấy tôi đọc em sẽ bảo tôi khùng, tôi say rượu, tôi bật cười - đây là những ngày hạnh phúc nhất khi tôi sống bên em, cho dù tôi đã từng sống với người bạn trai rồi thất vọng, lúc ấy tôi còn rất trẻ, chưa nhìn thấu một góc đời, nà ai gieo vào lòng tôi thế gian ghê gớm, con người tàn nhẫn, yêu ghét ám ảnh trong tôi khi nhìn rõ bề khác của người bạn thân, sự chia tay đã lâu thế mà thoáng khi vẫn ray rứt vô cùng, như hôm nay tôi bỗng muốn phá hỏng thân thể tôi, cái thân thể bố mẹ cho bỗng sao thấy không cần, bữa trước em Mười Ba cảnh cáo nói trong óc tôi có vấn đề, làm sao tôi dám cả quyết rằng khi tôi ngủ tôi vẫn mãi nghe tiếng sáo thổi, và có người dẫn tôi đi dạo trong một cánh rừng với muôn vạn kỳ bí, em không thể hiểu thế nào để tạo ra một sự sống không có điều thù hận, yêu đương, khi Louis đã chạm tay vào cánh cửa bất tử, em bảo tôi phải đi chữa bệnh, tôi chỉ cho Mười Ba biết một chút bí mật, nào có hại ai, em cứ nghe rồi quên đi, em gái tôi nức nở, em bảo sợ tôi làm sao, không làm sao cả, em lau nước mắt bằng tờ giấy mỏng, em rõ yếu đuối khó tả, tôi cười tiếp tục, bàn tay đan vào nhau và bỗng không kinh nguyệt tuôn lai láng bất thường, máu nhỏ xuống chân, tôi nhìn xuống từng giọt máu của mình và ngó ra khi Louis cúi xuống mặc quần cho em gái - hẳn thay quần thành hạo như nô lệ, hẳn lau nước mắt như bà mẹ trông con nít, tôi cảm thấy mình run



lên đau đớn, chỉ nhờ cơn bão tạt ngang tôi mới thấy tôi đứng bên lề đời em và thấy bao giấc mơ tan tác không ngừng

Louis ra trường luật, được nhận ngay vào làm việc cho hãng điện thoại, dĩ nhiên hẳn là một Corporate Attorney nhanh nhẹn, ưu tú, em Mười Ba hãnh diện về người yêu, em hay khoe Louis với tôi với vẻ sung sướng, hỉ hả, sau đó vài tháng em bỏ tôi dọn vào ở chung với Louis, đó là ngày cuối năm khi tôi dẫn một bà khách tật nguyên đến nghe Celine Dion hát tại phòng Hollywood Theatre, nghe ca sĩ hát mà lòng tôi tan nát, tôi chỉ nghĩ đến em gái, thỉnh thoảng tôi nấc nhẹ, thổn thức mà không ai hay, tôi hiểu tình cảm tôi đã cho hết em Mười Ba rồi, Louis lấy tất cả của tôi đi, những ngày đi làm, những buổi lang thang, thành phố đông người, nhộn nhịp, cả ngày lẫn đêm mà tôi thấy mình lẻ loi, cô độc, em gái tôi vô tình ít khi gọi tôi, lâu lâu tôi lấy cớ bị bệnh em mới đến thăm một chút, đã vậy lại dẫn theo thằng Louis, trời đất, lẽ nào em không biết tôi đang ghét hẳn, mặt tôi lạnh như tiền khi gặp mặt hẳn

... chị Như Mai nhìn tôi rồi bói toán, chị bảo nỗi khổ từ mắt tôi mà ra, nhìn vào mắt chỉ thấy mờ lung một trời, chị dặn - em đừng thân thiết nhiều với ai chỉ lụy vào người, nghĩa là chỉ nhăm mắt làm việc, đừng làm quen với ai, đừng chơi với ai, kể cả chị, chị Như Mai bật cười - đúng vậy - chị không phải là bạn em, người tình của em, chị chỉ là người nâng đỡ tinh thần, tự nguyện - cảm ơn Mai, hóa ra em tội nghiệp như vậy sao, em không cần điều gì từ chị cả, tôi buồn bĩnh nói, chị im lặng trang điểm giúp tôi, trưa nay chúng tôi phải ra phi trường đón một vài khách quý, chị em bà quận chúa từ Canada sang, bà này đánh bài bạo có tiếng, kỳ trước hai chị em bà đều thua, chắc lần này họ sang đánh gỡ, trời lạnh hai bà quận chúa mặc y phục mùa đông đắt tiền, và tô son màu đỏ đậm, họ ôm bó hoa màu đỏ tôi tặng trông cả hai bội phần duyên dáng, đi cùng với hai chị em bà còn thêm một người cận vệ trẻ, ông ta mặc bộ âu phục xám trông ông ta lịch sự và nhanh nhẹn, buổi chiều xuống dần khi người khách mất



hút sau cánh cửa đóng, tất cả cánh cửa đã đóng lại trước mặt tôi, nỗi u sầu chợt đổ xuống vai tôi nặng trĩu, tôi bỗng nhớ mẹ, nhớ cha, tôi đứng dấu mặt ở hành lang khóc lặng lẽ... những ngày đông xám đã qua, mùa xuân lại trở về, muôn loài hoa nở bùng ra mọi chỗ, dòng nước phun của khách sạn Bellagio múa, nhảy, tung lên theo từng điệu nhạc mới mẻ, điển hình, MGM Grand huy hoàng hơn, con sư tử vàng đặt cao trước cửa hình như biết cười, và Venetian, Paris... mỗi nơi mỗi vẻ đượm đầy nét huy hoàng, tuyệt diệu của thế gian, tôi và chị Mai đi thả bộ vào ngày nghỉ, hai bên đường từ Aladin đến Paris, bọn gái đi tung hình mới chụp ra quảng cáo rầm rộ, cô nào trong ảnh vú cũng to, mông cũng tròn, có cô còn tốt nghiệp đại học, có cô hoa hậu, từng là con nhà sang trọng và biết đánh đàn, tôi cầm xấp giấy in hình và tiểu sử của họ về nhà đọc cho giết thì giờ, nhưng một trang làm tôi giật mình, mẹ ơi - tóc vàng, mắt nâu mà tên Jade Nguyễn, Kim Phạm... mẹ kiếp nhỏ nào giả dạng Việt Nam đây, tôi chắc lưỡi, buồn cười, đúng là cái nghề xita bằng quả đất này, cả thế giới chẳng nước nào muốn hủy diệt hẳn, Las Vegas còn cho chị em treo bảng quảng cáo to bằng cái bảng quảng cáo của hãng nước Coke, và vào mùa xuân năm nay, em Mười Ba gọi tôi tuyên bố lấy chồng, tay đang cầm xấp hình của Elton John, Tom Cruise, André Agassi, các tài tử và thể thao gia mà bà quản lý muốn tôi gắn lên tường chỗ đi vào phòng khách tiết, tôi quăng mẹ nó vào thùng rác, tôi run tay cầm cái phone im lặng, Mười Ba hỏi chị sao vậy, có sao đâu, chị chỉ mừng - thế là hết - em Mười Ba lấy chồng, ngày đám cưới em, các anh chị ai cũng đến, chỉ trừ các bà mẹ, chị Tám đem trả đủ nữ trang cho tôi và em Mười Ba, hôm lễ cưới tôi đeo hết các nữ trang tôi có lên người, chị Bảy cười, coi con Mười Một như mới từ biển lên, tôi ngó tôi trong gương thấy toàn là san hô với ngọc trai đen, không hiểu sao bố tôi mua quà tặng cho tôi đều thuộc các con vật ở dưới đáy biển, chị Bảy nói vu vơ biển cô đơn và tàn nhẫn ghê hồn, tôi cúi mặt buồn khi em gái tôi đeo nhẫn cưới, các anh chị ai cũng mắt rướm



lệ cảm động, nhưng em biết không giọt lệ âm thầm trong lòng tôi nào ai có hay khi em và Louis đi ngang qua hàng quan khách, trông em đẹp hơn bao giờ hết, tóc em kéo lên cao, tấm khăn mỏng trắng, gấn hoa và hạt cườm, ai cũng vỗ tay mừng, chúc tụng cho em, anh Tư đứng bên tôi, hỏi han, bắt tôi sang năm phải lấy chồng, lấy ai, tôi chưa nhìn ra bóng dáng nào để mở cánh cửa đời mình, tôi chỉ thấy em Mười Ba đẹp đẽ, lóa thể đứng trên vũng nước mênh mông...

còn tôi, tôi vẫn ở một nơi nào không rõ rệt, tôi đọc một vài trang sách nói về thế giới ma quỷ, nghĩa là con người được xác nhận có linh hồn, sao người sống được quý trọng mà người chết thì bị lãng quên, họ quên nhanh đến nỗi, gọi chung cho người chết chỉ mỗi một tên (con ma), tôi bật cười nghĩ đến những cảnh chết la lùng, treo cổ, mổ bụng, uống thuốc độc, bị chết, cảnh nào cũng đáng thương tâm, nhưng cái thế giới huyền bí ấy theo người kể có thật hay không? rồi như một sự thúc đẩy bỗng dưng tôi muốn chết, tôi sẽ chết, chết tuyệt nhiên như tiêu phá, chết, niềm kiêu hãnh bị đốn gục, một thân cây bị cưa từng miếng, tôi nghĩ tuổi thơ ngây yêu một kẻ không xứng đáng, để khóc vì nó, cả em Mười Ba, tôi bế ẵm em từ khi nhỏ tí, nhìn từng phần da thịt em nở ra vùng vẫy, chỉ có tôi nhìn ra vẻ kỳ ảo ấy, vì đâu tôi đưa tôi vào, đắm chìm theo cơn huyền mộng không ngừng thêm khát ngắm nhìn em, em Mười Ba tóc đen như đêm, mắt sáng như sao, da đẹp như ngọc, và tôi đã làm một chuyện thua sát nút, đánh sai một nước cờ, để thằng Louis nhớn nhơ cười nói, để tôi trốn biệt nhân gian... khi leo lên lầu cao nhất của chung cư, nhìn xuống đường sá, xe cộ, dòng người đông như thác chảy, thành phố hiện sinh, nơi một cõi người luôn đua tranh, sát phạt, tôi nhớ đến con ách bích, vát xuống mặt bàn, ngày đầu tiên đến MGM Grand cùng tiếng kêu than khủng khiếp của các bà mẹ, khi mấy anh chị tôi, trôi xác ngoài khơi, tôi mở cửa sổ phóng mình bay qua những hàng dây điện muôn màu sắc, Las Vegas tuyệt diệu, và cái chết của tôi thì bí ẩn vô cùng, em Mười Ba, em cứ đá ra quần



# NHẬT NGUYỄN

## *t h ụ c*

Hai người ngồi sát quầy. Người Bartender mang tới cho John một ly rượu màu đỏ đục. Tao thích uống thứ này. Nàng Mary đỏ máu. Sao ghê vậy? Thì tên gọi vậy thôi. Pha thêm chút hot sauce mùi vị độc đáo lắm. Mà thử không? Không. Tao thích Hennessy hơn. Mà cũng là dân sành điệu đó. Thử xoay xoay chiếc ly. Màu rượu đỏ ngọt mắt. Anh nghĩ tới Thục. Không biết mấy giờ con bé hết ca làm. Mỗi khi theo anh vào quán, cô chỉ thích uống duy nhất thứ giải khát vừa kem vừa chuối, pha chút rượu dứa thơm và nheo cái mũi xinh xinh khi nhấp một ngụm dài, xuýt xoa Sao mà chua dễ sợ. Từ chỗ ngồi, anh có thể nhìn qua tấm gương phản chiếu, những cặp tình nhân thả bộ dọc vỉa hè... Mùa xuân, du khách kéo nhau xuôi về miền Nam, thành phố nhộn nhịp đủ màu sắc. Gã Miner bôi trên mặt thứ phấn trắng mốc, đầu đội mũ chóp chú Sam, đứng cứng đờ như pho tượng. Lão già này, có lần, anh cho lão một đồng, lão trề môi ra chiều chê ít, lần đó, anh bức dọc chữ thẻ, và Thục phải kéo anh đi, sau khi dúm thêm cho gã một đồng nữa. Anh nhớ đã đọc đâu đó, một nhà văn đã tả về New Orleans Nhân vật chính bị giật xách tay trong đám đông la hét. Một gã đeo mặt nạ ôm chầm lấy cô hôn hít. Một bàn tay nham nhở khác bóp vú cô.

Một kẻ khác nhắc bổng cô lên lắc lư theo điệu nhạc... Thật sự, thành phố của anh, chỉ nhộn nhịp vào những ngày lễ Mardi Gras, tuần thứ ba của tháng Hai. Người ta nhảy múa, uống rượu, chen chúc nhau trên đường phố Bourbon, nhưng cũng không đến nổi quá đáng như nhận xét của tác giả. Bình thường, con phố khá đông đúc khách du lịch. Họ đến và tận hưởng bằng hết những tự do mà họ có được trong chuyến nghỉ dài.

John nhấp nhồm, đầu quay qua quay lại. Nó ra bây giờ đó mà. Phía kia kia. John mỉm cười, có vẻ mắc cỡ. Ánh mắt hiền lành xanh mầu biển đục, tóc hoe râu bấp vừa chín tới, nụ cười hết sức trẻ con. Ảnh hưởng giữa hai nền giáo dục Mỹ và Pháp, nên dù John là người bạn khác ngôn ngữ nhưng lại rất thân thiết với Thư. John thích Thục. Và cô, dù cảm động khi nhận những món quà nho nhỏ từ John, nụ cười lửng lơ của cô thường làm John sốt ruột. Nếu em lấy chồng - một lần Thục nói với anh - em nghĩ rất khó thích hợp với một người không cùng chủng tộc.

Thục xuất hiện sau lưng anh trong tiếng cười khẽ. Ngày nào cũng đi đón em, chẳng mấy chốc anh làm con sâu rượu mất. Lại kéo theo John nữa.

Không, tôi muốn gặp cô mà. John cười trẻ con.

Đi về chứ, anh?

Em uống chút gì không? Như mọi khi?

Thôi, em chán lắm rồi. Anh coi. Em đang bê nguyên một giàn bếp trên người đây nè. Hôm nay em phải nấu Gumbo thay cho bà bếp bị ốm.

Gumbo? Không tin được.

Bí quyết đó nghe. Em bỏ vào nồi một muống canh bột ngọt, ai cũng khen sao mà Crab ngọt quá. Gumbo cũng ngon hả anh, em chỉ mới thử đây thôi và cô cầu nhau khi nhìn ly rượu của anh. Sao đàn ông thích uống rượu vậy anh? Người ta uống khi buồn. Để quên.



Cô nhanh chóng bước ra khỏi quán. Áo khoác cột ngang lưng, bước chân sải dài khỏe mạnh. Chen qua dòng người đang đổ xuống phố, mắt cô nhìn ngó lung tung, hai tay vung vẩy thật ngộ nghĩnh. Dù rất quen thuộc với đoạn đường này, vậy mà mỗi lần đi qua, nó vẫn mang lại cho cô cảm giác mới mẻ, lạ lẫm. Mới từ dòng người xuôi ngược, từ những bộ quần áo màu sắc, khuôn mặt háo hức của khách du lịch lần đầu ghé qua thành phố. Cô thích sức sống toát ra từ họ, trong mỗi cử chỉ, tiếng cười. Họ có thể hôn nhau ngay giữa đường phố, có thể ôm nhau nhảy nhót hồn nhiên giữa lòng đường mà không hề câu nệ mắt nhìn (mà hình như chẳng ai nhìn ngó ai). Họ băng qua đường tránh một nhóm du khách đang chụp ảnh. Nắng nghiêng mái che soi rõ một khoảng vách tường rộng màu vàng, vòm cửa cao sơn xanh đen với lối kiến trúc cổ từ thế kỷ 17. Nghe nói đây là căn nhà trong bài hát "The house of the rising sun" nổi tiếng một thời với ban nhạc The Animals. Ban đầu với nội dung bài hát, người ta tưởng nói về nhà tù NO, vì lúc ấy là thời thịnh vượng của những ông trùm Mafia chuyên buôn lậu thuốc phiện, súng ống và đầu tư sòng bài. Chuyện ở tù, thanh toán nhau là câu chuyện người ta nói hàng ngày ở quán rượu, trên báo chí. Nhưng thật sự, cái chấn song cách biệt giữa đường phố và đời sống bên trong là thế giới của hộp đêm, của những cô gái giang hồ, của sòng bài và đấu súng. Một thế giới ăn chơi chìm đắm trong hoan lạc của thủy thủ, thợ thuyền mỗi lượt tàu ghé bến sông. Trải qua mấy trăm năm, The house vẫn còn mang dáng vẻ kỳ bí với những huyền thoại quanh nó. Nghe đồn căn nhà ấy bây giờ là nơi trú ngụ của những con ma chắc đã có hàng mấy trăm tuổi.

Qua hết dãy phố, cả ba người cùng rơi vào con đường lát những ô gạch hình chữ nhật chạy dọc theo bức tường xám rêu cao. Chỉ cách một ngã tư, đôi mắt trẻ trung vừa mới nảy của cô đã bỏ lại con đường cũ. Cô bao giờ cũng vậy. Buồn vui giận hờn như vệt nắng thoáng hiện ngoài. Cô có thể cùng một lúc,



nhớ nhiều thứ và quên nhiều thứ.

Một thiếu nữ đặc biệt. John thường nhận xét với anh về cô. Giọng hào hứng.

Đến chỗ đậu xe, John khều nhẹ tay anh Chủ nhật đến nhà tôi nghe. Mẹ tôi mời đó. Rồi. Nhớ. Cô ấy nữa chứ? Dĩ nhiên. Yên chí.

Mẹ John gốc người Pháp. Gia đình bà qua Mỹ từ thời chiến tranh giữa Pháp và Tây Ban Nha. Tổ tiên của bà lập nghiệp tại Louisiana trong một cuộc di cư tìm kiếm đất đai mở rộng thuộc địa ven các vùng biển từ thế kỷ thứ 17. Khu French Quarter, thế kỷ 18 là những đường rầy xe lửa dùng để chở vật liệu xây dựng, lương thực cho một cuộc định cư lâu dài. Bây giờ ở đó vẫn còn những dấu tích xưa. Đôi ba chỗ nhô lên những cột mốc trên bờ sông đánh dấu cho tàu bè neo bến, nước bào mòn nhẵn thín. Đường sá được lát bằng những viên gạch nung hình vuông, vẫn không biến dạng dù trải qua hàng mấy thế kỷ. Trên con đường tìm đất mới, tổ tiên của bà đã chọn vùng dọc theo bờ sông Mississippi để trồng trọt, khai khẩn đất hoang. Chỗ đó, ngày xưa toàn đầm lầy, nhưng qua bao thế hệ, đã biến thành một khu trù phú, nhà cửa đa số cất theo kiểu Pháp, cửa và vòm rộng, vừa thoáng đãng, vừa cổ kính.

Ngôi nhà của bà nhìn xuống dòng sông hiền hòa ấy.

Vóc người nhỏ nhắn, mắt sâu, da môi lốm đốm, mũi hơi khoằm mang nét đặc biệt của người Pháp, bước đi nhanh nhẹn, đầu hơi cúi về phía trước, bà Rose đón hai người bằng sự cởi mở đặc biệt. Thục mấy lần huých cùi chỏ vào Thư khi anh ghé tai cô Bà tưởng em là bạn gái của John đó.

Vào đây. Cô gái. Tôi chuẩn bị nướng Pizza cho hai người.

Với bàn tay thành thạo, bà trải lớp sốt cà chua lên mặt bột bánh nướng hình tròn, vừa nói chuyện bà vừa rắc từng sợi cheese trắng xắt nhỏ, xếp đều đặn pepperoni... kín mặt bánh. Căn bếp thơm phức mùi bánh nướng.



Cô thích ăn Pizza không?

Cháu không thích lắm.

Thục loanh quanh nơi bếp. Cô ngắm nghía thế giới của bà Rose bằng cặp mắt vui thích. Đầu tủ, vô số dây hành tỏi khô treo lủng lẳng thoáng mùi khô ngái. Cạnh bồn rửa chén, lỉnh kỉnh lọ đựng gia vị, chậu hoa giả, dao nĩa. Trên mặt tủ lạnh, ngoài những hình trái cây đủ màu sắc, lộn xộn giấy tờ, hình ảnh của gia đình được ghim cẩn thận. Thấy Thục chăm chú nhìn tấm ảnh đã cũ, hình người phụ nữ nhỏ thó mặc chiếc áo đầm hái nho đứng dưới gác chuông xinh xắn, bà giải thích Tấm hình này chụp cách đây đã nhiều năm, tại tu viện Teperna ở Ý. Cô thấy gác chuông ra sao?

Đẹp lắm.

Không phải là đẹp mà nó rất đặc biệt.

Cô ngắm nghía lần nữa. Và làm bộ chăm chú vì dưới mắt cô, nó không có gì đặc biệt so với những nơi cô đã biết hoặc xem trong tranh ảnh. Tu viện có vẻ thôn dã. Mặt trước nhìn ra cánh đồng trơ cuống rạ như vừa xong mùa gặt hái, phía sau um tùm những cánh tay trắc bá diệp. Lớp gạch cũ, uốn vòng được bao bọc bởi bức tường hoa đại phủ màu rêu. Trên nền xanh lục lấm tấm những chấm cúc vàng. Nhưng màu rạ cỏ vàng lại gợi nhớ trong cô một hình ảnh nào đó, rất mơ hồ vì cô, dù hết sức cố gắng cũng không thể tìm bắt được sự liên quan giữa bức ảnh với ký ức của mình.

Lạ ở chỗ, cô biết không, cứ đúng 12 giờ trưa là tháp chuông tự nhiên phát ra những âm thanh, thánh thót như tiếng nhạc, âm thanh vọng đều xuống gác chuông và chỉ có những người trong tu viện mới nghe được mà thôi.

Bà có nghe tiếng chuông không?

Có chứ. Đúng 12 giờ trưa. Không ai giải thích được điều này, và người ta làm đủ mọi cách để tìm nguyên nhân, như cúp điện, quay phim, chụp hình, nhưng tiếng chuông ngân nga đó vẫn đến với mọi người đúng giờ, đúng âm thanh réo rắt của nó



hàng bao năm nay. Có phải là quá sức huyền bí không? May mắn hơn nữa, tôi gặp bố của John ở đó. Ông trong đoàn quay phim.

Bà Rose cầm một bó rau cần, loay hoay tìm dao. Bà định nấu Creole sauce phải không? Cô cũng biết món đó sao? Bà hỏi lại, vẻ hớn hờ.

Cô ấy làm nhà hàng mà mẹ. John đỡ lời.

Hay lắm. Tôi nấu món này nhiều lần nhưng vẫn không vừa ý. Hình như nó còn thiếu gì đó. Cả món Jambalaya nữa...

Bà cho thêm vài miếng chanh. Nhưng phải là chanh vàng. Mùi thơm của nó làm món ăn có mùi vị đặc biệt hơn.

Ô vậy là tôi nắm được bí quyết rồi. Còn Jambalaya, cô nghĩ cái gói bán sẵn ngoài chợ có đầy đủ gia vị không?

Kìa mẹ - John chen vào - Cô ấy là khách mà.

Không sao, John. mấy món này tôi cũng khá rành, tôi vẫn thường nấu mà.

Bà Rose quá sức vui vẻ khi vớ phải cô khách ý hợp tâm đầu, có thể biết nấu những món ăn mà bà ưa thích. Bà lảng xảng qua lại, cười nói tự nhiên như vừa gặp lại người thân lâu ngày. Có nét gì đó từ điệu bộ, từ miệng cười phúc hậu của bà mang lại cho cô cảm giác ấm áp và gần gũi. Cô có thể nghe được, mùi nước hoa No 5 thoảng qua cánh mũi khi bà đứng sát cạnh. Hương thơm quen thuộc làm cô dễ chịu.

Họ không ăn Pizza mà cùng thưởng thức món Creole sauce đặc ý của bà Rose. Thứ nhấm nháp Gumbo. Anh không thích món ăn Mỹ, nhất là đặc sản của New Orleans, quá nhiều gia vị làm anh muốn hắt hơi.

Anh hài lòng khi thấy cô em gái, hòa đồng nhanh chóng với bà Rose. Ít khi cô vui vẻ như vậy. Một vài lần, anh bắt gặp cái liếc vội âu yếm của John hướng về phía cô, và anh tự hỏi, không biết thằng bạn Mỹ dễ thương này có chút hy vọng nào không.

Thỉnh thoảng tôi cũng nấu món ăn Việt Nam. Bà Rose tâm sự.



Bà... có biết Việt Nam sao?

Ồ, tôi ở đó một thời gian khá lâu. Từ trước năm quân miền Bắc vào. Tôi có những người bạn Việt Nam rất dễ thương, They're pretty nice.

Trong đầu thập niên 70 tôi làm việc trong phái đoàn thiện nguyện Caritas, coi sóc một cô nhi viện nằm ở Biên Hòa, trụ sở chính đặt tại đường Tú Xương. Cô nhi viện đó không lớn lắm, nằm trên một ngọn đồi thoải thoải, gần thành phố nhưng quanh năm mát mẻ. Từ tòa nhà chính có thể nhìn thấy đường xe chạy về thành phố. Tiện nghi tương đối. Mỗi tháng tôi thường về Sài Gòn để lấy thực phẩm viện trợ. Sân sau có một cái giếng, nước trong và ngọt. Tôi trồng ở đó rất nhiều cây ăn trái, cả lê và táo tôi mang từ Pháp qua. Nhân viên điều dưỡng đa số còn rất trẻ, độc thân, dù vậy, họ chăm sóc bọn trẻ tử tế lắm.

Thục lặng yên. Cô chăm chú theo dõi câu chuyện. Hai bàn tay xếp ngay ngắn trên đùi. Cô gửi qua Thư nụ cười rất lạ khi ánh mắt anh hướng về cô.

Chuyện mẹ kể dài dòng quá. John càu nhàu. Cô ấy chưa được xem vườn rau của mẹ...

Không sao, John. Tôi thích câu chuyện kể của mẹ anh. Nó làm tôi nhớ nhiều điều.

Có lẽ tâm hồn tôi, theo triết lý của nhà Phật, có căn cơ của người Á Châu. Chắc vậy, vì tôi rất yêu xứ sở của cô. Dù khác biệt ngôn ngữ nhưng chúng tôi đã sống với nhau những ngày tháng vui vẻ. Họ tìm thấy ở đó một gia đình thật sự. Công việc làm chúng tôi gắn bó cùng một hạnh phúc chung. Một số người bạn đến bây giờ tôi vẫn còn giữ liên lạc đấy. Bà Rose khoe với Thục. Bà với tay, lấy một tấm ảnh dán nơi tủ lạnh. Tấm ảnh đen trắng đã ngả sang màu vàng mép viền xơ đôi chỗ, nhưng cô có thể nhận ra ngay, khuôn mặt của bà Rose, phúc hậu dịu dàng với khóe miệng cười. Khuôn mặt bà sáng rõ giữa hai hàng người, nam có nữ có. Ai cũng tươi tắn. Phía sau họ là



dãy nhà ngang lợp tôle, cạnh nhà thờ nhỏ mà màu cỏ rạ vàng làm không gian mang một khung cảnh đặc biệt đồng quê. Cô đặc biệt để ý đến một thiếu phụ trẻ đứng cạnh bà, gò má cao, cặp mắt láy đen, tóc uốn lưng lửng, mặc quần sa tanh đen, áo bà ba, hai tay vòng trước bụng, miệng cười nhưng gương mặt lại có vẻ rầu rĩ. Tôi nuôi đứa con của bà bạn này lúc mới sinh. Hoàn cảnh bà ta tội nghiệp lắm.

Bà ta bỏ con à mẹ? John hỏi.

Ừ... không hẳn là vậy mà cũng gần như thế.

Bỏ con sao gọi là tội nghiệp?

John, không thể đánh giá người ta như vậy đâu. Có nhiều lý do để người ta phải quyết định việc đó. Vì hoàn cảnh, vì chiến tranh, vì nghèo khổ... Tôi nghĩ cô ta có nhiều nỗi khổ tâm, vì khi giao đứa bé cho tôi, cô khóc sưng cả mắt.

Khóc sưng mắt mà... John vẫn khư khư giữ nguyên lập luận của mình.

Yên nào, John. Để mẹ kể tiếp. Đứa bé kháukhỉnh lắm. Lúc tôi nhận nó, nó chút xíu như chú mèo con vậy nè. Bà phát cử chỉ úp mấy ngón tay tưởng tượng. Thương quá là thương. Đến khi chập chững biết đi, nó quăn quít tôi không rời. Thời gian đầu, thỉnh thoảng bà mẹ lên thăm, chỉ đứng từ xa nhìn con... Sau đó tôi có việc phải trở về nước. Năm 75, tôi làm giấy tờ, định xin cô bé làm con nuôi mang qua Pháp, nhưng không kịp nữa. Chiến tranh Việt Nam đã đuổi những đứa bé tội nghiệp ra khỏi chốn trú ẩn của chúng. Tôi không còn dịp nào trở lại...

Còn những đứa trẻ mồ côi? Caritas có đưa chúng đi tản không? Chúng tôi không kịp tới. Quân miền Bắc chiếm tòa nhà chính làm chỗ đặt pháo. Họ dồn hết mọi người xuống nhà hầm. Một số chết trong lúc bắn nhau, một số thoát ra ngoài...

Bà hào hứng khi thấy câu chuyện được Thục chăm chú theo dõi. Thuở ấy cuộc sống vui vẻ làm sao. Bà được đi nhiều nơi, được chia xẻ, đóng góp bàn tay, sức lực và cả trái tim của bà - một trái tim thiếu nữ nhân ái - cho cuộc sống mà chính bà bằng



lòng với sự lựa chọn đó. Bà gắn bó với đất nước xa xôi kia, với những con người hiền hòa mà không bao giờ bà có thể tưởng tượng được rằng, chiến tranh đã tàn phá hết mọi thứ, đã đẩy họ tan tác khắp nơi.

Người này - Bà chỉ người phụ nữ Việt Nam trong hình - hiện đang ở tại Marseille. Bà ta theo chồng qua Pháp khi con bé lên một tuổi.

Có phải bà tên Maggie không mẹ? Hình như bà ta có thêm mấy đứa con nữa...

Con biết gì. Không phải đâu. Với đời chồng sau bà ta không có đứa con nào. Cô Thục biết không. Năm '75, khi nghe tôi dự định trở qua Việt Nam, bà ta nhờ tôi đưa cho cô bé vật này...

Bà hấp tấp vào phòng và nhanh chóng trở ra với một chiếc lắc nhỏ, chạm trổ cầu kỳ, vòng mắc xích nọ uốn qua đầu móc kia. Nó rất vừa với cổ tay một bé gái. Chiếc lắc xinh xắn làm sao!

Có khắc chữ đây này. Đọc như thế nào? John kêu lên.

Thục vẫn ngồi yên. Mặc dù gương mặt hơi ửng hồng, hình như cô không có ý định xem tấm lắc đang lấp lánh trước mắt mọi người. Thù nhìn chằm chằm qua vai em gái.

*Riêng con của mẹ: Nguyễn thị Bình Yên.*

Thư đọc to, đọc thêm lần thứ hai và nhìn Thục... Một mảng sáng chợt loé trong anh. Thoạt đầu, mơ hồ không rõ nét nhưng một chớp tích tắc, mảng sáng cháy bùng trong ký ức của anh. Cái cảm giác gần như kinh hãi... Anh choàng tay, bóp chặt vai Thục. Cô vẫn ngồi yên. Ánh nắng dịu dàng buổi sáng chiếu qua vòm cửa, rướn nghiêng khuôn mặt Thục óng ánh vài ngọn tóc rối, rồi ánh sáng bức tung soi rọi cánh cửa quá khứ của một ngày tháng Tư trời ngâu đục âm u... Cũng trên vai bầu trời xám chì, đất và trời như đè nhau trong mịt mù hỗn độn, là anh, chấp chới theo dòng người đổ về Vũng Tàu sau những ngày băng rừng, núp hố tránh đạn, qua những con đường ngập ngựa xác người. Xe cộ dồn cục, người chạy vào, kẻ chạy ra, người ta hỏi nhau Chạy đâu. Chạy đâu. Chỗ nào còn là phía mình.



Không còn chỗ nào là phía mình nữa... Anh nhập theo đám người tay gồng tay gánh, tìm đường ra biển.... Nhiều xác người co quắp bên đường. Anh nhặt con bé nằm sấp trên ụ đất. Nó ồm đến nổi, tưởng chỉ là một xác chết. Nó quơ ngón tay xương nhỏ về phía anh, chưa vừa vịn một vòng đã gục mềm người. Anh vác nó chạy, một hành động chỉ theo vô thức, vì chính anh cũng chẳng biết mình có sống sót cho kịp ngày tới hay không. Em tên gì? Yên...Bình...Yên... Ba má em đâu? Mẹ...RR Ro...o...se...

Thục vẫn ngồi yên. Ngoài gương mặt từ màu hồng chuyển sang trắng xanh, tuyệt nhiên cô không tỏ thêm thái độ gì. Khi Thư coi lại lần nữa, hàng chữ khắc trên chiếc lắc vàng, anh quay sang nhìn cô. Đôi mắt của Thục. Trong khoảng khắc đó, chỉ có anh mới hiểu và chỉ có anh mới có thể chia xẻ nỗi đau dậy lên từ đôi mắt hằn những sợi gân đỏ cầu cứu của cô. Đôi mắt của con thú nhỏ tuyệt vọng tìm một con đường khác, chạy trốn vòng lưới kinh hãi vô hình của quá khứ. “Em đã từng có một cái tên như thế, phải không anh? Hãy nói với em, rằng... không phải, không phải...”

Rồi nhẹ nhàng, cô hướng về phía bà Rose. Tia nhìn dịu dàng của cô lướt trên khuôn mặt bà, thả theo chiếc cằm đã móm, trên đôi vai gầy, và dừng rất lâu trên những ngón tay xương ăm ắp hàng bao lần bà chải tóc cho cô, đắp chăn cho từng đám trẻ mồ côi những ngày đông trở lạnh. Bà hay mặc váy dài kiểu đầm hái nho, và bây giờ cũng vậy... Bước đi chậm, đầu cúi về phía trước, vừa chạm bước chân đã nghe tiếng cười... Ôi, mẹ Rose của tôi...

Thục ra dấu muốn về. Cô sợ hãi và mệt mỏi. Cô muốn khóc và cảm thấy khó thở. Thục không biết mình sẽ làm gì, xử sự ra sao khi biết được sự thật về cuộc đời mình. Cô cần phải có thời gian để suy nghĩ và quyết định.

Họ ngồi lại thêm đôi phút nữa. John chưng hửng khi Thục ngỏ ý muốn về. Bà Rose càng thất vọng hơn. Tôi sẽ trở lại thăm bà



lần khác. Thục hứa chắc chắn. Bà hôn vào má cô. Thục xúc động khi nghe lại hơi thở quen thuộc của bà Rose. Hơi thở thơm mùi dâu chín.

Ngang qua tử lạnh, cô vẫn giữ khuôn mặt thẳng. Và dù Thục không ngó lại tấm ảnh được gắn ở vị trí cũ. Thư biết, tấm ảnh kia như chất keo không rời bám riết theo cô. Như viên sỏi vô tình xao động sóng lăn tăn trên mặt hồ bấy lâu yên tĩnh, và dù mặt hồ có lúc trở lại mặt phẳng bình yên (giả tạo) của nó. Lớp rong rêu dưới đáy hồ làm sao có thể tìm lại không gian tĩnh lặng như cũ khi viên sỏi bất động cựa mình.

Vòng tay ôm vai Thục, Thư nghe nhịp thở của cô vừa gấp gáp vừa đứt quãng. Anh thật sự cảm thấy lo lắng. Em khó thở hả? Dạ. Hít một hơi thật sâu rồi thở ra từ từ. Vây nè... Rồi. Em thử đi... Em cảm thấy sao? Dạ, em đỡ rồi.

Hai anh em chậm chậm thả chân xuôi con dốc. Gió từ mé sông thổi lên mang theo hơi nước. Thỉnh thoảng, tay anh xoa nhẹ vai cô, một chút ân cần một chút an ủi. Anh đợi cô lên tiếng, và muốn cô nói một điều gì đó, tuôn cho hết, trút cho hết những ảm ức về quá khứ đang đè nặng trái tim của mình. Nhưng suốt đoạn đường Thục vẫn im lặng.

Em có định tìm mẹ em không?

Em không biết.

Có lẽ em nên tìm bà ấy. Dù sao đó cũng là mẹ em. Hãy cho mẹ em có cơ hội để giải thích. Bà đã chịu đựng chứng đó năm cũng đã là điều quá khổ sở rồi.

Anh nghĩ mẹ em khổ sở sao?

Sao không? Làm sao bà có thể hạnh phúc khi trong lòng mình luôn canh cánh nỗi đau. Và cả sự mặc cảm nữa. Anh nghĩ, bất cứ người mẹ nào cũng mang tâm trạng đó khi họ phải làm cái việc mà, bất lìa đi chính một phần sự sống của mình.

Anh đâu cần phải bào chữa cho hành động của mẹ em. Cho đến bây giờ em cũng không nghĩ rằng sẽ trách cứ nguyên nhân nào mẹ bỏ em. Đã xưa lắm rồi. Xưa quá rồi. Chỉ là cảm giác



đau lòng về một điều gì không rõ ràng vừa vỡ trong em.  
Không phải là bào chữa. Anh muốn em có một cái nhìn , cánh  
xử sự công bằng với bà mà thôi.

Em không biết. Và không muốn nghĩ thêm điều gì khác. Ngay  
lúc này. Nó đến bất ngờ quá.Em không bao giờ chờ đợi điều  
đó. Giá như đừng biết vẫn hơn.

Còn thời gian mà. Em hãy suy nghĩ đi.

Có lẽ...nhưng chưa phải bây giờ.

Cô quay nhìn anh Có anh lo cho em, từ ngày ấy đến bây giờ  
đã đầy đủ lắm rồi. Thật tình, em quá sức bất ngờ khi biết rằng  
em đã từng có một người mẹ. Điều đó không nói lên được điều  
gì. Sao anh nhìn em? Anh nghĩ rằng em vô tình sao? Không  
đâu anh.

Ồ mà có thể là như thế. Sống trong chừng đó năm, đến từng  
năm tuổi, em chưa bao giờ khao khát, hoặc mang cảm giác  
thiếu tình thương của một người mẹ. Nhìn lại mẹ hoặc ngược  
lại, có gì quan trọng đâu anh. Em không muốn khuấy động đời  
sống yên tĩnh của mẹ em. Thật lòng em nghĩ, có lẽ em không  
nên xuất hiện bên cạnh cuộc đời của bà. Hãy để cho mẹ em  
sống như bà đã từng. Không phải là cách tốt nhất hay sao anh?

Cô nắm tay anh khi băng qua con đường hẹp, nhà cửa san sát  
và nghiêng mái tóc né tầng gác gỗ lơ lửng những chậu hoa  
treo, nhánh lá dài đung đưa theo gió. Dễ sợ quá, anh à. Có khi  
nào nó rớt trúng đầu mình không anh? Cô hát nho nhỏ một  
đoạn nhạc. Khi tôi muốn quên quá khứ lại tìm về. Như cơn bão  
lớn cuốn trôi dòng sông yên tĩnh. Khi tôi muốn nhớ lại không  
có điều gì để nhớ... Nhớ. Anh biết không? Làm sao em có thể  
nhớ khuôn mặt của bà Rose khi em còn quá nhỏ. Nhưng tấm  
hình kia và mầu cỏ rạ vàng lại nằm đâu đó trong tiềm thức của  
em. Lạ quá. Khi em nhớ lại, hình như quá khứ tràn ngập mầu  
nắng... Sau dãy nhà ngang đó, hồi nhỏ tụi em thường theo mấy  
chị lớn đi bắt chuồn chuồn, vọt bướm...Tụi em sống với nhau  
vui lắm, hồn nhiên lắm và bởi hoàn cảnh đứa nào cũng giống



nhau nên không hề biết trên đời này, còn có một thứ khác tên gọi gia đình, còn có cha có mẹ...

Cô nắm chặt bàn tay Thư. Những ngón mềm mại nằm gọn trong tay anh. Ấm áp. Tin cậy.

Họ cùng nhập vào dòng người đổ ra phố. Gió mùa xuân từ bờ sông thổi ngược lên mang những hơi nước mát và tan theo muôn ngàn chùm bông nắng trải chan hòa trong không gian. Anh kiên nhẫn theo từng bước nỗi buồn của cô, qua những con đường đắp gạch, những hàng quán bên đường, buổi chiều, bàn ghế được bày ra sân, xếp san sát nhau để du khách có thể ngắm suốt dọc con đường nhộn nhịp vào buổi tối.

Ngang hè đường, chỗ chiếc dù sọc trắng xanh kê sẵn hai chiếc ghế mây. Cô níu tay anh Minh uống chút gì đi anh.

Đôi mắt nâu thả mộng lung ngoài vỉa hè. Giọng cô trầm thì ướt sũng như gom hơi nước từ ngoài bến sông đầy. Cho em chút rượu nghe anh. Em buồn quá. Em muốn khóc.

# NGUYỄN QUANG TUẤN

*làm ơn vẽ giùm tôi  
một người Việt Kiều*

Dựa theo tác phẩm **Cậu Hoàng Con**  
của A. de Saint-Exupéry (1)

Cổ Ngữ chuyển ngữ.

*Cậu Hoàng Con hỏi viên phi công đang bị lạc giữa sa mạc:*

*- Nè, anh ơi, làm ơn vẽ giùm tôi một người Việt Kiều đi...*

*Lúng ta lúng túng, viên phi công bắt đầu câu chuyện.*

## 1. Vẽ giùm tôi một người Việt Kiều

"Nước mắm", "Nhà quê" là những từ Việt Nam đã được ghi trong tự điển Larousse. Có thể người ta sắp ghi thêm từ "Việt Kiều". Nhưng làm thế nào mà tìm được một định nghĩa thấu gồm tất cả những người sống rải rác từ Paris, Los Angeles, Londres, Sydney, Genève, Hong Kong cho đến Ouagadougou? Và người Việt gốc Hoa, sinh trưởng ở Chợ Lớn, di cư sang Thụy Sĩ thì sao, sẽ được gọi là Việt Kiều, Hoa Kiều hay người Thụy Sĩ đây?

Tôi hay nghe người Việt Kiều Pháp nói cái kiểu :

*- Nhớ ranger cái camembert vào trong frigo (2).*

Việt Kiều Mỹ cũng chẳng kém:

*- Phải reheat cái hamburger vào trong microwave, power một (3).*

Thật tình, tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi nghe thằng bạn người Bourgogne léo nhéo:

*- Passe-moi du nước mắm pour que je m'en mette dans mon phở (4).*

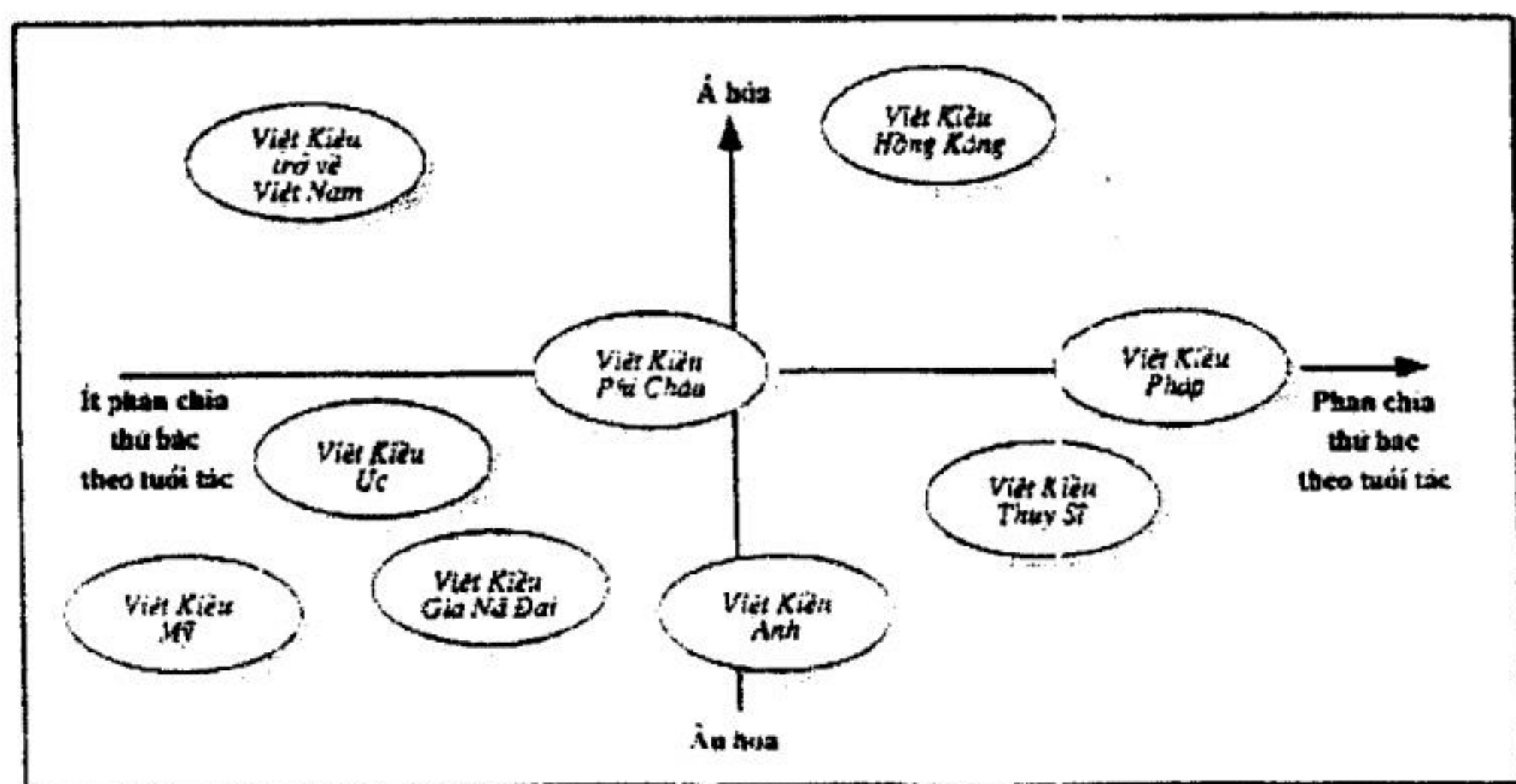
Như đã thấy, người Việt Kiều sáng chế ra một thứ ngôn ngữ



địa phương để dễ dàng phân biệt với những người Việt Kiều khác. Vì vậy, phải phân biệt nhiều loại Việt Kiều, dù rằng nhìn bên ngoài thì họ có vẻ hao hao giống nhau.

Sau vấn đề định nghĩa, còn có vấn đề bản sắc nữa. Là những kẻ hợp chủng, kết quả của sự giao lưu giữa các nền văn hoá, các thể hệ khác nhau, chúng tôi không thể không tự hỏi: "Chúng tôi là ai?"

Và viên phi công vẽ cho Cậu Hoàng Con xem bức tranh "Việt Kiều số 1".



Cậu Hoàng Con hỏi:

- Nhưng mà, hai cái trục này có nghĩa là gì vậy hả anh?

Viên phi công trả lời:

- Đơn giản lắm, tôi vẽ cho cậu xem những người Việt Kiều theo từng đặc điểm khác nhau. Tùy theo nơi đang sống, họ có những lối suy nghĩ khác nhau. Những lối suy nghĩ này được thành hình từ hai phương diện. Một số Việt Kiều sống trong những xã hội mà, càng lớn tuổi, họ càng được người khác kính trọng. Đối với những Việt Kiều khác, tuổi tác và sự kính trọng không nhất thiết phải đi đôi với nhau. Một số vẫn giữ quan niệm sống đông phương, một số khác lại có quan niệm sống Âu hoá hơn. Người Việt Kiều ở Hong Kong chẳng hạn, anh ta vẫn sống ở Á châu,

do đó, cách suy nghĩ của anh ta rất gần với luận lý Á đông. Nền tảng triết lý của anh ta là Nho giáo và vì vậy, anh ta thấm nhuần niềm kính trọng những bậc cao niên.

Người Việt Kiều Mỹ châu sống trong một xã hội tây phương đua chen và rất năng động. Anh ta nói tiếng Anh, gọi ông nội hay cậu em út trong nhà đều là "you" cả và không quan trọng hoá lắm vấn đề phân thứ bậc theo tuổi tác.

Tại Pháp, người Việt Kiều sống trong một xã hội được xây dựng trên nền tảng những giá trị của nền cộng hoà tây phương tiêu biểu. Đa số đã định cư lâu năm và khuôn mẫu gia đình họ khá giống với khuôn mẫu gia đình truyền thống. Cấu trúc gia đình của người Việt Kiều Pháp tương đối gần với cấu trúc gia đình ở Việt Nam.

Còn người Việt Kiều trở về Việt Nam sinh sống lại là một trường hợp ngoại lệ: một lần nữa, anh ta bị phương đông cuốn hút và nhờ đó, tìm về nguồn cội. Tuy nhiên, trong suốt thời gian sống ở Âu Mỹ, anh ta bị gán cho cái nhãn quan của kẻ ít tôn trọng những bậc trưởng thượng.

Hình vẽ của tôi có nghĩa như vậy đó!

Cậu Hoàng Con lắc lắc cái đầu, nhăn nhó:

- Tôi không thích hình anh vẽ, gì mà chặt chẽ cứng nhắc hà! Việt Kiều đâu có thể phân loại như vậy được! Gốc gác với cả ngàn năm văn hoá, làm sao mà nhét vô mấy cái vòng tròn tròn này nổi! Vẽ dùm tôi cái hình khác đi!

Viên phi công thở dài, đành tiếp tục câu chuyện.

## **2. Việt Kiều và Ngôi Làng Toàn Cầu**

Chàng thi sĩ nói rằng:

Mỗi chuyến viễn du là một loạt những văng mắt không tài nào tránh khỏi,

Cứ ra đi và văng mắt, điều đó sẽ đem nhiều bổ ích đến cho anh.

*Michel Tournier. (5)*



Lịch sử Việt Nam trải dài qua hàng ngàn năm chinh chiến, và đã gây nên một cuộc ly hương quan trọng nhất trong lịch sử hiện đại. Hứng chịu một định mệnh tàn khốc, dân di tản đành tự ghép mình vào cuộc sống của những xứ sở có một nền văn hoá gần như hoàn toàn khác biệt. Cấn rắng chịu đựng, cuối cùng họ đã chứng tỏ một khả năng hội nhập kỳ diệu. Nhìn chung, người Việt Kiều ra đi trong những hoàn cảnh khó khăn. Dù là đất lưu đầy hay chốn tạm dung, "sự ra đi và vắng mặt" của họ đôi khi lại nảy sinh những vấn đề mới: họ nhận ra rằng, muốn cho con cái hiểu mình, phải nói chuyện với chúng bằng ngôn ngữ của Rabelais hay của Shakespeare, rằng, con dâu tương lai của họ có khả năng mang tên Sophie hay Tracy hơn là Hoàng Lan hoặc Ánh Mây, rằng, hình như Grunge là một kiểu thời trang rất chịu chơi..., tóm lại, rằng họ không tài nào định đoạt nổi số phận của con cái họ nữa. Tuy nhiên, vượt lên trên những xung khắc giữa các thế hệ, giữa những nền văn hoá, thế hệ Việt Kiều thứ hai không ngờ rằng có thể mình đang gặt hái những thành quả chuyến viễn du của cha anh họ. Chúng tôi có thể đi khắp thế giới, và hầu như ở đâu, cũng được một ông Bác hay một bà Cô - nhiều khi chưa biết mặt - đón tiếp. Đến xứ lạ mà lại có cảm tưởng mình là khách mời thì quả sướng thật! Việc gặp gỡ những người Việt Kiều khác trên xứ lạ lần đầu tiên thật đáng xếp vào loại kịch bản "Gặp gỡ với người ngoài trái đất"! Vẫn luôn là câu hỏi then chốt: "Tôi phải nói bằng thứ tiếng gì để ông ta hiểu đây?" Tại sao không nói tiếng Việt? Nhưng lỡ ông ta không nói được tiếng Việt thì sao? Thử nói tiếng Anh xem. Rồi tôi bắt chuyện. Ông ta trả lời. Chắc ông ta cũng hiểu tôi chút chút. Chừng mười lăm phút sau, ông ta bắt đầu chêm vài từ tiếng Việt vào. Tôi đáp lại và chợt nhận ra rằng đã đột ngột chuyển cách xưng hô từ "you and me" thành ra "bác và cháu". Đột ngột thiết lập một mối quan hệ có thứ bậc mà trước giờ chưa hề có! Điều này, chỉ để liên lạc với Việt Kiều không thôi, chắc tôi phải làm một luận án xã hội



học, ngành UFO (6) quá! Tôi vui vui khi thấy rằng, cứ sau một chuyến du lịch, tôi lại có thêm một lô một lốc những họ hàng thân thích. Tôi tìm thấy nước Việt Nam không phải chỉ ở Hà Nội, mà còn ở cả Chicago, Londres, Berlin, Montréal hay Paris. Giờ đây, tôi đoán chắc là Việt Kiều đã sáng lập ra Ngôi Làng Toàn Cầu. Viên phi công vẽ bức tranh "Việt Kiều số 2".



*Bức tranh Việt Kiều số 2*

- *Này, hình vẽ cậu muốn đây này! Thôi để cho tôi yên nhé, tôi bận lắm!*

*Ngẫm nghĩ một lúc, Cậu Hoàng Con lại hỏi:*

- *Nhưng mà... đây là cái gì vậy?*

*Viên phi công hết còn kiên nhẫn, gắt lên:*

- *Là nơi mà mấy người Việt Kiều của cậu sinh sống đó!*

- *Tôi nhớ năm 1962, tổng thống Kennedy nói rằng, tất cả chúng ta đều là dân Berlin cả, còn anh, anh phi công ơi, bây giờ, anh lại nói, tất cả chúng ta đều là Việt Kiều hết trơn. Nhìn hình vẽ này, tôi vẫn chưa hiểu được Việt Kiều là cái quái gì cả!*

### **3. Những người Việt Kiều-đại thụ**



*Vội chữa cho xong chiếc máy bay, viên phi công nghĩ thầm:  
"Cái Cậu Hoàng Con này quái thật, tò mò cứ y như một thằng  
tây con vậy..."*

Người Việt Kiều thích ứng nhanh chóng với môi trường chung quanh. Tôi đã từng gặp những người Việt Kiều sống dưới cái lạnh cắt da 40 độ âm ở Canada, và cũng đã gặp những người khác sống trong cái nóng nung người 50 độ dương ở Qatar. Việt Kiều Mỹ mê *Filet-O-Fish* của MacDonald's (dĩ nhiên, với một chút nước mắm) và có những Việt Kiều Anh đã thề sống thề chết với tôi là họ khoái bánh *pudding* và *jelly* (cũng ăn với nước mắm, tôi chịu thua, không biết họ làm thế nào!) Cái khả năng thích ứng kỳ diệu này, rốt cuộc cũng lại là con dao hai lưỡi: cố gắng hội nhập, che dấu nguồn cội, cuối cùng, người ta gần như muốn quên luôn nó đi. Nhưng kẻ khác, họ không có quên đâu! Có vẻ ngược ngạo khi nói rằng, nhờ kẻ khác mà người Việt Kiều mới chợt nhớ ra gốc gác của mình. Tôi mới đi Ấn Độ, nơi có khá ít người Đông Á đến thăm viếng. Đứa bé nào cũng hỏi tôi: "Anh ở đâu tới vậy? Ở Nhật hả?". "Không, ở Pháp đến. Tôi người Pháp mà!" Nhìn vào những đôi mắt tinh quái của chúng, tôi hiểu rằng câu trả lời này chẳng làm chúng ưng chút nào. Cuối cùng, tôi đành chỉ vào mặt trăng trên trời và xạo với chúng: "Tôi từ cung trăng xuống đó". Trong đám nhóc, có lẽ chưa đứa nào có hân hạnh gặp chị Hằng hay chú Cuội, nên thế nào chúng cũng sẽ kháo nhau là ở trên đó, dân Nguyệt cầu ai ai cũng giống Lý Tiểu Long hết trơn!

*Cậu Hoàng Con nói với viên phi công:*

*- Đừng có hòng mà lừa được tôi! Tôi sống ở trên nên biết chắc người Mặt trăng đâu phải là Việt Kiều.*

*- Ai mà biết được, biết đâu... mai mốt...*

*Viên phi công xếp giấy bút sang một bên, nhìn Cậu Hoàng Con:*



- *Này cậu bé ơi, bây giờ hãy tưởng tượng ra một cái cây, với mớ rễ thật dài cắm sâu vào lòng đất, với một thân cây sần sùi và đám cành nhánh toả rộng vươn cao, cuối cùng là những chiếc lá xanh tươi ở đầu cành mỗi độ xuân về.*

- *Nhưng... anh đang tả một cây đại thụ đây mà!*

- *Ừ, cũng được. Người Việt Kiều gần giống như một cây đại thụ vậy đó. Họ cùng có chung một cội rễ đã cắm sâu vào mảnh đất phì nhiêu của lịch sử Việt Nam. Tất cả Việt Kiều đều có gốc Việt cả. Gốc Việt, hay gốc, trong tiếng Việt, vừa có nghĩa là nguồn gốc một dân tộc, cũng vừa có nghĩa là gốc cây nữa. Họ đã từng trải qua những cảnh thương khó, đó chính là thân cây sần sùi u nân. Rồi sau khi rời khỏi Việt Nam, họ toả đi khắp nơi như những cành nhánh kia, vươn rộng ra mọi hướng. Rồi thì, ở đầu cành, chồi non lá mới nảy sinh khi xuân đến, đó là những thế hệ Việt Kiều bé con được sinh ra tại hải ngoại. Chính chúng cũng sẽ là tương lai của Việt Nam, những thành viên hành động như những người tây phương, nhưng vẫn mang nặng tâm hồn đông phương Việt tộc.*

*Cậu Hoàng Con nhắm mắt lại, mơ mộng và mỉm cười.*

#### Bản dịch của Cổ Ngư (7)

1. Antoine de Saint-Exupéry: nhà văn kiêm phi công người Pháp. Ông sinh năm 1900 ở Lyon và tử nạn trong một phi vụ năm 1944.

Tác phẩm đã xuất bản : *Bay Đêm* (Vol de Nuit - 1931), *Cõi Người* (Terre des Hommes - 1939), *Phi Công Thời Chiến* (Pilote de Guerre - 1942...). *Cậu Hoàng Con* (Le Petit Prince - 1943) là một loại truyện ngụ ngôn-triết lý dành cho mọi lứa tuổi.

2. Nhớ cho miếng phô-mai camembert vào trong tủ lạnh.

3. Phải hấp cái bánh nhân thịt trong lò vi ba, vặn số 1.

4. Ê, đưa nước mắm để tao rưới vô phở, mày!

5. Trích trong "Gaspard, Melchior và Balthazar".

6. UFO, viết tắt từ Unidentified Flying Object: vật bay chưa xác định (loại đĩa bay).

7. Nguyên tác tiếng Pháp "S'il-te-plaît, dessine moi un Việt Kiều" đã được đăng trên báo Sampan Lychee.



# LÊ THỊ THẨM VÂN

## *mưa lửa*

Lửa bập bùng cháy chị gào khản cổ sao em không nghe lửa nóng lắm em ạ bao nhiêu năm trong giấc ngủ chị chỉ thấy lửa là lửa kèm theo gió tạt tứ bề chạy đâu cũng không khỏi lửa chị đắm chìm trong bể lửa bừng tỉnh thân thể chị tựa con lợn quay da giòn xốp hạt mỡ nổ li ti như mụn nhọt chiêm bao bể nước chưa bao giờ đến với chị cả sao vậy hả em nước non là sự an bình thanh tịnh còn lửa là chết chóc tham tàn những ngọn lửa đốt cháy tâm khảm từng ấy năm chị sống trên đời là từng ấy năm lửa khói lan tràn muôn nẻo sao không như nước lạch tuôn chảy mà cả núi lửa nấu như xác thân em trong rừng lửa bao la mịt mù xương cốt tan bụi xám bay phà trong trời đất bởi vậy lửa ám ảnh trí óc tâm tư chị trời đất đang mưa nước lênh láng dưới chân chị ngồi nhưng là mưa xứ người chẳng phải mưa tuổi thơ của hai chị em mình trần truồng như nhộng chạy long tong quanh nhà tranh nhau ngửa mặt hứng nước mưa tuôn tràn từ máng xối tiếng cười vỡ tung theo từng hạt mưa móc ngày ấy đã bao chục năm trôi qua chị còn nhớ như in những đồng tiền để dành chị đếm mòn nhấn đầu mười ngón tay chỉ biết sao có thật nhiều tiền nuôi em ăn học thi đỗ tú tài toàn phần là chị hãnh diện vui lòng bố mẹ nơi chín tuổi nhưng chị chẳng thực hành được ý nguyện giờ chị sống với lửa tạt tứ bề trong dạ lẫn ngoài thân em ơi bao nhiêu năm nước chảy qua cầu chị vẫn nhớ em nhớ tuổi thơ buồn tủi khuôn mặt cả vắn tắt nụ cười mất



mở tròn ngạc nhiên trước đời sống những cơn gió buốt lạnh từ  
tủy xương toát ra mùa đông ỏ rơm chị em quần nhau ngủ nước  
mắt thở dài lo sợ thường trực như bóng đêm hơi thở của chị em  
hít hà tiếng tim đập của em chị lắng nghe mấy đời bánh đúc có  
xương mấy đời di ghẻ có thương con chồng còn mẹ ăn cơm với  
cá mắt mẹ ló lá mà nằm chị nhớ cái bóng luôn đổ lệch về một  
phía của mẹ còn em hoàn toàn như tờ giấy trắng không biết gì  
máu trong cửa mình mẹ tuôn dầm dề ướt dầm chiếu chăn thấm  
tràn xuống nền đất đúng bảy ngày sau khi sanh em mẹ trút hơi  
thở cuối cơn đau trần thế cơn đau thoát xác cơn đau đàn bà  
bịch nước ối bung bể đưa em ra với đời bố đập đầu vô tường  
than khóc được một mạng thì mất một mạng hàng xóm đổ xô  
an ủi xuýt xoa khi bố thấy cu em ngổng nhìn trời bố an tâm  
như kẻ đi buôn lấy lại được vốn lẫn lời vết thương lòng bố mau  
thành sẹo tám tháng sau bố vội vã tục huyền khổ đau tủi nhục  
giáng xuống từ ngày ấy em bò ngang rồi dọc trong căn nhà tối  
ám nước dãi nước dãi nước mũi xanh thò lò đục ngầu từ từ em  
lần ra đường trước bụi cây sau nhà mé nương ao sao em không  
mất xác thì cũng là phép lạ bố đi buôn mịt mù mỗi năm thấy  
mặt nghe giọng chưa kịp nhớ nhưng bố lại rời nhà còn mẹ kể  
để dãi như đàn gà mẩn con của bà hàng xóm như cây tầm ruột  
sau nhà sai trái chị vật lộn với công việc nhà cơ cực một nhìn  
cảnh em bị bỏ đói u trán sứt môi chị xót xa mưu ý định đi xa  
theo gót chân bố ám ảnh chị một nơi xa xôi mịt mù không  
phải thức dậy giữa đàn gà vịt lợn lúc nhúc mẹ kể nghiệt tội nơi  
xa xôi là giấc mộng ngắn ngủi chưa qua sải chân chị nhưng tạo  
chị vẽ vờ hình ảnh mơ tưởng chân trời xa lạ mỗi đêm trước giờ  
ngủ như kẻ cầu chúa xin cha khẩn phật giúp chị lướt qua những  
năm ấu thơ khổ ải rồi bố đi một ngày không bao giờ về xe  
hàng lật chẳng biết bên này việt minh hay bên kia pháp bảo hộ  
gài bom mẹ kể hay tin thì xác bố cũng đã được người dựng kẻ  
lạ chôn nhanh vội mọi chuyện coi như đã an bài bố mất chẳng  
còn gì lưu luyến chị cầm tay dắt em đi quanh đường đất gập



ghềnh đầy lỗ hồng xin ăn rồi cứ thế men theo ngã vào nam tháp tùng đoàn người di cư thời 54 ở tuổi chị nào có khái niệm về thời cuộc đời sống bèo giạt gió đẩy đưa xét cho cùng chết chẳng phải dễ chỉ mình quyết định số phận mình bao nhiêu năm một điều luôn ám ảnh và không có câu trả lời bởi chính em đã mang theo tại sao em chọn cách rời bỏ chị như thế hả em quyết định tự tử hay người ta bắn em chạy lui thay vì chạy tới đồng đội bảo chị như thế hay lúc đó em sụp đổ suy lý em mất lý trí em hy sinh em lý tưởng em cứu ai đang kêu gào cầu cứu hay em chán đời nhưng tận thâm tâm chị vẫn nghĩ rằng em đã chọn cho em cái chết bởi chết là hết những đọa đầy trần gian kiếp người buông thả phũ tay đã mấy chục năm rồi chị chẳng nghe lại câu khổ thân chị tôi như em ghi trong cuốn nhật ký cất sâu đáy ba lô theo em mọi nơi chốn quân trường đi qua không hề trở lại không biết thượng đế có hay không nếu có thì chắc bà hay ông ta là tên đồ tể đoạn khác em ghi hai câu thơ phổ nhạc kẻ thù ta đâu có phải là người giết người đi thì ta ở với ai chị nhớ em hay nói mớ trong khi ngủ chị chẳng bao giờ hiểu nổi ngôn ngữ kì lạ đến giờ này chị vẫn không hiểu em mơ những gì chị không lý giải được nếu em còn sống chắc em thích computer lắm bởi một mình em một thế giới không phải mặt đối mặt với ai đó là điều em luôn ngán sợ từ khi còn bé tánh em tò mò rị mọ muốn biết mọi sự ngoài kia trong đầu thiên hạ đang suy nghĩ gì ngán ngủ kiếp người một thiệt thời bởi không hưởng trọn kiếp người qua từng giai đoạn mỗi lần đang làm gì đó chị lại ngửi mùi lá bàng tươi cháy em ạ lá tươi non nhưng cũng có lúc chị nghĩ chết sớm như em mau sớm đầu thai căn bản làm người là khổ chứ chẳng sướng ích gì cả cuốn sổ tay của em chị vẫn còn giữ ở một đoạn khác em ghi nhanh cô độc = hư vô của chính mình – mình phải tự cứu mình không thượng đế hay bất cứ ai giúp được mình cả chị nghĩ khi mình đã cố ý tự tử thì không ai có thể cứu thoát em lao vào lửa có nóng không hả em suốt đời chị bị ám ảnh lửa là lửa em về với



chị trong đêm ba mươi tết bận áo khoác lửa rực sáng sân nhà  
ấu thơ rạng sáng mỏng một em biến mất nhưng sân nhà vẫn  
ấm nóng lòng bàn chân chị suốt ba ngày tết chị em mình tuy  
hai mà một tuy một có nhau từ trong một bao thai nếm ngửi  
chung mùi vị máu nước mắt mồ hôi của mẹ do cha đưa vào tác  
tạo một thân thể hai óc khác nhau ôi em điên yêu của chị thái  
độ dứt khoát của em không chấp nhận chính phủ của hai đầu  
sông bến hải thấy vô nghĩa phi lý đời sống em tình nguyện  
đăng lính không lời giải thích như nàng thiếu phụ ở sau lưng  
nhà một sáng thức dậy bỏ chồng hai con thơ đại ra đi không  
bao giờ trở lại em nợ chị lời giải thích em lao vào lửa đạn là  
một cách chấm dứt thái độ sống mark không bị ném vào lửa  
năm mười chín tuổi trên đất nước lạ cái lạ điệu ru hò ca dao  
cải lương vọng cổ không gian tắm mùi chuối cau chín tiếng  
mưa rào rạt đêm nhiệt đới xứ sở của mark tin rằng god ở khắp  
mọi nơi con nít trước khi giở sách học phải có sự chứng giám  
của god ngôn từ in god we trust quốc ca god bless america lời  
tuyên thệ nhậm chức viên chức công quyền so help me god ôi  
thôi gì cũng under god nhưng mark không chết cháy như em  
mà mark bị viên đạn bắn trúng đầu của tên tính tình nóng nảy  
ăn thua đủ chỉ vì mark dám vượt xe qua mặt hấn còn dám cả  
gan dơ ngón tay giữa chĩa thẳng vào mặt hấn mark là người  
nóng tánh hèn nhất nông nổi anh ta trả giá mạng sống vì một  
người nóng tánh dung tục bựa như anh nhưng liều lĩnh dám làm  
hơn dầu gì mark là người đã đẩy chị ra khỏi sân nhà quét bởi  
những gót giày nhọn bóng loáng trần nhà gắn những ngọn đèn  
cổ tình không bao giờ sáng để thấy bất cứ vật gì hoặc nét mặt  
nào nhưng đó là những tháng ngày rực rỡ nhất đời chị ánh mắt  
lời nói cử chỉ yêu kiều cần thiết giả hay thật thì cũng đủ khả  
năng làm tim chị đập mạnh lòng xao xuyến mark ra đi với hai  
viên đạn lằng xẹt kẹt trong đầu trên cái chervolet cũ kỹ thắng  
mòn không tiền sửa đèn bên phải bị cháy căng sau bị rơi rớt  
dọc xa lộ người bắn không có bảo hiểm người bị bắn cũng



không có bảo hiểm buộc chị phải tấp đến cộng đồng việt nam tị nạn hải ngoại sau biến cố ba mươi tháng tư năm bảy trăm bảy mươi chín chị bắt thấy cái xa lộ dài hun hút trước mặt với những cây cầu chông chéo liên nhau xuyên suốt hơn năm mươi tiểu bang ngày xưa ngày xưa một lần em sốt trên một trăm độ ố ớ cười la gọi tên chị như gọi tên người yêu chị thức trọn ba ngày ba đêm bắc thang trèo theo cơn sốt nóng bỏng của em nhìn môi em khô bong màu trắng đọng giữa kẽ môi nứt khô mùi hơi thở trong cuống họng em bốc ra chị len lén đặt lên đó nụ hôn cơn sốt hơn một trăm độ nếm ngửi mùi vị thằng con trai mới lớn cứng cỏi như đứa con nít chín tháng ọc sữa non chua ái dục là cơn sốt em và cơn sốt đốt cháy thân xác người đàn ông già trên tám mươi chị gọi bố ơ bố ơ bố ơ tài năng chị rộng như cau khô héo ngoại trừ trời thương phù hộ ít đau ốm vất vả chị sống lây lất mãi với đời như mọi người chỉ một điều chị thấy mình bình thường nhưng sao ánh mắt thiên hạ chung quanh mỗi ngày nhìn chị lạ dần và sự gằn gỏi mặt đối mặt càng ngày càng né tránh không lẽ do áo quần chị dơ dáy hôi hám ngày đó rằng chị đâu đã bị rút hết như bây giờ từ từ người ta không cho chị làm việc bình thường nữa người ta bảo chị thuộc về người còi trên một buổi sáng chị đang ngồi ở bàn ăn kê sát cửa sổ nhìn ra đường rầy xe lửa một hạt bụi bay vào trong mắt chị nhắm thấy tóc mình cháy bừng từ đó người ta nói chị bị bệnh chẳng phải bệnh kinh kỳ đàn bà hay hai người đàn ông yêu đương làm tình làm tội cũng gọi là bệnh không lẽ cả thế gian này ai cũng bệnh giết người trong chiến tranh là bệnh hay là anh hùng em lao vào lửa cũng là bệnh trong tôn giáo tử vì đạo cũng là bệnh chị lan man quá trở lại bệnh tình của chị người ta dán băng lên mặt chị như thế rồi thì làm sao tháo gỡ cái kẹp tóc ngày trước tự tay chị gỡ lấy giờ tóc chị không còn một sợi gương lược lánh xa khi em còn sống người ta bảo ăn hột vịt lộn nhiều trí óc minh mẫn thế là bao nhiêu tiền chị chất chiu lần lần móc ra mua hột vịt lộn hằng đêm cho em học thi đỗ đạt



khỏi đi lính thế mà bao nhiêu hột vịt lộn cũng chẳng thấm vào đâu cả giờ chị đi bán những thỏi chewing gum bịch chip làm bằng xác thân con tôm khô rang như xác mía ép vài nén nhang hiu hắt lạnh lùng tiền thối chị luôn có đủ nhưng người ta không lấy thậm chí đưa tiền cho chị mà chẳng lấy hàng chị chẳng chửi rửa đánh đập ai cả thế mà thỉnh thoảng cảnh sát san José chặn đường chị chẳng biết để làm gì cuối cùng đường ai nấy đi việc ai nấy làm đời ai nấy sống chị nhớ như in những người đàn ông gập người cong người rung người trên bụng chị miệng rên rĩ không ngớt giữa những ngày Sài Gòn ồn ào náo nhiệt trời nóng trên bốn mươi độ đổ mồ hôi ướt đầm mái tóc chị những người đàn ông da trắng da vàng da đen da sạm da nâu da chì đưa tiền từng xấp làm ví chị đầy ắp tiền chị luôn mê chơi trò bày biện những lọ móng tay hồng đỏ tím cam trên kệ như những cuốn sách em sắp ngay ngắn chị nhớ những tháng ngày chị em mình có nhau giờ thật sự xa nhau vĩnh viễn ở kiếp này biết linh hồn em đang lầy lắt nơi đâu có được bình yên không chị tự hỏi và thậm chí cầu khẩn phật bà luôn phù hộ cho em mỗi người một số tuần hoàn qua bao nhiêu kiếp mình làm mình chịu chẳng ai chịu thay cho mình cả ân oán nặng nợ giang hồ thì lo trả kiếp này để kiếp sau được nhẹ nhàng thanh thản tâm hồn đời sống là bi hài kịch mỗi người diễn mỗi vai sao cho trọn vẹn khi màn kéo là chấm dứt tấn tuồng mình diễn bằng cái chết tự chấm dứt như em cũng gọi cái chết còn lại là câu hỏi không thể trả lời chị giờ đây nhiều lần trong đêm ngồi tựa tường tự hỏi tại sao mình còn sống và sống để làm gì có cần thiết kéo lê đời sống này nữa không khi mình không là gì cả không còn liên hệ với ai không còn ai biết đến mình hai chân chị kéo lê trên cầu bắc ngang xa lộ 101 nối liền nam bắc california triệu triệu xe với triệu triệu số phận người xâu xé khổ đau hoan lạc chị không dám tự nhận mình chịu khó suy nghĩ nhưng bảo chị điên thì chị nghĩ ai lại chẳng điên không nặng thì nhẹ sống một thời gian nhất định nào đó rồi trở thành



điên cả em ạ những người điên sống với nhau tạo ra những luật lệ như những con ruồi bay có bao giờ tông vào nhau đâu mà sao con người lái xe cứ tông nhau có người xông vào lửa đạn như em như cô cậu đang ngồi trú mưa trong sân chùa này đây nói chuyện tương đắc suốt mấy tiếng đồng hồ như màu nước mưa trong vát di động xuống đất chẳng ngớt ngồi cả hai đang nói điều gì tựa hồ thứ ngôn ngữ lạ kì chị cố chú tâm lắng nghe nhưng chịu em ạ y như tự nói chuyện với đầu gối của mình vậy không chừng họ đang cãi vã nhau chẳng cả hai khuôn mặt như khúc gỗ hình như chị đoán cô gái mt nói chạy đâu cũng không khỏi bị nắng đuổi cậu tm nói ngồi đâu cũng thấy được mưa bay chỉ có người mất óc hoặc trí chậm lụt mới nói những câu vô nghĩa như thế mưa to hột như hột nước mắt kéo dài lướt thướt như miếng tàu rơi vậy mà dám bảo là phải chạy trốn nắng nước mưa rơi dày kín đen đục như nước kinh bùn độc hại tù hãm thân xác trí óc chị lấy tay sờ xoa lên đầu thấy tay mình chạm đầy tóc thế sao người ta gọi chị là con mẹ trọc đầu từ buổi sáng mùa đông tuyết phủ trắng minnesota năm nào tóc chị cháy trong giấc chiêm bao em là cục than nóng bỏng đốt cháy tim chị những người không thiện cảm gọi như thế còn người chột mắt hay nửa khối óc gọi chị là mù mịt người thiện tâm tưởng lầm chị là ni cô tu hành em nghĩ có điều chị không chứ riêng chị hành nghiệp kiếp đi năm tháng trước kia ân oán nợ nần ai giờ chị phải trả cho ngày chị vào sân chùa ngồi một phần nhớ sư bà trọc đầu thật không bị thiêu cháy trụi rụi như chị sư bà tu thật không ăn mắm ăn muối như chị lúc sinh thời sư bà thiền hành quanh sân chùa tay cầm xâu chuỗi miệng niệm nam mô a di đà phật mặt mày bình an chắc lòng phải thanh thản nhìn sư bà lòng chị nhẹ nhàng lây như mây bay ngang bầu trời rồi mây sẽ tan chẳng tụ vào đâu lâu lẽ vô thường em ạ sư bà nhìn chị mỉm cười chị nhìn sư bà mỉm cười chỉ thế thôi giờ sư bà đã tịch chùa giao cho mấy ni cô trông coi chị không rõ ngôi chùa này sẽ ra sao ngày sau liệu hai nhà xí



có xây xong trong sáu năm tới không chứ mỗi lần đi cầu là chị phải bịt miệng như chơi trò bịt mắt bắt dê chị sợ rơi tõm xuống luây nguậy với đám ruồi xanh chết rục thành mắm thành dòi chị vào sân chùa mỗi ngày mùa đông thì ấm lòng mùa hè mát ruột ngôi chùa này cho chị cảm giác trở về nhà còn nơi khác là tạm trú chị mua khoai tây chiên rắc muối chấm sốt cà chua ở tiệm in and out hamburger bên kia ngã tư đường mua thêm lon sữa đậu nành hai chả giò chay ở tiệm bình minh sát hông chùa vừa ăn vừa nghỉ ngơi cùng nghĩ ngơi ở ngoài bắc mỗi lần đi tìm em là chị cứ ra thẳng cái chùa cuối làng bế em về nhà lau mặt rửa dái cho em sau này vào nam mỗi khi em cần sự yên tĩnh riêng tư là em bảo chị em vào chùa một lát chị nhé thời đó chị nghe dặn giữ gìn sơ tâm đừng hư nát giữ gìn màng trinh đừng để rách nát giờ ở nước mỹ to tát này chị vào chùa là em nào chị nấy ruột thịt tay chân trời vẫn còn mưa em ạ ngày còn bé em nhìn mưa nói là nước mắt lớn lên mưa là tiếng nói không thành tiếng của trời em nói những điều không may nó vận vào người nhạc thời chiến chị nghe bao giờ cũng ngậm ngùi xốn xang 24 giờ đi dài thêm 24 giờ về thời gian còn lại anh cho em tất cả em ơi ta đưa nhau tới đỉnh tuyết với chị nghĩ về anh hưng người tình đầu của chị tông quân giết giặc nhưng không được đành trở thành thương phế binh đui một con mắt cụt cả hai giò thành kẻ xin ăn giữa chợ chồm hổm như chị trở thành vũ nữ tỉnh lẻ em không chịu hiểu là chị mê say không khí phòng trà biết dường nào tất cả những gì bao quanh chị đều là phần vinh giả tạo khi nghe tiếng nhạc là toàn thân chị bị hàng triệu con kiến cào cứa chị nhảy múa uốn éo người vã giọt mồ hôi cuối cùng đêm đó chị ngủ ngon tiếng đàn tiếng trống tiếng hát đèn màu thay nhau chớp nháy mùi rượu bia mùi nước hoa mùi mồ hôi mùi hơi thở mùi thơm khát rạo rục mùi tội lỗi đói tình quán quỵện ma lực làm toàn thân chị như người lên đồng cái bản năng trong người chị là như thế chị làm vì yêu thích chẳng ai bắt chị cả duy ánh mắt và vẻ lầm lì của em như mối sâu vũ



trụ bao lần chị thôi cố không mò đến đấy nữa nhưng ngựa quen đường cũ tình cũ không rủ cũng về những lần lên cơn đồng thiếp chị em ta đã lao vào nhau lần đầu đám lông của chị phụt bùng cháy trên lưỡi em chị cười đồ dành em rằng hai ta cùng bọc trứng mẹ tinh trùng cha ai nói ai nghĩ ai khinh chê ai cười mặc kệ có ai sống giùm đời chị em ta đâu chưa kể những người đàn ông yêu chiều dịu ngọt ân cần chị trong mấy năm hành nghề vũ nữ là mấy năm yêu kiều nhất đời chị ở kiếp sống này chị lao vào họ sau khi chị em mình riết róng ôm cứng cùng nhau lao xuống vực thẳm hết rồi là bướm là hoa là màu xanh hi vọng mà là hai con thiêu thân lửa thiên đàng lẫn lửa địa ngục thiêu rụi thời ấy chị rực rỡ xinh đẹp biết là bao chị liếm sạch màu hồng trên da hút cạn sinh lực thân thể em ôi gã trai tơ vừa qua thời vờ giọng mấy chục lọ màu sơn móng tay chị ưng ý giữ gìn em hát hết hát hết mấy chục cuốn sách em quý kê gọn trên kệ chị hát hết hát hết mất nhau có gì trên đời giữ yên mãi được chị đành chấp nhận sống bất an bất trắc bất định bất hạnh tạo nên bản chất đời sống như cái thân thể phì nộn của chị hàm răng cái gẫy cái rụng cái lung lay có cả cái đau buốt nhưng chị vẫn ăn nhai ngậm nuốt nghiền nát thức ăn cho đến giây phút cuối buông tay nhắm mắt vài lần chị dợm chân thì mưa lại đổ hột to như hột bắp cô gái ngồi cạnh chị cúi gằm mặt suốt mấy giờ đồng hồ tay cô đeo chấn mười hai vòng chuỗi đủ màu đủ kiểu chú gì thường đến quét lá sân chùa luôn miệng chửi thề con cặc đụ má nó chị nghe muốn đến bảo chú ấy rằng đã chửi thì phải chửi cho đồng đều sao không chửi thêm rằng cái lồn đéo cha nó phải huề cả hai giống nam nữ không đéo đụ gì cũng cần đàn ông lẫn đàn bà mỗi lần mưa vào những buổi xế chiều như vậy làm chị tưng tức trong ruột buổi chiều thẳng cha đập xích lô nửa tỉnh nửa say tông vào nhà cổ banh háng chị ra ngay cạnh bếp lửa đang phừng phực cháy chị cầm khúc củi đang cháy đâm vào người hấn mùi áo râu tóc da hấn cháy bốc mùi lá dừa cháy lửa làm hấn tỉnh lửa làm chị



mạnh chuyện hiếp đáp xảy ra cho chị biết bao lần đủ kiểu đủ hạng đàn ông nhưng sao chỉ xảy vào những lúc trời mưa thôi hả em lần đầu chị cho thằng con trai chị thích cũng vào một tối trời mưa mỗi lần chị đi gánh nước ngang nhà liếc nhìn vô hấn đang cố giữ thanh tạ đúc xi măng đặt hai đầu ngang ngực hấn phùng mang trợn mắt thở phì phò trông oai phong ngực trần khêu gợi có hôm hấn tức tưởi ca bài anh đi chiến dịch xa với lòng thương nhân đạo cứu người lắm than hai cái môi hấn tròn vo đỏ thắm chị nhìn nước miếng tươm ra như nước dưới giếng trào lên đầy hai gánh nước đọng đưa trên vai mưa lửa làm cả hai mất hết sợ hãi thường nhật ngay lúc đó chị vừa mười bốn tuổi về nhà lòng dửng dưng một cách kì lạ hay mưa đã xóa sạch mọi sự kinh khủng vừa xảy ra lòng chị sạch ráo như mấy cục gạch lát trước cửa được nước mưa rửa sạch chị chẳng sợ cũng chẳng khó chịu cũng chẳng tiếc nuối oán trách gì ai sau này chị làm tình làm tội làm sướng các biết bao gã đàn ông con trai đủ loại hạng người sắc tộc lúc muốn lúc bị lúc chiều lúc say lúc thèm lúc ép lúc chơi lúc lừa đủ cả chị vốn chẳng lấy thân xác làm quan trọng giờ chị béo phì như lợn nái già trái hấn thời con gái thon thả khỏe mạnh lẳng lơ mông ngực chắc từng múi chị xuất thân con nhà tay làm hàm nhai chuyên gánh vác việc nặng không sử dụng đầu óc giờ chị chỉ biết vô sân chùa ngồi xóa sạch dục niệm thì cảm thấy ấm lòng như ngửi lá bàng non tươi chấy yên ả một lát nhìn hai tượng ông thiện ông ác lớn tồ dựng đứng trước cửa chùa một nửa người dưới chị ngả theo ông ác còn nửa thân trên chị Chuỗi về phía ông thiện em thấy có tức cười không mấy tượng phật trong chùa chị thấy sao xa lạ với chị quá chị đốt cây nhang trước ảnh xá lợi chút tro xương sư bà chị thấy ánh mắt sư bà triu mến như mẹ ngày xưa mùi rá non ủ kín xanh tươi đời dài mút mát vài lần chị chảy nước mắt dù bao chục năm nay chị chẳng biết mình còn nước mắt để chảy chẳng còn biết khóc là sao nữa cả bỗng dưng chị nhớ bốn con mắt của hai đứa bé sinh



đôi sáu tháng của ông bà ozick chị trông nom khi chân ướt chân ráo mới sang đất mỹ chị đút chuối khoai tây táo chín xay nhuyễn thay vì nhai nát bón cho chúng chị đẩy xe đưa chúng dạo lòng vòng quanh xóm ngày hai bận chị ưa ngồi xồm chong mắt ngó khi chúng khóc nghe như hát bởi chúng ít khóc mà luôn toe miệng cười chúng chỉ khóc khi tè trong tả chị chưa kịp thay hoặc đói bụng chị chưa kịp cho ăn trời mùa đông hai đứa nằm cong người như hai con sâu róm chị đặt hai đứa nằm hai bên chị nằm giữa mùa hè bốn bàn chân mồm mồm dễ thương của chúng đáng yêu làm sao chị sờ thoa bóp rồi hôn mãi không ngán chị ngắm bốn con mắt màu xanh biếc như đít ve chai tóc vàng hoe như sợi ngô non thậm mớ biết mình có con với —— được không vì tự đáy lòng chị không muốn có con với gã đàn ông đó giờ cái tên của gã chị cũng đã gạt ra khỏi trí nhớ gã là ván cờ đời chị thua nhẵn chấy giờ hai đứa nó còn sống hay chết bệnh hoạn hay khỏe mạnh đã có chồng con gì chưa biết đời chúng có sung sướng may như mẹ chúng không bà cứng con như cứng nhan sắc bà bởi thế chị hay theo hỏi sao bà không đẻ thêm bà bảo vì muốn lo cho hai đứa đến nơi đến chốn chị ngạc nhiên nhà lầu xe hơi mới toanh chồng là bác sĩ mổ tim bà muốn đẻ một tá cũng được bên việt nam mình chủ trương trời cho bao nhiêu đẻ ra nuôi bấy nhiêu đàn con cứ thế như gà bươi mà sống đứa nào lỡ ngúm củ tỏi thì buồn đau vài ngày rồi tự an ủi số phận nó sao ngăn ngủi thế mưa càng lúc càng to hột tiếng mưa rơi tựa tiếng đàn tiếng nhạc tiếng trống chị thích nhạc thích múa may quay cuồng chắc kiếp sau không chừng chị là nhạc sĩ như ai đó hay là ca sĩ như ai đó để chị mặc sức thả trí tưởng tượng không cần phải đánh lễ ai cả ưng làm gì thì làm như chị đang để những hột nước mưa vừa nhảy vừa hát em nhé nghe ngộ nghĩnh và hay không kiếp này chẳng nào chị cũng đã đeo vào người cái tiếng vũ nữ bán ba me mỹ gái điếm gái giang hồ gái đứng đường gái ăn sương gái gọi vận vào người rần tu thân tích đức để kiếp sau sẽ được như bà ozick



khỏe mạnh đẹp đẽ chồng yêu con ngoan nhà giàu học giỏi mọi người quý trọng mình có sức chơi thì giờ có sức chịu đã làm thì giờ ngậm họng chẳng ai cầm dao dĩa vào cổ bắt chị phải sống như thế này hay như thế nọ chị nhớ ngày đi nhận xác em cũng là ngày mưa to chắc hột như thế này đây mưa rơi lộp độp và tới tấp trên tóc chị tập tực sa ti ấn độ người đàn bà nhẩy vào lửa tự thiêu cùng người đàn ông lỡ lấy làm chồng phải chi lúc đó mưa là lửa em nhỉ mưa làm chị ngộp thở như người không biết bơi bị ai xô mình xuống biển giữa trời đêm mưa dai dẳng suốt trên đường về lại Sài Gòn xe đồ đồ dốc từ Pleiku đất đỏ heo hút trời đất dính chặt nhau như thân xác chị em mình lúc sống và linh hồn lúc chết từ ngày rời bắc vào nam và giờ đây sau mấy chục năm sống dở chết dở trên đất Mỹ tai ương hoạn nạn này chị biết thế nào em cũng nói khổ thân chị quá chỉ mình em mới hiểu thấu được trái tim chị đập theo từng điệu nhạc dù em còn hay đã mất thì có hề hấn gì hả em vẫn là đốm lửa thiên thần lẫn ác quỷ không bao giờ tắt trong lòng chị cả sư bà năm trước khoác áo cà sa nay thân xác thiêu đốt mà trái tim vẫn đỏ và đập đều quanh quẩn đâu đây chị sợ lửa mà sao lửa nóng hổi thổi vào lòng chị khi bập bùng khi leo lét chưa bao giờ lụn tàn như mưa lúc thưa lúc khít

(Trích tiểu thuyết *Âm Vọng*, sắp in).



# TRẦN THỊ MINH NGUYỆT

## *màu hồng cam trên biển*

Nửa con người thông minh quyến rũ của anh vẫn trăm lần hơn  
nguyên            một tên lù đù vô duyên

Cô chắc chắn như thế sau một tháng quen anh với những hẹn  
hò và những giờ phút trọn vẹn trong vòng tay lịch lãm            tình  
tử của anh

Cô bé hả - dạ - đang làm gì đó ? - đang chờ anh gọi - lát nữa  
đến anh ăn cơm tối, khoảng hai giờ sáng tại mình sẽ đón Q. rồi  
đi biển bắt ốc vôi vôi nhé ( anh gọi cô lúc 6 giờ chiều thứ Sáu )  
thôi, Giang thấy hơi ngại ( cô biết vợ anh đang ở đây ) hay là  
trên đường đến Q. anh và chị K. đón Giang luôn            được không  
( nhưng cô đã kịp giữ lại lời nói            vì sẽ gây khó cho anh với  
điều đó ) vâng, Giang sẽ đến nhà anh trước 2 giờ

Khi lái xe đến chỗ anh, cô thật sự nao nức và lo âu, cô sợ chị  
K. biết            và khổ, không            mong anh sẽ chia tay với vợ để  
thuộc về mình, chỉ muốn sống cho đam mê nóng bỏng đang  
thôi thúc kéo xóc cô từng giây phút

Hello Q.            đã sẵn sàng chưa ? ( Q. nhìn anh, chị K. rồi cô,  
vẻ không hiểu            ) xong rồi, mời lên xe, tôi lái nhé ( Q. nhìn  
lại            nhìn cô ) Thấy cô ngồi ghế sau anh nói lớn - buồn ngủ  
quá, mình            ngồi sau để khỏi ngủ gật trên vai tài xế ( cô  
cúi mặt            che nụ cười)

Trắng thênh thang soi đường cho Q. lái êm ả . Chị K. ngồi phía  
trước ngủ chúi vào cửa xe - Giang ngủ một chút cho đỡ mệt -

Q. quay ra sau) OK cảm ơn Q. Nhìn ra ngoài, trời lạnh nhưng cô nghe ấm lạ thường khi biết anh đang tìm tay cô, bóp nhẹ nhẹ bàn tay trái nhỏ nhắn sau lớp áo lạnh đen ( cô cào nhẹ lòng tay anh muốn nói) liều quá đi, Q. đang nhìn vào kiếng chiếu hậu kìa Anh bắt đầu luồn tay lên vùng lưng mềm mại người cô mềm nhũn dưới sự tấn công âu yếm tuyệt vời, giữ mắt trên kiếng, cầu tay anh hụt hơi - anh không xem ai ra gì cả

6 giờ canoe sẽ chở tụi mình qua đảo nhưng coffee shop đã mở cửa rồi ( Q. đậu xe vào bãi) tốt quá, mình tìm café uống đi ( anh nheo mắt ) Giang thêm hot chocolate ( cô mỉm cười khi mặc thêm áo lạnh) sao chị K. còn ngồi đó ? Mình thấy lạnh, chắc không uống café đâu ( giọng chị không tự nhiên )

Dây giày bung ra kìa - anh ngồi bệt trên cát ân cần buộc giày cho cô - Q. lững thững đi vào quán - trông tươi tắn rồi, thôi đi cô bé cô nghe cát reo vui nâng bước chân mình nhẹ hẫng, nhìn màu hồng cam trên biển cô nghĩ nó không tươi đẹp rực rỡ bằng nét mặt anh và lòng cô lúc này. Đây, hot chocolate của cô bé nè, anh lấy muffin cho em nhé ( cô gật gật hộp một ngum thật ấm và thơm) cho anh uống một tí nè, ngon vô cùng- ừ ngon, nhưng không bằng môi em ( cô bắt gặp tia mắt anh thật gần) đưa tay cù lét anh để che niềm rung động, khát khao tràn về, cái đầu be bé đang loé lên một chân lý hạnh phúc, một ước cấp bách : được nghe anh nói mỗi ngày cho âu yếm bóp thắt tim, được anh chia miếng kem bằng môi nơi quán kem đông người cho rằng lưỡi ngọt đại chiều hè Những năm qua cô đã có những cuộc tình, cô bình thản, không ngạc nhiên nhìn chúng chết yểu sau một khoảng yêu đương hèn hò. Khi gặp mối tình thật lạ của anh, cô yêu như lần đầu, sống như lần đầu biết sống với tâm hồn, thân xác no đầy tràn vỡ

Hello cô bé - hi anh - mở cửa cho anh đi, anh đang đứng trước cửa nhà em ( cô thoáng hoảng hốt) xin lỗi anh Giang đang



ngủ, hôm nay thấy mệt mệt nên ngủ sớm - nhớ em quá anh đến liêu, mấy lần gọi và để lời nhắn nhưng không thấy em gọi lại ( cô chùng xuống vài giây, nhưng hình ảnh chị K. hiện ra, phục vụ, hầu hạ anh như người giúp việc để đổi lấy sự thương hại của anh từng ngày, cô khinh sự lợi dụng nỗi khinh bỉ đốt rụi tình yêu trong cô, để lại tàn phai bôi xóa ). Đạo này Giang bận lắm ( một bàn tay lạnh lẽo đen đúa phủ chụp toàn thân anh, mát mát đậm sâu, anh chới với) chưa có ai dã man như em ( anh cố đùa nhưng cô nghe rõ tiếng rên rĩ) Và anh là người tàn nhẫn nhất thế giới ( cô cười ) thôi anh lái xe cẩn thận, có gì Giang liên lạc với anh sau nhé  
Bỏ điện thoại xuống cô đọc tiếp email của Lân  
Cám ơn Giang đã đến cho anh một đêm sinh nhật khó quên, ngày mai có thể trời mưa, đi làm nhớ mang theo dù nghe

Cô gửi cho Lân bài thơ vừa viết xong :

## **CHÚC SINH NHẬT ANH**

*cây trở mùa YÊU*

*rằm ơi, xin giữ*

*đường trăng yêu kiều*

Giọng lo lắng của chị M. lại vọng về - em không còn trẻ nữa đâu

không nên lông bông mãi, mai một lớn tuổi, lủi thủi một mình khổ lắm - cám ơn chị, nhưng chị phải tìm phụ với em. Cô không biết ngày nào cô mới yêu và tin đủ để bước vào vòng vây hôn nhân lần nữa

Cô bắt đầu đọc email của chị K. vừa gửi đến - Giang ơi, tuần trước mình đã gặp luật sư và bắt đầu thủ tục ly dị cám ơn Giang mở mắt cho mình, bây giờ mình có một phần tự tin và nghị lực của Giang, khi nào rảnh gọi điện thoại cho mình nhé, chị K.

# NGUYỄN TRUNG DŨNG

## *kh u v ư ờ n đ ư ờ n g f i f t h*

Tôi kể đến đâu rồi nhỉ? À đó là một ngôi nhà ma. Tôi nói thì không ai tin cả nhưng nếu đến thuê ở họ sẽ chạy dài. Nhìn mặt ngoài ngôi nhà hai tầng lầu cao vời vọi có thêm hai ngôi tháp kiến trúc theo kiểu cổ với chiều dài quá cỡ của nó ngôi nhà được coi là rộng và đẹp. Nhà lớn giá lại rẻ nên ai cũng ham nhưng ở được vài ngày thì ham bỗng thành ngán. Ông cụ người Mỹ ở căn nhà đối diện với ngôi nhà ma kể cho tôi nghe bốn năm trước đây ở ngôi nhà này đã có một người treo cổ chết. Đến bảy ngày sau khi xác đã rửa thịt đã thối người phát thư tình cờ bước vào mới phát hiện được. Chẳng mấy khi có ai bước lên bậc thềm nhà này trừ ông phát thư. Ông lái chiếc xe bưu điện màu trắng có những đường kẻ xanh đỏ đến đỗ ở góc đường rồi đẩy cái xe con với những xấp thư đi từ đầu phố đến cuối phố vào những nhà có thư để phát. Nếu là khu chung cư những thùng thư thường dựng ở ngoài đường cho tiện người phát và lấy thư mỗi nhà một thùng có ghi rõ số nhà hay ký hiệu riêng. Nếu là tư gia thùng thư vuông vức chỉ là cái hộp gắn ở vách. Người đưa thư đã đến bỏ thư cho căn nhà ấy nhưng thấy đã một tuần thư vẫn đầy ắp không có ai lấy ra. Chẳng có nơi nào ông phát thư thấy thư đầy ắp như thế ngoại trừ thùng thư của nhà bà cụ chủ ngôi nhà ấy. Mới đầu ông cho rằng chủ nhà đi vắng hoặc đổi chỗ ở rồi. Nhưng khi bước lên thềm nhà bỏ thư vô hộp mũi ông bắt thấy có mùi hôi. Nói là hôi thì không



đúng lắm mà là mùi thum thum khăm khăm của thịt thối rữa của con vật gì chết ấy. Nhưng cái mùi này nồng nặc và kinh tởm lắm chắc phải là một con vật gì thật lớn. Cẩn tắc vô áy náy ông ta vội gọi điện thoại số 911. Xe chữa lửa và xe cảnh sát cùng đến một lượt. Người ta vội phá cửa để vào và phát hiện là có kẻ đã treo cổ chết mấy ngày rồi. Kẻ treo cổ là bà già chủ ngôi nhà ấy. Nếu bà già tự mình treo cổ để tự tử thì thậm chí vô lý. Vì bà cụ vốn là người tật nguyền đã phải ngồi xe lăn nhiều năm qua không thể tự mình đứng lên trên một cái ghế tự rồi tự mình đút đầu vào cái thòng lọng và tự mình điều khiển đôi chân tật nguyền để đẩy ngã cái ghế dưới chân vân vân... Vụ án được đi đến kết luận thủ phạm là một người nào đó đã đột nhập căn nhà có thể đã tra khảo rồi cướp lấy vàng bạc tiền của xong treo cổ bà cụ lên để đánh lạc hướng điều tra của cảnh sát theo sự tính toán riêng của gã. Nhưng tính thì tính như thế nhưng vụ án mạng cũng chìm xuống vì cảnh sát bất lực không tìm ra thủ phạm. Ừm, tôi kể đến đâu rồi nhỉ? À đấy là chuyện của quá khứ. Quá khứ là quá khứ không còn mấy ai bận tâm và nhớ đến nữa. Còn sau đó ngôi nhà vẫn là ngôi nhà như tòa lâu đài tọa lạc ở đó trên đường số 5 này. Ít lâu sau có người đến thuê ở. Người mới dọn đến khi chủ cũ rời đi. Dọn đến rồi dọn đi tính ra trong mấy năm nay có đến năm sáu vụ. Khi dọn đến thì xe chở đồ đạc là xe vận tải thuê loại trung và khi dọn đi thì cũng vẫn cái xe vận tải loại trung 6 bánh đó. Và đến hay đi họ cũng chẳng nói với bất cứ ai lý do dọn đến và nhất là không nói lý do tại sao không ở lại mà lại đi ngay. Duy có tôi [lời ông Mễ già ở căn nhà đối diện nhà bà cụ bị treo cổ] sớm tối ngồi ở hiên nhà uống bia - loại bia Mễ làm bằng bắp - đọc báo ngó mông lung ra đường thì biết rất rõ tại sao mà họ vội “move” đến “move” đi như vậy. Có một lần có một gia đình đến ở dẫn theo một con chó to như con bê. Chó lông đen tuyền mặt mũi nom dữ như con sư tử đực. Người ta nói ma sợ chó mực tức chó lông đen như con chó của gia đình mới dọn



đến này. Nhưng con ma xem ra không sợ chó mà còn phá quấy khiến con chó mực cứ sủa suốt đêm rồi cuối cùng không hiểu sao mà chết. Gia đình ấy cũng vội vàng “move” đi ngay mấy ngày sau khi con chó chết. Mùa mưa đến trời tối rất sớm. Cây lớn trồng trước nhà cành lá võng rủ gió đùa quạt như chổi xua quét ván sàn nhà rồi còn nghe rõ cả tiếng hụ nấc như chim cú kêu nữa. Buổi tối mùa hạ khi ánh sáng của vầng trăng chiếu xuống tàng lá rậm rạp có người nói nhìn thấy hình người mặc áo trắng. [Người ta chứ không phải tôi, ông Mễ già cải chính] Người ta thấy rõ một người mặc áo trắng đu từ cành cây này sang cành cây kia như một con bạch hươu. Điều đó thực hư ra sao không rõ nhưng ở đường số 5 này ngôi nhà đó không phải chỉ mình tôi mà ai cũng nói là nhà có ma. Ở Westminster dưới Quận Cam nghe nói cũng có một ngôi nhà ma như thế. Ngôi nhà xây không biết đã bao lâu bao nhiêu phòng ốc đều bỏ hoang ngay cả những người Mỹ đen vào ở qua một đêm cũng phải chạy nạy chỉ được dùng vào việc bán vé thu tiền cho ai hiếu kỳ muốn vào coi. Vào coi tất nhiên chỉ vào ban ngày còn ban đêm dù chủ có cho thêm tiền cũng không ai dám. Ngôi nhà này cũng vậy ngày thì như không có gì xảy ra đêm thì mới là không bình thường. Hết rung giường nhấc đệm lác sần cào vách đánh đổ đồ đạc thêm vào đó lại còn những tiếng cọt két tiếng cọt két tiếng leng keng tiếng loảng xoảng đủ thứ âm thanh. Ai cũng hiểu ma quấy phá là vì không muốn để cho người lạ đến ở. Người cuối cùng vừa phải dọn đi ngôi nhà lại bỏ trống. Dễ chừng đã hơn nửa năm tôi không thấy ai đến thuê. Đêm về nhà nhà các dãy trong khu phố sáng ánh đèn duy chỉ ngôi nhà ma là đèn đóm không có lấy một ngọn. Lâu ngày chẳng mấy ai bận tâm về chuyện ấy nữa. Cả đến tôi suốt ngày ngồi ở đây cũng không thêm chú ý. Trưa thứ bảy tuần rồi theo lệ thường tôi vẫn ra ngồi ở hàng hiên nhà uống bia bắp và nhìn mông lung. Đúng lúc tôi buông cái vỏ chai không để cầm ly bia lên uống thì mắt ngó sang nhà dãy phố bên kia tôi thấy



chiếc U Hall – loại xe cho thuê để chở hàng trời tới. Xe đến trước ngôi nhà ma thì đỗ lại. Đồ đạc được chuyển xuống vỉa hè trước nhà. Đồ đạc thật đơn sơ nhưng đặc biệt là có nhiều khung tranh. Có bức đã vẽ rồi nhưng có nhiều bức chỉ mới căng bố chưa vẽ. Tôi đoán người mới thuê nhà là một tay họa sĩ. Chỉ họa sĩ mới lăm lăm khung đến thế. Điều này tôi đoán không sai. Một người Mỹ lai Tây Ban Nha to lớn vạm vỡ râu ria xồm xoàm tóc dài như phụ nữ và nghề vẽ tranh là nghề của ông ta. Đến sẩm tối đồ đạc [thật ra chỉ là nhiều khung tranh] đã được đưa hết vào nhà cũng vừa khi nhà trong phố đã lên đèn. Đêm ấy lâu lắm người ở đường số 5 mới thấy trong ngôi nhà ma có ánh đèn. Đêm đầu có lẽ không có gì xảy ra nên ông họa sĩ ngủ ngon sau một ngày vất vả khuôn vác khiêng mang đồ đạc. Vì ngủ ngon nên buổi sáng khi mặt trời chiếu vào cửa sổ làm chói mắt ông ta mới dậy. Qua đêm thứ hai nửa khuya ông thức giấc vì nghe thấy đủ thứ tiếng động ở trên lầu ở dưới nhà ở dưới hầm ở sau vườn. Tiếng động kéo dài suốt đêm cho mãi đến sáng mới ngưng. Đêm thứ ba ông ngồi vẽ dưới ánh sáng của ngọn đèn lớn trước mặt là khung bố đặt trên cái giá gỗ có ba chân. Ông có thói quen làm việc vào lúc khuya khoắt thay vì ban ngày. Giờ này mọi người đều ngủ nhưng đối với ông giờ thiên hạ ngủ lại là giờ ông thức. Ông thức với cây cọ sơn và khung bố. Từ những đường đi của cây cọ đó ông phóng những đường phóng để vẽ một hàng cây với cành khô khẳng với những con dơi quạ treo thân lủng lẳng với một bầu trời màu vàng úa ở phía sau. Những con dơi quạ chân bám dính cành cánh như hai vạt áo chùng khép thân màu đen nhọ chảo. Đến nửa khuya bức tranh ông vẽ đã hình thành theo đầu óc ông thể hiện. Ông buông cọ châm thuốc hút ngồi ngắm nghía bức tranh. Lúc ngó về góc tối của căn phòng ông nhìn thấy một bà già ngồi trên cái xe lăn mặt mày hốc hác đầu tóc trắng xóa miệng móm vì răng không còn đang chăm chăm nhìn ông. Ông buông rơi ly rượu xuống sàn cái ly bể tan và bà cụ ngồi trên xe



lăn lập tức biến mất. Đêm hôm sau bức tranh tựa đề “Dơi Treo Thân Ngủ” của ông đã hoàn thành. Nhưng cũng vào nửa khuya đêm đó ông đang vẽ tiếp một bức mới thì tai ông nghe tiếng vù vù của những đôi cánh vỗ. Cánh của vô số những con chim đúng ra là những con dơi đập cùng một lúc mới tạo ra tiếng ào ào như tiếng sóng đập lúc biển động như thế. Ông là người vốn gan dạ bất chấp trước những hiện tượng quái dị như thế. Ông đã không sợ mà lại còn cười. Ông ta cười thách thức mỉa mai và khinh khi. Nhiều đêm sau đó ông vẫn ngồi mãi mê với sơn cọ. Vẽ và vẽ miệt mài với đường phết vung vãi sơn trên khung vải bố. Vẫn thản nhiên lì lợm với bóng tối đêm khuya khoắt và sự tĩnh mịch đến ghê rợn khi nhà trong khu phố đã ngủ yên. Đêm nay ông muốn hoàn thành bức họa “Quạ”. Có những con quạ đứng trên ngọn cây khô nghển cao cổ gào. Những con quạ màu đen như màu của những con dơi. Màu đen u ám ông thường sử dụng trên mỗi bức tranh. Ngay cả những bức vẽ buổi sáng của một ngày hừng nắng ông cũng cố ý đem màu đen đó vào để bôi phết một khoảng trời nắng chưa liếm tới. Mà ở đó là một khu rừng với cây cối còn ngủ ở đó có những ngôi nhà chưa thức ở đó ruộng rẫy chưa tan hơi sương. Lúc ông vẽ bức “Quạ” ông nhác thấy ở góc căn phòng tối cái chỗ bà cụ già vẫn ngồi trên chiếc xe lăn đêm nay ông lại thấy bà cụ đang bị treo cổ. Lúng lẳng với cái thân thể suông đuột chân và tay suông đuột đầu ngoẻo và mắt trợn lồi thè bà cụ nhìn ông vẽ. Người khác chắc không đủ bình tĩnh và can đảm ngồi vẽ tiếp nhưng ông là người dư thừa bình tĩnh và can đảm nên cọ vẫn đi sơn vẫn chấm việc vẫn làm. Gần sáng bức họa được coi là xong. Lúc ông lả người gục xuống thiếp đi ông nghe tiếng đập cánh của nhiều con quạ và tiếng kêu la quang quác có lúc như gào thét ở sau lưng ở trước mặt ở bên trái ở bên phải ở khắp nhà. Lúc tỉnh dậy ông nhìn lên bức tranh thấy cây cối vẫn còn đó nhưng những con quạ đen đã bay đi đâu mất cả. Đêm từ nền vải vẽ dơi biến mất. Ngày từ nền vải vẽ



những con quạ cũng bay đi. Một buổi chiều ông vẽ một bức tĩnh vật – tĩnh vật thì chắc là không bay được - ông vẽ một cây đèn dầu loại đèn mà các ông “xếp tanh” xe lửa thường xách tòng teng để ra hiệu cho tàu ngừng hay chạy. Bầu trời chiều bữa đó kéo mây đen. Rồi mưa. Mưa to bởi lượng nước mây ngậm quá nhiều nước đổ xuống nhiều và nặng. Đập lên mái. Vỗ trên cây. Ném như đá sỏi mặt đường phố. Tạt vào kính cửa sổ. Mưa to. Giữa cơn mưa nghe sấm rền sét nổ. Sét đánh xuống ngôi nhà. Lửa xẹt qua cửa kính vào ngôi nhà thấp cháy cây đèn trên khung bố. Ông họa sĩ hoảng hồn muốn tắt ngay cây đèn đi nhưng loay hoay thế nào làm sơn vãi vào khung bố lửa càng bốc lớn hơn. Lửa từ bức tranh lan sang màn cửa rồi cứ thế theo chuyền dần lên trần nhà. Mái hiên cháy. Nóc mái cháy. Sàn nhà cháy. Đồ đạc cháy. Mọi cái đều phát hỏa nên cháy dựng lên như một hỏa diệm sơn phụt chất nham thạch. Chẳng thể nào ngăn chặn được với thần lửa điên lên như đang giận dữ vào lúc đó. Dù xe cứu hỏa cấp thời kéo đến dù những người lính cứu hỏa tận tình làm hết phận sự dù nước từ trời đổ xuống đang khi mưa dù vòi rồng phun tới tấp phun từ những chiếc xe chữa lửa đổ kín con đường đến sáng ngôi nhà vẫn cháy rụi. Ngôi nhà sát vách ngôi nhà ma cũng cùng chung số phận làm chết oan đôi vợ chồng son vừa dọn đến. Vụ hỏa hoạn đã thiêu rụi ngôi nhà ông họa sĩ và những bức tranh. Khu đất có ngôi nhà cháy sau khi thu dọn sạch đã để trống. Cỏ thi nhau mọc. Mọc rậm rạp và ngọn lên cao ngồng.

Hai tháng sau. Tôi đọc trên tờ *San Jose Mercury News* đã rách:

**Một ổ buôn bạch phiến bị cảnh sát khám phá ở San Jose.**

*San Jose, April, 15.02.* - Đêm 14 rạng ngày 15 tháng 4. 2002, FBI phối hợp với cảnh sát địa phương đã bao vây và bắt được quả tang một ổ buôn bạch phiến tại nhà số... đường Fifth, San Jose. Chủ nhà Leonardo Ocegüera, 57 tuổi, gốc Mễ, bị bắt với hai đồng bọn là Pedro Cabrera 37 tuổi quốc tịch Mễ, nhập cư bất hợp pháp và Pedro Valdez 26 tuổi, người Mỹ gốc Mễ. Theo thượng sĩ cảnh sát Brian Pearce thì 4 năm trước Ocegüera đã giết bà cụ Carla Whalen ở ngôi nhà đối diện và gần đây đã đốt cháy hai ngôi... (mất phần tiếp theo).



# HOÀNG NGỌC-TUẤN

(*một truyện giả tưởng  
cho tác giả của chính nó*)

Thưa tác giả,

Hắn ông rất ngạc nhiên và tức giận khi thấy tên ông, Hoàng Ngọc-Tuấn, vẫn được in chính xác trên đây, nhưng nhan đề tác phẩm của ông đã bị thay đổi và đặt vào giữa hai dấu ngoặc đơn, và những dòng chữ này không phải là của ông. Tôi hoàn toàn thông cảm với sự ngạc nhiên và tức giận của ông, nhưng xin ông bình tĩnh đọc tiếp để hiểu rõ nguyên nhân của hiện tượng này.

Trước hết, có lẽ ông nóng lòng muốn biết tôi là ai. Xin thưa ngay rằng tôi là “hắn” trong truyện này (một truyện giả tưởng do chính ông hoàn tất vào tuần trước). Ông đã tạo ra tôi ngay trong đoạn văn đầu tiên của truyện. Xin ông thông thả đọc những mảnh ghi chép rời rạc của tôi dưới đây để thấy rõ vấn đề.

1.

*Một dòng nước trong chảy giữa đám cây, phía trước giáp với cửa sông lớn. Năm giờ chiều. Tôi nhìn thấy một con thần lùn giống như một chiếc lá trên thành cửa sổ. Nhìn qua khung cửa sổ, tôi thấy hắn đến (thật là một cảnh xấu xa khi một người đàn ông không có mắt không có mũi không có tai và giả vờ hút thuốc nửa chừng luôn luôn tắt lửa) và tôi nhìn ngắm hắn.*

Vừa viết xong đoạn văn đầu tiên, ông nhìn vào màn ảnh vi tính, đọc lại một lần, mỉm cười, lẩm bẩm với vẻ tự mãn: “Được, được lắm!” Rồi ông gỡ cặp kính cận để xuống mặt bàn



viết, đứng dậy, bước xuống nhà bếp để pha một cốc cà phê. Khi ông bưng cốc cà phê trở lại bàn viết, thì cặp kính cận không còn ở đó. Ông nhìn quanh quất trên bàn, dưới đất, rồi lẩm bẩm: “Lạ thật! Mới để cặp kính ở đây, mà sao nó lại biến mất?” Đặt cốc cà phê lên mặt bàn viết, ông bước xuống nhà bếp để tìm cặp kính cận. Rồi ông quay lại bàn viết và thấy cặp kính cận vẫn ở nguyên chỗ cũ. “Ô hay! Nó đây rồi. Thật lẩn thẩn”, ông tự nhủ như vậy. “Ừa, mà cốc cà phê đâu rồi? Là nhỉ?” Ông mang cặp kính vào, rảo mắt nhìn quanh, rồi lại đi xuống nhà bếp, thì thấy cốc cà phê ở đấy. “Thật là lẩn thẩn! Đạo này đầu óc thế nào ấy!” Ông bưng cốc cà phê trở lại bàn viết để tiếp tục viết, nhưng ý nghĩ về sự lẩn thẩn cứ chồn vờn trong trí ông.

## 2.

Vâng, tôi chính là “hắn”, một nhân vật bị ông bất ngờ tạo nên trong ngữ cảnh vá vúi và ngập ngụa những ảnh hưởng ấy. Ông nói sao? Không vá vúi à? Không chịu ảnh hưởng của ai à? Độc sáng? Ồi chào, lại còn độc sáng nữa! Ngay cả tôi đây, nhân vật chính của ông, mà ông còn không tạo nên nổi kìa. Ông đã đánh cắp tôi từ chữ nghĩa của Rainer Maria Rilke, Guillaume Appollinaire và Carlo Emilio Gadda, mà ông còn chối sao? Không, tôi không hề vu khống hay bịa đặt. Ông cho tôi xuất hiện như thế này: *“tôi thấy hắn đến (thật là một cảnh xấu xa khi một người đàn ông không có mắt không có mũi không có tai và giả vờ hút điếu thuốc nửa chừng luôn luôn tắt lửa) và tôi nhìn ngắm hắn.”* Khéo thật nhỉ? Không, tôi không thấy phiền hà gì khi bị gán cho một bộ dạng như vậy. Chỉ có một điều tôi không chấp nhận được: ông bắt tôi phải chịu đựng một diện mạo chấp vá vớ vẩn từ những mảnh vụn chữ nghĩa của ba tác giả khác nhau. Mảnh này là từ bài thơ “Das Lied der Witwe” của Rainer Maria Rilke: *“tôi thấy hắn đến (thật là một cảnh xấu xa) và tôi nhìn ngắm hắn”* (Ich sah ihn kommen (wie schlecht er kam), und ich schaute ihm zu). Mảnh này lại đến từ



bài thơ “Le musicien de Saint-Merry” của Guillaume Appollinaire: “*khi một người đàn ông không có mắt không có mũi không có tai*” (quand un homme sans yeux sans nez et sans oreilles). Mảnh này lại được cóp nhặt từ tiểu thuyết *Quer pasticciaccio brutto de via Merulana* của Carlo Emilio Gadda: “*và giả vờ hút điếu thuốc nửa chừng luôn luôn tắt lửa*” (e a fingere di fumare la sua mezza sigheretta, regolarmente spenta).

Tệ hơn nữa, ông lại ném tôi vào một ngữ cảnh tạp nhạp Đông Tây cổ kim như thế này: “*Một dòng nước trong chảy giữa đám cây, phía trước giáp với cửa sông lớn*” chính là hai câu “*Thanh lưu quán kỳ trung / tiền lâm đại xuyên khẩu*” của Vương Duy trong bài thơ “Nạp Lương”. “*Năm giờ chiều*” chính là câu thơ “*A las cinco de la tarde*” trong bài “*La cogida y la muerte*” của Federico García Lorca. “*Tôi nhìn thấy một con thần lằn giống như một chiếc lá*” lại là một câu văn của Joanna Frueh trong một bài có cái nhan đề tôi không nghĩ nổi là “*Fuck Theory*”. Chỉ có hai mảnh chữ “*trên thành cửa sổ*” và “*nhìn qua khung cửa sổ*” thì hoạ may là của ông, nhưng lại chẳng phải là của riêng ông, vì chúng có thể sẵn có trong bất cứ truyện ngắn hay tiểu thuyết nào.

### 3.

Lúc ông xuống nhà bếp nấu món ăn chiều, ông thấy trên sàn nhà bếp một mớ sách gồm những cuốn của Vương Duy, Federico García Lorca, Joanna Frueh, Rainer Maria Rilke, Guillaume Appollinaire, và Carlo Emilio Gadda. “*Ai lại đem sách để chỗ này?*” Ông cầu nhàu, nhưng lại tự thấy vô duyên, vì mọi người đều đi picnic từ sáng sớm, chỉ có một mình ông ở nhà để viết văn. Ông nhặt mớ sách đặt lên bàn ăn. Khi ông vừa quay lưng đi, mớ sách rơi ào cả xuống đất, nhưng ông lại cúi xuống, nhặt lên một cách bực dọc. “*Dạo này chân tay vụng về quá*”, ông tự nhủ, “*có lẽ phải chịu khó bơi lội và tập thể dục.*” Rồi ông ôm mớ sách đi thẳng đến kệ sách và xếp từng cuốn vào.



4.

Nếu tôi được phép trả đoạn văn tiếng Việt rất thú vị của ông về với những xuất xứ đa ngữ của nó, thì nó phải như thế này:

*Thanh lưu quán kỳ trung, tiền lâm đại xuyên khẩu. A las cinco de la tarde. I saw a lizard and it looked like a leaf trên thành cửa sổ. Nhìn qua khung cửa sổ, ich sah ihn kommen (wie schlecht er kam, quand un homme sans yeux sans nez et sans oreilles e a fingere di fumare la sua mezza sigheretta, regolarmente spenta), und ich schaute ihm zu.*

Vâng, thưa ông, tôi không thể chấp nhận một hiện hữu lem nhem trong một ngữ cảnh hồ lớn như vậy.

5.

Từ lúc vợ con ông đi picnic về trước bữa ăn chiều cho đến khuya, ông luôn luôn phải nghe những lời cần nhần mà không cách nào tự bào chữa.

“Anh ơi, sao anh lại vất tàn thuốc lá lên tấm thảm ở phòng khách? Anh đã hứa không hút thuốc ở trong nhà cơ mà?”

“Bố ơi, sao bố bỏ tàn thuốc lá vào hộp đồ chơi của con?”

“Anh ơi, em đã mua cho anh mấy cái gạt tàn để ngoài vườn trước, ngoài vườn sau, ngoài balcony, mà sao hôm nay anh lại liệng tàn thuốc trên bồn rửa mặt?”

“Trời ơi, anh lại ném cả tàn thuốc trên chạn để bát đĩa! Em chỉ đi vắng có một ngày mà anh đã bừa bãi như vậy sao?”

“Trời ơi, anh lại nhét cả tàn thuốc vào túi quần dài? Em đã bảo anh đừng làm vậy, vì nó làm ố vàng những quần áo khác trong máy giặt. Hôm nay sao anh lạ vậy? Đấy, viết với lách. Viết lách làm gì mà phải mơ màng lẫn lẩn đến vậy chứ?”

“Bố ơi, đừng uống. Có cái tàn thuốc trong cốc của bố.”

“Trời ơi, anh vất cả tàn thuốc lá lên gối của em. Sao lạ vậy? Bạ chỗ nào anh cũng vất tàn thuốc lá. Nhà văn không nhất thiết phải ở dơ như vậy. Nếu ở sạch không được thì đừng viết nữa còn hơn.”

“Ồi trời ơi! Con thần lẩn... con thần lẩn trên cổ áo em...”



6.

- Ông có nhận ra tôi là ai không?

- Nhận ra chứ, tất nhiên, anh là nhân vật chính trong truyện của tôi, *“một người đàn ông không có mắt không có mũi không có tai và giả vờ hút điếu thuốc nửa chừng luôn luôn tắt lửa”*.

- Sai rồi, tôi không phải là nhân vật của ông. Tôi đến từ Rainer Maria Rilke, Guillaume Appollinaire, và Carlo Emilio Gadda.

- Thật sao? Anh chỉ nói khoác.

- Nói khoác cái gì? Nghe đây: *“ich sah ihn kommen (wie schlecht er kam, quand un homme sans yeux sans nez et sans oreilles e a fingere di fumare la sua mezza sigheretta, regolarmente spenta), und ich schaute ihm zu.”*

- Thế à? Nghe như...

- Nghe như Rainer Maria Rilke, Guillaume Appollinaire, và Carlo Emilio Gadda trộn lẫn vào nhau. Phải thế không?

- Cũng không chắc. Tôi đọc lung tung cả, làm sao nhớ hết? Ý anh muốn nói tôi đạo văn?

- Không hẳn thế. Ông không cố ý đạo văn, nhưng mớ chữ nghĩa đó đã nhập tâm từ lâu nên ông không còn nhận ra nữa.

- Anh bảo tôi nhai lại văn của họ mà tôi không biết?

- Đấy, thế mới khổ! Sáng mai, thức dậy, ông nhớ đọc kỹ lại bài thơ *“Das Lied der Witwe”* của Rainer Maria Rilke, bài thơ *“Le musicien de Saint-Merry”* của Guillaume Appollinaire, và tiểu thuyết *Quer pasticciaccio brutto de via Merulana* của Carlo Emilio Gadda. Còn không thì...

- Thì sao?

- Thì phải sửa lại chứ sao? Chẳng hạn *“một người đàn bà có mắt có mũi có tai và cố ý ngậm một ống vố luôn luôn ngùn lửa.”*

- Rõ nhảm. Ai mà chẳng có mắt có mũi có tai? Văn chương gì dở hơi đến thế?

- Thà thế còn hơn. Thà tôi làm một người đàn bà dở hơi như



vậy trong một câu văn dở hơi như vậy để tôi hoàn toàn thuộc về ông.

- Tôi thà vất đoạn văn ấy đi để viết lại tất cả, chứ chẳng cần sửa làm quái gì.

- Hoan hô! Nhưng coi chừng đấy, chẳng phải chỉ một đoạn văn này, mà tất cả những đoạn văn tiếp theo cũng toàn là... vô tình.

- Này, đừng láo khoét! Anh nói tôi hoàn toàn không thể làm chủ được chữ nghĩa của tôi à?

- Đúng vậy. Ngay từ câu đầu tiên, ông đã vay của Vương Duy, rồi của Federico García Lorca, rồi Joanna Frueh...

- Câu đầu tiên? Tôi chẳng vay của ai cả. Đó là cảnh trước nhà một người bạn thân của tôi, *"một dòng nước trong chảy giữa đám cây, phía trước giáp với cửa sông lớn..."*

- Ha ha... *"Thanh lưu quán kỳ trung, tiền lâm đại xuyên khẩu."*

- *A las cinco de la tarde. I saw a lizard and it looked like a leaf...* Thật là một bức collage vô tình hết sức thú vị!

- Thôi, im đi. Tôi sẽ xoá tất cả và viết lại từ đầu. Anh có nghe rõ không? Tôi sẽ...

- Sẽ đốt hết sách trên kệ chẳng? Vô ích. Chúng đã nằm yên cả trong đầu ông rồi. Đợi đến khi ông viết, thì chúng thò ra...

- Tôi đã bảo im đi. Để tôi yên. Tôi sẽ vất anh ra khỏi truyện của tôi cho xong việc.

- Vâng, làm ơn. Thà là thế. Chứ nếu không...

- Nếu không thì sao?

- Thì tôi sẽ khó chịu lắm. Và vì vậy, tôi sẽ... tiếp tục phải làm ông khó chịu, để nhắc nhở ông... như hồi chiều nay...

- Cái gì? Anh đã...

- Vâng, chính tôi đã giấu cặp kính mắt, giấu cốc cà phê, mang sách để trên sàn...

- Anh đã vất tàn thuốc lá lên gối của vợ tôi...

- Vâng, và xác con thằn lằn...

- Đồ khốn kiếp... Mà... Mà...



7.

Vợ ông lay ông dậy. “Anh ơi... anh ơi... ngủ mê cái gì mà lạ quá vậy?” Ông ngồi bật dậy, mình ướm đấm mồ hôi. “Có lẽ là một ác mộng... nhưng anh không nhớ là về cái gì...”, ông lẩm bẩm. “Thôi, nằm xuống ngủ đi,” vợ ông nói, “đạo này anh thế nào ấy... lạ quá...”

8.

Sáng sớm, ông mở máy vi tính, ngồi trầm ngâm rất lâu, đọc lại cái truyện đang dở rất nhiều lần, nhất là đoạn văn đầu tiên mà hôm qua ông đã lấy làm đặc ý. Ông không biết tại sao hôm qua, lúc vừa viết đoạn ấy xong, ông thấy đặc ý lắm, mà sáng nay, lúc định viết tiếp cho xong cái truyện, thì lại cảm thấy dường như có cái gì không ổn. Không biết từ đâu thoáng đến cái ý tưởng rằng đoạn văn đầu tiên ấy có chỗ giống văn của ai đó. Ông nhắm tính xem từ trước đến giờ ông thường bị văn của ai ám ảnh, nhưng ông nghĩ không ra. Ông muốn viết tiếp rồi sẽ tính sau, nhưng ông lại cảm thấy mất hứng. Ông đứng dậy, đến trước kệ sách, nhìn ngắm từng gáy sách, rút ra một cuốn, suy nghĩ, lật vài trang vu vơ, rồi lại xếp vào. Cuối cùng, ông lấy tuyển tập thơ của Appollinaire. Tôi nín thở.

Cầm cuốn sách trên tay, ông đi ra sân trước, ngồi xuống trên một chiếc ghế sắt, mỗi một điếu thuốc, và giở sách ra. Mắt ông lướt qua vài đoạn trong *Le bestiaire*, rồi nhảy sang *Alcools*, dừng lại ở bài “Crépuscule”, chậm rãi đọc câu “*L’aveugle berce un bel enfant...*”, suy nghĩ thoáng qua, rồi lật qua bài khác, mỗi bài ông chỉ dừng lại ở vài câu ông ưa thích. Cứ thế, ông dần dần đi xuyên qua *Alcools*, rồi bắt đầu đọc *Calligrammes*. Tôi nín thở.

Đến câu “*Le pauvre jeune homme se mouchait dans sa cravate blanche*” trong bài “*Les fenêtres*” ông dừng lại một chút, rồi đọc tiếp. Kế đến là “*Les collines*”, một bài thơ rất dài. Ông đọc chậm lại ở những câu “*Certains hommes sont des collines / Qui s’élèvent d’entre les hommes*” và “*L’homme se diviniserà / Plus*



*pur plus vif et plus savant*". Rồi ông lật sang bài "*Le musician de Saint-Merry*". Tôi nín thở.

Khi ông đang đọc đến câu "*Je chante toutes les possibilités de moi-même hors de ce monde et des astres*", vợ ông bước ra sân và nói: "Anh ơi, vào ăn sáng rồi đưa em và con đi hội chợ sách". Đặt cuốn sách còn mở xuống đùi, ông nhìn vợ và nói: "Hội chợ sách gì vậy? Hôm nay anh định ở nhà viết cho xong cái truyện ngắn." "Hội chợ sách ở Glebe. Anh không nhớ anh hứa với em và con sao? Hội chợ sách bắt đầu sáng nay, hăm mốt tháng Năm." Ông hơi chần chừ, nhưng ngoan ngoãn nói "vâng", rồi cúi xuống đọc nốt câu còn lại của đoạn thơ "*Je chante la joie d'errer et le plaisir d'en mourir*", và gấp sách lại. Ngay trước khi gấp sách lại, ông thoáng thấy câu thơ kế tiếp: "*Le 21 du mois de mai 1913...*" Ông hơi ngạc nhiên vì sự trùng hợp kỳ lạ: ngày 21 tháng Năm. Ông lầm nhảm: "Hai mươi mốt tháng Năm". Tôi nín thở.

9.

Ông gấp sách, đứng dậy và bước vào nhà. Đi được vài bước, ông nghe một tiếng động sau lưng. Ông quay lại, thấy chiếc gạt tàn thuốc bằng thủy tinh vỡ vụn trên mặt đất, và một điều thuốc hút dở đã tắt lửa nằm cạnh đó. "Anh không cẩn thận gì hết. Vỡ cái gạt tàn thuốc rồi", vợ ông kêu lên, rồi chạy đến nhặt những mảnh vỡ. "Ô, anh sơ ý quá", ông nói. "Có lẽ anh nên bỏ hẳn thuốc lá thì tốt nhất," vợ ông nói. Nhưng ngay lập tức nàng thét lên hoảng hốt và nhảy bổ về phía ông: "Ôi... con thần lẩn..." Ông ôm vợ, nhìn chiếc gạt tàn thuốc vỡ và ông thấy, cạnh đó, xác một con thần lẩn trông giống như một chiếc lá.

10.

Vâng, tôi đã nín thở từng chập khi ông đọc tuyển tập thơ Appollinaire. Tôi hy vọng khi đọc đến câu "*quand un homme sans yeux sans nez et sans oreilles*" ông sẽ giật mình hiểu ra là



ông đã vô tình vay mượn nó để xây dựng hình ảnh nhân vật chính của “hắn”, tức là tôi. Nhưng rủi thay, vợ ông lại xen vào cuộc. Và mọi hy vọng của tôi đều tan nát. Giá như ông chỉ đọc rần vài câu nữa, ông đã thấy nó rồi!

Le 21 du mois de mai 1913

Passeur des morts et les mordonnantes mériennes  
Des millions de mouches éventaient une splendeur  
*Quand un homme sans yeux sans nez et sans oreilles*

...

11.

- Đi hội chợ sách sao trông anh buồn thế?
- Không phải buồn. Anh cứ mãi suy nghĩ về một điều.
- Về cái tật đăng trí ngày càng nặng của anh phải không?
- Ừ, anh dạo này sao đăng trí quá. Nhưng anh lại đang suy nghĩ về chuyện khác... Từ sáng đến giờ, tự nhiên anh cảm thấy băn khoăn về nhân vật chính trong cái truyện anh đang viết. Anh hoàn toàn bịa nó ra, nhưng không biết tại sao anh lại cảm thấy hình như anh đã gặp nó ở đâu đó rồi...
- Nhân vật đó như thế nào?
- Một người đàn ông không có mắt không có mũi không có tai và giả vờ hút điếu thuốc nửa chừng luôn luôn tắt lửa.
- Làm gì có ai trên đời như vậy mà anh gặp?
- Khi một người đàn ông... un homme... quand un homme...
- Anh nói gì vậy?
- À... không. Dường như Appollinaire có viết một câu thơ tả người nghe lạ lắm... Mà anh không nhớ nổi... Hôm nay là hăm mốt tháng Năm phải không?
- Đúng, hăm mốt tháng Năm. Anh có hẹn với ai sao?
- À... không. Anh chỉ hỏi thế... Chẳng biết anh có lỡ hẹn với ai mà quên tuốt đi không... Thôi, kệ nó...

12.

Tôi tiếc là sáng nay ông đã không nhặt cuốn *Quer pasticciaccio brutto de via Merulana* của Carlo Emilio Gadda



từ kệ sách. Chỉ cần nhặt cuốn đó, giở ra, là ông đã nhớ ngay đến những cử chỉ thú vị của bác sĩ Ingravallo: *“ông vẫn tiếp tục ngủ đứng trên hai chân, triết lý trên cái bao tử rỗng, và giả vờ hút điếu thuốc nửa chừng luôn luôn tắt lửa”* (seguitava a dormire in piedi, a filosofare a stomaco vuoto, e a fingere di fumare la sua mezza sigheretta, regolarmente spenta).

Tôi tiếc là sáng nay ông đã không nhặt thi tập *Das Buch der Bilder* của Rainer Maria Rilke từ kệ sách. Chỉ cần đọc qua cuốn đó, đến phần những bài ca về những kẻ bất hạnh, là ông đã bất giác nhớ đến *“Das Lied der Witwe”* (Bài ca người góa phụ), với những dòng khó quên: *“Chẳng phải lỗi của hấn, và chẳng phải lỗi của tôi; / cả hai chúng tôi chẳng có gì ngoài lòng kiên nhẫn, và cái chết đã chẳng có chút kiên nhẫn nào. / Tôi thấy hấn đến (thật là một cảnh xấu xa), / và tôi nhìn ngắm hấn...”* (Das war nicht seine, nicht meine Schuld; / wir hatten beide nichts als Geduld, / aber der Tod hat keine. / Ich sah ihn kommen (wie schlecht er kam), und ich schaute ihm zu...).

### 13.

Cuối cùng ông cũng viết xong cái truyện ngắn. Để cho vợ con mặc tình dạo hội chợ sách rồi lang thang qua nhiều tiệm quần áo suốt mấy giờ đồng hồ, ông ngồi lì ở một quán cà phê vỉa hè, kêu hết cốc này đến cốc khác, và viết như ma đuổi hết mười trang giấy. Khi cái truyện hoàn tất, ông nhận ra ngón tay trở đau buốt vì cầm bút quá lâu. Chợt thấy thềm thuốc lá, ông nhặt bao thuốc để cạnh cốc cà phê, mở ra. Bao thuốc ông mới mua trước khi bước vào quán cà phê này, bây giờ không còn một điếu nào cả. Hai mươi lăm điếu Dunhill. *“Sao có thể hút nhanh đến thế?”* Chiếc gạt tàn đầy áp những điếu thuốc hút dở đã tắt lửa. Ông nhón một điếu, mồi lửa hút tiếp. *“Hồi này, lúc mình đang say sưa viết, dường như có người đến ngồi bên cạnh, xin một điếu thuốc. Chẳng lẽ hấn dám ngồi lì phá hết cả bao thuốc theo kiểu đó?”* Ông thâm nghĩ như thế, rồi đứng dậy, bước đến quầy tính tiền.



14.

- Em đã đánh xong cái truyện cho anh rồi chứ?

- Xong rồi. Nhanh chóng thôi. Thấy anh ngồi mỗ cò từng chữ, em sốt ruột chịu không nổi. Mà này, có lẽ cái computer của anh bị virus rồi.

- Vậy à? Nó bị thế nào?

- Không biết tại sao mỗi lần em gõ xong chữ “hấn” thì nó lại tự động bold lên. Chỉ riêng có chữ “hấn” là bị bold như vậy. Tất cả các chữ khác thì vẫn bình thường. Lạ thật! Em không biết phải sửa cách nào.

- Để anh xem sao. Mình thử bấm “Select All”, rồi chuyển hết thành bình thường như thế này... Mà lạ thật! Những chữ “hấn” lại vẫn còn bold.

- Có lẽ ai đó gửi một thứ virus vào máy của anh để đùa nghịch chẳng?

- Anh không hiểu nổi. Nhưng... thôi, kệ nó. Tất cả những chữ “hấn” bold lên như vậy trông cũng ngộ nghĩnh đấy chứ?

- Biết đâu chúng gợi lên nơi người đọc thêm một tầng ý nghĩa nào đó...

- Vâng, vậy mà lại hay đấy. Thôi, để anh attach rồi mail cho toà soạn.

\*

Vâng, thế là cuối cùng ông vẫn giữ nguyên đoạn văn đầu tiên và viết xong cái truyện, mặc cho tôi loay hoay vùng vẫy kiếm mọi cách để nhắc ông. Hoàn tất cái truyện, ông lạc quan hẳn lên. Vợ ông đọc và khen không tiếc lời. Đêm đó, ông làm tình rất sôi nổi và ngủ một giấc tuyệt hảo. Suốt tuần lễ sau đó, ông không viết lách, mà dành trọn thì giờ để “tận hưởng những ngày nghỉ còn lại”. Nhà ông trở nên sạch sẽ, không còn những tàn thuốc hút dở vắt bữa bãi, không còn những xác thần lằn bất ngờ xuất hiện rải rác giống như những chiếc lá. Vợ ông khen ông tiến bộ nhanh chóng, và khuyên ông nên bớt văn chương, tăng thì giờ cho việc chăn gối “để giữ quân bình cho đầu óc”.



Vâng, tôi cũng muốn khuyên ông như thế. Thậm chí có lúc tôi nghĩ ông nên bỏ hẳn văn chương là tốt nhất, chữ viết lách mà đầy dẫy những ảnh hưởng và vay mượn vô tình như thế thì viết làm gì. Là một nhân vật chính của ông, tôi chỉ muốn ông thể hiện tính độc sáng trong tác phẩm chứa đựng hiện hữu của tôi. Nhưng tôi đành tuyệt vọng. Ông không thể nào bước ra khỏi những văn bản đã tạo nên ông như một nhà văn. Chỉ còn một cách duy nhất là tôi tự ý viết lại toàn bộ cốt truyện và chữ nghĩa của ông để tôi có được một hiện hữu độc đáo như tôi mong muốn. Khổ thay, sau khi viết lại toàn bộ cái truyện hư cấu của ông, tôi chợt nghĩ biết đâu tôi, cũng như ông, không thể nào thoát khỏi những văn bản đã tạo nên chính mình.

Vâng, dường như toàn thể hiện hữu tôi chính là kết quả tổng hợp của những văn bản đã làm tôi mỗi lúc một đầy hơn. Ông đã tạo ra tôi từ những mảnh chữ nghĩa tạp nhạp vô tình nảy ra từ trí óc ông, một cái trí óc đã được tạo ra từ vô số những mảnh chữ nghĩa tạp nhạp khác.

Vâng, có lẽ không bao giờ có tính độc sáng tinh tuyền trên đời này. Ngay cả đơn vị nhỏ nhất là chữ: từng chữ tôi viết ra, không chữ nào nằm ngoài những cuốn từ điển.

Vâng, thế thì tôi sẽ không bao giờ viết nữa. Chỉ xin gửi ông cái truyện giả tưởng bất đắc dĩ đầu tiên và cuối cùng của tôi. Rút cuộc tôi biết tôi vẫn chỉ là một nhân vật trong cái truyện của chính tôi, mà không thể là một nhà văn. Và tôi không muốn làm một nhà văn không thể nào viết nổi một cái gì thực sự độc sáng.

Vâng, tôi biết ông vẫn muốn làm một nhà văn. Hãy nhận lấy truyện này và hãy nhận lấy tên ông dưới đây như tác giả:

HOÀNG NGỌC-TUẤN

# NGỮ THUYẾT

*chủ nghĩa và*  
*văn học hậu-thuộc địa*

Hậu-thuộc địa là gì? Chủ nghĩa hậu-thuộc địa là gì? Đó là câu hỏi khó trả lời một cách dứt khoát, khó trả lời hơn cả những câu hỏi khác như thế nào là Lý Thuyết Nữ Quyền, là Hậu-Nữ Quyền Luận, Chủ Nghĩa Hiện Đại và Chủ Nghĩa Hậu-Hiện Đại phải hiểu làm sao cho rõ ràng, Chủ Nghĩa Đa Văn Hóa hoặc Hậu-Cậu Trúc Luận muốn bao hàm những vấn đề gì v.v... Các nhà khảo cứu thường không đồng ý với nhau trong nỗ lực tìm những câu trả lời cho những câu hỏi nói trên nhất là khi bàn đến vấn đề phương pháp và mục tiêu nghiên cứu, đó là chưa nói đến những hậu quả chính trị có thể từ đó nảy sinh ra. Lý thuyết hậu-thuộc địa, hoặc hậu-thực dân luận, là một lý thuyết nhân văn và rất bao quát, cho nên những vấn đề nội tại của nó như định nghĩa, nguồn gốc, đối tượng, động cơ, cấu trúc ... rất khó xác định. Có lẽ không một thuật ngữ nào gây nhiều tranh cãi như nhóm chữ "hậu-thuộc địa", có lẽ không một công trình nghiên cứu nào tạo nên lắm hoài nghi và xét lại như việc nghiên cứu về hậu-thuộc địa. Dù nhìn vấn đề từ một góc độ nào đi nữa, người viết không thể bảo rằng luận điểm của mình là duy nhất đúng, là có tính cách tiêu biểu cho tất cả.

Thuật ngữ "chủ nghĩa hậu-thuộc địa" (post-colonialism) có hai vế: "hậu" (post) và "chủ nghĩa thuộc địa" (colonialism).

Ngay cả nhóm chữ "chủ nghĩa thuộc địa" đã là đề tài gây



tranh luận vì nó gắn liền với khái niệm "chủ nghĩa đế quốc", một khái niệm tự thân nó cũng bị chi phối và thay hình đổi dạng theo những lý thuyết phức tạp và sâu xa hơn trên các lãnh vực chính trị, quân sự, bang giao quốc tế.

Wolfgang Mommsen cho rằng "ý nghĩa nguyên thủy của *chủ nghĩa đế quốc* không phải là sự thống trị trực tiếp hay gián tiếp của một quốc gia công nghiệp hiện đại đối với những lãnh thổ thuộc địa hoặc nô lệ, nhưng đúng ra là chủ quyền của một kẻ thống trị áp đặt lên trên nhiều lãnh địa tại châu Âu hay bất cứ nơi nào khác." (the original meaning of 'imperialism' was not the direct or indirect domination of colonial or dependent territories by a modern industrial state, but rather the personal sovereignty of a powerful ruler over numerous territories, whether in Europe or overseas". Nhưng Vladimir Lenin lại chủ trương, như những người Mác-xít thường nhắc đến, rằng chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn cuối của thời kỳ bành trướng tư bản châu Âu, một giai đoạn trong đó tư bản tích lũy quá nhiều tại chính quốc, lợi nhuận thu về quá chậm chạp, nên những cường quốc tư bản châu Âu phải đi tìm những thị trường mới và những nguồn lao động bên ngoài chính quốc.

Hai ý niệm nói trên đều không ăn khớp với chủ trương bây giờ về thế nào là chủ nghĩa đế quốc Âu châu hiện vẫn đang được bàn luận và phê phán một cách sôi nổi. Edward Said, chẳng hạn, sử dụng thuật ngữ *chủ nghĩa đế quốc* với ý nghĩa "những thực tiễn, lý thuyết, và thái độ của những trung tâm thống trị tại chính quốc chi phối những lãnh thổ xa xôi" (practices, theories, and attitudes of dominating metropolitan centres ruling distant territories).

Dù thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" được hiểu như thế nào đi nữa, đứng về mặt nhân văn mà nói, những lý thuyết gia hậu-thuộc địa vẫn thường cho rằng chủ nghĩa đó đã góp phần hình thành những thế lực chính trị, quân sự to lớn đưa đến những hành động xâm lăng của "chủ nghĩa thuộc địa" - colonialism



(sự thống trị trực tiếp của một quốc gia hay dân tộc lên trên một quốc gia hay dân tộc khác), hoặc hành động "thiết lập thuộc địa" - colonization (tạm dịch chữ colonization có nghĩa là thiết lập thuộc địa lên trên một nước khác bằng cách đưa người đến lập nghiệp, khai phá, xây dựng ...). Nhưng vì không có một lý thuyết riêng biệt dùng để giải thích sự kiện chủ nghĩa đế quốc đã khai sinh ra những hành động nói trên như thế nào cho nên những vấn đề sau đây vẫn chưa sáng tỏ: Tác động của chủ nghĩa thuộc địa trên phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá; quan hệ hỗ tương giữa "chủ nghĩa thuộc địa" (colonialism) và "thiết lập thuộc địa" (colonization).

Khái niệm "colonial" (thuộc địa) đã không được giới thuyết rõ ràng cho nên tiếp đầu ngữ "post" (hậu) trong thuật ngữ "post-colonial" (hậu-thuộc địa) cũng mang tính cách hàm hồ. Theo một số nhà khảo cứu, một hình thái quốc gia mới đã ra đời sau quá trình đấu tranh lâu dài chống chủ nghĩa thuộc địa và giải thực về mặt chính trị (political decolonization). Đó là những quốc gia hậu-thuộc địa, tức là những nước ít nhất là đã độc lập về mặt định chế và đang tiến hành việc tự trị về mặt chính trị. Vì hầu hết, chứ không phải tất cả, những thuộc địa cũ của châu Âu nay đã độc lập chính trị, cho nên cả thế giới loài người chuyển qua "điều kiện hậu-thuộc địa" (post-colonial condition). Giương cao ngọn cờ độc lập, những nước hậu-thuộc địa đồng thời cũng thiết lập được mối bang giao quốc tế mới: con đường một chiều từ trung tâm đế quốc đến những lãnh thổ ngoại biên được thay thế bằng sự giao lưu đúng nghĩa của nó giữa những quốc gia với nhau, dân tộc với nhau. Những thành phần xã hội khác nhau về văn hoá, tôn giáo, chủng tộc, ngôn ngữ đều có thể vượt qua những lần ranh chia cách một cách dễ dàng hơn ngày xưa nhiều.

Vấn đề còn tồn tại là những nước hậu-thuộc địa dù đã thành công trong công cuộc giải thực, đã giương cao ngọn cờ độc lập, nhưng vẫn lệ thuộc vào những đế quốc cũ về mặt kinh tế, một



sự lệ thuộc quá nặng nề kéo theo những lệ thuộc về mặt chính trị, từ đó lại dẫn đến lệ thuộc về nhiều lãnh vực như khác tài chính, ngoại giao, quân sự v.v... trong đó có sự lệ thuộc lớn lao về văn hóa, văn học. Nói một cách khác, những nước hậu-thuộc địa vô hình trung sống dưới ách "thực dân mới", thuật ngữ do ông Kwame Nkrumah, tổng thống đầu tiên của nước Ghana độc lập đặt ra. Ông viết: "Thực chất của chủ nghĩa thực dân mới là nhà nước lệ thuộc vào chủ nghĩa ấy thì trên lý thuyết đã được độc lập và bề ngoài có vẻ như có đầy đủ chủ quyền trên trường quốc tế. (Nhưng) Trên thực tế, hệ thống kinh tế và do đó đường lối chính trị của nước ấy bị chi phối từ bên ngoài." (The essence of neo-colonialism is that the State which is subject to it is, in theory, independent and has all the outward trappings of international sovereignty. In reality its economic system and thus its political policy is directed from the outside).

Do đó khái niệm "điều kiện hậu-thuộc địa" (post-colonial condition), như đã nêu trên, có phần khác biệt với khái niệm "quốc gia hậu-thuộc địa" (post-colonial state or nation). Điều kiện hậu-thuộc địa mô tả một tình thế toàn cầu (mức độ có thể khác nhau tùy thuộc ở định chế, hoàn cảnh, văn hoá của mỗi nước) trong khi quốc gia hậu thuộc địa liên hệ đến chế độ chính trị của một nước cựu thuộc địa đối với đế quốc châu Âu cũ.

Khi nói đến những nước hậu-thuộc địa, hai trường hợp sau đây cần phải lưu ý. Trường hợp thứ nhất là những quốc gia hậu-thuộc địa "da trắng", của "người lập nghiệp đồng thời là kẻ xâm lăng" (invader-settler), như trường hợp nước Úc, Canada, Tân Tây Lan, hay Cộng Hoà Nam Phi; trường hợp thứ hai là những nước hậu-thuộc địa thuộc Thế Giới Thứ Ba (Third World Conditions) như Ấn Độ, Hồi Quốc, Ghana, Barbados v.v... (Việt Nam Cộng Hoà và Việt Nam Cộng Sản, Bắc Hàn và Nam Hàn cũng có cùng một mẫu số chung với những nước



hậu-thuộc địa nhưng được/bị sắp hàng vào thế giới tự do hoặc khối cộng sản nên không thuộc về thế giới thứ ba). Xét về khía cạnh "kẻ áp bức" và "kẻ bị áp bức" trong quan hệ quốc tế hiện tại, vị thế chính trị của những nước nói trên – hậu-thuộc địa da trắng và Thế Giới Thứ Ba - cách biệt nhau rất xa, từ đó liệu những nước "cựu thuộc địa"(ex- colonial states) đều có thể được xem đồng đều như nhau, tức là tất cả đều là những nước "hậu-thuộc địa" bình đẳng như nhau hay không? Câu trả lời là không. Ngoài ra, từ ngữ "các quốc gia hậu-thuộc địa" cũng đã hàm chứa những ý nghĩa dị biệt về thực thể và những nét đặc trưng của mỗi nước. Không cần phải dẫn đo, ta đã thấy ngay nước hậu-thuộc địa Canada chẳng hạn khác hẳn nước hậu-thuộc địa Ghana. Ngay trong nước Canada, người lập nghiệp da trắng (white settler) Canada không phải là người thổ dân (aboriginal) Canada tuy cả hai nhóm người đó đều có thể tự cho mình là người bản xứ (native). Canada từng trải qua một thời gian khá dài dưới sự thống trị của chủ nghĩa thuộc địa, một nền thống trị mà người lập nghiệp da trắng không bị đàn áp và bóc lột một cách nặng nề như người thổ dân phải gánh chịu nếu không muốn nói, trong nhiều trường hợp, nhóm người da trắng đó đã tham gia vào guồng máy áp bức, đô hộ.

Bởi thế, thuật ngữ "hậu-thuộc địa" hay "chủ nghĩa hậu-thuộc địa" từ khởi thủy đã có vấn đề, mà lý do là sự bất đồng về ý nghĩa của từ "thuộc địa" - nghĩa là chưa có sự đồng thuận về sự kiện "chủ nghĩa thực dân" đã được cấu thành như thế nào trong khuôn khổ của "chủ nghĩa đế quốc" - và bất đồng về thời điểm nào thì được xem như "hậu" trong thuật ngữ "hậu-thuộc địa". Nếu những "quan hệ thực dân mới" (neo-colonial relations) vẫn còn tồn tại giữa và trong những quốc gia hiện đại, nếu "những thực tiễn, lý thuyết, và thái độ của những trung tâm thống trị", để dùng lại câu nói của Said, vẫn hiện hữu sau khi chủ nghĩa thực dân của châu Âu đã cáo chung, thì ở một mức độ nào đó, "chủ nghĩa hậu-thuộc địa" cũng hiện



hữu trong khuôn khổ quan hệ đối với "chủ nghĩa đế quốc".

Một số khái niệm chính trị đã được trình bày trong khuôn khổ nghiên cứu lý thuyết "hậu-thuộc địa". Những khái niệm ấy đều có những hạn chế của nó. Thứ nhất, đó là khái niệm thời gian (temporal concept) về một nhà nước đã giải thực nhưng lúng túng khi xác định quan hệ của mình đối với chủ nghĩa thực dân mới và chủ nghĩa đế quốc. Thứ nhì, đó là khái niệm địa lý chính trị (geopolitical concept) về bản chất của một nhóm nhân số phân vân không biết mình phải duy trì những đặc điểm quốc gia hoặc văn hoá nào. Thứ ba, đó là khái niệm xã hội học (sociological concept) về văn hoá toàn cầu nhưng không minh định được thể chế và tương quan của các mặt chủng tộc, dòng giống, giới tính, v.v... Do đó, nhiều lý thuyết gia "chủ nghĩa hậu-thuộc địa" phải đặt công trình nghiên cứu của họ trong tương quan với một lý thuyết nào khác, một phương pháp luận nào khác, một mục tiêu chính trị nào khác, hoặc một đối tượng xã hội nào khác để làm cơ sở cho luận điểm của mình. Trong khi những "lý thuyết gia về nữ quyền" chẳng hạn thường nhận thức được mục tiêu của mình là tranh đấu cho nữ quyền (dù không nhất thiết tranh đấu cho *phụ nữ*), rất ít "lý thuyết gia hậu-thuộc địa" thấy rõ mục tiêu tranh đấu cho chính "chủ nghĩa hậu-thuộc địa". Nói một cách khác, thuật ngữ "chủ nghĩa hậu-thuộc địa" là một từ ngữ kết hợp hai từ ngữ "hậu" và "chủ nghĩa thuộc địa" và được sử dụng như một cái dù chụp lên trên nhiều cái đầu che nhiều trận mưa khác nhau.

Một khi chưa đạt được sự minh bạch trong khái niệm, vấn đề quy phạm và nguyên tắc cũng gặp phải nhiều trở ngại, cho nên nét nổi bật nhất trong "lý thuyết hậu-thuộc địa" là sự tranh cãi và bất đồng ý kiến, và mọi luận cứ về "chủ nghĩa hậu-thuộc địa" đều có tính cách đối nghịch với "chủ nghĩa thuộc địa". Những biến cố chính trị trên trường quốc tế đưa đến một hậu quả tình cờ nào đó cũng thường được đặt dưới "cái dù hậu-thuộc địa" cho đến nỗi có người, Bob Hodge chẳng hạn, đã



dùng từ "chủ nghĩa hậu-thuộc địa đồng lõa" để tố cáo ý đồ đó. Các công trình nghiên cứu chủ nghĩa hậu thuộc địa bao quát quá nhiều lãnh vực, cho nên những lý thuyết gia chủ nghĩa hậu thuộc địa, ngoài những luận thuyết chuyên biệt còn đề cập đến cả chủ nghĩa đế quốc, thực dân, cùng nền văn học liên quan đến những chủ nghĩa ấy qua những thời đại khác nhau, đề cập đến những nhóm thiểu số và cá nhân cư trú trong những khu vực địa lý đặc biệt nào đó mang màu sắc thuộc địa rồi hậu thuộc địa, hoặc đề cập đến "điều kiện hậu-thuộc địa" toàn cầu cùng những nghiên cứu đối chiếu trải qua không gian và thời gian khác nhau. Rõ ràng rằng những lý thuyết "hậu-thuộc địa" quả là không có một đối tượng nào chung, nói gì đến vấn đề phải có chung một hệ phương pháp (methodology) trong việc phê bình và nghiên cứu.

Lẽ dĩ nhiên cũng có nhiều công trình nghiên cứu hậu thuộc địa không đề cập đến chính trị. Tuy nhiên đối với những lý thuyết gia hậu thuộc địa muốn đi sâu vào lãnh vực chính trị, họ sẽ hiểu rằng công trình của họ sẽ liên hệ đến một trong những hình thái sau đây: hoặc là hình thái quốc gia/liên quốc gia chống chủ nghĩa thuộc địa, hoặc là hình thái chủ nghĩa hậu-thuộc địa chống lại phong trào quốc gia, hoặc là hình thái giải thực đặt trọng tâm vào vấn đề văn hoá, hoặc là hình thái vận động xã hội chống đế quốc - tóm lại những nghiên cứu hậu-thuộc địa liên quan đến chính trị và định chế cũng rất đa dạng và rất nhiều về mặt số lượng. Như thế có nghĩa là những vận động chính trị nhằm cải tạo xã hội trong thế giới ngày nay không nhất thiết phải gắn liền với một chủ thuyết duy nhất như chủ nghĩa chống đế quốc, hoặc chủ nghĩa hậu-thuộc địa hoặc phong trào giải thực, và dù có sự gắn bó nào đó vào một trong những chủ thuyết vừa nêu trên đi nữa, thì vấn đề phương pháp luận cũng không nhất thiết phải cùng một loại với nhau.

Như ta đã biết, "chủ nghĩa hậu-thuộc địa" không phải chỉ đề cập đến những vấn đề thuộc lãnh vực kinh tế và lịch sử, mà



còn liên hệ nhiều lãnh vực khác như chính trị, địa lý, chủng tộc, ngôn ngữ, văn học, và văn hóa nói chung, tức là tất cả những gì cần phải xét đến trong quá trình hình thành một quốc gia. Dưới đây ta thử chỉ giới hạn vào đề tài **văn học hậu-thuộc địa**.

Trước hết là sự ra đời của nền "Văn Học Khối Thịnh Vượng Chung" (Commonwealth Literature Studies). Đây là một trào lưu văn học hết sức quan trọng từ đó người ta có thể rút ra những đặc trưng đưa đến sự hình thành "Văn Học Hậu-Thuộc Địa". Những nghiên cứu đứng đắn về Văn Học Khối Thịnh Vượng Chung khởi đầu vào giữa thập niên 1960 thực hiện bởi một số nhà văn và nhà phê bình trẻ tuổi thuộc những quốc gia trong Khối Thịnh Vượng Chung bao gồm Vương Quốc Anh và những quốc gia vừa thu hồi độc lập trong khối Liên Hiệp Anh. Họ từ nhiều nước đến thành phố Leeds miền bắc Anh Cát Lợi tham dự hội nghị đầu tiên của Hiệp Hội Nghiên Cứu Ngôn Ngữ và Văn Học Khối Thịnh Vượng Chung (Association for Commonwealth Literature and Language Studies). Những tham dự viên gồm nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, giáo sư ... đến từ những quốc gia khác nhau đó cùng với nước Anh trình bày rất nhiều đề tài văn học và phê bình. Một trong những ưu tư chính của họ là từ trước đến nay nền văn học của những nước bị trị đều có xu hướng vọng về trung ương, vọng về mẫu quốc Anh. Tình huống đó đã khống chế mọi sinh hoạt chữ nghĩa cũng như trong các chương trình giảng dạy bộ môn Anh ngữ tại các học đường. Ngoài ra, nói đến văn học là phải nói đến ngôn ngữ. Đối với họ, sự áp đặt ngôn ngữ Tây Âu - đặc biệt là tiếng Anh, tiếng Pháp - lên trên những dân tộc thuộc địa đã tạo nên những ràng buộc quá gay gắt cho đến nỗi hầu hết những dân tộc đó về sau dù sống trong hoàn cảnh hậu thuộc địa nhưng vẫn phải xem ngôn ngữ của nước thống trị như ngôn ngữ chính thức của mình. Và ai cũng biết rằng ngôn ngữ đóng vai trò chủ yếu văn học. Vì lẽ đó, một số tác giả nổi tiếng



trong số những nhà văn trẻ như Bill Ashcroft, Gareth Griffiths, và Helen Tiffin trong tác phẩm nổi tiếng của họ *The Empire Writes Back: Theory and Practice in Post-colonial Literatures* (London: Routledge, 1989) đưa ra tiền đề "ngôn ngữ là phương tiện của quyền lực" (language is the medium of power), và họ chủ trương rằng ngôn ngữ văn học - rồi thay thế nó bằng ngôn từ hoàn toàn chuyển thể cho thích nghi với hoàn cảnh thực tế của những nước hậu-thuộc địa. Muốn thế, trước hết phải hủy bỏ, hoặc từ khước, hoặc sửa đổi, hoặc mô phỏng một số tiêu chuẩn văn hoá đế quốc - về ngữ pháp, cú pháp, thi pháp, tu từ, phát âm ... chẳng hạn - rồi "chiếm dụng" ("appropriation") ngôn ngữ của kẻ chiếm thuộc địa và làm cho nó phù hợp với các mục tiêu văn hoá, chính trị của nước cựu thuộc địa.

Họ cũng lên án cái nhìn thô thiển, bừa bãi và không kém phần tàn ác vào lịch sử của những nước bị trị "dưới con mắt Tây phương" (under Western eyes). Robert Young trong tác phẩm quan trọng của ông, *White Mythologies: Writing History and the West*, (*Chuyện Thần Thoại Da Trắng: Vấn Đề Viết Lịch Sử và phương Tây*), cho rằng việc xây dựng lịch sử và chép sử sẽ gặp trở ngại vô cùng to lớn nếu chỉ chấp nhận vũ trụ quan Tây Âu mà thôi. Nhà văn Uruguay, Eduardo Galeano, trong cuốn *Memory of Fire: Genesis* đã dùng lối ẩn dụ khi viết về cuộc tàn sát người Quetzaltenango một cách vô cùng ghê rợn tại Nam và Trung Mỹ vào năm 1524 mà thủ phạm là đoàn quân xâm lăng Tây Ban Nha. Ông viết:

*Nhà thơ sẽ nói về Pedro de Alvarado và những người cùng đến với hắn nhằm mục đích dạy cho người ta biết thế nào là nỗi sợ hãi ... Bọn trẻ con, ngồi quanh nhà thơ, sẽ hỏi:*

*"Thưa chú, những điều chú nói chú đều đã thấy? Đã nghe?"*

*"Vâng."*

*"Chú đã có mặt ở nơi này?" bọn trẻ sẽ hỏi như thế.*

*"Không. Không một người nào từng có mặt nơi đây mà còn sống sót."*



*Và thi sĩ sẽ dạy lũ trẻ cách làm thế nào để đánh hơi được lịch sử trong cơn gió, sờ được lịch sử trên những tảng đá mà dòng sông đã cọ mài cho bóng nhẫy, và nhận ra được mùi vị của lịch sử bằng cách nhai những ngọn cỏ, chậm chậm, như người ta gặm nhấm nỗi buồn phiền.*

Họ nuôi tham vọng du nhập những tác phẩm văn học, phê bình, nghiên cứu xuất phát từ văn học "Khối Thịnh Vượng Chung" hay văn học "mới" vào chương trình học của bộ môn Anh ngữ. Một trong những phương thức họ sử dụng để thể hiện tham vọng đó là tập trung và tổng kết tất cả tác phẩm gọi là văn học Khối Thịnh Vượng Chung, dù có khác biệt nhau về thể tài, nội dung, ý hướng, mục tiêu, phương pháp, trường phái v.v... vào một trào lưu chung mang những đặc trưng riêng biệt của mỗi vùng địa dư khác nhau, mỗi bối cảnh lịch sử khác nhau, thậm chí của mỗi xu hướng khác nhau bắt nguồn từ cá nhân của mỗi người viết. Lý do của việc làm đó rất dễ hiểu: trong một hoàn cảnh trong đó những tác phẩm văn chương không phải của Anh và không phải của Mỹ luôn luôn bị các phân khoa văn chương Anh Mỹ tại các đại học ở chính quốc, ở các thuộc địa và hậu thuộc địa cố ý bỏ quên, việc tập trung và hệ thống hoá những tác phẩm ấy dưới ngọn cờ "Văn Học Khối Thịnh Vượng Chung" đã tạo được một sức mạnh đáng kể chống lại quan niệm rất phổ biến là văn học của khối Anh Mỹ đối với những quốc gia nói tiếng Anh mới chính thống, mới có giá trị, còn văn học bên ngoài khối Anh Mỹ bị xem như nằm ngoài lề, rời rạc, non kém, không có giá trị đích thực, không đáng được phổ biến, nhất là trong chương trình giảng dạy Anh Ngữ tại chánh quốc cũng như tại các nước thuộc địa cũ.

Bây giờ bình tâm nhìn lại, ta thấy rằng việc xây dựng nền Văn Học Khối Thịnh Vượng Chung nói trên vô cùng hữu hiệu. Những tác phẩm xuất phát từ nền văn học Khối Thịnh Vượng Chung đã thổi một luồng sinh khí mới mẻ, dị biệt, phức tạp, rất giá trị, có nhiều nguồn gốc khác nhau xuất phát từ những quốc



gia khác nhau, vào nền văn học hiện đại của khối Anh Mỹ và những quốc gia hậu thuộc địa. Dần dần, chỉ trong một thời gian rất ngắn ngủi so với chiều dài của lịch sử văn học loài người, nền văn học Khối Thịnh Vượng Chung đã vô hình trung chuyển qua giai đoạn hậu-thuộc địa mà sự đa dạng và phức hợp của nó đã kết hợp tốt đẹp với trào lưu văn học hậu-hiện đại ngày nay trên thế giới. Những thành tựu lớn lao đặc biệt là trong lãnh vực thi ca và tiểu thuyết đã được ghi nhận, một số nhà văn, nhà thơ Á Phi, và Nam Mỹ đã đạt những đỉnh cao trên văn đàn thế giới.

Trên đây là vài nét phác họa sơ lược về vấn đề hậu-thuộc địa và vài nét đặc trưng của văn học hậu-thuộc địa theo truyền thống đế quốc Anh. Trở lại với nền văn học của Việt Nam ta, ta thấy được gì?

Trong một ngàn năm lệ thuộc Trung Hoa vào thời kỳ ta mới dựng nước và gần đây gần một trăm năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, sinh hoạt chữ nghĩa của dân tộc Việt Nam hẳn đã chịu ảnh hưởng sâu đậm từ hai đế quốc đó dù rằng cũng có những nhà nghiên cứu cho rằng ảnh hưởng từ văn hoá Ấn Độ cũng không kém quan trọng. Thật ra văn hoá Ấn Độ chỉ để lại một ít dấu vết trên nếp sống của vài ba dân tộc thiểu số tại miền Nam Việt Nam và, cùng với Trung Quốc, góp phần trong việc phát triển Phật Giáo Việt Nam.

Bên cạnh nước Trung Hoa quá lớn lao về đất đai, dân số, với một nền văn hoá rực rỡ, lâu đời nhất của loài người, và lại luôn luôn nuôi mộng bá quyền muốn thôn tính những nước láng giềng nhỏ bé, nước ta vẫn coi nước Tàu như một kẻ thù truyền kiếp, đồng thời sợ hãi và kính nể. Sợ hãi cái sức mạnh, cái tham vọng; kính nể nền văn hoá mà mình chịu nhiều ảnh hưởng. Cho nên, suốt trong chiều dài lịch sử, lần nào cũng vậy, ngay sau khi chiến thắng quân xâm lược phương Bắc một cách lấy lừng, triều đình ta đã vội vàng phái sứ giả qua Tàu thương lượng và xin triều cống. Đó là thuộc lãnh vực chính trị và quân



sự. Về tư tưởng, học thuật, ta rập khuôn theo Tàu. Có thể nói rằng trước khi tiếp xúc với Tây phương, văn học Việt Nam là một nền văn học thuộc địa của Trung Quốc, lấy chữ Hán làm ngôn ngữ chính thống. Lẽ dĩ nhiên, cùng đi song song với văn học chữ Hán trong một thời gian dài kể từ đời vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293), nền văn học chữ Nôm cũng đã lưu lại một số tác phẩm đáng được lưu ý tuy về số lượng thì rất ít ỏi và về chất lượng thì cũng có giá trị dù ảnh hưởng Tàu còn đè nặng. Giai đoạn cực thịnh của văn Nôm diễn ra vào đầu triều Nguyễn (thế kỷ thứ 19). Tác phẩm lớn đã ra đời, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, và những tác phẩm khác của các tác giả như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương ... cũng đã bắt đầu mang bản sắc dân tộc. Tiếc thay thời kỳ đó kéo dài không được bao lâu thì nước ta mất chủ quyền vào tay thực dân Pháp. Câu hỏi đặt ra ở đây là liệu nền văn học của ta từ trước cho đến giữa thế kỷ thứ 19 đã thoát ra khỏi tình trạng thuộc địa chưa, hãy khoan nói đến một nền văn học hậu-thuộc địa.

Dưới ách đô hộ của Pháp, ta cũng xem Pháp là kẻ thù mới, nhưng đồng thời bị choáng ngợp trước nền văn học lấy lòng của kẻ thù. Trong tình huống oái oăm đó, ta lại vô vấp học hỏi và tiếp thụ nền văn học đó với ước mong thay thế ảnh hưởng nặng nề từ Trung Quốc. Chủ trương một chính sách "ngu dân", nhà nước đô hộ cho áp dụng một chương trình giáo dục "thực dân" nhằm đào tạo giới thư lại, nha sảnh là chính yếu. Cho nên về học thuật, người dân ta chỉ được tiếp cận một cách hời hợt với những trào lưu cũ của Pháp mà thôi. Đó là thời kỳ giao thoa giữa ảnh hưởng Tàu và Tây trong vòng 30 năm đầu của thế kỷ thứ 20 mà tiêu biểu là các nhóm *Đông Dương Tạp Chí* rồi *Nam Phong Tạp Chí*.

Tiếp theo đó là thời kỳ trút bỏ ảnh hưởng Tàu để hoàn toàn theo mới. Thế nhưng mãi đến giữa thế kỷ thứ 20, ta vẫn chỉ làm quen một phần nào với văn học cổ điển, lãng mạn của



Pháp thuộc những thế kỷ trước. Dù vậy, trong một thời gian rất ngắn không đầy 15 năm từ 1932 đến 1945, nền văn học của ta đã thực hiện những bước tiến lớn lao trong lãnh vực thơ qua phong trào Thơ Mới, và trong lãnh vực văn qua Tự Lực Văn Đoàn và vài nhóm văn học khác. Thế Chiến thứ hai kết thúc cũng đồng thời chấm dứt nền văn học "tiền chiến" của Việt Nam. Có thể nói rằng từ khởi thủy cho đến khi kết thúc Thế Chiến Thứ Hai, văn học Việt Nam hết nằm trong quỹ đạo của Tàu đến quỹ đạo của Pháp. Đó là nền văn học thuộc địa.

Sau Thế Chiến Thứ Hai, miền Bắc nước ta rơi vào gong kềm của chủ nghĩa Mác - Lênin, một chủ nghĩa đã chặn đứng đà tiến hoá của một nền văn học vô cùng rực rỡ của chính nước Nga, nói gì đến những nước chư hầu. Miền Nam được khai phóng hơn, có dịp tiếp xúc với nhiều trào lưu tư tưởng mới mẻ của thế giới bên ngoài hơn. Trong khoảng các thập niên 50, 60, văn học nghệ thuật miền Nam nở rộ về nhiều mặt - thơ, văn, hội họa, kiến trúc, âm nhạc... Riêng về mặt văn học, những tác phẩm có giá trị ra đời. Nhiều học giả nghiên cứu những tư tưởng hiện đại trên thế giới, nhiều nhà văn trẻ nỗ lực tìm tòi, sáng tạo, hoặc cố theo cho kịp bước tiến của văn học loài người. Liệu ta có thể coi vào thời kỳ đó nước ta đã bước vào ngưỡng cửa của nền văn học hậu thuộc địa hay chưa? Thời kỳ đó đã quá ngắn ngủi.

Dường như tình cờ của lịch sử vẫn thường chặn đứng những bước đột phá của văn học Việt Nam qua nhiều giai đoạn nên văn Nôm cực thịnh đầu triều Nguyễn trước khi pháp xâm lăng, giai đoạn Thơ Mới và văn xuôi trước Thế chiến thứ hai, giai đoạn văn học miền Nam nở rộ trước khi miền Nam thất trận. Cuộc nội chiến Bắc Nam bị giạt dây bởi hai khối cộng sản và tư bản quốc tế càng ngày càng dữ dội, cái chết và cảnh "nổi da xáo thịt" luôn luôn diễn ra trước mắt mọi người. Tấn bi kịch lớn lao đó đã bao trùm lên trên mọi mối quan tâm khác. Nhà văn không thể ngồi yên để chiêm nghiệm về những ngõ ngách



vi tế trong tâm hồn của Marcel Proust, cái "dòng ý thức" của James Joyce, của William Faulkner, cái "phi lý" của Albert Camus, của Franz Kafka, cái "hiện sinh" của Jean-Paul Sartre, cái "bi quan" của Samuel Beckett ... Rồi đến 1975 miền Nam thất thủ, văn học miền Nam theo chân những bước lưu vong, vừa cố trút bỏ ám ảnh đau thương của quá khứ, vừa loay hoay đi tìm bản sắc mới, trong khi văn học tại nước nhà vẫn chưa thoát ra khỏi hản những gọng kềm cũ.

#### Tài liệu tham khảo chính:

1. Alfred J. López, *Posts and Pasts – A Theory of Postcolonialism* (New York: State University of New York Press, 2001).
2. Bill Ashcroft, Gareth Griffiths and Helen Tiffin, *Post-Colonial Studies – The Key Concepts* (New York: Routledge, Reprinted 1992).
3. -----, *The Empire Writes Back: Theory and Practice in Post-colonial Literatures* (London: Routledge, 1989).
4. ----- (eds.) *The Post-colonial Studies Reader* (London: Routledge, 1995).
5. Gerry Smyth, *Decolonisation and Criticism – The Construction of Irish Literature*, (London: Pluto Press, 1998).
6. Gregory Castle (ed.), *Postcolonial Discourses – An Anthology* (UK Oxford: Blackwell Publishers Ltd, 2001).
7. Padmini Mongia (ed. & intro.), *Contemporary Postcolonial Theory: A Reader* (London: Arnold, 1998).
8. Francoise Lionnet & Ronnie Scharfman..., in *Yale French Studies*, No 82 (New Haven: Yale University Press, 1993).
9. Gayatri Chakravorty Spivak, *A Critique of Postcolonial Reason: Toward a History of the Vanishing Present* (Cambridge: Harvard University Press, 1999).

# NGUYỄN MINH TRIẾT

*về những diễn ngôn  
văn chương hậu thuộc địa*

Chủ nghĩa thực dân là một hình thức khai thác thuộc địa được phát triển theo với sự bành trướng của châu Âu trong thời gian 400 năm qua. Từ xa xưa nhiều nền văn minh Âu châu đã có thuộc địa và chánh quyền đế quốc trung ương luôn luôn có uy quyền tuyệt đối trên các tỉnh thành ngoại biên và các nền văn hoá sơ khai. Sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân tại Âu châu đồng nghĩa với sự phát triển của hệ thống kinh tế tư bản trong đó các vùng đất thuộc địa được thiết lập để cung cấp nguyên liệu cho sự phát triển và củng cố kinh tế tại chánh quốc. Sự liên hệ giữa quốc gia đô hộ và các nước thuộc địa hoàn toàn bất bình đẳng trên mọi phương diện kinh tế, chánh trị, văn hoá cũng như xã hội. Các sắc dân tại các quốc gia thuộc địa thường là những chủng tộc khác với sắc dân chánh quốc và bị xem thuộc loại chủng tộc thấp kém.

Sự liên hệ trung ương và lãnh thổ ngoại biên là điều kiện cần yếu cho sự hiện hữu của chủ nghĩa thực dân. Chủ nghĩa thực dân chỉ thành hình khi hàm chứa có một liên hệ đẳng cấp bền vững với thuộc địa như là một văn hoá *khác* đối trọng lại với văn hoá của chánh quốc. Nền văn hoá khác đó là nền văn hoá sơ khai khi so chiếu với nền văn minh của đế quốc. Các đế quốc Âu châu được xem là trung tâm của quyền lực, của văn minh, của văn hoá. Tất cả những vùng nằm ngoài khu trung tâm đều thuộc khu ngoại biên và nhiệm vụ của đế quốc là đem



nền văn minh của trung ương đến khai sáng các dân tộc thuộc địa ở ngoại biên. Ít ra từ giữa thế kỷ 19 các quốc gia Âu châu đã dùng sự nhân danh này để biện minh cho sự khai thác các thuộc địa về phương diện chánh trị cũng như kinh tế. Một thí dụ cho đầu óc thuộc địa này đã được thể hiện trong lời khuyên của nhà văn Rudyard Kipling vào năm 1899 khi Hoa kỳ chiến thắng Tây ban nha tại Phi luật tân là Hoa kỳ hãy “nhận lấy trách nhiệm của người da trắng” hơn là theo đường lối chống lại chánh sách thuộc địa để trả độc lập cho Phi luật tân (1).

Chủ nghĩa thuộc địa trên thực tế đã hoàn toàn cáo chung từ giữa thế kỷ 20, nhưng chánh sách thực dân vẫn còn để lại nhiều dấu vết trên các quốc gia bị đô hộ. Những dấu vết đó đã gây tạo nhiều ảnh hưởng quan trọng trong thời hậu thuộc địa trên hầu hết các lãnh vực của cuộc sống tại các quốc gia bị đô hộ, đặc biệt là trong lãnh vực văn hoá. Tính đến thế chiến thứ nhất các đế quốc Âu châu đã thống trị hơn 85 phần trăm các đất đai trên quả địa cầu trong nhiều thế kỷ. Sự thống trị dài hạn và sự tan rã của các đế quốc này sau thế chiến thứ hai đã đem lại sự quan tâm rộng rãi về chủ nghĩa hậu thuộc địa và gây nên nhiều sự phẩm bình nhất trong những thập niên gần đây. Các sử gia, các nhà xã hội học, và các nhà bình luận văn học đều dùng ý niệm hậu thuộc địa để nghiên cứu những phương cách rõ ràng hay ẩn tàng mà chánh sách thực dân đã dùng để ảnh hưởng lên các xã hội thuộc địa. Dù các giai đoạn có khác nhau, dù các nguyên nhân và ảnh hưởng có khác nhau, tất cả các học thuyết hậu thuộc địa đều thừa nhận chủ nghĩa thực dân vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến các cựu thuộc địa mặc dù các nước này đã được độc lập về phương diện chánh trị.

Vì chủ nghĩa thuộc địa và chủ nghĩa hậu thuộc địa có một sự liên hệ mật thiết nên thiết nghĩ cần phân biệt rõ về ý nghĩa của hai chủ nghĩa này. Trước nhất, chủ nghĩa thuộc địa hay thực dân (colonialism) theo *Oxford English Dictionary* là



“những chánh sách của các cường quốc nhằm khai thác các dân tộc bán khai, yếu kém”. Chánh sách thực dân đã có từ thời đế quốc La mã là chánh sách đem dân đến định cư tại những vùng đất xa xôi mới chiếm được để lập thành những tiền đồn phòng vệ cho thành-phố-quốc-gia (city-state) La mã. Đến thế kỷ 19 chủ nghĩa thực dân này đã được các quốc gia Âu châu như Anh, Pháp, Bồ đào nha, Tây ban nha... noi gương và đi chinh phục những vùng đất thuộc địa khắp địa cầu để thiết lập nên những đế quốc rộng lớn. Mỗi đế quốc thực dân thi hành một đường lối đô hộ khác nhau, có những nhận thức khác nhau về dân bị trị nhưng tất cả đều có một điểm chung là tánh cách toàn trị và áp chế của chủ nghĩa thuộc địa.

Trong khi đó, chủ nghĩa hậu thuộc địa (post-colonialism) theo như tài liệu của Hội nghị đa môn tại Toronto (A Multidisciplinary Conference, Toronto, September 26-28, 2002) (2) là một tập hợp những khuynh hướng lý thuyết nhằm nghiên cứu những ảnh hưởng trực tiếp và về lâu về dài của chế độ thuộc địa. Chủ nghĩa hậu thuộc địa kết hợp những vận động trong lãnh vực phê bình và tri thức để cách tân quan niệm và sự hiểu biết về lịch sử hiện đại, về những nghiên cứu văn hoá, về những phê bình văn học, và về kinh tế chánh trị. Nói cách khác, chủ nghĩa hậu thuộc địa nghiên cứu những sự trỗi dậy của người dân thuộc địa, nghiên cứu sự thay đổi về văn hoá của các xã hội bị trị để thiết lập nên những diễn ngôn đối kháng lại những hậu quả của chánh sách thuộc địa. Về cơ bản, đối tượng của chủ nghĩa hậu thuộc địa là nghiên cứu nhóm thực dân và nhóm dân thuộc địa, nhóm đàn áp và nhóm bị đàn áp.

Dù người dân thuộc địa có cảm nhận được hay không, sự hiện diện của thực dân đã để lại nhiều ảnh hưởng không thể chối cãi được trong suốt thời bị cai trị và ngay cả sau khi chế độ thực dân đã ra đi. Ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân không thể “chánh thức” chấm dứt được vì không có cách nào để tái



tạo lại mọi thứ y như thời tiền thuộc địa được. Sự chấm dứt của chủ nghĩa thuộc địa được đánh dấu trên lý thuyết bằng sự độc lập của quốc gia bị đô hộ. Nhưng trên thực tế, quốc gia vừa độc lập đó đã bị bóp méo một cách thô bạo, dân chúng bị xáo trộn bởi các cuộc di dân và biên cương cũng không còn nguyên vẹn như xưa. Và điều quan trọng hơn cả là tư tưởng, văn hoá, ngôn ngữ của dân chúng tại các quốc gia thuộc địa sẽ còn bị "đô hộ" dài lâu bởi các nền văn hoá phương tây. Cho nên, dù cuộc sống về phương diện chánh trị và xã hội có đổi khác nhưng ý thức về sự đổi khác này luôn luôn dính liền chặt chẽ với kẻ đã gây ra sự thay đổi và ý thức này sẽ mãi mãi chi phối cuộc sống của xã hội thuộc địa. Thời hậu thuộc địa không những hàm chứa ý nghĩa là dân thuộc địa phải biết thích hợp hoá với sự thay đổi và phải biết chọn lọc những điều hay cũng như gạt bỏ những điều dở của chánh sách thuộc địa mà còn bao gồm sự tương quan giữa sự biến đổi và nguyên nhân của biến đổi, giữa cái *Này* tức các đế quốc Âu châu và cái *Khác* (Other) là các quốc gia bị đô hộ, và vai trò không ngừng đổi thay giữa hai bên.

Các cuộc nghiên cứu về những thực trạng đó được gọi chung là các học thuyết hậu thuộc địa. Những học giả viết về chủ nghĩa hậu thuộc địa này được gọi là các học giả hậu thuộc địa và họ thường là những người có cư trú hay có nguồn gốc thuộc các quốc gia từng là đất thuộc địa. Các học thuyết này không phải chỉ nghiên cứu về lãnh vực văn học hậu thuộc địa mà còn ứng dụng cho cả các lãnh vực thuộc chánh trị học, thuộc lịch sử, thuộc xã hội học và nhiều lãnh vực khác nữa. Đó là những học thuyết được đặt nền tảng trên các sự kiện lịch sử về chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và hậu quả của các chế độ đó. Hai khía cạnh đan kết với nhau của sự nghiên cứu hậu thuộc địa là chẩn đoán tình trạng chánh trị và lịch sử để xác định ai là thực dân và ai là dân thuộc địa, nhưng đồng thời



nó cũng lượng giá về mặt luân lý các sai lầm đã gây hại cho dân thuộc địa, khiến cho tánh nhứt thống, ý thức về không gian cũng như căn cước bị tước đoạt và khống chế ngược lại nguyện vọng của người dân thuộc địa.

Để có một ý niệm chánh xác về chủ nghĩa hậu thuộc địa ta phải quan tâm đến những tương tác giữa chánh sách cai trị của thực dân và những phản ứng của từng xã hội bị thực dân đô hộ. Mỗi xã hội bị đô hộ đều có những phản ứng khác nhau, và mỗi vùng hậu thuộc địa đều có những kinh nghiệm phản kháng và hội nhập không giống nhau. Do đó, văn chương hậu thuộc địa phải chú trọng đến vị trí địa dư, xã hội, và tình trạng lịch sử đặc biệt của từng vùng vì mỗi vùng đều có những vấn đề khác nhau và cần những giải pháp khác nhau. Chẳng hạn vấn đề phái giống ở Ấn độ phải giải quyết khác hơn ở Phi châu chẳng hạn vì ở Ấn vấn đề nghi lễ tự hi sinh của goá phụ được coi như một yếu tố quan trọng trong việc xác định vai trò của phụ nữ trong một xã hội phân biệt giai cấp; trong khi đó ở Phi châu, sự huỷ hoại cơ quan sinh dục lại là một yếu tố quan trọng trong việc xác định địa vị của người đàn bà trong một xã hội bộ tộc. Cho nên, các học giả hậu thuộc địa kêu gọi thiết lập những dòng văn chương cho từng vùng hay từng quốc gia. Một sự nghiên cứu tất cả những khác biệt đó đem lại sự phong phú cho các học thuyết văn chương hậu thuộc địa. Ngoài ra, sự liên hệ một chiều từ trung tâm Âu châu ra ngoại biên cũng cần được xác định lại thành những cuộc lưu chuyển dân chúng đích thực trong đó mọi sắc dân thuộc những nền văn hoá khác nhau, những tôn giáo khác, những ngôn ngữ khác nhau được tự do di chuyển xuyên các lần ranh quốc tế trong tiến trình hình thành những tập thể mới, những cơ cấu nhận dạng mới.

Các học thuyết hậu thuộc địa là một lãnh vực nghiên cứu văn học năng động nhứt trong vòng vài thập niên qua. Tuy nhiên, các học thuyết này đa số chưa được cô đọng và rõ ràng nhiều khi lại mâu thuẫn với nhau vì vấn đề hậu thuộc địa quá



phức tạp và thay đổi tùy theo từng vùng địa dư. Riêng danh từ “hậu thuộc địa” cũng chịu nhiều tranh luận về ý nghĩa. Rõ rệt chữ “hậu thuộc địa” có nghĩa là giai đoạn tiếp theo sau thời gian bị làm thuộc địa, bị đô hộ bởi những đế quốc thực dân, nhưng nhiều tác giả cũng không đồng ý về lần ranh giữa giai đoạn thuộc địa và giai đoạn hậu thuộc địa. Một trong các tác giả đó là Aijaz Ahmad cho là danh từ chủ nghĩa thuộc địa có thể đẩy lui về tận thời đại Incas và cũng có thể đẩy tới tận lúc Nam dương gần đây xâm chiếm lãnh thổ Đông Timor. Cho nên, theo ông chủ nghĩa thực dân là một vấn đề xuyên lịch sử, luôn luôn hiện hữu, và luôn luôn ở trong tình trạng giải thể (3).

Tuy nhiên, phần đông lại chủ trương là chủ nghĩa thực dân bao gồm khoảng thời gian từ thế kỷ 16 cho đến giai đoạn của chủ nghĩa tân thực dân (neo-colonialism) của hiện tại. Chủ nghĩa tân thực dân theo như Kwane Nkrumah, vị tổng thống đầu tiên của Ghana là tình trạng một quốc gia trên lý thuyết đã được độc lập và có mọi chủ quyền trên trường quốc tế, nhưng trên thực tế hệ thống kinh tế và hậu quả là đường lối chánh trị của quốc gia đó vẫn còn bị chi phối bởi ngoại bang (4). Do đó, chủ nghĩa hậu thuộc địa vẫn còn nhiều điều cần được minh định. Theo Anne McClintock một cách đại cương thì học thuyết hậu thuộc địa muốn đương đầu lại với sự lấn lướt của chủ nghĩa lịch sử phương tây và các cặp từ nhị phân như bản thân/cái khác, mẫu quốc/ thuộc địa, trung tâm/ngoại biên... còn chủ nghĩa hậu thuộc địa nhằm định hướng lại ý nghĩa của cặp từ đối kháng thuộc địa/hậu thuộc địa (5). Những cặp từ này phải được hiểu trong ý nghĩa học thuyết huỷ tạo của Derrida là trong mỗi cặp từ đối kháng, từ ngữ đi trước bao giờ cũng có ý nghĩa trội yếu so với từ ngữ đi sau.

Để được bao quát đa số các học giả về văn chương hậu thuộc địa đề nghị gọi các học thuyết văn chương hậu thuộc địa là diễn ngôn (discourse) văn chương hậu thuộc địa. Diễn ngôn là một hệ thống những lời phát biểu, những lời thảo luận về



một đề tài xác định có thể là chánh trị, văn học, xã hội, tôn giáo... Diễn ngôn hàm ý đối thoại tức có những lý lẽ được đưa ra, có những phản bác, và những trả lời cho những phản bác đó. Trong ý nghĩa này, diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa hàm ý một hệ thống bao gồm nhiều học thuyết có tánh chất thuần nhất về thời hậu thuộc địa như những suy nghĩ về học thuyết, những bài phê bình lẻ tẻ, những phân tích về diễn ngôn, những phân tích về lịch sử, những phê phán văn học...

Diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa bắt nguồn từ sự nghiên cứu về văn chương khối thịnh vượng chung là khối các quốc gia cựu thuộc địa của Vương quốc Anh mà ngày nay hầu hết đã được độc lập. Văn chương khối thịnh vượng chung trên nguyên tắc thì bao gồm nền văn chương của tất cả các quốc gia và lãnh thổ nằm trong khối, nhưng thực tế văn chương khối thịnh vượng chỉ bao gồm các văn chương viết bằng Anh ngữ của các thuộc địa, các cựu thuộc địa, và các lãnh thổ thuộc Anh mà thôi, không kể nền văn chương của Anh quốc.

Nghiên cứu văn chương khối thịnh vượng chung chỉ trở thành một môn học nằm trong các môn học về văn chương viết bằng Anh ngữ bắt đầu từ đầu thập niên 1960 tại Anh và Mỹ. Quyển sách nhan đề *The Commonwealth Pen* xuất bản năm 1961 của A.L. McLeod đã khởi sự và gợi hứng cho nhiều học giả để tâm nghiên cứu về văn học của khối thịnh vượng chung. Vào năm 1962 tạp chí *CBC Newsletter* được ra đời làm nơi qui tụ cho các công trình nghiên cứu trong lãnh vực này. Tiếp theo, một hội nghị quốc tế về văn chương khối thịnh vượng chung đã được tổ chức tại Leeds, Anh quốc vào năm 1964 đồng thời một Hội nghiên cứu ngôn ngữ và văn chương khối thịnh vượng chung (Association for Commonwealth Literature and Language Studies) cũng được thành lập. Vào năm 1965 tạp chí *The Journal of Commonwealth Literature* ra đời và tạp chí *Kunapipi* ra mắt vào năm 1975 là những tạp chí chuyên về



học thuyết và bình luận các nền văn học trong khối thịnh vượng chung. Tạp chí *Kunapipi* đã đề xướng và cổ vũ mạnh mẽ cho việc dùng từ ngữ “văn chương hậu thuộc địa” thay vì “văn chương khối thịnh vượng chung”(6)

Các cuộc nghiên cứu hậu thuộc địa hiện tại là sự giao hoà giữa nghiên cứu văn chương khối thịnh vượng chung với các cuộc nghiên cứu văn học được gọi là học thuyết diễn ngôn thuộc địa. Các cuộc nghiên cứu này đã được nổi bật trong giới hàn lâm phương tây từ thập niên 1970 với sự ra đời của quyển sách *Orientalism* của Edward Said. Qua định nghĩa của Said, đông phương (the Orient) có nghĩa là những vùng, những hệ thống chánh trị bị Tây phương dùng sức mạnh áp đặt lệ thuộc vào kiến thức và tư duy của phương tây. Với quan niệm này, phương đông bị xem là thụ động, là thấp kém và là kẻ xa lạ, là kẻ khác (the Other) đối trọng của văn minh phương tây. Và chủ nghĩa đông phương (orientalism) là một phương cách viết, nhìn, và nghiên cứu bị thể thức hoá hay bị đông phương hoá, và bị chi phối bởi những cường chế, những viễn cảnh, và thành kiến về ý thức hệ (7).

Theo Edward Said, diễn ngôn thuộc địa là một hệ thống trong đó những nhóm thực dân có quyền khống chế đã tự đặt để ra những giá trị về kiến thức, về kỷ luật, về văn học lên những nhóm người bị trị là dân thuộc địa. Said phân biệt chủ nghĩa đế quốc là sự thực hành, lý thuyết và thái độ của một trung tâm quyền lực chế ngự các lãnh thổ ở ngoại biên, còn chủ nghĩa thực dân thường là hậu quả của chủ nghĩa đế quốc và có mục đích thiết lập những khu định cư tại các vùng đất xa xôi. Diễn ngôn thuộc địa hàm chứa ý nghĩa Âu châu là trung tâm, tượng trưng cho tánh cách hiện đại và những phát biểu về tương quan quyền lực giữa chế độ thuộc địa và dân thuộc địa, về quyền lực thực dân và kẻ bị trị... Diễn ngôn thuộc địa cũng xác nhận ý niệm về chủng tộc trong đó các chủng tộc thực dân được xem là văn minh còn các chủng tộc bị đô hộ là những



chủng tộc sơ khai bất kể cấu trúc xã hội, văn hoá và lịch sử của các chủng tộc bị đô hộ này như thế nào (8).

Said đã chỉ trích tất cả những quan niệm sai lầm vừa nêu của phương tây. Quyển *Orientalism* có thể nói là đã đặt nền móng cho học thuyết hậu thuộc địa và đã kích động sự phát triển của học thuyết mà về sau được Homi Bhabha và Gayatri Spivak gọi là học thuyết diễn ngôn thuộc địa (colonial discourse theory). Tuy vậy, từ ngữ “hậu thuộc địa” chưa được Edward Said dùng trong các văn bản của ông. Mãi đến năm 1990 từ ngữ “hậu thuộc địa” mới được Gayatri Spivak dùng lần đầu tiên trong tuyển tập nhan đề *The Post Colonial Critic*. Dù vậy, từ ngữ “hậu thuộc địa” lúc ban đầu cũng chưa có ý nghĩa rộng lớn như ngày nay mà chỉ có nghĩa là sự tương tác văn hoá trong xã hội thuộc địa mà thôi.

Tuy diễn ngôn thuộc địa được hình thành trong khung cảnh xã hội và văn hoá của thực dân nhưng qua các diễn ngôn này các dân thuộc địa cũng biết được về mình vì nó tạo nên những xung đột sâu xa trong ý thức của dân thuộc địa khi được va chạm với các kiến thức khác lạ của thế giới. Bằng cách phơi bày lịch sử thuộc địa của một nền văn hoá, diễn ngôn thuộc địa cho thấy một xã hội có khả năng tự đánh giá mình để từ đó định hướng cho tương lai.

Theo Peter Hume diễn ngôn thuộc địa tuy do Edward Said đưa ra, nhưng nhiều tác phẩm xuất bản sau khi *Orientalism* ra đời cho thấy là diễn ngôn thuộc địa có nguồn gốc trước đó từ lâu. Các nguồn gốc đó là sự lớn mạnh của các phong trào quốc gia và những truyền thống phê bình văn học của các quốc gia trong khối thịnh vượng chung chống lại việc thực dân dùng văn chương Anh như là một phương tiện để kiểm soát thuộc địa. Các nhà phê bình hậu thuộc địa thuộc khối thịnh vượng chung ban đầu tập trung vào việc làm cho Anh ngữ của các quốc gia trong khối thịnh vượng chung được thừa nhận như là một môn học về nghiên cứu văn chương thuộc các dòng văn



chương của Anh quốc. Trong sự tranh đấu cho các văn bản của các nước khối thịnh vượng chung hậu thuộc địa được thừa nhận trong các lãnh vực hàn lâm của Anh quốc, các nhà phê bình có tinh thần quốc gia trong khối thịnh vượng chung ban đầu đã phải dùng đến nhiều chiến thuật du kích trong việc sử dụng các từ ngữ và diễn tiến cuộc tranh đấu đó trong khuôn khổ của các thông lệ về phê bình văn học của Anh. Về sau bắt đầu từ thập niên 1970, ý niệm chống thuộc địa mới lần lần được đề cập đến, đặc biệt là sự phủ nhận vai trò trung tâm của các giá trị và các tiêu chuẩn của văn chương Anh quốc. Mặt khác, để đập vỡ khuynh hướng chỉ học về văn chương Anh mà thôi, các nhà tranh đấu có tinh thần quốc gia trong khối thịnh vượng chung cũng chú tâm viết các vấn đề học thuyết rộng lớn hơn nhằm biện luận khúc chiết cho các chiều kích lịch sử, xã hội, mỹ học và chánh trị của các nền văn học địa phương. Phải làm như vậy để các phân khoa Anh ngữ thuộc các trường đại học thấy rõ giá trị của các nền văn học ngoại biên và thừa nhận chỗ đứng cho văn chương được viết bởi các tác giả không phải là người Anh hay người Mỹ trong các chương trình giảng dạy.

Qua kinh nghiệm giảng dạy các giáo sư trong lãnh vực hậu thuộc địa đã khám phá là hiện chưa có một 'truyền thống' cho một học thuyết văn chương hậu thuộc địa giống như người ta vẫn nói là học thuyết huỷ tạo của Derrida có một truyền thống triết học, học thuyết phân tâm của Lacan có truyền thuyết phân tách tâm lý, học thuyết văn hoá duy vật có truyền thống Mác xít, v.v... Những truyền thống như vậy làm cho các học thuyết vừa kể trở thành phổ quát. Diễn ngôn hay học thuyết văn chương hậu thuộc địa chưa có được một truyền thống phổ quát như vậy.

Để tạo truyền thống cho diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa, Patrick Williams và Laura Chrisman, trong tác phẩm *Colonial Discourse and Post-Colonial Theory* đã dành nhiều công sức tập hợp tất cả những trả lời cho những chỉ trích đối



với văn bản *Orientalism* của Edward Said vào thành một bộ và xem đó như là văn bản chánh yếu cho học thuyết hậu thuộc địa. Một truyền thống khác cũng có thể được chấp nhận là các phê bình của Fanon về ý thức quốc gia hoặc những phân tách diễn ngôn thuộc địa của Spivak hay Bhabha nhấn mạnh đến sự liên kết của chủ nghĩa hậu thuộc địa với học thuyết hậu cấu trúc. Tóm lại, học thuyết văn chương hậu thuộc địa có thể có nhiều nguồn gốc hoặc nhiều nền tảng lý thuyết khác nhau nhưng đôi khi được hoá trang dưới dạng thức một hợp tuyển hay một học thuyết đơn nguyên.

Trong khi đó, Homi Bhabha qua tác phẩm *The Location of Culture* đã xác định một quan điểm tổng hợp về thuyết huỷ tạo, phân tâm học, và các phê bình về lịch sử và văn hoá như là một sắc thái chung về những đặc tánh của diễn ngôn hậu thuộc địa. Mục đích của Bhabha là huỷ tạo (deconstruct) những diễn ngôn thuộc địa rồi tái tạo những phương sách thay thế, những phương sách thay thế này không những chỉ sao lại hay đảo ngược các biểu hiện đặc trưng của những quyền lực rời rạc mà còn phải đi xa hơn. Bhabha không thoả mãn với chủ nghĩa đa quốc bản địa (vernacular cosmopolitanism) do Frantz Fanon đề ra chỉ nhấn mạnh vào sự “tiếp nối” (continuance) cuộc tranh đấu chống thuộc địa với hàm ý là người dân hậu thuộc địa không được cho là mục đích đã đạt được rồi không tiếp tục tranh đấu nữa nhưng đồng thời cũng không được nản lòng cho là mục tiêu không thể nào đạt được. Cuộc tranh đấu hậu thuộc địa không phải là một trận chiến đơn lẻ mà là một chuỗi những cuộc chạm trán có tánh cách địa phương, và không một cuộc chạm trán nào có tánh cách quyết định cả. Theo Bhabha, chủ nghĩa đa quốc ngoài tánh cách tiếp nối còn phải phục hồi lại sự liên hệ hỗ tương giữa những diễn ngôn thuộc địa và hậu thuộc địa trong đó phải phối hợp sự quan tâm địa phương với sự liên hệ chánh trị thế giới. Tất cả những sự kiện đó sẽ đem quyền lực chánh trị thực sự về cho những người dân hậu thuộc địa và



vị thế địa phương của họ sẽ trở thành hiện đại cũng như bắt đầu gây tạo ảnh hưởng quốc tế. (9)

Một cách tổng quát, diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa đã tập hợp một số quan niệm từ các học thuyết về chánh trị và phê bình lại với nhau và đưa một số nguyên tắc căn bản cho văn chương hậu thuộc địa. Hai khía cạnh thường được các học thuyết văn chương hậu thuộc địa đề cập đến là huy động mọi nỗ lực vào việc viết bài phản kháng lại những sai lầm của chủ nghĩa thuộc địa (reading for resistance) và chỉ trích các hình thức khác nhau của chủ nghĩa thuộc địa để phi thực hoá tư tưởng (decolonizing the mind) cũng như sửa chữa các hậu quả sai lầm của chủ nghĩa thực dân còn lưu lại trong các xã hội thuộc địa.

Quan niệm đọc để phản kháng đã được đề cập đến trong quyển sách đã tạo nhiều ảnh hưởng trong văn chương hậu thuộc địa là *The Empire Writes Back: Theory and Practice in Post-colonial Literatures* của ba đồng tác giả là Bill Ashcroft, Gareth Griffiths, và Helen Tiffin. Ba tác giả này đã kêu gọi củng cố lý luận cho rằng văn chương khối thịnh vượng chung là một tập hợp những hình thức đọc để phản kháng của văn hoá các nước bị đô hộ. Theo các tác giả này thì ngôn ngữ là một phương tiện của quyền lực, các chánh quyền thực dân đã dùng ngôn ngữ để truyền bá các ý niệm như “sự thực”, “trật tự”, và “thực tế”... hầu áp đặt một hệ thống có tôn ti về quyền hành lên dân bị trị. Vì vậy, ngôn ngữ của văn chương hậu thuộc địa phải biết chiếm dụng ngôn ngữ của đế quốc và thay thế vào đó một diễn ngôn thích hợp cho các vùng thuộc địa. Muốn làm vậy, các tác giả trên đề nghị trước hết phải huỷ bỏ hay ít ra không thừa nhận những tiêu chuẩn có tánh cách qui phạm của văn hoá đế quốc, chẳng hạn huỷ bỏ các tiêu chuẩn vẫn được xem là “đúng cách” về văn phạm, về ngữ pháp, về cách phát âm... , và sau đó thích nghi hoá ngôn ngữ “chiếm dụng” được của thực dân sao cho phù hợp với những mục tiêu văn hoá và



chánh trị của người dân thuộc địa (10). Các tác giả trên đã dựa vào các văn bản hậu thuộc địa đã xuất bản để đúc kết thành một số sách lược đã được dùng trong việc phản kháng văn chương này. Sách lược đó có thể là một sự im lặng văn học tượng trưng như trong truyện *Mating Birds* của Lewis Nkosi..., hoặc sách lược cũng có thể là sự viết lại các tác phẩm văn học có tánh cách kinh điển của văn học thực dân như trong các tác phẩm *Wide Sargasso Sea* của Jean Rhys, *Not Wanted on the Voyage* của Timothy Findley..., hoặc đôi khi sách lược là sự sửa chữa lại các bóp méo đã xảy ra trong các văn chương thuộc địa khi ngôn ngữ giọng điệu đế quốc còn chưa được bãi bỏ như trong tác phẩm *The Mimic Men* của V.S. Naipaul (11).

Tinh thần thuộc địa này vẫn còn đè nặng trong đầu óc nhiều người phương tây đến nỗi một giáo sư lịch sử nổi tiếng tại đại học Oxford ở Anh là giáo sư Hugh Trevor Roper trong thập niên 1970 đã tuyên bố là Phi châu làm gì có lịch sử. Và trong tinh thần đó nhiều sách vở đã viết về châu Phi một cách rất là sai lạc. Quyển tiểu thuyết *Heart of Darkness* (*Trái Tim Tăm Tối*) của Joseph Conrad là một tiêu biểu cho tinh thần thực dân đó. Quyển tiểu thuyết này bán rất chạy và đã tạo cho tác giả một uy tín rất lớn vì nó đã được giới phê bình văn học cho là một trong sáu cuốn sách truyện ngắn viết bằng Anh ngữ hay nhất.

Nhưng đó là quan điểm của giới phê bình văn học người Anh, còn đối với người dân thuộc địa thì quyển tiểu thuyết của Joseph Conrad là cả một sự kỳ thị và không phản ánh đúng nếu không muốn nói là đã bóp méo sự thật... Trước hết, theo Chinua Achebe *Heart of Darkness* đã mô tả Phi châu như là một thế giới khác, một phần của Âu châu và do đó cũng là phần của văn minh. Một thế giới trong đó sự thông minh và tao nhã vẫn thường được khoe khoang đã bị mai mỉa bằng các hành động thú tánh của người dân bản địa. Qua câu chuyện của *Heart of Darkness*, Conrad đã đem con sông Congo hoang



dại, man rợ ra làm phản đề cho con sông Thames thơ mộng, thanh bình của thành phố Luân đôn. Rồi từ đó tất cả những sự hoang dã của Phi châu da đen đã được ông đem ra làm phản đề để so chiếu với sự văn minh thanh lịch của Âu châu da trắng. Conrad cho người da đen là một loại người gớm ghiếc khiến người da trắng phải rùng mình kinh hãi khi nghĩ là có họ hàng chủng tộc với loại người như vậy. Một loại người được mô tả như một giống thú biết đi bằng hai chân sau, có khuôn mặt dễ sợ, biết tru, biết hú, và ăn thịt đồng chủng. Người đàn bà da đen thì hoang dại, thô kệch, và hung dữ so với người đàn bà Âu châu tao nhã, lịch sự, đầy tự tin, và trung hậu.

Theo Chinua Achebe đó là những điều cố ý bôi nhọ nền văn hoá châu Phi nhưng đã được Conrad nguy trang không những như là một chứng nhân cho sự thật mà còn là một người có quan điểm nhân đạo tiến bộ phù hợp với truyền thống yêu chuộng tự do của người Anh. Achebe cho những đoạn văn tả một cách lâm li cảnh bần cùng khốn khổ của người da đen mà Conrad gọi là “những bóng đen của bệnh tật, của đói khát” là kỳ thị và trích thượng... Những đoạn văn mà Conrad dùng để kêu gọi lòng từ tâm của người da trắng này chẳng khác gì khi nhà truyền giáo Albert Schweitzer đã coi người châu Phi như là người em nhỏ (junior brother). Và để thể hiện tình huynh đệ đó ông đã vận động thành lập được một bệnh viện phù hợp cho nhu cầu của những người “em nhỏ” với tiêu chuẩn vệ sinh làm nhớ lại thời đại vì trùng còn chưa được biết là nguồn gốc của bệnh tật. Nhưng những hành động đó của nhà truyền giáo Albert Schweitzer đã rất được quần chúng ở châu Âu và châu Mỹ tán dương vì không biết rõ thực trạng việc làm của ông ta như thế nào. Tương tự như vậy, văn bản *Heart of Darkness* của Joseph Conrad với tất cả những miệt thị khéo léo đối với người dân da đen đã được quần chúng tây phương ca ngợi như là một trong sáu tác phẩm viết bằng Anh ngữ hay nhất.

Đối với Achebe, sự kỳ thị do *Heart of Darkness* của Conrad



mang lại là một sự kỳ thị nguy hiểm vì tất cả các phê bình liên quan đến văn bản của ông ta đều che đậy một sự thật là sự kỳ thị của người da trắng đối với châu Phi đã trở thành một nếp suy nghĩ bình thường đến nỗi không còn ai nhận biết được nữa. Châu Phi và người Phi châu đã bị phi nhân hoá, và thái độ phi nhân hoá này đã được nuôi dưỡng và tiếp tục nuôi dưỡng trong quan niệm của thế giới. Vậy thử hỏi một văn bản ca ngợi sự phi nhân hoá, phi cá thể hoá một phần của nhân loại, có đáng để được xưng tụng là một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại không. Theo Achebe câu trả lời là không và Joseph Conrad không thể được gọi là một văn nghệ sĩ được. Cũng như tất cả những người đã phục vụ cho đảng Nazi của nhà lãnh tụ kỳ thị chủng tộc khét tiếng Hitler để tiêu diệt một phần nhân loại dù trong lãnh vực khoa học, triết học, hay nghệ thuật đều phải được coi là những tội nhân. Theo Achebe đã đến lúc cộng đồng nhân loại phải xem xét lại cho thật kỹ những công trình sáng tạo của những người được xem là tài ba nhưng lại nhằm mục đích hạ phẩm giá của con người hoặc làm cho con người chống lại con người như trường hợp của Conrad với văn bản *Heart of Darkness* (12).

Như vậy, vai trò độc để phản kháng rõ rệt là một chủ điểm của diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa. Tuy nhiên, vấn đề chưa giải quyết được là phải học thuyết hoá các văn bản phản kháng như thế nào. Một số nhà phê bình muốn dùng mẫu diễn ngôn về quyền lực căn cứ trên những học thuyết khảo cổ của Michel Foucault và được diễn giải qua luận đề về văn bản văn chương lập lại của Richard Terdiman như là một phản diễn ngôn tạm thời. Một số nhà phê bình khác lại muốn dùng mẫu phản kháng văn hoá trong đó sự đối kháng quyền lực đã ngấm vào xương tuỷ của dân bị trị khiến cho sự phản kháng thể hiện trong mọi sinh hoạt hằng ngày và trở thành một mỹ học cố cự. Một số người khác nữa lại muốn dùng học thuyết phân tâm và quan niệm chối bỏ thực dân nhằm mục đích nhận diện



làm thế nào mà quyền lực thực dân có thể hình thành được những hình thức chống đối bản địa qua những sự bất chước sai lệch, những sự bất chước này có tánh cách phản kháng vì nó có khả năng làm thay đổi xã hội.

Một quan tâm khác của diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa là sự chỉ trích các hình thức sai lầm khác nhau của chủ nghĩa thuộc địa. Sự chỉ trích này thường được các tác giả lồng vào trong các tiểu thuyết trong đó các chứng cứ có thực được pha trộn với các chuyện hư cấu. Hầu hết các tiểu thuyết này đều đề cập đến sự chống đối chủ nghĩa thực dân và các hậu quả tai hại của chủ nghĩa này tại các quốc gia bị trị. Các hậu quả đó có thể tác hại lâu dài như chiếc bóng theo đuổi dân thuộc địa dù cho chế độ thực dân không còn nữa và những văn hoá ngoại lai đó phải tan biến và nhường chỗ cho văn hoá dân tộc như được mô tả trong *Anthills of the Savannah* (Những Tổ kiến ở Savannah) của Chinua Achebe. Qua tiểu thuyết này, nhân vật chánh là Chris Oriko ban đầu bị coi là cao ngạo vì được giáo dục theo tây phương và là nhân viên chánh quyền. Nhưng sau cùng anh đã phải chết để đích thân cứu sống nhân vật nữ trong truyện như một hành động trở về nguồn, trở về với dân tộc.

Chủ nghĩa thực dân và các hậu quả tai hại của chủ nghĩa này cũng bị lên án gắt gao trong *The Slave Girl* (Cô Gái Nô lệ) của Buchi Emecheta. Qua tiểu thuyết này Emecheta không những chỉ trích sự áp bức của chế độ thuộc địa mà bà còn phê phán luôn cả những truyền thống của nền văn hoá bộ tộc Iboza có trước thời thuộc địa cũng áp chế và kỳ thị nữ giới không khác gì chế độ thực dân. Tương tự như vậy, tiểu thuyết *A Forest of Flowers* (Rừng Hoa) của Siro-Wiwa cũng mỉa mai chủ nghĩa thuộc địa còn rơi rớt lại và nền văn hoá bản địa của Nigeria. Theo Siro-Wiwa nguyên nhân của sự bất lực của cả hai nền văn hoá là sự thiếu đối thoại giữa hai bên. Để sửa đổi Siro-Wiwa đề nghị hai văn hoá đó phải biết sống và đối xử với



nhau một cách bình đẳng và hoà đồng vì giai đoạn hậu thuộc địa sẽ không thể nào bắt đầu được nếu không có một sự đối thoại cởi mở và thừa nhận là ảnh hưởng của chủ nghĩa thuộc địa vẫn còn đóng một vai trò quan trọng tại các quốc gia hậu thuộc địa.

Trong khi đó, hai tiểu thuyết Zimbabwe là *Nehanda* của Yvonne Vera và *Bones* (*Những Bộ xương*) của Hove đề cao sự linh thiêng của tiền nhân và coi đó như là sức mạnh cần thiết cho tương lai. Hai tiểu thuyết này ngoài việc liệt kê các tội ác của chế độ thực dân còn bằng cách diễn tả lại những nghi lễ, những niềm tin thần linh để đề cao nền văn hoá tiền thuộc địa đã bị quên lãng và kêu gọi phải bảo tồn các nền văn hoá đó để cho dân tộc được trường tồn. Tiểu thuyết *Nehanda* của Vera đặt trọng tâm vào các sự va chạm văn hoá, vào các nghi lễ đã mất và các tổ tiên đã chết và tin tưởng vào sự phục hồi của các nghi lễ cổ truyền cũng như sự tái sinh của tổ tiên. Với tiểu thuyết *Bones*, Hove cũng cho là những bộ xương của tổ tiên sẽ sống dậy với một sức mạnh phi thường khiến các huyết mộ không còn đủ sức chứa đựng được những bộ xương đó nữa khi các thế hệ trẻ thôi không còn ca hát, nhảy múa bắt chước theo ngoại nhân.

Trên đây chỉ là một vài tiểu thuyết tiêu biểu trong danh sách các văn bản tiểu thuyết hoá các thực tại bị thảm hậu quả của chế độ thuộc địa và qua đó nói lên sự phản kháng và kỳ vọng của người dân hậu thuộc địa còn rất dài không thể kể ra hết được.

Một vấn đề thứ ba được các học thuyết hậu thuộc địa chú tâm bàn thảo là các tác giả có nên tiếp tục dùng ngôn ngữ của thực dân để các văn bản được quảng bá rộng rãi đến một khối độc giả to lớn hay quay về với ngôn ngữ dân tộc cũng như những tác giả nào đáng được liệt vào danh sách các tác giả hậu thuộc địa, các tác giả viết bằng ngoại ngữ có nên được xem là tác giả hậu thuộc địa bản xứ không?



Ngôn ngữ là một phương tiện để xác định căn cước đồng thời cũng là một dụng cụ tạo nên quyền lực. Do đó, ngôn ngữ là vấn đề chánh yếu của văn hoá và của con người. Với ngôn ngữ, con người diễn tả sự vật chung quanh và xác nhận quyền sở hữu của mình trên vạn vật. Ở phương tây, lời nói của một người tách biệt người đó với người khác cũng như xác định quan điểm của hắn. Tại các cộng đồng châu Phi, một thổ ngữ tách biệt một bộ lạc này với bộ lạc khác và xác định một căn cước đặc biệt cho nhóm người đó.

Chế độ thực dân đã mang theo nó ngôn ngữ của kẻ thống trị đến với các vùng đất thuộc địa và tạo nên một va chạm mạnh giữa ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói, đặc biệt là lại tại vùng đất thuộc địa ở Phi châu đa số không có chữ viết hoặc nếu có cũng không là một hệ thống chữ viết rõ ràng và phổ quát. Văn hoá và ngôn ngữ viết của kẻ thống trị đã được áp đặt lên dân thuộc địa và đã tạo được những ảnh hưởng đồng nhất hoá lên dân thuộc địa. Các thổ âm biến mất dần, các giọng nói giữa các địa phương dần dần không còn quá khác biệt, và chữ viết cũng được cô đọng thành tiêu chuẩn. Những biến chuyển về ngôn ngữ đó giúp cho dân chúng có cùng một di sản văn hoá cố kết với nhau hơn, và giúp phân biệt một nhóm chủng tộc này với một nhóm chủng tộc khác. Vì vậy có thể nói ngôn ngữ viết đã giúp hình thành tinh thần dân tộc cho các dân thuộc địa.

Tuy nhiên, ngôn ngữ viết đã gặp một số trở ngại tại châu Phi vì truyền thống của ngôn ngữ nói của châu Phi là đối thoại trong khi ngôn ngữ viết là độc thoại. Do đó, cộng thêm với sự thù ghét kẻ xâm lăng, một số người dân thuộc địa đã thu mình vào trong lối sống cổ truyền và sống tách biệt hẳn với mọi thứ do phương tây mang đến trong đó có ngôn ngữ viết.

Dù vậy, cùng với sức mạnh của chế độ thực dân ngôn ngữ viết đã thắng thế. Các tiểu thuyết vừa kể ở trên và nhiều tiểu thuyết khác nữa cho thấy là chữ viết đã thâm nhập sâu vào các



định chế xã hội và tôn giáo ở châu Phi. Mặc dù đa số quần chúng nhận biết và chống đối chánh sách thực dân có tánh cách tàn phá tập tục cổ truyền nhưng theo năm tháng văn hoá thực dân vẫn gặm nhấm và đồng hoá văn hoá bản địa, và tạo thành tình trạng lai căng trong đó những tập tục hiện đại đã được trộn lẫn vào với các huyền thoại của quá khứ. Do đó, vai trò của các tác giả hậu thuộc địa trong việc tìm về và phục hồi cá tánh dân tộc trở nên rất là nặng nề vì rất khó mà tách rời những tập tục cổ truyền ra khỏi được những hậu quả của chánh sách thuộc địa. Cuộc tranh đấu để tìm ra và phục hồi căn cước và bản sắc của dân tộc cho đến hiện nay vẫn còn là trọng điểm của các diễn ngôn hậu thuộc địa.

Trong chiều hướng đó diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa ngay từ đầu đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tìm những hình thức tự sự có thể làm đảo lộn những suy nghĩ biện chứng cũng như những ý niệm cổ truyền về sự liên tục lịch sử. Để đạt được mục tiêu đó diễn ngôn văn chương hậu thuộc địa đề cao việc phải tiếp tục tranh đấu cho quyền tự trị hậu thuộc địa, duy trì những phương cách phê bình bén nhọn hơn đối với những phân tách diễn ngôn thuộc địa, và phát động những quan tâm mới về phái giống, về giai cấp, về chủng tộc, về quốc tịch, và về các người di trú và người tị nạn. Khuynh hướng này được Mary Louise Pratt gọi là sự đương đầu dân tộc tự phát (auto-ethnographic engagement), là một hình thức nói hay viết phản kháng đặc biệt tạo thành một hình thức nổi dậy bằng văn bản. Nói cách khác, đó là một tiến trình trong đó giới trí thức bản địa khéo léo dựng lên một diễn ngôn mới, một văn phong mới, một hình thức ca hát hay vũ khúc mới biểu lộ được quan điểm của địa phương đối lại với diễn ngôn thuộc địa để tạo ra một ý thức quốc gia (national consciousness). Theo họ chánh ý thức quốc gia chứ không phải chủ nghĩa dân tộc (nationalism) giúp cho các quốc gia cựu thuộc địa tìm lại được bản sắc dân tộc và tạo cho mình một vị trí có tầm vóc quốc tế (13).



Trên con đường đi đến mục tiêu, ngôn ngữ là phương tiện và là một phương tiện hữu hiệu. Vì nhận thấy sự hữu ích của ngôn ngữ nên dù chế nhạo và chống đối thực dân, đa số các tác giả hậu thuộc địa đã dùng ngay chữ viết của thực dân, trong đó đa số đã dùng Anh ngữ để làm phương tiện chống lại thực dân giống như các nhân vật trong các tiểu thuyết *Nehanda* của Vera, *Bones* của Hove, *Anthills of Savannah* của Achebe đã dùng súng của thực dân phân phát để bắn lại thực dân.

Do đó ta không lạ gì khi biết Anh ngữ đã được dùng như ngôn ngữ chánh thức tại nhiều quốc gia cựu thuộc địa của Anh trong nhiều thập niên dù sau khi đã được độc lập về chánh trị như Ấn độ, Kenya, Nigeria... và các tác giả nổi tiếng tại các quốc gia này đa số đều dùng Anh ngữ để viết nên những diễn ngôn hậu thuộc địa chống lại chánh sách thực dân. Các tác phẩm của họ không những không bị chối bỏ bởi nền văn học bản xứ mà còn được khuyến khích như tại Ấn độ Viện Hàn lâm văn học còn trao giải thưởng hàng năm cho những tác phẩm thơ viết bằng Anh ngữ xuất sắc nữa. Nhờ dùng Anh ngữ một cách thuần thực, văn chương Ấn độ nói riêng và các tác giả hậu thuộc địa nói chung đã được nối kết với tư tưởng học thuật của thế giới và nhờ đó mà dễ dàng quảng bá quan điểm cũng như cách tân theo kịp các trào lưu tư tưởng của nhân loại. Các tác giả hậu thuộc địa như Chinua Achebe, Wole Soyinka, người Nigeria, Buchi Emicheta, người Nam Phi, Hanif Kureishi, người Pakistan, N.K. Narayan, người Ấn độ... đều sáng tác bằng Anh ngữ. Một nhà văn hậu thuộc địa gốc Ấn độ khác là Vidiadhar Surajprasad Naipaul cũng đã dùng Anh ngữ để sáng tác và đã đạt được giải Nobel văn học. Ông có quốc tịch Anh vì được sanh ra tại cựu thuộc địa của Anh là Trinidad và là người có những nhận định mạnh mẽ về những ảnh hưởng tai hại của chế độ thuộc địa và óc kỳ thị chủng tộc. V. S. Naipaul đã viết nhiều tiểu thuyết được xếp vào loại hậu thuộc địa như *The Mystic Masseur* (*Người Đắm bóp Thần bí*), *Half A*



*Life (Nửa Cuộc Đời), A House for Mr. Biswas (Ngôi Nhà cho Ông Biswas)* nhưng theo các nhà phê bình tác phẩm đã đem giải Nobel về văn chương cho ông là cuốn tiểu thuyết *Egnima of Arrival (Sự Đến Khó hiểu)*. Đó là một kiệt tác trong đó bằng cách trộn lẫn vào nhau một cách tuyệt vời những mảnh tài liệu thật và những chuyện hư cấu ông đã chỉ trích nặng nề chế độ thuộc địa của Anh và mai mỉa óc kỳ thị chủng tộc của những người còn nặng tinh thần thuộc địa.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam trải dài hơn hai ngàn năm trong đó có hơn một ngàn năm bị lệ thuộc Trung Hoa, và hơn một trăm năm là đất thuộc địa của Pháp, nhiều người sẽ tự hỏi văn học Việt Nam đã phản ứng thế nào đối với những giai đoạn bị làm thuộc địa đó. Một cách chung có thể nói là nền văn học Việt Nam còn nặng tinh thần thuộc địa đối với văn hoá Trung hoa cũng như văn hoá Pháp dù đã được độc lập với Tàu hơn một ngàn năm và độc lập với Pháp hơn năm mươi năm.

Về phương diện chánh trị, chúng ta vẫn tự hào là đã đánh bại quân xâm lăng phương bắc và đã giữ vững được nền độc lập từ hơn ngàn năm nay. Nhưng trên thực tế trong một ngàn năm được độc lập về chánh trị đó ta vẫn tiếp tục bị Tàu đô hộ về văn hoá từ cách tổ chức chánh quyền cho đến luật pháp, từ tôn giáo cho đến các tư tưởng triết học, từ vua quan cho đến thứ dân lối sống trong nhiều phương diện vẫn còn rập khuôn theo Tàu... Chữ viết vẫn dùng chữ Hán và văn học, thi cử chỉ biết đến tứ thư ngũ kinh, và những bài thơ Đường luật của các thi sĩ Trung hoa. Giáo lý Khổng Mạnh vẫn tiếp tục chi phối nếp sống của người Việt Nam về mọi phương diện chánh trị, tôn giáo, xã hội và văn hoá, một nền giáo lý nhuốm đầy tinh thần thuộc địa dạy người dưới phải nhất tề cung kính người trên, không được phản đối hay chống lại vì bất cứ lý do gì theo tiêu chuẩn "quân, thần, phụ, tử".

Đến khi người Pháp đến xâm chiếm và đô hộ Việt Nam văn hoá dân tộc lại một phen bị văn minh phương Tây làm



thay đổi. Nền văn hoá của Việt Nam được đổi hướng từ nền văn học từ chương của phương Đông sang nền văn minh duy lý của phương Tây. Sau hơn một trăm năm bị thực dân Pháp cai trị dân ta không chỉ tin vào sách vở của Tàu như là chữ của thánh hiền mà còn thán phục nền văn minh duy lý của phương Tây. Để tỏ ra tiến bộ, người dân cắt tóc ngắn, bỏ búi tóc, bỏ tục để răng đen, mặc Âu phục, học nói tiếng Pháp. Văn chương thì bỏ chữ Hán và thay vào đó bằng chữ quốc ngữ với khuynh hướng sáng tác đầy tính lãng mạn và hiện thực của văn chương Pháp.

Trong suốt một trăm năm bị Pháp đô hộ nhiều cuộc nổi dậy nhằm giải thoát dân tộc khỏi ách ngoại bang nhưng đều không thành công. Thất bại trên lãnh vực chánh trị, cuộc tranh đấu được chuyển hướng vào lãnh vực văn học. Để chống lại sự Âu hoá, giới sĩ phu và văn nghệ sĩ khơi dậy niềm tự hào dân tộc và kêu gọi mọi người giữ gìn hồn nước bằng cách hãy quay về với những giá trị cổ truyền và truyền thống dân tộc. Nhưng khi làm như vậy giới lãnh đạo văn học đã đưa văn học Việt Nam về với khuynh hướng bảo thủ “ta về ta tắm ao ta” thay vì cách tân nền văn học dân tộc một cách sáng suốt để thoát ra khỏi sự lệ thuộc Trung hoa về văn hoá. Tất cả những cố gắng đó đều không đạt được mục tiêu vì, như nhà bình luận Nguyễn Hưng Quốc đã nhận xét: “... trong quan hệ với Trung Hoa, chúng ta chưa thoát khỏi tâm lý thuộc địa: tự xem mình như một phần của Trung Hoa văn hiến; trong quan hệ với Tây phương, chúng ta vẫn chưa thoát khỏi tâm lý hậu thuộc địa: nhìn nền văn minh kỹ thuật như nhìn một cái gì của “chủ”, vừa thèm thuồng vừa đổ kỵ và nghi kỵ. Chưa bao giờ chúng ta thực sự thanh thản và đủ tự tin để dám là mình, dù là một cái “mình” nghèo nàn, lạc hậu và yếu đuối, từ đó, thoát khỏi hai phản ứng quen thuộc: hoặc là bắt chước hoặc là kháng cự, để, cũng từ đó, có một thái độ học tập chủ động và sáng tạo...”<sup>(14)</sup>

Vì thiếu chủ động và sáng tạo, văn hoá Việt Nam cho đến



ngày nay vẫn còn chưa thoát ra khỏi sự lệ thuộc vào văn hoá Trung hoa và Pháp và cũng chưa mở rộng tầm nhìn ra khỏi hai nền văn hoá đó. Để chỉ trích sự di hại của chánh sách thuộc địa lên văn hoá dân tộc có thể nói văn học Việt Nam cũng có khá nhiều văn bản, đặc biệt là các văn bản có tánh cách trào phúng thì có rất nhiều. Nhưng đọc để phản kháng và sửa sai những văn bản của thực dân đã nhìn một cách lầm lẫn và thiên lệch về nền văn hoá Việt tộc thì có thể nói chưa có nhiều.

Một trong các công trình cố gắng sửa sai ít ỏi đó là bộ sách triết học đồ sộ của triết gia Kim Định gồm 42 quyển. Qua bộ sách này triết gia Kim Định đã chứng minh rõ ràng bằng một lập luận khúc chiết với tài liệu chứng minh là Việt Nam có một nền triết học lâu đời không như nhiều học giả Tây cũng như Đông từ trước tới nay vẫn phủ nhận điều này. Dùng cả một cuộc đời để tìm tòi, nghiên cứu cũng như tận dụng những khoa như khảo cổ học, ngôn ngữ học, xã hội học, và nhất là cơ cấu luận triết gia Kim Định đã khẳng định là Việt Nam có một nền triết học lâu đời và tách biệt với nền triết học của Trung hoa. Nền triết học Việt Nam được tác giả gọi là triết học Việt nho để phân biệt với Hán nho của Trung quốc.

Căn cứ trên các cổ vật đào lên từ những vùng đất mà giống dòng Việt đã từng cư trú và sinh sống trong quá khứ, đặc biệt là các trống đồng, triết gia Kim Định thấy trong lối viết chữ “VIỆT” cổ 𣪠 với bộ “MỄ” 𣪠 có nét song trùng, đặc tánh lưỡng hợp như âm dương, đầu mối của Kinh Dịch, và các bộ số 2-3-5 là những bộ số đặc trưng của văn hoá Việt. Theo tác giả thì Việt nho và Hán nho có chung nguồn gốc, trong khi Việt nho được lưu truyền bằng hình, bằng số, thì Hán nho được ghi chép lại bằng văn tự. Cho nên, từ trước tới nay mọi người đều lầm tưởng Việt không có triết. Thực ra, Kinh Dịch chánh là công thức hoá nét song trùng lưỡng hợp số 2 của Việt nho. Việt nói song trùng thì Kinh Dịch nói âm dương. Việt nói Mẹ Âu Cơ cùng Cha Lạc Long Quân sinh trăm trứng, 50 theo Mẹ



lên núi, 50 theo Cha xuống biển thì Kinh Dịch diễn tả bằng Hà đồ, Lạc thư. Việt khắc hình Trời-Người-Đất trên mặt trống đồng để diễn tả nhân chủ tánh số 3 của văn hoá Việt thì Nho công thức hoá thành thuyết Tam-Tài Thiên-Địa-Nhân. Các vòng vũ trên mặt trống đồng được vẽ theo chiều tả nhậm thì Kinh Dịch công thức hoá thành thuyết Ngũ hành tượng trưng cho số 5. (15)

Công trình của triết gia Kim Định có thể không được tất cả mọi người thừa nhận hoàn toàn nhưng dù sao việc làm đó đã nêu lên được một gương sáng trong việc xét lại giá trị của những công trình văn học của quá khứ, nhất là khi những công trình này mang tánh chất thuộc địa, hay hệ quả của thời kỳ thuộc địa. Văn học thời thuộc địa Pháp cũng như văn học thời kỳ Mác xít do đảng Cộng sản chỉ đạo tại Việt Nam trong nhiều thập niên qua cũng không thiếu những văn bản cần được xét định lại về phương diện giá trị và lịch sử.

Một điểm khác cũng cần được lưu tâm là những văn bản do tác giả ngoại quốc viết về văn hoá và dân tộc Việt Nam trong bao nhiêu năm nay, dường như chưa có một học giả Việt Nam nào duyệt xét giá trị của các văn bản này. Đặc biệt về cuộc chiến quốc-cộng kéo dài 30 năm tại Việt Nam đã được rất nhiều tác giả ngoại quốc viết đến. Trong số các tác giả này có rất nhiều người còn mang nặng đầu óc thuộc địa nên họ đã nhìn và viết về cuộc chiến, về dân tộc, và về văn hoá Việt Nam với rất nhiều thiên kiến, và dĩ nhiên có rất nhiều sai lạc. Đối với những văn bản của các tác giả này ta cần có nhiều người đọc và viết bài phản bác lại như Chinua Achebe đã đọc và phản bác lại quyển tiểu thuyết *Heart of Darkness* của Conrad vậy.

Dĩ nhiên muốn đọc và phản bác lại các tác giả ngoại quốc người viết phải thông thạo ngoại ngữ. Nhưng nhiều tác giả có khả năng viết bằng ngoại ngữ lại e ngại vì sợ rằng những văn bản của mình trở thành những đứa con văn học vô thừa nhận



hoặc sợ bị các người bảo thủ còn nặng đầu óc chủ nghĩa dân tộc phê bình là vọng ngoại. Thiết nghĩ hiện tại thế giới đang ở vào giai đoạn toàn cầu hoá, thì mọi nền văn học cần phải được mở cửa để vừa phổ biến nền văn học quốc gia vừa được tiếp cận với những trào lưu văn học tiến bộ của thế giới. Chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi không còn thích hợp cho thời đại toàn cầu hoá như hiện nay. Văn học quốc gia cần phải được vượt ra khỏi biên cương của mình để quảng bá đến cho mọi người khắp năm châu thưởng lãm. Muốn vậy các văn bản đó phải được viết bằng một thứ ngôn ngữ quốc tế như Anh ngữ chẳng hạn để các tác phẩm văn học được nhiều người trên thế giới cùng đọc. Hãy nhìn gương các nước như Đại hàn, Nhật bản, dân chúng đã được khuyến khích học tập Anh ngữ song song với quốc ngữ, nhờ vậy Anh ngữ đã được sử dụng rộng rãi trong dân chúng. Văn học Ấn độ nhờ dùng Anh ngữ nên được khắp thế giới biết đến và cũng nhờ đó mà nhiều tác giả người Ấn đã đoạt được giải Nobel văn học.

Về phương diện viết bằng ngoại ngữ, các tác giả ở hải ngoại nhất là các tác giả trẻ được đào tạo từ các trường học bản xứ có nhiều cơ hội thuận tiện cũng như có nhiều khả năng hơn các tác giả ở quốc nội. Do đó, nền văn học Việt Nam trồng cây rất nhiều vào các tác giả trẻ này để xoá đi những di hại của tinh thần thuộc địa và tạo dựng được những diễn ngôn hậu thuộc địa vững vàng làm nền tảng cho sự phát triển của nền văn học Việt Nam ở tương lai.

11/2002

#### Tài liệu tham khảo:

- (1) Bill Ashcroft, Gareth Griffiths & Helen Tiffin, *Post-Colonial Studies--The Key Concepts* (London & New York: Routledge, 2002), tr. 47.
- (2) A Multidisciplinary Conference, Toronto, September 26-28, 2002



trích từ [www.semioticon.com/virtuals/postcol.htm](http://www.semioticon.com/virtuals/postcol.htm)

(3) Bill Ashcroft, Gareth Griffiths & Helen Tiffin, *Sđđ*, tr. 187

(4) Stephen Slemon, 'Post-Colonial Critical Theories' (100-115) trong *Postcolonial Discourses - An Anthology*, edited by Gregory Castle (UK Oxford: Blackwell Publishers, 2001), tr. 102.

(5) \_\_\_\_\_, *Bđđ*, tr. 103.

(6) Bill Ashcroft, Gareth Griffiths & Helen Tiffin, *Sđđ*, tr.52.

(7) Danielle Sered, 'Orientalism':

[www.emory.edu/english/bahri/orientalism.html](http://www.emory.edu/english/bahri/orientalism.html)

(8) \_\_\_\_\_, *Bđđ*.

(9) Homi K. Bhabha, 'Unsatisfied: Notes on Vernacular Cosmopolitanism (38-52) trong *Sđđ* của Gregory Castle, tr. 38.

(10) Gregory Castle, 'Editor's Introduction: Resistance and Complicity in Postcolonial Studies' (x-xxii) , *Sđđ*, tr. xix.

(11) Stephen Slemon, *Bđđ*, tr. 108.

(12) Chinua Achebe, 'An Image of Africa: Racism in Conrad's *Heart of Darkness*' (211-220) trong *Sđđ* của Gregory Castle, tr. 211. Cũng nên biết thêm là Cuốn *Heart of Darkness* của Joseph Conrad viết năm 1899, bản in mới nhất do Ross C. Murfin biên tập và viết Lời nói đầu, (New York: St. Martin's, 1989).

(13) Gregory Castle, *Bđđ*, tr. xiii.

(14) Nguyễn Hưng Quốc, 'Tính chất thuộc địa và hậu thuộc địa trong văn học Việt Nam' (301-322) trong *Văn học Việt Nam từ điểm nhìn h(ậu h)iện đại*, (California: Văn Nghệ, 2000), tr. 321.

(15) Muốn đọc và biết thêm về bộ sách triết này của triết gia Kim Định, độc giả có thể liên lạc về An-Việt Houston, P. O. Box 91611, Houston, Texas 77291.

LÊ XUÂN HY  
& PHAN QUỐC VIỆT  
*chủ nghĩa thuộc địa  
và văn chương caribbean*

Thuộc địa có thật hay chỉ là một ý tưởng? Câu hỏi nghe chói tai, vì dĩ nhiên thuộc địa có thật, và bao nhiêu người trong bao nhiêu đời đã phải đau khổ thật, thì nó đâu phải chỉ là một ý tưởng. Vậy mà đa số các học giả ngày nay nghi ngờ các thực tại, và cho rằng tất cả là ý tưởng. Tôi xin trình bày ý của họ qua một kinh nghiệm cá nhân, sau đó tra cứu vấn tất lịch sử tư tưởng này, áp dụng tư tưởng này vào hai biến cố văn học vùng biển Trung Mỹ Caribbean, rồi nêu lên một số nhận định cho người Việt chúng ta suy ngẫm.

### Ý TƯỞNG HAY THỰC TẠI ?

Sau đây là một câu chuyện khó tin nhưng có thật hoàn toàn. Vài tháng sau khi tôi qua Mỹ năm 1975, một anh Mỹ nhà quê hỏi tôi:

- Anh người nước nào?
- Tôi người Việt Nam.
- Tôi hỏi anh từ nước nào tới, tại sao anh lại nói Việt Nam?
- Việt Nam là nước tôi mà.
- Không, Việt Nam là tên một cuộc chiến, đâu phải một nước!

Chắc ít anh Mỹ nào khờ như vậy Tuy nhiên, những chuyện



tương tự không phải là hiếm có lắm đâu. Chúng ta nghe và dùng chữ “thuộc địa” luôn, nhưng chữ đó có nghĩa là gì? Như anh Mỹ khờ kia, anh dùng chữ Việt Nam theo ý riêng của anh. Nếu chỉ một vài người nghĩ vậy thì không sao, nhưng nếu đa số nghĩ như vậy thì ý tưởng đó trở thành vấn đề. Ta không thể chỉ nói “họ sai” rồi gác ý tưởng của họ qua một bên, vì ý tưởng đó sẽ ảnh hưởng tới hành động của họ.

Vậy “thuộc địa” cũng là một ý tưởng, hay đúng hơn là một loạt những ý tưởng khác nhau dù là dùng cùng một tên. Ai khám phá ra vấn đề ý tưởng này và từ bao giờ?

## MỘT KHÁM PHÁ LỊCH SỬ

Cái nghi ngờ thực tại có lẽ phát xuất từ ba lý thuyết gia gieo sự nghi ngờ vào đời sống mọi con người ngày nay. Đó là Karl Marx (1818-1883), Friedrich Nietzsche (1844-1900), và Sigmund Freud (1856-1939). Marx nghi ngờ rằng mọi hoạt động của con người là nhằm mục đích kinh tế, bóc lột nhau. Nietzsche nghi ngờ ý nghĩa cuộc đời và các tổ chức trong xã hội, tuyên bố rằng “Thượng Đế đã chết.” Freud có lẽ đi sâu nhất, nghi ngờ mọi ý thức và lý luận.

Ba lý thuyết gia này ảnh hưởng tới mọi người trong thế kỷ thứ 20, kể cả những người không biết đến ba tên quen thuộc này, vì lý thuyết của họ đã thấm sâu vào dân gian, vào ý thức mỗi người. Khi ta thấy một chính trị gia tranh đấu cho một vấn đề gì đó, ta nghi ngờ thiện chí kẻ đó, không biết tên đó có lợi gì về kinh tế, về quyền lực trong việc tranh đấu đó không. Ngay cả khi thấy một số vị giảng đạo trên truyền hình, ta cũng thắc mắc hay lại là quân làm tiền, lợi dụng tính dục hay quyền lợi nào khác.

Trong không khí nghi ngờ đó, các học giả bắt đầu nghi ngờ thực tại. Cái mà đa số mọi người cho rằng là thực tại rành rành trước mắt chỉ là một ý tưởng khá linh động, linh động tới độ



mỗi người hiểu một cách. Một phong trào nghi ngờ là *deconstructionism*, do triết gia Pháp Jacques Derrida, khoảng 73 tuổi, dẫn đầu. Chữ này do Martin Heidegger (1889-1976) dùng đầu tiên, và ông không có ý chỉ “phá hủy” nhưng muốn đưa tới tái thiết. Như ta sẽ thấy văn sĩ Jean Rhys “deconstruct” *Jane Eyre* để phá hủy quan niệm sai lầm của thực dân, và tái thiết lại ý nghĩa vùng Caribbean cũng như chế độ thuộc địa chính xác hơn.

Một trong những cuốn sách đầu tiên coi thực tại chỉ là ý tưởng là cuốn *The Invention of America* do ông Edmundo O’Gorman viết năm 1961, rồi tới *Inventing America: Jefferson’s Declaration of Independence* của Garry Wills năm 1978, *L’Invention du quotidien* của Michel de Certeau năm 1980, *The Invention of Culture* của Roy Wagner cũng năm 1980. Trong hai thập niên qua, tư tưởng này phát triển rất mạnh, như trong tuyển tập *The Invention of Tradition* vào năm 1983 của hai chủ biên Eric Hobsbawm và Terence Ranger, và cả trăm cuốn sách khác, như *The Invention of Race* của Tommy Lee Lott, 1999, và gần hơn nữa, *The American Spiritual Culture: And the Invention of Jazz, Football, and the Movies* của William Dean xuất bản năm 2002. Vấn đề này được nghiên cứu kỹ trong bài “The Invention of Invention” của Gaurav Desai trong tập san *Cultural Critique* năm 1993.<sup>1</sup>

Vậy thuộc địa là gì, và chúng ta có được lợi điểm nào khi nhận ra thuộc địa là một ý tưởng?

## THUỘC ĐỊA LÀ GÌ ? KINH NGHIỆM THUỘC ĐỊA CARIB

Khi Kha-Luân-Bố vượt Đại Tây Dương đi kiếm Ấn-Độ, thì tới vùng biển Trung Mỹ. Nhóm thổ dân Arawaks tại đây mới kể về một hòn đảo kia, trên đó có một giống dân lạ kỳ và khủng khiếp, có một mắt ngay giữa trán và ăn thịt người, tên là dân “Caribal”. Không biết sự thật thì dân Arawak thấy gì và



nói gì. Không biết Kha-Luân-Bố hiểu được bao nhiêu và viết gì xuống trong nhật ký nguyên thủy, vì câu chuyện này rút ra từ một bản sao của một bản tóm lược cuốn hồi ký đã thất lạc của Kha-Luân-Bố. Thế mà từ đó hai chữ mới đi vào tự điển thế giới: “cannibal” chỉ việc ăn thịt người, rút ra từ chữ “Caribal” (và các chữ liên hệ như “Carib” hay “Caribbean”) không phải chỉ nói tới một nhóm dân tại một hòn đảo, mà là chỉ cả một vùng các đảo trong Đại Tây Dương ở Trung Mỹ.

Vậy thuộc địa Carib là gì? Đối với dân Âu Châu thời Kha-Luân-Bố, Carib đâu phải chỉ là một địa danh, mà là vùng mọi rợ dã man. Mặc dù bài này không phải viết về thuộc địa Việt Nam, nhưng ta không thể không thắc mắc người Âu Châu nghĩ gì khi họ bắt đầu tới Á Châu, tới Việt Nam. Một trong những công trình khảo cứu nổi tiếng liên quan đến vấn đề thuộc địa Á Đông này là cuốn *Orientalism* của Edward Said viết năm 1978.

Ngay cả bây giờ, không biết người Âu, Mỹ nghĩ gì khi họ nghe chữ “Việt Nam”? Trong chiều hướng Đa Văn Hóa đang mạnh hiện nay, chắc đa số sẽ nói là mọi văn hóa đều quý và bình đẳng, nhưng khi hỏi kỹ hơn, hoặc khi phân tích các chính sách ngoại giao, có khi khó thấy một sự quý trọng hay bình đẳng.

## Ý TƯỞNG LÀ THỰC TẠI !

Từ cái ý tưởng thuộc địa là mọi rợ này, chính sách thuộc địa trở nên một sự hiển nhiên: cần phải thay đổi hơn là bảo tồn nền văn hóa mọi rợ, phản luân lý và phản nhân bản này; phải dạy cho họ nên người! Chính sách này lại có lợi về mặt kinh tế cho phe mạnh, nên không thấy ai than phiền. Thực tại là dân thuộc địa bị đàn áp, bóc lột, tẩy xóa nền văn hoá bản xứ. Thực tại là giống dân tự coi mình là văn minh và theo một tôn giáo của tình thương, Kitô giáo, lại mệnh danh chính cái văn minh



đó, cái tôn giáo đó để làm những chuyện mọi rợ nhất trong lịch sử nhân loại và coi rẻ nhân quyền.

Nói đến mặt “thực tại” thì dân thuộc địa chẳng có hy vọng gì bao nhiêu: dân đô hộ càng ngày càng giàu mạnh hơn, trong khi dân thuộc địa càng ngày càng nghèo và yếu đi. Một trong những nhược điểm quan trọng nhất là mất sự tin tưởng vào giá trị của chính mình, mất hy vọng vào tương lai, để rồi chia rẽ và làm tay sai, “ăng-ten” cho kẻ đô hộ mình. Người Việt Nam mình cũng chia rẽ nhiều và hay vọng ngoại, không biết có phải là vì ảnh hưởng của sự mất tự tin vào con người và dân tộc mình qua những thời gian dài bị đô hộ không?

## DỪNG Ý TƯỞNG THAY ĐỔI THỰC TẠI

Nếu ý tưởng là thực tại và là sức mạnh, thì ngòi bút là khí giới mạnh mẽ để tấn công ý tưởng và thay đổi thực tại. Vậy chiến thuật hữu hiệu của dân thuộc địa là dùng ngòi bút của chính mình thay đổi ý tưởng của cả kẻ đô hộ lẫn người bị đô hộ. Súng ống của người dân thuộc địa thường quá yếu, không lật được bàn cờ, mà có thắng trận xong cũng chỉ còn lại một bãi chiến trường đổ nát với nhiều vết thương trên chính quê hương mình. Nhưng, dùng ngòi bút có thể tấn công vào giữa lòng đất địch. Một chiến thuật thần kì là tấn công ngay kho tàng quý báu trong thành trì kiên cố nhất của địch, đó là cổ văn. Tác giả Jean Rhys đã thay đổi cổ văn *Jane Eyre* qua tác phẩm *Wide Sargasso Sea*.

## JEAN RHYS THAY ĐỔI CỔ VĂN *JANE EYRE*

Nếu đã là cổ văn thì làm sao thay đổi được? Văn thì không bao giờ không chết, dù là văn cổ. Lời văn không thay đổi, nhưng ý văn không phải chỉ ở nơi chữ mực in, mà ở trong người đọc văn. Nếu người đọc thay đổi, thì ý văn cổ cũng đổi theo.



## JANE EYRE TRONG VĂN HỌC ANH

Dù *Jane Eyre* quen thuộc với độc giả của *Chủ Đề*, tôi cũng xin tóm lược vài chi tiết chính có liên quan đến vấn đề được bàn trong bài này. Mồ côi từ nhỏ, Jane Eyre sống với gia đình bà cô và bị ngược đãi. Khi cỗi lại, Jane bị gửi vào viện mồ côi Lowood, nơi một nửa số trẻ em chết vì bệnh dịch, kể cả cô bạn thân nhất của Jane. Được cô giáo Temple thương, Jane học giỏi và cũng trở thành cô giáo. Khi cô Temple đi lấy chồng, Jane cũng muốn rời Lowood đi thám hiểm thế giới bên ngoài. Jane đăng báo nhận dạy kèm trẻ em tại nhà, và được nhận tới dạy cho một bé gái mười tuổi, con ông Edward Rochester, chủ nhân lâu đài Thornfield.

Ban đêm tại Thornfield hay có tiếng cười quái dị từ trên lầu ba, khu cấm địa. Rochester giải thích là có cô hầu Grace Poole bị điên, nhưng đã phục vụ lâu năm nên ông ta không nỡ nhốt vào nhà thương điên. Nhiều chi tiết khác xảy ra, trong lúc đó tình cảm giữa Jane và Rochester phát triển mạnh. Jane thấy hạnh phúc vì Rochester tôn trọng Jane như người ngang hàng, và hai bên nói chuyện rất hợp. Vì giàu có, Rochester được nhiều thiếu nữ đẹp và tài hoa mê, nhưng Rochester hỏi cưới Jane. Giữa lễ cưới, một người chạy tới báo là đám cưới không thể thành được vì Rochester có vợ rồi và bà đó đang còn sống. Rochester nắm tay Jane và kéo mọi người về Thornfield, lên lầu cấm, nơi Grace Poole canh gác và chăm sóc cho bà Bertha Antoinetta Cosway Mason, người phát ra tiếng cười quái dị về đêm. Rochester bị lương gạt lấy phải một thiếu nữ có máu điên trong dòng họ, và dù khi Bertha bị điên, Rochester vẫn cho người tận tâm chăm sóc ngay tại Thornfield. Rochester yêu Jane một cách tuyệt vọng, và khi biết rằng không thể lấy Jane được, ông xin Jane làm người tình và hứa mang sang Pháp.

Vì tự trọng, Jane âm thầm bỏ đi, càng xa nếu có thể với số



bạc vụn trong túi. Sau vài ngày lạc lõng và xin ăn, Jane tới Moor House và được chàng St. John Rivers và hai cô em đón vào nhà. Tại đây Jane khám phá ra ba người này có họ với mình, rồi khi Jane bỗng nhiên được một ông cậu ở xa để lại một gia tài lớn, Jane chia đều với ba người anh em họ này. St. John ngỏ ý lấy Jane làm vợ và mang cô qua truyền giáo bên Ấn Độ. Về một khía cạnh nào đó, lấy St. John và làm vợ một nhà truyền giáo lý tưởng là một chỗ đứng tốt cho Jane, nhất là sau cuộc tình dang dở với Rochester. Tuy nhiên, khi xét lại lòng mình, Jane vội vã trở về Thornfield.

Khi tới nơi thì Thornfield đã bị Bertha đốt cháy rụi. Bertha chết trong đám cháy. Vì cố cứu Bertha, Rochester bị mù và què. Jane bây giờ vừa khỏe, trẻ, giàu có, lại có người đeo đuổi, nhưng vẫn lấy Rochester. Hai người sống hạnh phúc, có con, và mắt Rochester sáng dần, cho đến khi ông thấy mặt đứa con mình.

Thay vì chú trọng vào Jane, chúng ta hãy phân tích con người Edward Rochester và Bertha. Trong tác phẩm này, anh là một người hùng, tài giỏi, hào phóng, đáng tội nghiệp. Rochester lấy Bertha vì cô ta đẹp và hấp dẫn, không dè bị điên gia truyền, như mẹ cô vậy. Sau đó ông theo một đạo hát Pháp, cung phụng cô hết mình, sanh được đứa con gái mà Jane dạy kèm, nhưng lại bị cô ta phản bội. Rồi ông đã cố gắng hết sức để vượt trên nghịch cảnh và làm lại cuộc đời với Jane, nên ông ta xứng đáng với tình thương của Jane. Rochester là người tài giỏi và có tình nghĩa, nhận ra chân giá trị của Jane khi cô ta còn hàn vi, nên hỏi cưới Jane thay vì các phụ nữ quý phái, duyên dáng. Độc giả muốn vỗ tay tán thưởng Jane khi cô ta háo hức trở về Thornfield cho dù chưa biết là Bertha đã chết. Còn Bertha là người ngoại bang, lường gạt Rochester trong hôn nhân, để làm khổ Rochester tới khi chết, và khi chết rồi vẫn làm tàn lụi cả sự nghiệp lẫn thân xác chàng trai hào hoa đáng thương. Khi hóa điên rồi, Bertha chỉ còn là một con dã thú, đầu



phải là người, nên không thể còn là vợ Rochester được. Rochester không lường gạt Jane khi ông không cho Jane biết là ông đã có vợ, vì Bertha không đáng là vợ, không phải là một con người.

## MẶT THẬT CỦA ROCHESTER & BERTHA

Hình ảnh của Rochester và Bertha ở trên chỉ tồn tại tới khi tác phẩm *Wide Sargasso Sea* của Jean Rhys ra đời vào năm 1966. *Wide Sargasso Sea* kể lại chuyện tình của Rochester và Bertha. Edward Rochester là con thứ nên không được hưởng gia tài của cha. Anh nghe lời cha đi qua thuộc địa Caribbean lấy một cô nhà giàu để có gia sản cho đẹp mặt với mọi người tại mẫu quốc Anh. Antoinette (sau thành Bertha) là cô gái nhà giàu đó, với một quá khứ đau khổ nhiều vì chính sách thuộc địa của Anh.

Mẹ của Antoinette đau khổ vì nhiều mặt. Đau khổ cuối cùng làm bà điên loạn là vì ông chồng Mason từ bên Anh qua, đã không hiểu cả cái hay lẫn cái dở của người bản xứ, mà lại cười chê, không chịu nghe lời khuyên của vợ. Dân bản xứ hận Mason nên đốt nhà, làm chết em trai của Antoinette trong đám cháy.

Rochester còn tệ hơn Mason. Rochester lấy Antoinette vì tiền. Sau khi lấy nhau thì tiền của Antoinette chuyển hết qua cho Rochester, theo luật đô hộ của Anh. Antoinette cũng rất đẹp và đáng yêu, mang hạnh phúc đến cho Rochester lúc đầu, nhưng rồi Rochester không biết tôn trọng tình yêu đó: ngoại tình với người hầu, hắt hủi Antoinette vì một vài nghi ngờ, và một trong những việc tệ hại nhất là xóa bỏ con người của Antoinette, con người mà Rochester chưa bao giờ biết đủ để kính trọng và yêu thương. Rochester xóa bỏ bằng cách gọi Antoinette là “Bertha” chỉ vì Rochester thích chữ Bertha, cho dù Antoinette cực lực chống đối để bảo toàn con người của



mình. Bertha này bị chà đạp và xóa bỏ vì cả chàng bất hảo Rochester lẫn luật pháp Anh đàn áp dân thuộc địa.

Điều tàn nhẫn cuối cùng là Rochester mang Bertha về Anh thay vì để Antoinette lại tại quê nhà nơi có người thân Christophine tận tình và đầy khả năng chăm sóc. Thật ra Rochester cũng không mang Bertha về Anh với ông ta: ông ta mang Bertha về nhốt trên lầu kín chứ đâu phải trong nước Anh tự do của mọi người, và ông ta không hề lên thăm cô. Khi bị xử như vậy, nếu Bertha không giống người thường thì đâu có gì lạ. Cái triệu chứng điên trong Bertha là kết quả của chế độ thuộc địa Anh: không hiểu dân địa phương, cướp bóc, đánh đổ truyền thống và xóa bỏ con người tại thuộc địa. Vậy Bertha là con dã thú, hay chính Rochester và chính sách thuộc địa là dã thú? Vậy Rochester đáng thương hay Antoinette là người cần được giúp đỡ, an ủi? Ngay cả người dân Anh tốt bụng như Jane Eyre, có phải họ cũng phạm tội đồng lõa bởi vì trong sự dốt nát đã bệnh vực kẻ có tội và lên án người bị xử một cách bất công?

Kể từ ngày *Wide Sargasso Sea* ra đời, các sách bình luận về *Jane Eyre* thường đưa ra cả hai khuôn mặt của Rochester và Bertha. Các độc giả của *Jane Eyre* không những thấy những điểm của tác giả Charlotte Brontë đưa ra, mà cũng thấy cả những vấn đề về thuộc địa mà Brontë không hề bàn tới. Như vậy là Jean Rhys, tác giả của *Wide Sargasso Sea*, đã thay đổi được tư tưởng của chính người Anh trong vấn đề thuộc địa, và đặt những câu hỏi mới cho chính sách ngoại giao của các cường quốc, không riêng gì Anh quốc.

Rhys viết *Wide Sargasso Sea* dựa theo chính lịch sử đời bà. Rhys sanh ra trong vùng Caribbean. Ông tổ của Rhys có nô lệ hầu hạ, như bố của Antoinette trong *Wide Sargasso Sea*. Mẹ của Rhys, giống như Antoinette, lấy người từ xa tới và không hiểu nhân tình bản xứ. Bố của Rhys, giống Rochester, là con thứ, đi xa lập nghiệp vì có vấn đề với bố. Và phần nào giống



như Antoinette, Rhys cũng từng bỏ quê hương qua đất Anh lạnh lẽo, mây mù. Có khác là Rhys được giải Văn Chương Hoàng Gia (Royal Society of Literature Award) và W. H. Smith Award, sống sung túc trong 13 năm cuối đời, sau nhiều cuộc tình cay đắng lúc đầu đời. Bà mất năm 1979, hưởng thọ 87 tuổi, tại Devonshire bên Anh, trước khi hoàn tất bộ hồi kí của bà. Mặc dù chữ “cannibal” còn trong tự điển, nhưng chắc chắn ít ai coi Bertha trong *Jane Eyre* nói riêng hay dân Caribbean nói chung là mọi rợ như vậy nữa.

Còn người Việt Nam và đất nước Việt Nam có hình ảnh gì, ý tưởng gì trong văn hóa Mỹ? Các phim ảnh và sách báo Mỹ về Việt Nam có phải thật sự về một Việt Nam như người Việt biết, hay là một ý tưởng mọi rợ nào? Một trong những sách nổi tiếng nhất của Mỹ về Việt Nam là cuốn *Vietnam: A History* của Stanley Karnow, người đã đoạt nhiều giải thưởng trong làng văn. Đã có cả một chương trình truyền hình dựa theo sách đó. Khi tôi đọc, tôi thấy rất nhiều chi tiết mới lạ và hấp dẫn về các nhân vật Mỹ, còn phía Việt Nam thì có vẻ hơi hợt và thiếu chính xác. Tôi viết bài điểm sách cho báo *America* về cuốn này, và nghĩ rằng bài đó cũng chỉ đi theo đồng báo cũ. Không dè nhà sách Barnes and Noble trên Internet (bn.com) lại trích bài điểm sách này bên cạnh bài của các vị chuyên gia nổi tiếng như Douglas Pike, ngay trên trang về cuốn sách này. Biết đâu nó cũng gây nên một vài câu hỏi cho một vài người. Đáng tiếc là tôi không có tài viết văn, chứ được một người Việt tương đương Jean Rhys mà thay đổi ý tưởng thế giới để mọi người có một cái nhìn trung thực hơn về Việt Nam thì hay biết mấy.

Một tác phẩm nổi tiếng khác của vùng Caribbean và đáng cho người Việt Nam tại Mỹ chú ý là cuốn *In the Castle of My Skin* của George Lamming, viết về những người sống xa quê hương. Rhys viết về người da trắng, còn Lamming viết về người da đen sống trong vùng Caribbean.



## LAMMING: XA QUÊ TỔ<sup>2</sup>

Truyện *In the Castle of My Skin* của Lamming đơn sơ về cốt truyện nhưng phong phú và mới lạ về tư tưởng. Một truyện hay của Âu Châu phải có sự phát triển của một cá nhân. Thí dụ như Jane Eyre thay đổi từ bé mồ côi thành cô giáo nghèo, rồi cùng giai cấp quý tộc với Rochester, rồi tự lập thân, thành người giàu có, và chọn vận mạng mình bằng cách quay trở về với Rochester và lấy ông khi ông không còn là người danh giá như xưa nữa. Rochester cũng trải qua nhiều giai đoạn như đã bàn ở trên.

Ngược lại, hầu hết các nhân vật chính trong *Castle* không được nêu tên, và cũng không được phát triển như tiêu chuẩn chung. Nhân vật chính từ đầu là “G”, một em bé chín tuổi. Bố mẹ G không được nêu tên. Qua tới chương bốn, hai nhân vật chính lớn tuổi xuất hiện, chỉ được gọi là “Pa” và “Ma”. Lamming cố tình không phát triển cá nhân nhân vật, vì xã hội da đen tại vùng Caribbean không theo cá nhân chủ nghĩa. Cá nhân không có quyền hành gì, không có cả khoảng cách hay bí mật nào riêng. Chuyện gì xảy ra là cả xóm biết. Không có ai quan trọng. Con người và thiên nhiên hòa nhập với nhau, như trong cơn mưa tầm tã và trận lụt xóa nhòa mọi chi tiết cá nhân trong làng. Cả truyện không có một bố cục rõ ràng, không có sự phát triển từ nguyên nhân đến hậu quả, có vẻ rồi bồng bong!

Trung tâm của câu truyện không phải là một cá nhân nào, mà là cả làng. Cả làng hát, cả làng múa. Ý thức của làng là văn chương truyền khẩu, nên dù nghèo mạt hay khó khăn tới độ nào, người dân vẫn phải giữ lấy văn hóa, lấy cái nguồn gốc của những gì quý nhất còn lại, dù họ có nghèo. Có lẽ còn khó hơn cả cái nghèo nữa là cái da đen.

Da đen có rất nhiều vấn đề. Dưới con mắt chủ nhân, họ không phải là con người mà chỉ là sức lao động. Họ bị tách



rời khỏi quê cha đất tổ, nhưng không thể giải quyết vấn đề một cách ngay thơ bằng cách trở về Phi Châu được, vì nếu có về họ cũng không còn là người Phi Châu thuần túy nữa. Ngôn ngữ bị hủy diệt. Giá trị lại còn khó khăn hơn nữa: nên theo giá trị của người chủ và cũng là thù địch của mình, hay theo giá trị nào khác vì chỉ có kẻ địch mới thành công, còn mình thì khổ quá. Hơn nữa, thực dân cố gắng đồng hóa dân thuộc địa, thí dụ như dạy cho các em bé vùng Caribbean hãnh diện được sống trong vùng “tiểu Anh Quốc”. Dân da đen có còn một di sản tinh thần nào không? Nước có một quốc hồn quốc túy nào không? Nếu có, thì từ nguồn gốc nào?

Cả người bị đô hộ lẫn người đô hộ nhiều khi không thấy vấn đề. Khi Lamming qua Anh năm 23 tuổi, ông hăm hở về “Mẫu Quốc”, vì từ nhỏ ông đã học rằng Anh là Mẫu Quốc. Khi tới nơi thì chính dân Anh cảm thấy khó chịu vì anh chàng da đen này từ đâu đến cạnh tranh với dân Anh bình dân, những kẻ chưa bao giờ nghĩ tới các thuộc địa, không biết rằng nước họ đã đàn áp thuộc địa tới độ nào.

Cảnh đàn áp này, vào thời Lamming, không còn dùng bạo lực nữa, nhưng còn kinh khủng hơn bạo lực, vì đàn áp bằng tinh thần. Mỗi ngày người dân thuộc địa phải tự hủy diệt. “Nước ta” chính là kẻ đàn áp ta, còn dân ta chỉ là kẻ bản cùng. Người ngoài, giống da trắng, bao giờ cũng hơn đủ thứ, cho dù họ chỉ có thiểu số họ vẫn đàn áp được đa số da đen. Đen làm, trắng hưởng, nhưng ta vẫn cứ tưởng như bài học ở trường rằng cả hai cậy nhờ nhau. Ngay cả khi vùng thuộc địa đã được độc lập, hệ thống đã được sắp sẵn cho một ông chủ mới: Hoa Kỳ.

Ông chủ mới này còn kinh khủng hơn Mẫu Quốc Anh. Mỹ hút hồn thế giới bằng một loại vũ khí mọi rợ, đó là vật chất. Dân chúng khắp nơi rời bỏ nếp sống thanh đạm nhưng an bình, để đua đòi chạy theo những vật kém giá trị nhất. Có một giới nhà giàu tại Caribbean hăm hở và hãnh diện bay qua Los Angeles để mua các loại đồ lót mới nhất! Nhiều người khác thì



rúc vào những tiệm bán “đồ ăn vội vàng” (fast food) như một hương vị đáng quý. Ai có họ hàng qua được tới Mỹ đều thấy nhận được những món quà quý giá, và chẳng bao giờ nghe tới chuyện ai thất bại ở Mỹ cả, chỉ toàn chuyện hưởng thụ hoan lạc.

Giới trẻ dễ có cơ hội đua theo, và cũng dễ bị cám dỗ theo đời sống vật chất mới, nền đô hộ mới này, nên lại gây ra thêm một vấn đề nữa trong xã hội, đó là sự căng thẳng giữa các lứa tuổi.

Vậy mà dân da đen ở Mỹ lại bị ngược đãi thẳng thừng. Cuối truyện *Castle*, có một anh ở Mỹ về vùng Caribbean giảng giải một thực tại mới cho người da đen: sự thật là da đen là một giống khác, không bằng giống người, và đừng hỏi tại sao vì không có câu trả lời, và phải chấp nhận thực tại này mà thôi. Kẹt hơn nữa, nhiều người mắc cỡ về quê hương Phi Châu, giống như vùng chưa lên được tới cấp con người, trong khi đó một số đặc tính của Phi Châu mà người da trắng coi rẻ lại vẫn còn trong thâm tâm người da đen lưu vong. Thí dụ như lòng tin vào những lực siêu nhiên, có vẻ như tin nhảm.

Dĩ nhiên người da đen và người Việt tị nạn tại Mỹ khác nhau rất nhiều. Thí dụ như dân Á Đông hay được đưa ra làm dân thiểu số gương mẫu, chăm chỉ và thành công, có khi để hạ dân da đen xuống bậc lười biếng (và điều đó có lẽ không hay cho cả hai bên). Tuy nhiên có những điểm Lamming đưa ra mà tôi cũng giật mình. Như dân da đen không thể chỉ giải quyết vấn đề bằng cách về Phi Châu, tôi cũng không thể về Việt Nam được, vì có về tôi cũng không còn là người Việt Nam như xưa nữa. Khi mất làng xóm Việt Nam và lạc vào quỹ đạo Mỹ, tôi cũng bỏ dần tính cách cộng đoàn, theo dần cá nhân chủ nghĩa, bỏ nhiều công sức vào việc tìm hưởng thụ những thứ không phải là nhu yếu, trong khi đó xa dần thiên nhiên, mất dần sự bình an và trong sáng mà thiên nhiên đưa tới. Biết vậy nhưng tôi lại không muốn trở về với cuộc sống thanh đạm cũ.



Tôi muốn thỏa mãn nhục dục hơn là diệt dục. Muốn tích tụ và hưởng thụ cho tôi hơn là chia sẻ với làng xóm. Tôi đã bị tha hóa như vậy, không hiểu tới thời con cháu tôi có trầm trọng hơn nữa không?

Nhìn lại hai tác phẩm Caribbean, tôi thật thán phục! Họ mất gốc hơn mình nhiều, hoàn cảnh khó khăn hơn mình nhiều. Không biết có phải vì họ “Cùng tắc biến” không, nhưng thấy nỗ lực của họ có vẻ mạnh hơn và thành công hơn, trong khi tôi có vẻ an phận hơn. Biết đâu trong cái an phận này cả văn hóa lẫn con người tôi đều bị tẩy xóa, không phải để đóng một dấu ấn đẹp, một văn hóa huy hoàng nào khác, mà chỉ là một văn hóa hưởng thụ những vật chất mắc tiền nhưng ít giá trị nhất, để không những tôi mất đi gia sản mà các con cháu cũng không còn gì. Mong rằng các văn sĩ Việt Nam sẽ dùng ngòi bút của mình để giúp tập đoàn giữ lại văn hóa. Nếu dân Caribbean khổ sở và nghèo nàn hơn ta mà còn thành công, thì chúng ta cũng có hy vọng, nhất là nếu các Jean Rhys và George Lamming của Việt Nam chịu khó viết nhiều hơn, để độc giả khỏi phải đọc các bài viết một cách vất vả và khó khăn như khi đọc bài này.

Seattle University.

Chú thích:

<sup>1</sup> Đa số các sách trên được nói tới trong một phụ chú của bài “Survival and Invention: Indigeneity in the Caribbean” trong cuốn *Postcolonial Discourses: An Anthology*, chủ biên Gregory Castle, do nhà Blackwell xuất bản năm 2001.

<sup>2</sup> Phần này viết theo bài giới thiệu của chính Lamming viết cho cuốn *Castle* vào lần tái bản 30 năm sau khi tác phẩm chào đời.

# LÊ XUÂN HY - TRẦN THỊ HOA

*kinh tế, tôn giáo, chủng tộc và  
văn học tại thuộc địa nam dương*

Trong bài viết về văn chương Caribbean trong số *CD* này, ta thấy một người Anh tốt bụng như Jane Eyre và không biết gì tới chính sách thuộc địa mà vẫn dự phần vào việc đàn áp người thuộc địa như Antoinette, tới độ giết Antoinette và đoạt chồng bà. Nhưng như vậy không có nghĩa là mọi người Anh hay mọi người tây phương đều xấu cả - nếu không, chính chúng ta lại kì thị chủng tộc một cách vô căn cứ, không khác gì những người chúng ta lên án. Thí dụ như trong trường hợp Nam Dương, người có công nhất trong việc lật đổ chế độ thuộc địa lại là người tây phương.

Ý chính của bài này lấy từ cây bút nổi tiếng và quan trọng nhất của Nam Dương, Pramoedya Ananta Toer (1925-). Thế giới hay so sánh ông với Aleksandr Solzhenitsyn (1918- ) vì cả hai đều là nhà văn lão luyện dùng ngòi bút đương đầu với những vấn đề của thời đại, và các bạo chúa sợ ảnh hưởng của các ông nên ông nào cũng ở tù nhiều năm. Pramoedya viết một bài trên *New York Times Magazine* ngày 18/4/1999, dùng lịch sử chứng minh rằng chính Nam Dương là tiêu điểm, mầm mống của phong trào đi chiếm thuộc địa, và cũng chính một cuốn sách về Nam Dương đã giết được phong trào này. Tựa đề bài đó là "The book that killed colonialism." Tôi xin trình bày một số ý tưởng chính trong bài đó trước, rồi đi vào một tác phẩm nổi danh do Pramoedya sáng tác bằng cách kể chuyện cho các bạn tù nghe (vì ông không được viết). Xen kẽ là một ít liên tưởng của chúng tôi về Việt Nam.



Trong cuộc sống con người, gia vị đóng một vai trò quan trọng mà ngày nay ta khó tưởng tượng được. Trước khi có tủ lạnh, gia vị ướp cho đồ ăn khỏi bị hư để dự trữ cho lúc khó khăn như những mùa đông dài. Gia vị còn được dùng làm thuốc. Hai công dụng trên có ảnh hưởng trực tiếp tới mạng sống. Công dụng chủ yếu là làm cho thức ăn thêm mùi vị, nhưng ngày xưa công dụng này quan trọng hơn nhiều vì thời đó mỗi vùng chỉ có một ít loại thực phẩm, nên mỗi vị lại trở nên rất quý. Vì ba công dụng quý trên, gia vị rất có giá. Kẹt một nổi là gia vị ở nơi nào xa, trong khi trung tâm của Âu Châu bị nhốt trong vùng biển Địa Trung Hải từ đầu thế kỉ thứ tám.

Năm 711 phe Hồi Giáo chiếm được miền nam Tây Ban Nha, tức là phía bắc của cửa vào Địa Trung Hải. Phía nam của cửa vào biển này là Morocco của Phi Châu thì đã nằm trong tay Hồi Giáo rồi. Thế là nhóm Ki-tô Giáo của Âu Châu bị nhốt trong Địa Trung Hải, không phát triển được, và không đi tìm gia vị được. Thánh Chiến trở nên quan trọng, không phải chỉ để dân Ki-tô Giáo chiếm lại được Thánh Địa Jerusalem, mà còn chiếm Tây Ban Nha để mở đường ra khỏi Địa Trung Hải. Năm 1236 thì phe Ki-tô Giáo thành công, chiếm lại được Tây Ban Nha, mở được đường ra Đại Tây Dương và toàn thế giới. Năm 1493 Giáo Hoàng Alexander VI chia thế giới cho hai đại cường quốc trên mặt biển thời đó: Tây Ban Nha được cắt từ quần đảo Cape Verde (ở phía tây Phi Châu) về hướng tây, còn Bồ Đào Nha được cắt từ Cape Verde về phía đông cho tới kinh tuyến thứ 125, khoảng Phi Luật Tân bây giờ.

Kha Luân Bố thuộc phe Tây Ban Nha nên mới đi về phía tây và khám phá ra Mỹ Châu, nhưng không kiếm được món quý nhất là gia vị. Nhiều nhóm khác của Bồ Đào Nha đi về phía đông, thấy Phi Châu có nhiều vàng và nô lệ, nhưng cũng không biết kiếm gia vị ở đâu. Đến năm 1498 thì Vasco de Gama của Bồ Đào Nha tới được Ấn Độ, nhưng chỉ kiếm được quế thôi, còn các gia vị khác thì phải đi thêm vài ngàn dặm



nửa về phía đông, tới phía đông của Nam Dương hiện nay, đi quá kinh tuyến 125 cho nên trên nguyên tắc thuộc về Tây Ban Nha mới phải. Nam Dương trải dài trên quãng 3500 dặm, tương tự như 48 tiểu bang của Mỹ, nhưng không liên tục mà là 17.670 hòn đảo, từ đông Mã Lai đến tây Úc Châu.

Một nhược điểm của Bồ Đào Nha là ít dân trong khi đường buôn bán độc quyền về gia vị và thuộc địa lại trải dài nửa thế giới, nên Bồ Đào Nha phải dùng thủy thủ từ các nước khác. Một thủy thủ Hòa Lan trong đoàn tàu của Bồ Đào Nha viết một cuốn sách về đường đi qua Á Châu. Ngay sau khi xuất bản năm 1596, cuốn này được dịch ngay ra tiếng Pháp, Đức, Anh và La-tinh. Hai năm sau đó Hòa Lan gửi đoàn tàu đầu tiên tới Nam Dương. Sau vài lần thất bại, Hòa Lan tới Nam Dương và đánh bật Bồ Đào Nha.

Lợi điểm lúc đầu của Hòa Lan là tôn trọng thổ dân và buôn bán đàng hoàng. Nhưng sau đó lòng tham nổi lên. Hòa Lan đem quân để chiếm độc quyền về gia vị, để hạ mức sản xuất gia vị nhằm tăng giá trên thị trường. Hòa Lan đã phạm những tội ác lớn như tiêu diệt gần hết thổ dân trên quần đảo Banda nơi sản xuất nhục đậu (nutmeg), rồi đưa tù nhân và nô lệ tới đây để sản xuất gia vị này. Dân địa phương nếu không bị giết thì cũng bị kềm kẹp hay bị khích bác đánh nhau để giảm số lượng sản xuất. Thuế má nặng. Để bảo đảm lượng gia vị, dân bản xứ không có quyền rời khỏi làng. Vì vậy khi một vùng nào mất mùa, dân chúng không thể đi đâu kiếm ăn, phải chết đói hàng chục ngàn người... Nhưng cũng chính một người Hòa Lan, Eduard Douwes Dekker, thay đổi chính sách này bằng cuốn *Max Havelaar*, xuất bản năm 1859. Dekker thấm nhuần tình thương của Ki-tô Giáo, học làm mục sư, nhưng đi làm cho công ti thuộc địa Hòa Lan. Được gửi qua Sumatra, ông liên tục bênh vực thổ dân, có khi cãi cả xếp và chống cả chính sách tàn bạo tại thuộc địa này. Vì có tài nên ông không bị đuổi, nhưng



bị thuyền chuyển luôn. Ông xin nghỉ nhưng không về Hòa Lan mà về Bỉ, viết cuốn *Max Havelaar* vạch rõ những việc vô luân của chính quyền Hòa Lan tại Nam Dương. Cuốn này như một trái bom nổ lớn, đánh thức lương tâm nhân dân Hòa Lan.

Pramoedya Ananta Toer cho rằng chính cuốn *Max Havelaar* đã giết phong trào thuộc địa. Nhờ cuốn này, dân Hòa Lan đứng lên đòi một chính sách lương thiện với ba việc làm cụ thể, đó là đào kinh rạch, khuyến khích lưu thông, và phát triển giáo dục tại thuộc địa Á Châu. Thay đổi có giới hạn, nhưng cũng có hiệu quả. Tới đầu thế kỉ 20, con cháu của các vị lãnh đạo của thổ dân tại Nam Dương bắt đầu phát triển đủ, để đến thập niên 1940 thì đứng lên đảo chánh. Chính Pramoedya Ananta Toer tham dự trong việc này.

Cuộc nổi dậy tại Nam Dương đã đánh thức Phi Châu, và các vùng thuộc địa khác nữa. Thế là chính sách thuộc địa chấm dứt. Pramoedya Ananta Toer kết luận, chính sách thuộc địa bắt đầu vì Âu Châu đi kiếm gia vị tại Nam Dương, thì cũng thích đáng khi chính sách thuộc địa bắt đầu sụp đổ từ Nam Dương. Người Việt Nam ta có đồng ý với nhận xét đó không?

Dù chúng ta không đồng ý, chúng ta vẫn phải phục Pramoedya Ananta Toer về điểm này: ông không vợ dứa cả nắm. Ông chỉ trích người Hòa Lan về những tội ác tày trời trong chính sách thuộc địa. Nhưng ông cũng nhận rằng chính nhân dân Hòa Lan, sau khi được cuốn *Max Havelaar*—cũng do một người Hòa Lan viết - đánh thức, đã bãi bỏ chính sách thuộc địa. Nếu là tôi, chắc tôi sẽ suy tôn một anh hùng Nam Dương chứ không muốn vinh danh một kẻ địch. Thế mới thấy nhân phẩm của Pramoedya cao vời, và có lẽ cũng chính điều này đã làm cho ngòi bút của ông có ảnh hưởng lớn, đáng sợ hơn, nên ông được... đi tù lâu hơn!

Ông cũng không công kích Ki-tô Giáo cho dù chính những người Ki-tô Giáo làm hại Nam Dương, nước đông dân Hồi Giáo nhất thế giới. Theo tôi điểm này còn đáng phục hơn điểm



trên, nhất là trong khung cảnh thánh chiến của Hồi Giáo ngày nay, cũng như không khí căng thẳng về tôn giáo trong lịch sử Việt Nam. Trên Niết Bàn hay Thiên Đàng có lẽ Chúa, Phật và Mohammad là những kẻ tâm giao, hiểu nhau và thương nhau nhiều nhất, trong khi dưới thế con người cứ mang danh đạo này đạo nọ để làm các việc mà chính các Ngài thà chịu chết chứ không chịu làm. Hồi Giáo và Ki-tô Giáo đều đặt rất nặng vấn đề công bình xã hội, nên những kẻ chân chính như Dekker và Pramodya, dù từ những nước khác chủng tộc và khác tôn giáo, nhận ra giá trị của nhau.

Tại Việt Nam, thực dân Pháp cũng mang danh Ki-tô Giáo, nhưng nếu thật sự là Ki-tô Giáo thì họ đã không bóc lột con người. Cũng như ở Nam Dương có Eduard Douwes Dekker, thì Việt Nam cũng được hưởng một số công trình của các nhà truyền giáo Ki-tô, như Alexandre de Rhodes (1591-1660; thật ra lúc đầu ông được gửi đi Nam Dương). Cha Đắc Lộ kính trọng cả con người lẫn văn hóa Việt Nam, nên cha mới cố công học hỏi và dùng những chữ như “Đức Chúa Trời,” vì ngài hiểu rằng người Việt Nam mình khi thờ Ông Trời là đã thờ cùng một Chúa với ngài. Ngoài vấn đề lí thuyết, thực hành còn quan trọng hơn. Nhiều người Việt Nam vượt biển và khi tới trại tỵ nạn thì được một cố tây đón tiếp, chăm sóc, đó là cha Dominici hay Đỗ Minh Trí. Nếu chúng ta như Pramodya biết nhận công của Dekker, thì cũng nên công nhận cả sự phá hoại của những thực dân mang danh Ki-tô Giáo lẫn những công lao của những người Ki-tô Giáo chính danh. Không phải chỉ người Ki-tô Giáo tây phương đóng góp công lao cho Việt Nam mà thôi, những người Ki-tô Giáo Việt Nam cũng có những đóng góp đáng kể, thí dụ như Cụ Sáu Trần Lục, kẻ xây nhà thờ Phát Diệm mang đầy ý nghĩa và hình ảnh triết lý Việt Nam, đã có công dẹp loạn và phát triển nên được vua phong làm Tả Vương.

Pramodya Ananta Toer sinh năm 1925 tại Bora, con ông



hiệu trưởng nhưng lại học dốt khi còn nhỏ, mất mười năm mới xong chương trình tiểu học bảy năm. Lên trung học ông học nhanh gấp đôi bạn bè, nhưng Nam Dương bị Nhật chiếm và đóng cửa trường. Năm 1945 ông vào Đại Học Hồi Giáo trong khi làm cho một thông tấn xã Nhật tại Jakarta. Ông gia nhập quân đội, nắm giữ một trung đội khoảng 60 binh sĩ, nhưng từ chức vì không đồng ý với chính quyền. Ông về làm báo. Từ 1947 đến cuối năm 1949 ông bị thực dân Hòa Lan bỏ tù vì tội chống chính sách thuộc địa. Từ năm 1950 ông trở lại làm báo, kể cả chủ bút của một báo thiếu nhi, càng ngày càng giữ những chức vụ quan trọng hơn trong nghề báo cũng như trong các tổ chức xã hội. Năm 1960 đi tù vì tội chống chính sách đàn áp Hoa Kiều bên Nam Dương. Từ 1965 suốt đến 1979, ông bị chính quyền Suharto bỏ tù dù không có án. Ông bị đi đày tại nhiều nơi, lâu nhất là tại đảo Buru, trong mười năm cuối. Khi ra tù ông vẫn bị quản thúc tại gia và phải báo cáo hàng tháng. Tới năm 1992 thì ông không báo cáo nữa.

Trong những năm đầu ở Buru ông không được viết, nhưng vừa sáng tác trong đầu vừa kể cho các bạn tù nghe. Vào những năm cuối ông được dùng máy chữ, và lén đưa một số bản thảo ra ngoại quốc, vì thỉnh thoảng chính quyền tịch thu và đốt sách vở của ông. Khi ra khỏi tù, ông xuất bản một bộ truyện gồm bốn cuốn. Bộ này có lẽ là nổi tiếng nhất trong các tác phẩm của ông. Tôi xin lược tóm cuốn đầu, *Trái Đất của Con Người* (*This Earth of Mankind*).

Nhân vật chính có tên là Minke, con một nhà lãnh đạo thổ dân tại Java, học xuất sắc trong trường Hòa Lan (như Việt Nam học trường Pháp vậy). Minke thương cô Annalies, đẹp như tiên, hiền dịu, giỏi làm ăn, con nhà giàu, và thương Minke hoàn toàn tới độ sống vì Minke. Mẹ của Annalies, bà Nyai Ontosoroh, chỉ là vợ lẽ của một ông Hòa Lan bệnh hoạn, suy nhược, bê bối đủ thứ. Còn Nyai lại là người kiện toàn về mọi mặt, một tay tạo nên cả gia tài. Nhưng khi cả chồng và con trai



Nyai chết vì ăn chơi trác táng, không những tất cả tài sản của Nyai, mà cả Annalies, đều thuộc về một người họ hàng bên Hòa Lan. Cả Nyai và Minke mất tất cả khi Annalies bị mang về Hòa Lan. Cuốn một kết thúc ở đó. Ba cuốn sau về một Minke trưởng thành trong đau khổ, tìm về nguồn gốc của mình, tìm hiểu thổ dân và tham gia cách mạng.

Không phải mọi người Hòa Lan đều xấu. Cô giáo Magda Peters giúp Minke nên bị sa thải. Ông lớn Herbert de la Croix, và cả hai cô con gái Miriam và Sarah, hết lòng bênh vực và giúp đỡ Minke. Giống như Eduard Douwes Dekker, Herbert de la Croix từ chức để phản đối việc Hòa Lan đàn áp Minke và dân địa phương. Nhiều chi tiết khác về Minke cũng giống tiểu sử Pramoedya: học trung học tại Surabaya, con ông lớn, xa bố nhưng thương mẹ, say mê đọc Eduard Dekker, v. v... Chúng tôi đọc mê mẩn bốn cuốn trong vài ngày, giống như đọc Kim Dung vậy. Chúng tôi chỉ thắc mắc là hai nhân vật nữ chính, Annalies và Nyai, quá hoàn toàn: đẹp, yêu toàn vẹn, kinh tế giỏi nên giàu tự lập, và hiểu biết thấu đáo mọi vấn đề dù không có cơ hội đi học. Và nếu đã hoàn toàn rồi thì không thể phát triển tính cách như trong tiểu thuyết tây phương được. Một người bạn tôi có dịp qua Nam Dương thăm Pramoedya và hỏi ông, ông cười và trả lời, “Bà nên nhớ là tôi kể truyện này trong tù cho một đám đàn ông.” Các sách của ông vẫn còn bị cấm tại Nam Dương, ai đọc sẽ bị tù. Bộ này đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng. Dịch giả tiếng Anh là Max Lane, nhân viên ngoại giao của Úc tại Nam Dương. Vì dịch bộ này nên ông bị cách chức, triệu hồi về Úc.

Ba tác giả trong hai bài về Caribbean và Nam Dương đều viết tiểu thuyết rất giá trị và lôi cuốn từ chính cuộc đời khó khăn của mình. Người Việt Nam mình đau khổ đã nhiều, mong rằng cũng sẽ có những tác giả như vậy để chia sẻ cái phong phú của mình với cả thế giới.



# TIỆM KHANH NGHIÊM HỒNG

## *về văn chương maghreb*

Tính thống nhất của văn hóa Ả-rập quy tụ trong cộng đồng và đạo giáo Hồi không ngăn cản những nét đặc thù về văn hóa cũng như vẻ đa dạng của ngôn ngữ và tác phẩm văn học.

Ngôn ngữ cổ xưa ở Maghreb (1), ngôn ngữ Phi châu ở Mauritanie vẫn tồn tại lưu truyền sau khi bị Ả-rập xâm chiếm. Đà tiến triển lịch sử cũng như tiếp xúc qua chế độ thuộc địa tạo điều kiện cho Anh ngữ và Pháp ngữ xâm nhập nhiều quốc gia. Hai ngôn ngữ này bành trướng do nhu cầu chính trị cũng như nguyện vọng của Ả-rập được cải tiến, canh tân.

Quan hệ giữa tiếng Pháp và thế giới Ả-rập thật là đa dạng. Vốn được đưa vào Maghreb cùng lúc với chế độ thuộc địa, tiếng Pháp đã bành trướng, lan tràn qua Machrek vào thế kỷ thứ 19 và được coi như ngôn ngữ quốc tế của khắp vùng Địa trung hải: ngôn ngữ giao dịch thương mại, kinh tế, kỹ thuật, giáo dục, v.v...

Trong thế giới Ả-rập, ta nhận thấy một vẻ đa dạng về văn học truyền khẩu hoặc được ấn hành, hành chính hoặc giải trí, sử dụng tất cả những ngôn ngữ đang lưu hành trong mọi tầng lớp xã hội. Cứ như vậy, các bản văn đã hình thành, ra đời khẳng khít với mọi quốc gia để tạo nên những dòng văn học riêng biệt cho từng nước như Ai Cập, Algérie, Liban, Maroc, Mauritanie, Tunisie, v.v...



Văn học ngôn ngữ Ả-rập vốn gò bó trong khuôn khổ cổ điển, đã hoàn toàn đổi mới vào cuối thế kỷ 19 để bước vào một giai đoạn vàng son...

Những văn bản viết bằng tiếng Pháp có thể được xếp ra nhiều loại. Những bản cổ xưa nhất đã những bằng chứng chứng minh cho sự tiếp xúc văn hóa đầu tiên: Du hành ký sự mô tả những xứ sở con người đã đi qua; rồi đến những tác phẩm Ả-rập được chuyển ngữ sang tiếng Pháp như bản dịch *Ngàn lẻ một đêm* của Antoine Galland đã cho Tây phương thấy vẻ hấp hồn huyền hoặc của Đông phương. Văn học tiếp xúc này có thể suy thoái thành loại văn học viễn xứ khi chỉ ghi lại những nét dị thù tha phương, hoặc loại văn học thuộc địa khi được sử dụng như một công cụ chính trị để đô hộ.

Ngoài ra, phải kể đến một số lớn tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của những tác giả tự nhận mình là Maghreb, Ai cập hoặc Liban... Như vậy, một nền văn học bằng tiếng Pháp đã được bành trướng với trọng tâm và đối tượng là các quốc gia Ả-rập. Nền văn học này, vốn đối kháng với chế độ thực dân/thuộc địa, lẽ ra phải được chấm dứt và tan biến đi cùng với lúc các quốc gia thuộc địa được giải phóng. Nhưng trái lại, sau khi đã được độc lập, nền văn học này ở các quốc gia cựu thuộc địa lại còn phát triển phong phú hơn, để đáp ứng nhu cầu diễn đạt và nhất là mở cửa ra thế giới bên ngoài.

Tình trạng ngôn ngữ các quốc gia ở Maghreb không đồng nhất vì các chế độ chính trị giáo dục thuộc địa khác nhau:

Tại Algérie, ngành giáo dục bị Pháp hóa sâu xa, do đó, tiếng Pháp là ngôn ngữ giao tiếp rộng rãi. Văn học Algérie ngày nay vẫn được coi là phong phú nhất ở Maghreb với nhiều tác phẩm văn học viết bằng tiếng Pháp.

Ở Maroc và Tunisie, trong thời kỳ còn là thuộc địa của Pháp thì lại khác hẳn: tiếng Ả-rập vẫn còn được dùng trong



các trường học. Cho nên ngày nay, sau khi được độc lập, Tunisie đã bùng rộ một nền văn học hiện đại viết bằng tiếng Ả-rập. Văn học viết bằng tiếng Pháp tại đây chỉ thực sự được phát triển vào thập niên 70's. Tại Maroc, từ những năm 50's, văn học viết bằng tiếng Pháp mới ra đời và leo lên đỉnh cao khi tập san *Souffles* xuất bản năm 1966.

Tại Mauritanie, có lẽ vì đất đai hẹp, người dân ít, nên thực dân Pháp không mấy chú trọng đến vấn đề "khai hóa". Chính nhờ thế, ngày nay chúng ta mới khám phá được một kho tàng văn hóa cổ truyền phong phú, hoặc do truyền khẩu, hoặc được ấn hành bằng nhiều thổ ngữ khác nhau.

Trong phạm vi văn học viết bằng tiếng Pháp ở các quốc gia Maghreb, chúng ta có thể phân chia thành những khối ít nhiều độc lập. Tỷ như văn học thuộc địa (cũng còn gọi là "văn học hắc túc" – *pied noir*) và văn học Maghreb-Do thái. Hai nền văn học này được căn cứ vào gốc gác các nhà văn thuộc về những cộng đồng riêng biệt, và dựa vào các đề tài đưa ra; nhưng bằng vào hệ thống in ấn, phát hành, bằng vào đối tượng, độc giả, nền văn học này được coi như một loại "văn học Pháp tỉnh lẻ". Văn học hắc túc có phần gắn bó sâu xa với đất mẹ, cùng lúc chối bỏ Maghreb-Hồi giáo: có thể nói là sự thất bại của chế độ thuộc địa – chúng ta nhận thấy phản ánh qua những áng văn mà Albert Memmi gọi là "văn học miền Nam", tương tự như văn học Hoa Kỳ đề cao quá khứ với nét xán lạn cuối cùng của nền văn minh miền Nam, ngay trước cuộc chiến tranh Nam-Bắc.

Văn học Maghreb-Do thái thu thập những văn bản thất lạc của một cộng đồng định cư ở Maghreb từ mấy ngàn năm qua, ngày nay lưu vong ở nhiều lục địa khác nhau.

Văn học Maghreb-Pháp bao gồm những bản văn sáng tác trong bối cảnh quốc gia, và các tác giả đã khẳng định gốc gác Algérie, Maroc hoặc Tunisie của mình. Nếu như có nhiều liên hệ mật thiết giữa các áng văn này, chúng ta vẫn thấy giá trị



trong phân tích, khi phân loại chúng ra theo từng quốc gia. Mỗi xã hội, mỗi quốc gia có một lịch sử riêng, nhất là dưới thời thuộc địa, và nét đặc thù của mỗi quốc gia, cho đến bây giờ vẫn còn nổi bật. Phương tiện in ấn và phát hành ở mỗi địa phương giúp bảo trì được những nét đặc thù của mỗi quốc gia.

Việc chọn lựa Pháp ngữ để sáng tác thường là một kinh nghiệm đau thương. Trong *Chân dung người dân thuộc địa* (Portrait du Colonisé, 1957), Albert Memmi đã phân tích “thảm kịch” của nhà văn thuộc địa, mắc kẹt giữa hai dòng ngôn ngữ, cuối cùng đã phải lựa chọn ngôn ngữ của kẻ thống trị để diễn tả, sáng tác, trong khi tiếng mẹ đẻ có khả năng thể hiện những tình cảm thâm kín nhất, những đam mê và mơ mộng của mình sâu sắc hơn. Nỗi tự ti mặc cảm khi phải dùng “ngôn ngữ của người ta” để diễn tả “tư tưởng của mình” rất phổ biến trong văn học Maghreb. Nhà văn nữ Algérie, Assia Djebar trong *Tình yêu, Trò đùa* (L'Amour, la Fantasia, 1985), đã viết : “Tiếng Pháp, đối với tôi là ngôn ngữ mẹ ghẻ!” ( Le français m'est langue marâtre).

Nhưng có lẽ, nhà văn Maghreb viết tiếng Pháp thành công là người biết đảo ngược tình thế, dùng “gậy ông đập lưng ông”, biến ngôn ngữ và văn hóa của kẻ thống trị thành “những vũ khí kỳ diệu” (armes miraculeuses – chữ của Aimé Césaire) để giải phóng bản thân và tập thể cộng đồng của mình. Kateb Yacine đã đưa ra nhận xét: ”Tình trạng của văn thi sĩ Algérie sử dụng ngôn ngữ Pháp mắc kẹt giữa hai lần đạn, bắt buộc họ phải sáng tạo, sáng tác, đổi mới” (La situation de l'écrivain algérien d'expression française entre deux lignes de feu l'oblige à inventer, à improviser, à innover).

Nếu ngôn ngữ Pháp mang lại cảm giác mát mát khi nó lấn át tiếng mẹ đẻ, thì đó cũng là ngôn ngữ đấu tranh cho cái “Ta” và là ngôn ngữ của một “bước lùi để phê phán” vì, khi



dùng một ngôn ngữ ngoại quốc, khi tạo ra một khoảng cách nào đó với cái “Ta”, chúng ta đã chấp nhận tự đánh giá, tự phân tích dưới con mắt của một kẻ ngoại cuộc.

Nhà văn Maroc Abdelkébir Khatibi đã vạch rõ là dùng tiếng Pháp trong môi trường văn học là một trao đổi giữa Mình và Người ta. Song ngữ đem lại một “tự do kỳ lạ”: ‘Biến một ngôn ngữ này thành một ngôn ngữ khác quả là điều không tưởng; mà tôi muốn thực hiện điều không tưởng đó.’

Nhiều nhà văn đã thực sự sử dụng song ngữ, tỷ như Rachid Bondjedra đã viết bằng Pháp ngữ và chữ viết của dân tộc mình.

Kể từ thế kỷ 19, tiếng Pháp được xem như ngôn ngữ giao tiếp quốc tế trong khắp miền Đông Địa Trung Hải: ngôn ngữ thương mại, giáo dục, kỹ thuật Kênh Suez và bảo vệ Ky tô giáo tại đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Những trung tâm tiếng Pháp đã được thiết lập ở Liban, ở Ai cập và ngay cả tại một vài quốc gia khác như Iraq, Syrie, v.v...

Tại Liban, song ngữ Pháp-Ả rập đã thực sự bành trướng, phát triển, với báo chí thông tin phong phú, với nhiều nhà xuất bản, với nhiều trường đại học uy tín, mặc dù Liban đã trải qua ba mươi năm khó khăn thâm trầm.

Khác với Liban và Syrie, ở Ai cập tiếng Pháp đã góp phần vào việc canh tân xứ sở vì Ai cập đã trực tiếp giao dịch chính trị với Pháp ngay dưới triều đại Napoléon, từ 1789 đến 1801, cho nên những nhà văn Ai cập đi vào văn học Pháp một cách tự nhiên, không giống tính chất “quê mùa” như tiếng Pháp Québécois của người Gia Nã Đại. Albert Cossery, Andrée Chedid viết tiếng Pháp và sinh sống ở Pháp không có chút xa lạ ngỡ ngàng gì với tiếng Pháp và người Pháp ở chính quốc.

Từ thế kỷ 19, Đông phương đã trở nên một vùng đất du lịch có khả năng thu hút các đại văn hào Pháp như Chateaubriand, Lamartine, Nerval, Flaubert, v. v... Khi trở về Pháp, họ đã phổ biến những tác phẩm văn học đã thu nhận được tại các vùng



họ đã đi qua, đương nhiên họ gặp nhiều vấp vấp và phạm sai lầm vì họ chẳng phải là dân bản xứ. Vì vậy, để “sửa sai” các bản văn, có khi còn có tính cách xuyên tạc của họ, những cây bút Đông phương đã không ngần ngại viết thẳng bằng tiếng Pháp. Trái ngược lại, ở Việt Nam, để bôi nhọ chính dân tộc mình, người ta không ngần ngại cung cấp cho bọn sử gia ham của lạ nước ngoài những tài liệu giả tạo như trong thời gian người Mỹ hiện diện tại Việt Nam, Sài Gòn đã có hơn 500, 000 gái điếm! (During the US presence in South Vietnam, there were over 500,000 prostitutes in Saigon alone, and prostitution was promoted by both the American military and the Thieu regime, as it had been during French colonial days - Robin Morgan (ed.), *Sisterhood is Global*, NY: Anchor Books, 1984, 725). Và gần đây, với sự hỗ trợ của bộ Văn hóa Pháp, đã dịch và phổ biến một cuốn sách lếu láo bôi nhọ tiền nhân của Yveline Féray, *Vạn Xuân* (Dix Mille Printemps) và đã được Huy Cận ca ngợi một cách còn lếu láo hơn: “Chị Yveline Féray! Chị hút nhụy từ đâu để có được giọng văn hào khí ấy...Tôi nghĩ: trí tuệ, tâm hồn hiện đại của chị phải có những ăng-ten viễn thông để bắt được những luồng sóng ngắn, dài...” Y không biết rằng, những chữ “hút nhụy”, “ăng-ten” đối với người Việt miền Nam vốn không hề có ý nghĩa tốt đẹp!

Những tác phẩm văn chương Maghreb không những chỉ được ấn hành ở các quốc gia Ả-rập mà còn được in và phát hành rộng rãi ở Pháp và các nước nói tiếng Pháp. Trong số những nhà văn viết tiếng Pháp, phải kể đến công lao của Georges Schéhadé người Liban, là một trong những người đã góp phần vào công cuộc canh cải sân khấu kịch nghệ trong những năm 50's (2). Nhà văn Algérie, Kateb Yacine với cuốn *Nedjma* (1956) đã cho ra đời một khuôn mẫu tiểu thuyết đa nghĩa trong đó dòng ý nghĩa tuôn ra hầu như bất tận. Nhà văn Maroc, Tahar Ben Jelloun, tác giả nhiều tiểu luận, tập thơ,



truyện, kịch bản, đoạt giải văn chương Goncourt với cuốn tiểu thuyết *La Nuit sacrée* năm 1987 đã chinh phục số đông độc giả nhờ vào phong cách ả rập trong sáng tác của ông, đặc biệt là cuốn *L'Enfant de Sable* (1985), được nhiều nhà phê bình khen ngợi.

Rất nhiều nhà quan sát đã đồng ý là những cuộc khủng hoảng chính trị và chiến tranh liên tục đã không hề làm giảm sút những hoạt động văn hóa cổ truyền, cũng như trào lưu sáng tác, ấn loát, phát hành rộng rãi hiện nay. Các thiên tài bùng nổ cùng lúc người dân châu Phi hiện diện tại khắp năm châu. Văn minh, văn học Maghreb viết bằng tiếng Pháp cũng như văn học Khối Thịnh Vượng Chung viết bằng tiếng Anh, góp mặt cùng các bậc đàn anh trên thế giới và còn hứa hẹn rất nhiều khi bước vào đệ tam thiên niên kỷ. Có lẽ người ta đã nói rất đúng: “Thế kỷ 21 là thế kỷ của người da đen.” Riêng người mình đã quá lạc quan khi mơ ước về một nền văn học của Khối Thịnh Vượng Chung viết bằng tiếng Việt! Đừng kể gì đến nền văn học viết bằng tiếng Anh của Khối Thịnh Vượng Chung – Liên hiệp Anh (Commonwealth), chỉ so sánh với văn học viết bằng tiếng Pháp, văn học Maghreb, văn học Québécoise...mà thôi, văn học tiếng Việt của hai triệu người ở hải ngoại và 80 triệu ở quốc nội liệu sẽ còn tồn tại hay không, hay là đang bị buông xuôi, thả trôi, lơ là như hiện nay, trong khi văn học viết bằng tiếng Pháp luôn luôn được bộ Văn Hóa và Ngoại Giao Pháp hết mình yểm trợ? Ở quốc nội, lớp nhà văn đàn anh có tài đã dạo chơi miền Mai Dịch, lớp trẻ thiếu văn hóa, ít tiếp xúc với văn học quốc tế đương đại, như ếch ngồi đáy giếng, chỉ viết theo cảm tính và ăn theo các bậc đàn anh, đầu óc cũng như chữ nghĩa cùn cụt, cổ lỗ, lại được bọn hồi đầu ở hải ngoại lót đường tâng bốc thêm cho nên lúc nào cũng chủ quan nghĩ rằng văn học của ta là ưu việt! Ở hải ngoại, các trung tâm văn học chỉ là những bộ lạc nho nhỏ, ở Mỹ, ở Pháp, ở Đức, ở Úc...xum xoe cho lắm nhưng chẳng làm



được việc gì ngoài sự ca tụng lẫn nhau, em hát chị khen hay, cộng tác viên viết thì được chủ bút vuốt ve; “tác phẩm” sản sinh thật nhiều nhưng chỉ có lượng mà không có phẩm, nói như nhà thơ Hà Nguyên Du “từ nhân dân tự vệ, dân quân du kích, bỗng nhiên một hôm tự đồng hóa mình thành quân nhân chính quy” – từ là những người viết hoài niệm (délicat) trong các đặc san ái hữu cứu học sinh, binh chủng, làng tỉnh, tự nhiên một hôm cao hứng “thấy” mình là “nhà văn”, “nhà thơ”, cũng xuất bản “tác phẩm”, cũng ra mắt sách, rồi được các MC cò mỗi thối phòng lên, thế là những người này bỗng thấy mình là nhà văn, nhà thơ thật! Ông Nguyễn Văn Lục nào đó, trong *Tập San Y Sĩ* của Hội Y sĩ Việt Nam Canada, số 153-Tháng 4-2002, đã chỉ trích “một số nhà văn, nhà khảo cứu trong giới y sĩ” như giáo sư Trần Ngọc Ninh, bác sĩ Mai Kim Ngọc, bác sĩ Trần Văn Tích, bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, bác sĩ Lê Văn Lâm... với luận điệu cho rằng “từ cầm ống nghe, ống chích sang cây viết văn khó hơn từ phấn viết bảng”. Ai cũng hiểu động cơ của bài viết là nhằm loại trừ những cây bút kể trên ra khỏi giải thưởng văn học của Hội Y Sĩ Việt Nam Quốc Tế! Nhưng, cho rằng các vị bác sĩ không có tài viết văn bằng “giáo sư” Nguyễn Văn Lục thì ông có chủ quan không? Lại nữa, ông còn viết rằng “chẳng chóng thì chầy, khi thế hệ người di dân đợt đầu không còn nữa, tại hải ngoại chỉ còn lại là thứ văn học báo chợ mà thôi”. Tôi thì nghĩ rằng, nếu không có những vị bác sĩ có tâm huyết, muốn đóng góp phần mình cho văn học dân tộc, đôi khi phải tạm rời ống nghe để cầm bút, thì ngay trong thế hệ di dân đợt đầu của ông Nguyễn Văn Lục và phe phái của ông, khi mà “những dân quân du kích biến thành bộ đội chính quy”, văn học cũng đã là văn học “báo chợ” rồi! Ngoài ra, sự thật thì đã có những tờ “báo chợ” ở các địa phương “tự nhiên như người Hà Nội”, lấy bài của các nhà văn mà ông ca cẩm là sáng giá như Nguyễn Mộng Giác, Duyên Anh, Ngô Thế Vinh... đăng dài dài rồi!



- (1) *Maghreb* : Từ gốc ả-rập có nghĩa là “xứ mặt trời lặn” – tức là phương Tây - được dùng để chỉ miền Tây Bắc Phi Châu, đối lại với *Machrek*, có nghĩa là Trung Đông. Sở dĩ gọi tên Maghreb là để tách rời vùng này ra khỏi Trung Đông. Maghreb ban đầu gồm ba quốc gia giáp với núi Atlas : Maroc, Algérie và Tunisie, sau này ghép thêm Mauritanie và Lybie nữa. Năm quốc gia này có tinh thần đoàn kết rất chặt chẽ và dân tộc chủ yếu là Berbère. Năm 1989, Liên hiệp các quốc gia Maghreb Ả-rập được thành lập. Đó là một Liên hiệp về kinh tế dựa trên mô hình Cộng đồng Âu châu.
- (2) Georges Shehadé, người Liban, làm thơ lúc mới 12 tuổi. Sau biến cố năm 1978, ông định cư hẳn tại Pháp. Đây là một bài thơ tiêu biểu của ông trong tập *Poésies* (Paris: Gallimard, 1952):

### Sur une montagne

Sur une montagne  
Où les troupeaux parlent avec le froid  
Comme Dieu le fit  
Où le soleil est à son origine  
Il y a des granges pleines de douceur  
Pour l'homme qui marche dans sa paix  
Je rêve à ce pays où l'angoisse  
Est un peu d'air  
Où les sommeils tombent dans le puits  
Je rêve et je suis ici  
Contre un mur de violettes et cette femme  
Dont le genou écarté est une peine infinie

(Trên đỉnh non. Trên đỉnh non / Nơi một đàn gia súc/ Đối thoại cùng cái lạnh Trời ban/ Nơi Thái dương là gốc gác ban sơ/ Có những vựa, tràn đầy êm ái/ Cho ai kia cất bước an lành/ Tôi mơ đến xứ xa xa/ Nơi âu lo chỉ còn thoang thoảng/ Nơi giấc điệp chìm trong đáy giếng/ Tôi mơ, và hiện vẫn ngồi đây/ Tựa vào bức tường bông tím/ Và người phụ nữ ngồi dạng háng/ Triền miên đau khổ.)



# NGUYỄN VY-KHANH

## *về thi ca québécoise*

Tỉnh bang Québec của nước Canada có một lịch sử đặc biệt. Bị mẫu quốc Pháp bỏ rơi trong cuộc chiến thuộc địa với Anh quốc, trải qua nhiều thế kỷ bị đô hộ, người Canada nói tiếng Pháp chỉ thật sự lấy lại độc lập văn hóa từ thập niên 1960, văn hóa, giáo dục đưa đến độc lập chính trị và tự túc kinh tế. Hiện nay dân Québec (tức Québécois/Quebecer - từ thay thế từ Canadien/Canadian đầu tiên vốn để chỉ người nói tiếng Pháp ở Canada), nhất là giới trí thức khuynh tả về chiều văn mớ độc lập (đã hai lần référendum thất bại!) dù trong thực tế so với trước thập niên 1960, họ đã độc lập nhiều hơn về chính trị, hành chánh, cũng như nắm lại nhiều quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Khuynh hướng hoàn cầu hóa và địa thế Bắc Mỹ sẽ biến ý tưởng "quốc gia" mờ nhạt, mất tính thực tế và "độc lập" cùng mất cả lý do hiện hữu !

Thập niên 1960 đánh dấu bước đầu của cuộc hành trình văn nghệ độc lập, độc đáo và khác với văn học nghệ thuật từ chính quốc Pháp cũng như với Hoa kỳ vừa hàng xóm vừa là mainstream! Với cuộc cách mạng trầm lặng (révolution tranquille), giáo quyền nhường chỗ cho chính quyền dân sự, giới trí thức và văn nghệ sĩ độc lập được hình thành. Đây thật ra là cả một hành trình đã được bắt đầu từ những năm 1830 với cuộc cách mạng cùng năm từ mẫu quốc, giới trí thức ngày càng muốn tách rời khỏi giáo quyền và chống cả giáo quyền. Cho đến thời 1960, họ đã có những nhà thơ đặc sắc như Pamphile



Le May, Emile Nelligan, Saint-Denys Garneau, Alain Grandbois,... và đề tài chính là "pays" tạm dịch là "tổ quốc" (poésie du pays). Với sự xuất hiện vào năm 1953 của nhà xuất bản Hexagone chuyên về thơ, thi ca cất cánh thay vì chỉ là sinh hoạt bên lề. Dòng thi ca này nhập cuộc, tra vấn đồng thời đòi hỏi và xác tín một cá thể và cá tính riêng cho dân Canada nói tiếng Pháp, một dân tộc riêng với mảnh đất riêng, một tiếng nói và ký ức tập thể riêng và đặc thù (caractère distinct du Québec) ! Nền thi ca này nêu rõ sự vong thân và biến chất của dân Québec.

Một dòng thi ca phản kháng (poésie de la résistance) lớn mạnh từ thập niên 1960, với những Gaston Miron, Paul-Marie Lapointe, Jacques Brault,... Thiên tả nhất có Paul Chamberland chống mọi hình thức đô hộ của người Anh, từ ngôn ngữ, văn hóa đến kinh tế, thơ ông là những tiếng kêu đòi làm cách mạng. Thập niên 1970 tinh thần mới rõ nét trong thi ca : chủ nghĩa quốc gia, độc lập, mạnh và công khai hơn. Từ mùa Thu 1970, Mặt trận giải phóng Québec (Front de libération du Québec) dùng bạo lực để đòi giải phóng chính trị và kinh tế khỏi tay người Anh, tuy không thành công nhưng đã làm mạnh thêm ý tưởng độc lập chính trị và lập đảng công khai. Thi ca đã đi trước thời cuộc, đã chuẩn bị từ trước với "đêm thi ca 28-3-1970" và tuyển tập *Poésie actuelle* đánh dấu sự trưởng thành và tự tin của văn nghệ sĩ Québec, "con người đơn sơ cần được giải phóng" : một mặt chủ trì thi ca giải phóng (poésie de la libération), mặt khác chủ trì một trở về đời sống nguyên sơ để tìm lại những giá trị nhân bản. Các tạp chí *Estuaire* và *La Barre du jour* đẩy mạnh thêm dòng thi ca không quy phục này (écritures insoumises). Thập niên 1970 dẫn thân vào con đường hình thức biến cải, trở thành của dục vọng và thân xác, nhấm đa dạng. Kết thúc dòng thi ca này là một thi nhạc sĩ , Gilles Vigneault, với bài *Mon pays*- một bản quốc ca bán chính



thức (quốc ca Canada hiện nay là của người nói tiếng Pháp, éo le như quốc ca VNCH là của Lưu Hữu Phước):

*"Mon pays ce n'est pas un pays, c'est l'hiver  
Mon jardin ce n'est pas un jardin, c'est la pluie  
Mon chemin ce n'est pas un chemin, c'est la neige  
Mon pays ce n'est pas un pays, c'est l'hiver... "*

Trong suốt hai thập niên 1960 và 1970, thi ca từng là phương tiện cho đấu tranh chính trị và là biểu tượng sống động văn hóa. Nhờ ý thức của hai giới trẻ và trí thức, nhờ sự tin tưởng nhiệt thành của các nhà xuất bản và giáo dục cũng như sự in ấn và phổ biến dễ dàng, lịch sử thi ca của người Québécois sung túc và đa dạng mà một bài giới thiệu ngắn không thể bao quát hết. Ngoài những dòng thi ca chính được đề cao, bắt chước, còn có những dòng phản diện : thế hệ baby-boomers sinh sau chiến tranh và sống nhiều trước màn ảnh TV, họ theo những phong trào như Peace and love, chống chiến tranh Việt Nam và đề cao những giá trị ngoại lệ mà biến cố âm nhạc ở Woodstock NY đã làm lớn mạnh khuynh hướng underground, một ý thức hệ vượt lên trên ngôn ngữ, đòi hỏi tự do tuyệt đối, từ ngôn ngữ đến tình dục và nha phiến,..., tự túc - small is beautiful . đây là thế hệ nhà thơ theo flower power như Plume Latraverse, Lucien Francoeur, v.v...

### **Thi ca của văn bản :**

Từ cuối thập niên 1960, vì nhu cầu hiện đại và canh tân chính trị, thi ca trở thành một loại văn bản được khai thác dưới ánh sáng hình thức và cấu trúc. *Không gian* và *đề tài* biến mất ở khuynh hướng này. Văn bản trở nên thân thể và ngược lại, như một trò ảo thuật gương soi làm sai lạc sự vật và cuộc đời. Với văn bản là chính, người làm thơ mạnh dạn đi tìm, khai thác mọi khả thể của văn bản, sự hình thành, đường đi, hệ thống.



Phải dám phá đổ mọi ý thức hệ và quây vọc con chữ. Paul Chamberland từng viết : "Làm thơ là một hành cử đoạn tuyệt : thi ca phá đổ, nếu không, không còn là thi ca" (L'acte d'écrire la poésie est un acte de rupture : la poésie est subversive ou elle n'est pas poésie). Ông trình làng những bài thơ không tựa (sans titre) muốn nói lên tính bất định và phức tạp, mâu thuẫn của thi ca văn bản ông gọi là "Trật tự mới / Ordre nouveau". Cái hiện đại mà Nicole Brossard, nhà thơ năng nổ nhất, định nghĩa là dám đụng đến mọi ý thức hệ, hiện đại trở thành cái thiết yếu bao trùm. Dám là qua sông, sống lưu xứ nếu cần ... hơn là sống yên nơi sa đọa. Cái dám chính trị phản ánh qua thi ca. Thơ trở thành hành cử thường nhật nhưng tuân theo một cấu trúc với những dữ kiện biến thiên (Michel Beaulieu). Thơ cũng là diễn văn mà âm thanh và nhịp điệu của ngôn ngữ trở thành quan trọng (Raoul Duguay). Thi ca trở nên đa dạng, nhà thơ đặt lên trang giấy như nhại cái biểu hiện của thơ, ý nghĩa hiện ra trong quá trình thay vì biết trước, chuẩn bị trước.

Nhóm *Herbes Rouges* nhiều bằng cấp đại học do đó đã thử nghiệm thuyết Hình thức trong thi ca. Thơ ở đây đến gần với truyện kể, thơ để đọc lên, để tra vấn và tố cáo, nhưng lại nhuộm ý thức hệ mác-xít. Claude Beausoleil đặt lại vấn đề hiệu nghiệm thi ca của ẩn dụ vì đánh mất kỹ thuật lập lại biểu tượng; thơ ông tạp loại, nhiều văn xuôi và truyện kể. Thi ca thành chữ viết (écriture) - như tựa của một tập thơ của Paul-Marie Lapointe, *ÉcRiturEs*, là một trò chơi chữ nghĩa, tưởng tượng ra một thế giới khách quan, không tả thế giới mà để thế giới hiện ra. Chữ viết trở thành sự vùng dậy của ngôn ngữ chống lại diễn văn thường nghe. Guy Gervais qua *Verbe silence* (1987) siêu hình hóa ngôn ngữ thi ca. *Les amoureux n'existent que sur la terre* (1989) của André Roy cách tân thuyết hình thức : con người trước thiên nhiên mà nhà thơ là người cố tìm kiếm với sự hướng dẫn của ngôn ngữ. Từ cuối



thập niên 1980, các nhà thơ chủ nghĩa hình thức tự kiểm thảo, xoay chiều, tìm kiếm hình thức hơn nữa với những thể loại nhật ký, tường thuật, chứng từ,... Thi ca cầu cứu đến huyền thoại cá nhân, đời tư, tìm lại văn bản toàn diện, đường thẳng, trở về lãng-mạn, tả chân và tự truyện cách tân (X. *Tự Truyện* Đặng Phùng Quân). Xoay chiều tạo hoà hoãn với dòng thi ca căng thẳng chống đối, phản kháng trước đó.

**Thi-ca của cái Tôi** là khuynh hướng ngày càng rõ nét. Xưa, đem cái *Tôi* vào thơ thì thi tính vượt bay, một thi tính đề cao mộng, tưởng, nên khách thể hóa và mời gọi tưởng tượng, từ ý cũng như tiềm thức! Cái *Je* hôm nay đưa vào thơ để chứng thực những đớn đau, cô đơn, cái chết, ký ức, ... là của một con người bị lôi kéo trong quá trình đi tìm một căn cước. Một tiếng nói nhấm đối thoại với định mệnh tập thể nhân loại để nhận ra mình một cách lý giải. Cái *Tôi* ở nhà thơ Québec vì nhiều lý do lịch sử và văn hóa, luôn bị cái *Ta* bao trùm, ám ảnh, ngay cả ở những tác giả muốn dứt khoát nhất như Gatien Lapointe. Liên hệ *Tôi-Ta* đánh dấu sự kiếm tìm, hiện diện và một không gian chung. Từ đây hết cô đơn và trống vắng, vì ngôn ngữ bắt nhịp cầu cho hai bên nhìn nhận nhau. Ai kỷ, nhục dục và vật chất làm nên một loại ý thức lớn mới, cá tính và ngôn ngữ của cái *Tôi* trội bật. Cái *Tôi* trở nên thân xác trong chữ viết, cái *Tôi* từ khước ngôn ngữ nhưng phải xuất hiện trong thi bản để cho cái *Tôi* một ý nghĩa!

*"je nommerai aussi / l'améthyste / celle que j'avais perdue / et retrouvée / pas seulement en rêve / je nommerai ma pierre / mes pierres / celles qui pensent / et qui me font songer"* (Madeleine Gagnon, *Pensées du poème*, 1983).

Bản thể phải tách rời sự vật để tự thành, *autographie* (thủ bút) - nơi tự thuật (*bio*) vắng mặt để biểu tỏ ý tưởng về cái *Tôi* như con chữ của kẻ khác và của mọi người : "*Dépersonnaliser/*



*dans ce corps sans organes / puis signer de son nom propre / dans ce hors-corps / hors-champs, hors-site / des mille portes / et des mil plateaux*" (L'instance orpheline, 1991). Cái Tôi đó trung tính, vì một tác giả nữ khác, Denise Desautels, đi tìm cái Tôi "nữ" hơn trong một thế giới vừa bông bột vừa thơ mộng của bất-khả cảm-thông. Pierre Nepveu thì đào sâu trong những ý niệm "không gian, thế kỷ cô đọng", để tìm cho ra tha nhân và những sự vật đào thoát mỗi khi được nói đến! Khuynh hướng này thường sử dụng thể loại thơ-văn-xuôi (poésie-prose ou prose-poésie), kể lể (récitatif) trong hành trình tìm kiếm quê nhà đã mất và tự khám phá cái Tôi, với khoảng cách! Thời cái Ta mạnh, cá nhân, tư riêng phải co rút lại, khi cái Tôi mạnh dạn tự giải phóng, cũng là lúc tập thể được giải phóng theo.

Tiểu luận *Le plaisir du texte* (1966) của Roland Barthes đã đem sinh khí đến cho nhiều nhà thơ Québec, đưa thi ca xuống tận vùng sơ khai của bản thể. Chữ nghĩa quay cuồng mê mẩn, người làm thơ Québec sướng khoái sáng tạo, chế biến và "lộng hành" ngôn ngữ, một khoái lạc vừa trí thức vừa vật chất. Nghệ thuật quảng cáo, truyện hoạt họa, diễn văn chính trị và khoa học, với một ý thức xã hội và chính trị tỉnh táo thường trực, với sự trình bày in ấn nghệ thuật (mới, tiên phong),... tất cả đã trở thành thi tính (poétique). Thơ phá hết mọi biên giới thể loại, tùy nhu cầu sáng tạo và diễn ý, thơ có thể là truyện kể, tiểu luận, tuyên ngôn, v.v... Thi ca khoái lạc phá hết những biên giới cấm kỵ (tabou) về truyền thống, khuôn mẫu văn hóa, tình dục, ... đồng thời chạm đến vùng huyền bí nhưng phạm tục của những tôn giáo, tâm linh mới, sống ngoài lề vượt mọi trói buộc, nha phiến và sống với kích thích ảo giác tạm bợ. Ở đây, thi ca là ngôn ngữ của sơ khai, của thần bí và của đời sống "làng", thám hiểm những vùng thâm sâu của nhục dục tự nhiên, kỹ thuật tình ái; thi ca trở thành hành vi làm tình, thành phó bản - "copie conforme à l'acte sexuel", ở ngôn từ kéo dài của nhục dục (extension trans-linguistique de la libido), kiểu nhạc Rock



n'roll. Bạo lực và đam mê trộn lẫn, nghệ thuật trở thành hành vi khủng bố, đặt bom, xúc phạm cả phụ nữ - để giải phóng họ (!), ngôn ngữ sống sượng của một nền văn minh bạo lực. Cứ xem tựa các thi tập là đủ biết - tác giả chúng dĩ nhiên là nam : Filles-commandos bandées, Travestis-kamikazes, Filles-missiles, Lesbiennes d'acid, La clitoris de la fée des étoiles, v.v...

### **Thi-ca nữ quyền :**

Phái nữ chủ trương thơ phản kháng để chống lại "truyền thống" (trong thi ca Québec trước 1970 như nhóm Hexagone) xem người phụ nữ như một đối tượng **CÂM** hoặc biểu tượng cho lãnh thổ bên cạnh những "anh hùng, chiến sĩ" nam ! Thi ca chưa đủ, người phụ nữ Québec ra tuyên ngôn và dựng kịch làm náo động xã hội theo khuôn phụ quyền, những vở kịch *Les Fées ont soif* (1978) của Denise Boucher hay *La saga des poules mouillées* (1981) của Jovelle Marchesseault. R. Barthes từng viết "L'Histoire que nous mettons très sottement au féminin"(Chúng ta đại dốt viết từ Lịch sử ở giống cái), Nicole Brossard theo con đường Hủy Tạo (Déconstruction) mạnh dạn phá đổ văn phạm "phụ quyền" trong Masculin grammaticale, tất cả đều viết ở giống cái (féminin) : thơ phải ở giống cái, phải hiếp đáp, tấn công, tranh đấu bằng vũ lực. Bà đưa thêm kỹ thuật viết nghiêng *italique* hoặc bỏ trong ngoặc đơn những chữ nói về nữ trong văn bản : "l'impute / (la lésée), / la léchée / (la mouillée) / la menteuse / la jouisseuse / la molle lamentante, la folle lamentée (...)" . Đại danh từ (pronom) *L'elle* trở thành danh từ (nom). Đảo ngược văn phạm câu văn, tính từ, tính từ và phụ từ (adjectif, épithète, complément) : "*Évanouie le ravin la mentrue / elle cède par les reins d'avance (...)*". Và đặt ở đầu câu những liên từ et, or, mais, phá đổ cấu trúc văn phạm thông thường : "*or d'amour sorcelle m'y convoque (...)* / *mais elle en sort (...)*". Nicole Brossard tìm ra



con đường thi ca riêng, xa gần những vận động của ý niệm "ý nghĩa" (*signifiance* của Julia Kristeva), vận động sản xuất và cả làm thất thoát tác phẩm trong ngôn ngữ thi-ca : "*à mon dire nu / la couleur tant fictive que vrai / entame dans le noir délirant*".

Người nữ giận dữ làm thơ để lớn tiếng biểu tỏ quyền sinh tồn của họ qua thân xác, nhưng với người đọc lại hóa ra là "văn chương" tính dục, kích dâm, ... Mảng thi ca này giàu tính liên văn bản nữ quyền, bên cạnh đó những nhà thơ nữ khác vẫn tiếp tục ngôn ngữ tĩnh lặng nhưng có khi khó hiểu, đụng đến cái chết và quá độ hiện thực. Nói chung mảng nữ quyền đôi khi khó khăn, trần trụi và có mầm độc hiểm, nhưng nói chung tích cực dù chút trữ tình vẫn còn ở một số tác giả.

**Thi ca nhân bản**, một nhân bản thực tại : "*tu ne mourras pas un oiseau nidifié / ton coeur / plus intense que la brûlée d'un été quelque part / plus chaud qu'une savane parcourue par l'oracle / tu ne mourras pas ton amour est éternel*" (Paul-Marie Lapointe, Épitaphe pour un jeune révolté).

Sau 1975, thi ca trở về đời sống thường nhật nhưng tư riêng, chủ quan, xúc cảm, pha trộn tiếc nuối. Khuynh hướng này bỏ rơi hình thức để trở về thi ca nội tâm, siêu hình. Cái thực sáng rực rỡ như những bình minh :

*"il dort le matin encore / chassé de neige abrié de froid / une volée aux yeux d'avoines noires / rembellit ses paupières où déjà / les nuages ouvrent des lézardes aux lézards de soleil"* (Jacques Brault, La poésie ce matin).

Gần đây khuynh hướng thơ vụn, như Gilbert Langevin trong *Le cercle ouvert* (1993) những bài thật ngắn, những câu cắt nát, những mở đầu mà không diễn tiếp, v.v. với những đề tài tự do, tình thương, hơi ấm tình người như trở thành một loại "giận dữ không khí giới", hoà giải với những đề tài bạo động, điên dại,



mặt trái,... thời trước đó. Cécile Cloutier giải Văn chương Toàn quyền với *L'écouté* (1991) cũng trong chiều hướng này, những bản thơ thật ngắn, đôi ba hàng, mỗi hàng lại ngắn, thường in ở lề trên của trang giấy.

Hai thập niên qua, chính trị thế giới xáo trộn thêm cho thi ca Québec những khuôn mặt mới, những con người mới đến đã mang theo trong hành trang văn hóa gốc. Một hội nhập văn hóa thâm lặng, cái khác biệt thiết yếu cho sự tìm hiểu cái Tôi, khiến “đất lời bao phủ đất nước”, nói như Jacques Brault. Thơ của những Antonio d'Alfonso (gốc Ý), Anne-Marie Alonzo (gốc Ai cập), Carole Huynh (gốc Việt Nam, giải Alphonse-Piché ở Festival international de la poésie de Trois-Rivières thứ 12 năm 1996 với chuỗi thơ *Nos âmes ont gardé la mémoire de l'exil* và một vài giải văn chương khác), v.v..., đã nói lên những giằng co, vong thân, mất mát của một thế hệ di trú thứ nhất và thứ hai...

Thi ca Québec hôm nay là tổng thể những thử nghiệm, khuynh hướng vừa kể. Thi ca biến thành chính ngôn ngữ (*écriture*) rồi trở thành văn bản (*texte*) hiện đại hóa, trở thành “truyền thống của cái mới (*tradition du nouveau*)”. Bi kịch của thi ca Québec cũng là của những ghetto hoặc cộng đồng vì một lý do lịch sử, địa lý hoặc chính trị, đã tự cô lập, vì hãi sợ đồng hóa, vì người khác là địa ngục, rồi tự khựng lại một chỗ và cứ đào sâu mãi trong những tự hào văn hóa dân tộc, gốc gác mà họ quen gọi là ký ức chung. Hơn nữa, vì là thiểu số, ghetto nên sản phẩm còn hạn chế về số lượng. Bi quan, tính ghetto (ám ảnh *mảnh đất*) đưa đến hiện tượng huyền thoại hóa thi-ca và các biến cố văn hóa. Khi thi ca Québec trở sắc là những khi người làm thơ quên mặc cảm tỉnh bang, québécois, nói tiếng Pháp - tình trạng chỉ có lợi cho một thiểu số ăn trên ngồi trước và trí thức cực đoan lúc nào cũng nhân danh và nhân danh,... để mở ra với



những trào lưu mới cấu trúc, hình thức, nữ quyền,... Vai trò người trí thức nếu trước nay là cần thiết và đã có những đóng góp lớn cho tập thể (nhóm Hexagone, Cité Libre, v.v...) thì nay rõ ra chỉ là ăn hại trên một gia tài chung ngày càng thu hẹp. Ngày hôm nay, mảng thi ca này đang bị lấn át bởi những thể loại tiểu thuyết, truyện lịch sử, truyện thật ngắn, truyện giả tưởng,... Mặt khác nhờ có đặc thù văn hóa thiểu số ở giữa rừng ảnh hưởng Hoa kỳ, văn nghệ sĩ Québec đã thành công (Cirque du soleil, Céline Dion, v.v...), nhưng cũng ở những hiện tượng này cho thấy viễn tượng hoàn cầu hóa đang làm biến mất tính đặc thù Québec. Ca sĩ Céline Dion chẳng hạn, cô chỉ có giọng ca còn bài bản là quốc tế, nếu so với những Robert Charlebois, Félix Leclerc, Gilles Vignault, ... exotique (so với người Pháp chính quốc) vì những người này có thêm hành trang văn hóa Québec qua ngôn ngữ bài bản và âm nhạc.

Nhìn người rồi ngẫm lại ta, chúng tôi có một số nhận xét như sau :

- Người làm thơ cũng như các nhà phê bình, báo chí có thông tin và kiến thức cập nhật rất sớm, ít có chuyện người nói gà kẻ nói vịt. Dù có những văn nghệ sĩ cực đoan (vì yêu nước muốn độc lập, vì thù ghét người Anh và văn hóa ngoại lai, vì thiên tả, v.v...) nhưng dân chủ, cởi mở, khai phóng, đã là những đặc tính làm thi ca Québec tiến bộ, đa dạng.
- Vai trò các nhà xuất bản và tạp chí : thơ được xuất bản và ... bán, trưng trang trọng trong hiệu sách, thư mục các nhà xuất bản chính thường có mục Thi ca với rất nhiều tựa và xếp theo tên tác giả. Nhà xuất bản tham gia trong việc hình thành một nền văn học như Hexagone 1953 và Le Noroit, Écrits du Forges sau này chỉ xuất bản thơ, XYZ chỉ xuất bản truyện thật ngắn, v.v... Tạp chí là nơi sinh thành văn chương (*Barre du jour, Les Herbes Rouges, Estuaire, Hobo-Québec, ...* tương đương với *Phong Hóa, Ngày Nay, Xuân Thu Nhã Tập, Sáng*



*Tạo, Văn* (Sài Gòn), v.v... và có nhiều tạp chí chuyên ngành về thơ (*Les Herbes Rouges, Estuaire, ...*), tương tự tạp chí *Thơ* của Khế Iêm... Chính đặc tính chuyên môn làm sống tạp chí, với Việt Nam ở hải ngoại thì ngược lại.

- Thi ca đương thời được đưa vào chương trình học đường sớm, so với chương trình ở Việt Nam miền Nam năm 1974 áp dụng chương trình văn học mới nhưng ngừng ở mốc 1945, bộ giáo dục trong nước thì cũng chẳng hơn, đã vậy lại một chiều, chỉ có thi ca chết; giúp học sinh có thông tin về các khuynh hướng đang xảy ra đồng thời đem tranh luận, phê bình vào, đưa học sinh vào cuộc, và từ đó phát sinh những nhà thơ mới, trẻ.

- So với Việt Nam ta, đặc biệt người Québec không có hiện tượng thơ thù tạc in nhiều để khoe khoang, có mặt với ... đời – nếu có thì cũng quá nhỏ nhoi không đáng kể. Cũng như không thật có hiện tượng áo thụng bái nhau, ngược lại là khác, nhà thơ nào lớn đến mấy mà khi hết còn làm thơ ra thơ nữa liền bị phê bình nghiêm chỉnh và đích đáng, thường những người này khi biết đã hết thời hoặc về cuối đời thường chăm sóc in lại sự nghiệp thời trước và ủng hộ những tài năng mới!

- Ngoài nhiều giải thưởng văn chương, sự nghiệp các nghệ sĩ và nhà thơ cách riêng được chính thức ghi nhận, như làm quốc táng (Gaston Miron), đặt tên xa lộ và đường thành phố hay bổ nhiệm vào những chức chưởng tượng trưng như thượng nghị sĩ, phó vương (bà Adrienne Clarkson người gốc Hoa, toàn quyền đương nhiệm - tương đương với chức quốc trưởng, vốn là nhà báo và nhà văn).

Thử nhìn lại thơ Việt Nam hôm nay, ở hải ngoại có nhiều thử nghiệm hơn trong nước. Xem những "văn bản" gọi là "thơ" của những thử nghiệm Tân Hình thức, thơ cụ thể hậu hiện đại hay khai thác tình dục, v.v... người thưởng thức thơ nếu không cởi mở, có kiên nhẫn thì cũng có thể chấp nhận, cho cơ may, nhưng loại "thơ" thù tạc, thơ salon, thơ xã hội thu nhỏ - một



loại ghetto, thường làm khó chịu người làm văn học hoặc ưu tư về một văn chương tiến bộ... Hình thức thơ lúi nhiều thập niên, lúi về thơ tiền chiến và cả thơ luật. Người đọc liên tưởng đến những học sinh tập tễnh làm thơ bích báo... Trong khi những người này thì tưởng mình là những Quách Tấn hôm nay, nhưng oái ăm thay, ngay trong giới học sinh đã có nhiều tay thơ vượt trội hoặc thành danh ngay ở bước đầu. Và Quách Tấn ngay trong những hình thức cổ kính của thơ luật, ông vẫn chứng tỏ tài năng độc đáo trong văn phong thi tứ, nhất là với tập *Động Bóng Chiều* (1965).

Ở hải ngoại, trên các báo thương mại, thông tin đại chúng, hội đoàn, ái hữu, thi nhóm và cả tạp chí gọi là văn học, người đọc đã và tiếp tục bị thưởng thức những cái gọi là "thơ" như đã xem qua ở nơi khác, ở một thời điểm khác đã thậm xa. Tâm trạng này, Sử Mặc từng ghi lại trong một bài thơ-thật-ngắn :

*"lục túi thơ tìm khách / thấy làng chơi / dập đầu"*

(Diệu Thủ, *Hợp Lưu*, 49, 10 & 11-1999, tr. 64).

Giàu số lượng nhưng đồng thời trở nên thừa thãi - có người còn xem việc nhiều thơ đồng nghĩa với tài năng, tỉ lệ thuận to lớn sự nghiệp; tội nghiệp cho giấy trắng ngày càng ít lại, nói như một nhà văn ở hải ngoại ! Người ta khư khư giữ hình thức lục bát, thơ luật, cả thơ văn xuôi, nay thơ gọi là Tân hình thức, v.v... nhưng không hề có tính thơ ! Thời tiền chiến, người nghệ sĩ sống trọn vẹn cho thơ, thời chiến tranh cả Nam lẫn Bắc không thể mà cũng không có quyền sống trọn cho thơ ngoại trừ thơ xung chiến - dù vậy vẫn có những thành công để đời, nay đời sống tạm ổn (đã về hưu, vật chất rộng rãi, muốn " có danh gì ", ...) nên nhiều người "sống trọn" cho thơ ! Dĩ nhiên, có kẻ làm thơ là để giải tỏa u uẩn, để nhìn lại quãng đời đi qua, một hình thức tự vấn tâm tình, độc thoại hoặc đối thoại với người đồng cảm. Thơ ở đây không tham vọng nghệ thuật, chỉ làm công việc thực dụng (mừng sinh nhật, cưới hỏi, tục huyền, tái



giá, tặng bạn, mừng bạn hay họ hàng có con cháu mới đỗ bác sĩ, tuyên thệ luật sư v.v.), dễ và nhiều khiến thơ thành vè, Nguyễn Du thành... Bút Tre, một thể loại có một mục đích rất giới hạn! Ngôn ngữ ở đây không thông tục, không trực tiếp như thơ Tân hình thức hay hậu hiện đại, nhưng phần lớn cũng không là ngôn ngữ hôm nay mà là ngôn ngữ vay mượn, sáo mòn, cũ kỹ!

Rồi thì "người thơ" đua nhau họa thơ, in lại tất cả trong tuyển tập của một người hay của một nhóm trong lời Tựa nói làm mới thơ ... luật [...], trẻ trung, hiện đại hóa nó, mà rồi tựu trung kết quả không thuyết phục nổi ai. Thơ mới làm thì có mà *thơ làm mới* thì không! Rồi chưa đủ, "người thơ" tìm lại những bài thơ của những người đã ra ... thiên cổ để "họa", quái đản vì không có "xướng" mà lại có "họa", sao không tự cảm đề như khi xem tranh cho đỡ nhức đầu người đọc? Có khi tối mắt lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia rồi cứ thế mà "họa", Lý Bạch, Nguyễn Du họ không tha mà Phan Bội Châu, Ngô Đình Diệm, Trần Văn Hương,... cũng không được yên với những người này! Xướng họa là thú tao nhã của người xưa và giữa những tâm hồn đồng điệu. Các tuyển tập, thi đàn, thi thơ, ... đã là một hiện tượng đặc biệt cuối thế kỷ 20 ở hải ngoại, có thể khởi từ những truyền thống đã có trước 1975, nhưng lạm phát thập bội phần! Thành nhóm với sứ mạng nghiêm chỉnh rõ rệt như những nhóm thơ Loạn và Dạ đài trước chiến tranh 1945, *Sáng Tạo* ở miền Nam sau 1954,... là những cần thiết, còn lập nhóm để bình thơ, họa thơ cho có ấn phẩm thì lại khác! Trong số lượng thơ đồ sộ này, dù vậy, hiếm nhưng vẫn có vài áng thơ hay, hay đấy nhưng lại không có sáng tạo và đặc thù văn chương, không thể tạo nên hiện tượng thi ca đáng nói đến.

Những thể loại thơ "luật" được tận tình sử dụng, có bài chỉ mang hình thức thơ luật mà không hẳn đã là thơ luật, nhiều bài sai cả niêm, luật, đối, bất vần xong bỏ lửng, lười biếng gieo vần tiếp,...Cứ thế, rồi bài lục bát bốn câu cũng gọi được là "tứ



tuyệt”! Thể hài cú cũng được dùng đến. Thơ Mới hình như được nhiều người làm thơ theo nhiều nhất \*. Một trong những lý do là Thơ Mới vẫn ở trong truyền thống vần và điệu, nên dễ nhớ, dễ liên tưởng, từ đó nhập vào văn hóa người đọc, được yêu thích và ... ăn theo! Thêm hiện tượng thơ của thời marketing và business đua nhau phổ nhạc khiến có những tập thơ biến thành nửa thơ nửa nhạc. Tắc trách ở đây là việc phổ nhạc trở nên thương mại, loè người đọc, chứ không hẳn đã vì thơ hay nên được nhạc sĩ trân trọng chiếu cố phổ nhạc như những thời trước.

Sự kiện thơ xuất bản nhiều thi tập, tuyển tập không có nghĩa là độc giả người Việt thích thơ, cũng không có nghĩa hưởng về cội nguồn, dân tộc! Dù ở tiền đề, thơ khác văn xuôi ở hình thức, nhưng thơ hôm nay lại chuộng hình thức tân kỳ, quá khai thác tình cảm thành ra ủy mị, êm ái quá thành nhàm thường, thiếu những khai phá về tư duy, nội dung,... là những thứ khiến thi ca thành hiện tượng, đánh dấu bóng dáng thời đại, gây được sự chú ý. Thi ca Việt Nam thế kỷ qua đã đi từ lãng mạn, tượng trưng, siêu thực, rồi tự do, hậu hiện đại, Tân Hình thức, thơ cụ thể, dục tình, ... và như ngập ngừng ở tính dân tộc ở cuối thế kỷ. Cái đẹp, cái đạt trong thơ ngừng ở hình thức, nhạc tính, âm điệu hay cần phải bao gồm cảm hứng và triết lý, tư duy? Ca dao, Kinh Thi, rồi thơ cổ phong, Thơ Mới, thơ tự do, Tân hình thức,... niêm, luật, đối, số chữ trong câu, 4 câu, 8 câu hay trường thi. Thơ tự do từng được Nguyên Sa xem là thơ phá thể, mà phá thể thì cổ phong cũng là phá thể, như bài *Tình Già* của Phan Khôi, dù bài này được xem như khởi đầu cho Thơ Mới! Thơ vẫn hay không vẫn có lẽ không quan trọng, kỹ thuật mới cũ hình như cũng không phải là quan trọng hàng đầu. Cái chính nói cho cùng là ở cú pháp toàn diện của thi bản, là ở ngôn từ có chất thơ không, có âm hưởng gì không, cho hôm nay và ngàn sau.

Mặc cảm hậu thuộc địa/thực dân khiến người ta hô hào phải



giữ Việt tính, không lai căng! Ở đây người làm thơ có cái nhìn thi ca lạc hậu, co rút lại trong sự sợ hãi! Tâm lý nhà quê, không tin những gì văn minh nhất là của người trên xứ người, hàng càng cũ càng có chất lượng cao trong cảm nhận nhà quê bảo thủ này. Khởi từ nguy tín về chính trị, trốn mình trong những cái gọi là truyền thống, cố hữu, phe ta - kẻ nào không theo ta là kẻ thù ta, ... để khước từ cái mới, cái hiện đại, cập nhật hơn – khi nhắc nhở những biến cố lịch sử Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX... Nguy tín văn hóa đưa đến nguy tín trong cách thể làm văn chương, sử dụng thể loại, chủ nghĩa người nhưng vẫn muốn giữ hồn Việt, từ đó chủ trương vừa "hiện đại" vừa đậm đà tính dân tộc! Nép mình trong văn hóa á đông trọng hiền, cầu danh, đưa đến hiện tượng hồi ký, lộng giả thành chân và vô tình nhận chịu ảnh hưởng những người "ngoại đạo" không làm văn chương và cũng đưa đến nguy luận "chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài"!

Nhà thơ hôm nay, tức đầu thế kỷ XXI vẫn đi tìm tính thơ, tìm nguyên lý thi ca, định nghĩa lại thi ca, một cách tiếp thừa thi ca, tư duy bằng hành cử thi ca, nhưng trong viễn tượng mới, không gian văn hóa khác. Hiện đại hóa là qua đường, nhà thơ hôm nay trở thành kẻ qua đường. Có kẻ qua đường gây dựng nổi cơ đồ thi ca, nhưng có người rồi ra vẫn chưa đến bến. Có người nhờ kỹ thuật thể hiện, cho nội dung mới vào ngôn ngữ thơ mà trở nên thơ hơn, được đón nhận hơn, dù bước đầu có thể đi lại trên con đường người trước như Thơ Mới có người làm theo nhưng với ngôn ngữ, ý tình hôm nay, ngữ điệu độc đáo riêng, tạo bản sắc, có thi tính riêng... Nói thơ tình yêu chưa chắc thời nào cũng như nhau là do lẽ đó. Có thời trang thành một (mode) lâu dài, có khi lại chỉ là đồ chưng xa xỉ không cầm cự được với thời gian! Lý luận cho lắm rồi lại, văn chương là ở



cách thể hiện. Thẩm mỹ học mới, ý thức mới quan trọng, vì chính ý thức sáng tạo có mới, có độc đáo, khác biệt, riêng tư,... thì kỹ thuật, ngữ điệu, ngôn từ, hồn thơ mới cất cánh bay lên được. Với người Việt làm thơ, thiển nghĩ phải rời quá khứ, phải ra khỏi mọi trường phái, thời thượng,... thì ca mới bay bổng và mới có mới. Nếu cứ nhập nhằng truyền thống, quá khứ, núp bóng, theo lối mòn, ăn theo, ...thì lại quy hồi, trở lại điểm khởi hành mất! Phải tự tin và tự túc, tự hình thành!

Vũ trụ thơ là một vũ trụ con chữ, sử dụng với mỹ học khiến thơ hay. Ngôn ngữ có những ký hiệu ước định của nó. Có ngôn ngữ mới có văn chương, nhờ hư cấu, sáng tạo mà ngôn ngữ trở nên văn chương và ngôn ngữ đó đến được với người khác, với ký hiệu ước định của ngôn ngữ thơ! Thật vậy, tổ chức ngôn ngữ tạo nên thi-tính, tức, thơ có cách tổ chức ngôn ngữ riêng. Thơ cũ được tổ chức để dễ nhớ, thơ mới không hẳn vậy, vì chỉ cốt tạo ấn tượng cho hợp mỹ học thời đại. Dù sao thì ngôn ngữ thi ca phải/nên mang chức năng thi pháp!

Thi ca như một nhất trí không thể tách bạch, tôi nghĩ nên lắng mình để đón nhận và cảm thơ. Và vai trò, vị trí của người thưởng thức thơ nếu có cũng phải "cách tân", thay đổi theo thời đại. Vả lại, khi nói thơ hôm nay là nói đến thơ đang hình thành. Thơ luôn ở tiếng nói của con người sử dụng nó trong thời gian và không gian. Tóm lại, thơ phải hay. Khi tự thi bản thơ là một vũ trụ, một khối tự lập hình thành từ nhiều cấu trúc, yếu tố, và một khi đã thành, trở nên một ngôn ngữ riêng biệt! Thi bản / văn bản (texte) phân phối lại ngôn ngữ (écriture), nhưng ngôn ngữ cũng phân phối lại văn bản. Những câu lục bát bị cắt, ngắt câu, xuống hàng (có thể gọi là lục bát biến hình, khác với biến thể?) v.v. đến với người thưởng thức như một văn bản mới và như một ngôn ngữ thơ mới, khác – những vẫn là thể lục bát! Thơ có cần hình thức để dễ nhận diện không, đó là lý do tại sao Tân hình thức vẫn giữ hình thức Thơ Mới (cũng mỗi khổ có



bốn câu, mỗi câu có bảy chữ; nhiều bài Tân hình thức là Thơ Mới, chỉ biến hình ở chỗ ngắt câu, sang dòng...) Tại sao phải rập theo hình thức Thơ Mới, mà còn gọi là Tân ? Nhưng theo tôi hình thức thơ chưa đủ, đã là thơ thì phải có tính thơ (poétique); có thì tính thơ mới đạt được cảm xúc, có cảm xúc mới đi đến vấn đề khái niệm hóa và từ đó mới có lý thuyết, lý luận thi ca! Thơ là để cảm (người khác), đánh động tâm linh, tâm thức. Sáng tạo trong thơ là tác động cá nhân, riêng tư, nhưng một khi đăng báo, xuất bản, thơ đã mang ý nghĩa xã hội, văn hóa rồi - trước khi trở thành một lý thuyết, trường phái. Phải canh tân thi ca với ý thức mới! Cách tân, làm mới, phải có ý thức mỹ học trước rồi đưa đến tiêu hóa sau mới ra đời thành nghệ thuật.

#### Chú thích :

Chúng tôi không dịch thơ trích dẫn, hoặc để hiểu như bài của G. Vigneault, hoặc do tính đa nghĩa, cấu trúc ngôn ngữ và kỹ thuật cách tân, thành thử dịch sẽ là diệt.

\* X. "Bàn tròn : tại sao ngày nay Thơ Tiền Chiến vẫn chiếm thế thượng phong?" Tạp chí liên mạng *Văn Nghệ Ngàn Phương* 112, 1-10-2001.

### PHỤ LỤC

GILLES VIGNEAULT (sinh 1928 Natashquan , Côte-Nord)  
*balise*

*à Roland Pichet*

Le travail de ne point mourir  
À perte de vue et de peine  
Occupe l'heure et la semaine  
Et retient le coeur de courir

L'horizon s'essaie et s'efface  
Au beau milieu de ce non-lieu  
Où voyage silencieux  
Le Temps qui passe pour l'Espace

*c h ủ đ ề 1 2 / 1 8 4*



J'entends tous les bruits qui se turent  
Et des chevaux et des voitures  
Et les pas de cent mille hivers

Vêtu de gris dur comme fer  
Je mesure m'use et je me dure  
Je fus jadis un arbre vert

*(À l'encre blanche)*

LUCIEN FRANCOEUR (sinh 1948, Montréal)

## **AU COIN DU HOT DOG**

AGENCE DE RENCONTRES

## **OFFREZ-VOUS UN BOUQUET DE COULEURS...**

*Fabriqué pour durer toute la vie*

**GRATIS**

un  
**TROUSSEAU**  
aussi beau  
que votre  
avenir

MUSIQUE WESTERN, ET POPULAIRE

## **LIQUEURS DOUCES**

FAUX CILS DE COULEURS

**PLASTIQUE ONDULÉ**

**TRICOTS D'ÉTÉ**

NAIADE — TURLUTUTU

BIKINI — HOT PANTS

MATELAS "SUPRÊME"

**BOTTES WESTERN**

**SOUPE AUX**

**CHAMPIGNONS**

Fruits de mer

**CADILLAC**

DECAPOTABLE

"HUILE DE  
CHARME"

"EMBELLIR VOTRE CUISINE C'EST NOTRE AFFAIRE"

*(Les Grands Spectacles)*



# SỬ MẶC

*nguyễn trung hồi –*  
*“ trong mê cung ” / ngoài mê lộ*

*Sau đây là cuộc đàm thoại về hiện tình văn học hải ngoại giữa Sử Mặc, tức nhà thơ Hoàng Xuân Sơn của Diễn đàn Văn Nghệ Ngân Phương và Nguyễn Trung Hồi, người điều hành Giai phẩm Chủ Đề, ngày 13/11/2002.*

1/ SỬ MẶC (SM): *Chào nhà văn Nguyễn Trung Hồi!*

- NGUYỄN TRUNG HỐI (NTH): *Chào anh Sử Mặc! Chào quý bạn đọc thân mến!*

2/ SM: *Một người nào đó (khuyết danh) đã nói : “Sống đời lưu vong là bước vào mê lộ . . . ”*

*Nguyễn Trung Hồi là nhà văn lưu vong với tác phẩm đầu tay Trong Mê Cung. Anh có nghĩ là anh đang ở giữa mê lộ không?*

- NTH: *Tôi đã đọc nhiều bài phỏng vấn của anh trên Mạng. Không ngờ nhà thơ cũng chuyển nghề khéo léo khi cần “bước móc” bí mật của người ta! Đùa tí thôi, xin anh đừng giận!*

*Tôi lỡ in Trong Mê Cung năm 1999, cuốn này đáng lẽ không nên có, nên tôi đã “đem nó bỏ chợ” rồi, khi trả lời*



phỏng vấn của chị Tường Vi trên Diễn đàn *Văn Nghệ Ngàn Phương* tôi cũng đã nói thế. Bây giờ thì tôi hối hận là có lỗi với nhà thơ Trần Hồng Châu và nhà văn Nguyễn Mộng Giác khi yêu cầu họ viết tựa và bạt cho cuốn sách. Nếu nó được kể là một “tác phẩm” thì tiền làm 11 số *Chủ Đề (CD)*, tôi đã in thêm 11 “tác phẩm” kiểu ấy rồi. Tôi viết chuyện tưởng tượng để đọc giả dễ tính đọc giải buồn thì nhanh lắm. Nhưng trong *CD* 1975 và *CD* số 1-Mùa Xuân 2000, tôi không viết như thế. *Mê cung* của tôi là xã hội lưu vong, và những nhân vật đều là những con người lưu vong. Tất nhiên là tôi cũng ở trong số đó. Nhưng tôi đi vào mê cung với sự chuẩn bị tinh thần khá kỹ càng. Tôi vượt biên mấy lần thất bại, cuối cùng lại ra đi trong vòng trật tự! Khi được gọi phỏng vấn, nhiều bạn bè can gián. Có người bảo: “Đi bây giờ chậm rồi, người ta đang lục tục trở về, đi làm gì?” Có người hiểu mình hơn, thương tình nói: “Mày là típ người trên cung trăng(?). Tao đã du học ở Mỹ, tao biết xã hội vật chất của Mỹ không hợp với mày đâu. Đừng đi! Có đi rồi cũng về thôi!” Trong mê cung của lưu vong, tôi cũng là “quái thú”, nhưng không là quái thú như những quái thú khác, là nhờ sự can gián đó, nên tôi không cảm thấy lạc lõng, hoang mang và dị ứng với cái mới. Anh Khánh Trường, người mà tôi rất quý, nói với anh Hoàng Ngọc-Tuấn khi tôi bày tỏ quan niệm thơ của *Chủ Đề* (không phải là quan niệm của cá nhân tôi): “Coi NTH muốn thế thiên hành đạo mà kinh!” Có thể đó là một “tính cách quái thú” của tôi. Chính anh cũng đã từng cự nự khi *CD* từ năm 2001, không đăng thơ lục bát và thơ vần điệu (“thơ mới”) nữa, mặc dầu tôi từng nói “lục bát phải như thơ của Hoàng Xuân Sơn”.

3/ SM : *CD* xuất hiện từ trước 75 ở trong nước và tục bản ở hải ngoại. Anh có thể nói qua sự hình thành và đời sống của tập san *CD* giai đoạn trước. Và những điểm khác biệt về chủ trương, đường hướng, nhân sự v.v...so với giai đoạn tái tục bản?



- NTH: Câu hỏi này tôi đã trả lời chị Minh Nguyệt khi phỏng vấn cho đài Radio Australia trong chương trình phát thanh về Việt Nam ngày 20.8.2000 rồi (CD số 6 – Mùa Hạ 2001).  
Đại khái: CD 75 được nhà tổng phát hành Nam Cường bảo trợ, nên vấn đề nhuận bút có thể nói là “ngon lành”. Thời ấy, trong khi Viên Linh (*Thời Tập*), Nguyễn Đình Vượng (*Văn*) trả một bài (tiểu luận hay truyện ngắn) cho những nhà văn gạo cội cỡ Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyễn Đình Toàn, v.v... ba ngàn đồng, thì CD trả tám ngàn. Một bài thơ: năm ngàn. Tôi còn nhớ anh Ngy Cao Uyên, khi gặp nhau ở Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, cầm 5 ngàn tôi trao, cười lớn: “Ha ha! Thơ mà cũng có nhuận bút! Thôi, mời tất cả anh em ta ra Thanh Thế làm một châu...” Nhưng vấn đề không phải là nhuận bút, mà CD lúc bấy giờ có một nhóm “đồng chí” đang mạn mà với cái mới, là nhóm “Tiểu thuyết mới” Việt Nam với Nguyễn Nhật Duật, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Đình Toàn, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Xuân Hoàng, v.v... Số ra mắt, tiểu luận và truyện thì tốt, nhưng thơ vẫn còn là thơ “cũ”! Bây giờ, sau 25 năm, biết bao nhiêu là vật đổi sao dời; chủ trương, đường hướng thì vẫn vậy, nhưng nhân sự khác nhiều. Ai cũng tưởng ra nước ngoài thì có nhiều điều kiện thuận lợi hơn, nhưng nói như chị Phạm Thị Hoài, “nhà văn hải ngoại viết bằng bụng chứ không viết bằng đầu... văn học hải ngoại không thiếu Việt Nam mà thiếu thế giới...” Nói rõ ra là họ chỉ viết mà không bao giờ đọc, như tôi đã viết trong một bài nào đó, là như xe không xăng, máy không điện... làm sao “chạy” cho được? Thậm chí một công trình biên khảo hiếm quý như cuốn *Văn Học Hiện Đại và Hậu Hiện Đại qua Thực Tiễn Sáng Tác và Góc Nhìn Lý Thuyết* của Hoàng Ngọc-Tuấn do nhà Văn Nghệ xuất bản, trong mục “Giới thiệu sách mới” của báo *Văn Học (VH)*, không hiểu chủ bút Nguyễn Mộng Giác để ai viết, không ký tên, đã có những dòng: “...sách đòi hỏi người đọc phải có trình độ cao, ít ra phải là những người đang theo học



văn chương tại các đại học Âu Mỹ hiện nay mới có thể chia sẻ các ý kiến của tác giả, bạn đọc lớp trước hoàn toàn xa lạ với những tên tuổi dẫn chứng trong sách, chắc chắn là khó lòng tiếp cận hơn giới trí thức trẻ. Mà những bạn đọc trẻ đủ sức đọc sách này cũng không bao nhiêu! Biết thế nhưng Hoàng Ngọc-Tuấn vẫn kiên trì nghiên cứu chủ đề...” (VH 194, 6/2002). Thật đáng tiếc cho tờ báo là cơ quan “nhận định văn nghệ”! Tôi dám nói, người viết mấy dòng ấy chưa từng đọc HN-T và đọc hết cuốn sách ấy nên không nhận thấy rằng trong vòng 100 năm nay, HN-T là một vốn quý khó tìm của văn học VN và trước mắt là không thấy mấy dòng “giới thiệu” sau đây của Nguyễn Hưng Quốc: “Viết về đề tài gì, bao giờ Hoàng Ngọc-Tuấn cũng lục tung cả thư viện lên để đi đến ngọn ngành của từng vấn đề. Bao giờ anh cũng chi li và cũng rạch ròi. *Tôi biết, đọc anh, không ít độc giả cảm thấy mệt mỏi. Tuy nhiên, với những độc giả kiên nhẫn chịu theo anh đến cùng, tôi tin chắc là phần thưởng họ nhận được sẽ rất lớn lao: đó là những kiến thức mới mẻ và những nhận xét sắc sảo họ không dễ gì tìm được ở những tác giả khác*” [tôi viết chữ nghiêng để nhấn mạnh]. Vậy thì người viết mục giới thiệu [nếu sách dở thì đừng nên “giới thiệu”] cần đọc cuốn sách ấy, để lần sau có gặp mấy cái tên như Nishiwaki Junzaburo, Dan Graham, Cristina Peri Rossi, Donald Barthelme, v.v...thì không thấy là “hoàn toàn xa lạ” nữa! Dài dòng với anh là chỉ để muốn nói rằng: *CD* thiếu người viết có trình độ, thiếu “đồng chí”. “Nhà văn” thì nhiều, nhưng có “đọc” thì không mấy. Đó là chưa nói là đọc tiếng Tây, tiếng U!

4/SM : *CD* tục bản ở hải ngoại đã qua được 11 số . Cái gì cần thiết để tiếp hơi và nuôi dưỡng tờ báo ?

- NTH : *Người viết*, anh ạ! Anh Nguyễn Xuân Hoàng, trong một bài phỏng vấn của Sử Mặc cũng trên *VNNP*, có nói rất



đúng :”Không có người viết thì làm sao có báo?” Như tôi đã nói “CD thiếu đồng chí”, tức là những người viết có tài (có tâm mà không có tài, thì không làm được “nàng Kiều” nữa chứ đừng nói là viết văn) và có khát vọng muốn làm mới văn học. Đến nay, về thơ của CD tạm ổn, là do anh em thương mình lắm, không cho rằng “hắn” muốn làm “thái thượng hoàng văn nghệ” (chữ của Đức Phổ), mà chỉ vì ngắc, tha thiết quá với cái mới mà thôi, cho nên khi hắn đề nghị edit? OK! Viết bài khác? OK! Trước đây Phạm Ngọc bảo “NTH không biết thơ”, nay thì bảo “Cứ gửi đi, đăng hay không NTH cho biết liền!” Khi cầm lên một tờ báo mới, lúc nào tôi cũng đọc thơ trước tiên, kể cả báo trong nước, nhất là báo xuân, nhưng các cụ ăn lương biên chế, nhuận bút được trả theo vai vế lão làng, thế mà bốn năm năm nay không tìm thấy một bài thơ hay, dù chỉ có 4 câu cho 365 ngày! Cho nên thật cảm động khi thấy các bạn thơ của CD, làm lục bát và “thơ mới” vẫn rất ngon lành trên các báo khác, mình đọc thấy thích lắm nhưng, như anh nói đó, lỡ gửi cho CD là như “đưa con vô nội”!

*5/SM : Gần đây, nhiều người nhận thấy có sự “chộn rộn” trên các diễn đàn văn học VN tại hải ngoại : Tờ Việt ở Úc châu tự ý bức tử . Tờ Hợp Lưu rục rịch thay đổi chủ (biên). Phố Văn chưa biết đi về đâu? Tạp chí Thơ ì xèo về tài chánh. Thư Quán Bản Thảo ra lò được 8 tập nhưng chỉ phổ biến hạn chế. Tờ Văn có nhích lên trong lúc Văn Học có vẻ dậm chân tại chỗ. Hương Văn bình bình. Thế Kỷ 21 ngày càng thiên về chính trị v.v... và v.v... Tình hình sinh hoạt báo chí văn nghệ nói chung có vẻ nghiêng về độ dốc hơn là chiều đi lên. Thậm chí có người còn cho rằng hoạt động báo chí văn học nghệ thuật VN tại hải ngoại đang trên đà tuột dốc thê thảm.*

*Nhà văn nghĩ sao ? và số phận CD như thế nào trong tình trạng không mấy khả quan này ?*



- NTH : Xin anh đừng gọi là “nhà văn” nữa! Lâu ngày gặp nhau, anh em có dịp tâm sự là khoái rồi. Danh xưng “nhà văn” lạm phát quá rồi. Vừa gặp Huỳnh Phan Anh ở San Jose, anh gọi mình là “nhà báo”. Hỏi tại sao thì anh nói ”là nói láo ăn tiền!” Là vì có chị Vivian ngồi đó, mình lỡ miệng “tố khổ” chuyện xưa của Nguyễn Xuân Hoàng, Huỳnh Phan Anh tế nhị đã đỡ lời cho... Về tờ *Việt*, tuy đã nghe anh Nguyễn Hưng Quốc báo trước, nhưng vẫn hy vọng không đến nỗi nào, vì tin tưởng rằng các anh có đầy đủ khả năng về kiến thức cũng như tài chánh, lại nghe nói chính phủ Úc có chương trình trợ giúp cho những hoạt động văn nghệ đa văn hóa. Nên vẫn hy vọng và hy vọng... Nhưng khi nhận được thông báo chính thức của anh ấy thì ngỡ ngàng và tiếc lắm. *Việt* là tờ tạp chí tiên phong rất cần thiết cho văn học Việt Nam muốn bước ra thế giới, không những ở trong nước (vốn bị bùng bít) mà còn cần cho những nhà văn ở hải ngoại cần mở rộng kiến thức. Mất *Việt* là một bất hạnh cho văn học VN! *Hợp Lưu* dù có thay đổi chủ biên hay không thì cũng không kéo lại được như “cái thời” của nó 12 năm trước đây dù hai anh Phùng Nguyễn và Đặng Hiền không thiếu tài: đó là thời kỳ lực lượng nhà văn vừa hùng hậu, vừa hăng hái, vừa có tài; độc giả thì yêu tiếng mẹ và ham chuộng cái mới lạ. Bây giờ thì nhà văn đa số chán nản, lười biếng, người viết mới thì kém tài; nhà văn trong nước thì vừa tẻ, vừa có tác phẩm bán đầy ở các nhà sách hải ngoại, muốn của lạ, độc giả không cần phải đọc báo. Chưa nói, nhà văn trong nước hiện nay, còn một khoảng cách với Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương trước kia, kể cả bản thân hai người ấy nữa. Tạp chí *Thơ* chỉ dành cho nhà thơ đọc, độc giả thuần túy chắc là không có mấy; nhưng bất họ vừa làm thơ, vừa phải mua báo, e khó, vì nhà thơ thường nghèo! *CD* biểu cho tác giả có bài viết 2, 3 cuốn, có khi hàng chục (tha hồ tặng bạn bè) mà còn không ai thèm viết nữa là! *Văn* hợp hai số làm một rất hay, vừa đỡ căng thẳng ( khi anh Nguyễn Xuân Hoàng còn



phải lo cho tờ *Việt/Mer*), vừa bớt được tiền cước phí và đỡ mệt cho chị Vivian ngồi bõ bì, dán nhãn (có làm báo mới biết việc này là mệt nhất!) *VH* không phải dậm chân tại chỗ mà đang xuống, tôi muốn nói về mặt bài vở. Thư tòa soạn (editorial) một tờ báo văn học không hiểu sao lại vinh danh tướng VC Trần Độ, làm như ông ta là Imre Kertész, “đã cầm bút gìn giữ những kinh nghiệm mong manh của một cá nhân, và chống lại chế độ dã man của nhân loại” vậy! Nhiều bài thơ, truyện ký trong *VH* không có giá trị văn học. Đây là tình trạng chung: vì thiếu bài nên các báo không đặt vấn đề chọn lọc...

*CD* sẽ đóng cửa khi không có người viết. Kiểu bạ đâu xâu đấy, bài cỡ nào cũng đăng cho đủ số trang thì không còn là *CD* nữa! Một số cây bút chủ lực đã good-bye *CD* : Nguyễn Quốc Trụ sau khi về nước, trở lại bảo từ rày không viết cho *CD* nữa, còn dặn kỹ “phiền anh đừng gửi báo tặng tôi nữa!” Nguyễn Vĩnh Long viết được cả truyện lẫn luận văn, được nhiều bạn bè khen, nay thì mê phiêu bạt giang hồ, bỏ cả laptop. Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc-Tuấn không có thì giờ viết cho *Việt*, làm sao viết cho *CD* đây? Nhiều anh chị có tài nhưng chỉ muốn bước theo lối mòn... Từ số 12 (Mùa Đông 2002), *CD* theo tôn chỉ, bắt đầu đổi mới văn xuôi. Nói như A. Robbe-Grillet là viết “một cách không đang hoàng”, tức là không viết theo truyện/chuyện truyền thống nữa. Tất cả chỉ là thử nghiệm, có thể giống giống một ai đó, Faulkner hay Simon, chẳng hạn. Nhưng không sao, tài trí đầy mình như vợ chồng Sartre còn thẳng thừng nói rõ là họ đã bắt chước lối viết của Dos Passos nữa là. Chính vì vậy, *CD* sẽ vắng thêm một số nhà văn thử cựa, không muốn tìm lối viết mới... Còn *số phận*? - không thành vấn đề! Khi ra một tờ báo như tờ *CD*, tôi đã không nghĩ đến chuyện buôn bán vì biết đa số độc giả chỉ thích đọc loại văn chương dễ dàng để giải trí. Cho nên chỉ trông mong ở mình, tự lực cánh sinh và ở quý vị Mạnh Thường Quân, quý độc giả dài hạn, những người tri kỷ, tri âm, biết



nhìn xa, trông rộng, thấy con đường đi của CD như “đường vào đất Thục”, nhưng đúng và cần thiết, nên ủng hộ hết mình. Do đó, báo bán qua đường bưu điện là chính, dù bưu điện Mỹ tăng cước phí liên miên, nhưng “nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ”... Ở đây, xin phép anh Sử Mặc và bạn đọc, CD trả lời chung cho quý độc giả dài hạn; EBSCO Industries, Inc.; các trường đại học và các thư viện ở Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, v.v... hỏi về giá báo năm 2003: *Giá báo Chủ Đề năm 2003 không thay đổi, tính chung cả cước phí.* Anh Nguyễn Mộng Giác có nói là nên đặt bán ở các nhà sách. Nhưng sự thật, CD khó bán hơn VH, vì VH chỉ bán 4, 5 đồng, CD bán 9, 10 đồng (nếu còn tính thêm thuế). Hơn nữa, gửi nhà sách có bán được mấy cuốn đâu?

6/SM : *Anh có thấy đã và đang có tình trạng lão hóa trong giới viết lách VN ở hải ngoại như có người đã hô hoán? Có phải là nguồn cảm hứng của các cộng tác viên thân hữu đã dần dà cạn kiệt nên ít tờ báo có bài hay?*

- NTH : Theo tôi, tình trạng lão hóa không nên kể theo tuổi tác. Thiếu gì những nhà văn thế giới nổi tiếng khi viết tác phẩm ở tuổi 80, 90, mà nhân loại phải ngả nón? Còn các “cụ” ta một khi đã có một chút danh (hảo), là liệng luôn cái đầu đi, rồi cứ thế mà “viết bằng bụng”, thì dù có làm thơ khóc bạn chỉ có mấy câu thôi, tôi nghĩ ông bạn nằm dưới ba thước đất cũng dám chửi thề như Mai Thảo (vốn người rất hiền) đã chửi khi còn sống lắm! Lão hóa phải nói là cái tinh thần khư khư thủ cựu, dị ứng với cái mới, đến nỗi Cristina Peri Rossi, Donald Barthelme... mà cũng cảm thấy xa lạ! Hoặc chỉ nên nói chuyện ấy khi đề cập đến các nhà văn trong nước. Các cụ lão làng như Tô Hoài và Nguyễn Đình Thi mà “ca dao” bảo là “chỉ đi nước ngoài, kinh tế không đi”, tiếng Tây, tiếng U đọc thông viết thạo đấy, (NĐT từng nghiên cứu triết học trước 1945) nhưng thử hỏi các cụ mỗi lần đi Tây về, trong hành



trang có những gì? Mùa Thu hàng năm, văn học Pháp nở rộ những bông hoa mới để tranh các giải văn học, các nhà văn ta thường trú hay du lịch ở Paris, có đọc không? *Nguồn cảm hứng cạn kiệt* là đúng. Au Dương Tu có nói: "Muốn văn chương hay phải chăm đọc sách; đọc sách nhiều, làm văn nhiều thì tự nhiên văn hay. Ở đời chưa có ai ít học hỏi, biếng nhác làm văn, mà nổi tiếng văn hay!" Tô Đông Pha cũng nói: "Cách làm văn phải sao cho thấy khí tượng cao sang; màu sắc rực rỡ; càng già càng chín..." Như vậy, "lão hóa" là văn chương cần cỗi, sáo mòn, cổ lỗ; chứ không hẳn là văn chương của những cây bút lớn tuổi như có người đã hô hoán.

*7/SM : CD có ngại đăng bài của các tác giả trong nước không ? Anh có nhận định gì về bài vở của các cây bút nội địa đã được đăng tải ?*

- NTH : CD không chủ trương hợp lưu, nhưng không ngại đăng bài của các tác giả trong nước, nếu là hay. Như trước đây chúng ta đã dịch hay viết về Marx, Pasternak, Solzhenitzyn, Kundera, Hữu Loan, Quang Dũng, Cao Hành Kiện, v.v... Có một số nhà văn trẻ mà Hội nhà văn trong nước cho là "đồ điên" lại là những cây bút rất cách tân như Bùi Hoàng Việt, Trần Tiến Dũng, Nguyễn Quốc Chánh, ...tôi rất thích. Nhưng, bài đả kích thơ tân hình thức gần đây là một kinh nghiệm cho ai ưa lót đường cho những kẻ có máu "nô lệ của thế gian"!... Sống với văn nghệ chỉ huy, nhà văn nội địa quen viết như một cái máy. Khi được tự do lại thấy hụt hẫng, không biết phải viết thế nào. Lại ít tiếp cận với quốc tế nên văn chương đâm ra tắc tị, yếu kém hơn nhiều cây bút trẻ ngoài nước.\* Tôi nghĩ, chính sự hiện diện của các bài yếu kém này trên báo hải ngoại đã làm cho tờ báo xuống cấp và mất độc giả.

*8/SM: Bài xích chủ nghĩa cộng sản phi nhân đã mang thảm*



*họa đến cho nhân loại là lương tâm, là nhiệm vụ của người cầm bút. Nhưng một diễn đàn văn học nếu vụ vào sự việc ấy một cách cực đoan, cứng nhắc có làm tổn thương tính văn nghệ thuần túy không ?*

- NTH : Điều ấy là hiển nhiên rồi. Anh thấy đó, CD đã rút kinh nghiệm.

9/SM : *Có người nói : “Thà làm thơ mới dở còn hơn làm thơ cũ hay!” Theo anh đó có phải là một lời tuyên chiến quyết liệt với cái cũ hay không ?*

- NTH : Tuyên chiến kiểu đó là tự sát hay nói như các nhà lý luận về thơ gần đây là “giết chết thơ”! André Breton có nói: “Thơ là sự cố gắng của bút pháp”. Mà đã cố uốn nắn trau chuốt câu chữ thì làm sao dở cho được? Cho nên thơ trước hết phải hay. CD chủ trương đổi mới, nên không muốn đăng thơ cũ, chứ không phải tôi không thích thơ cũ. Vẫn có những bài thơ cũ (mới làm) rất hay! Còn thơ mới (tự do, tân hình thức) mà dở, CD cũng không chơi...

10/SM: *Khi hô hào đổi mới người ta thường dùng thơ như một chuẩn mực đo lường. Tại sao lại không là văn ?*

- NTH: Có lẽ vì khó và vì không dứt khoát. Vì với văn, một khi đã đổi là không thể trở lại được nữa, Không như thơ: tùy cảm hứng, anh có thể làm thơ tự do để gửi cho CD, nhưng làm thơ lục bát và “thơ mới” thì gửi cho những báo khác. Nhưng, từ số 12, CD đã thử thử nghiệm với văn. Mong anh và độc giả VNNP đón xem.

11/SM : *CD chủ trương không đăng thơ vần điệu, tiêu biểu là thơ lục bát . Theo anh, thơ lục bát từ sau Nguyễn Du có điều gì*



*không ổn? Những nỗ lực muốn làm mới thể thơ này có nên khích lệ hay cứ chôn vùi “tất” vào quá khứ ?*

- NTH : Chủ trương đổi mới, CD không chơi thơ vần điệu, Đường luật, lục bát, song thất, “thơ mới”...Đường luật và “thơ mới” đúng là ảnh hưởng củavăn chương thuộc địa. CD không chơi là phải. Còn lục bát và song thất (thể ngâm) là những thể thơ thuần túy dân tộc, nếu muốn bảo tồn thì dùng, nhưng nên giữ nguyên thể hay biến thể (chữ cuối câu sáu vần với chữ thứ tư của câu tám : Ví dụ: “*Này chuyện con vua Thủy thần/ Thái tử đi tuần đội lốt lý ngư*”) chứ đừng nên “tân hình thức” hóa (cắt khúc làm mỗi dòng chỉ có hai hoặc ba, bốn chữ). Thơ “tân hình thức” cũng thế. Đã gọi là “tân hình thức” mà vẫn chia thành đoạn 4 câu, 3 câu, mỗi câu năm chữ hay bảy chữ! Chưa kể có bài vẫn dùng vần, gián cách, liên hay ôm như “thơ mới”, chỉ khác ở chỗ xuống dòng vô tội vạ! CD ở trong cái thế chẳng đặng đừng nên phải quay mặt với lục bát, cũng như Đường luật, nhưng anh nên nhớ sách đầu giường của mình có *Đường thi nhất thiên thủ* và bộ *Nguyễn Du toàn tập*, kể cả *Huế Buồn Chi* nữa... Lục bát của *Đoạn Trường Tân Thanh* thì khỏi phải bàn, nhưng kiểm thì cũng thấy những câu như thơ Bút Tre vậy. Mình rất thích lục bát của Cung Trầm Tưởng và Hoàng Xuân Sơn. Tại sao người ta không cố gắng làm mới lục bát mà bảo phải chôn vùi nó? Anh thử nghĩ, vào cái thời mà chữ Nôm bị chê là “cha mách qué”, Nguyễn Du phải là con người như thế nào mới dám bỏ công phu viết một trường thiên trên ba nghìn câu lục bát chứ? Tôi vẫn ước mơ có một ngày nào đó đọc được *Hậu Đoạn Trường Tân Thanh*, để thấy hậu sinh khả úy dường nào và để nghe Thúy Kiều tử tế mách Kim Trọng: “Con chàng đánh con chúng ta!”

12/SM : Anh có đồng ý với câu nói: “Lòng đam mê nuôi dưỡng mọi thứ, ngay cả khi mình mất tất cả?”



- NTH : Hì hì! Tôi, cái gì cũng đam mê, nhưng cái gì cũng có thể bỏ được. Tôi đau tim là vì tôi yêu rất nhiều, nhưng lấy được chẳng bao nhiêu! Tôi đam mê bấm máy Casino, đến nỗi tới Montréal lúc nửa đêm cũng lặn lội đi xe điện hầm ra đảo... Sáng ngày trở về thì sạch túi, nghĩa là “mất tất cả”, bụng kêu ò ò đến nỗi cô đầm ngồi bên cũng nghe, anh nghĩ tôi làm sao nuôi cái bao tử lúc bấy giờ? Đùa với anh một chút cho vui thôi. Tôi làm *Giai phẩm Chủ Đề* cho đến một lúc nào đó “lực bất tòng tâm” thì thôi. Có thất bại cũng sẽ không ta thán. Mình chỉ xin làm kẻ lót đường – một con đường không giống ai. Mong rằng có một lúc nào đó mọi người thấy được con đường mà họ đang đi là lối mòn nghèo nàn cũ kỹ từ bao đời nay sau lũy tre xanh bên bờ ao ta mà chịu khó bước chân lên nó...

13/SM : *Qua 11 số báo, dư luận bạn đọc và thân hữu đối với CD như thế nào ?*

- NTH: Được nhiều vị Mạnh Thường Quân bảo trợ, dù có nhiều bài họ bảo “đọc không vô”! Nhưng họ biết rõ thế kỷ này không phải là thế kỷ 19 hay 20, phải có những tờ báo không như những tờ đang có. Nhiều vị lãnh đạo tinh thần, giáo sư đại học, văn hữu ủng hộ âm thầm và luôn luôn khích lệ. Nhiều người bày tỏ là đã học được rất nhiều nhờ đọc CD và nhất là khi gửi tài liệu để order họ viết, họ rất vui sướng vì có nhiều vấn đề mà trước đó họ không nghĩ là bao la như thế. Khi mình bảo cái xu thế chung của văn học cả trong lẫn ngoài nước, là phải lụi tàn, như tôi đã viết trong các bài “Tử lộ của văn học VN”(CD 2, Mùa Hạ 2000); ‘Chuông điệu tang cho văn chương lưu vong’ (CD 10, Mùa Hạ 2002), *Chủ Đề* chắc rồi cũng sẽ phải đi theo *Việt*, nhưng không phải “lên trời” như *Việt* có tham vọng, mà là xuống...địa ngục! Nghe tôi nói thế, nhiều bạn bè la lên, bảo rằng “hình dung một khi *Việt*, rồi *Chủ Đề* vắng bóng trên văn đàn hải ngoại mà hoảng!”



14/SM : *Tác giả nào gợi hứng cho nhà văn NTH nhiều nhất trong cách viết hiện nay?*

-NTH : Trước khi làm tờ CD, tôi viết truyện cho *Văn, Văn Học, Hương Văn, US Viet-Times...* thì tôi đọc tùm lum, thường là loại tiểu thuyết rẻ tiền mà người ta gọi là bestseller, mua ở chợ trời, và coi những phim mới trong TV, để tìm đề tài (viết theo lối truyền thống cổ lỗ – lối “khả độc”). Bây giờ, tôi lo tài liệu cho anh em viết theo chủ đề, nên không chịu ảnh hưởng một cuốn sách hay tác giả nào. Chỉ thấy cuốn sách nào hay, đề tài nào nên viết thì đề nghị anh em viết. Tôi chỉ viết trám chỗ vào giờ chót, cho nên, anh thấy bài của tôi thường không dài và không thừa chút giấy nào, vì tôi viết ngay trên trang đã dàn sẵn.

15/SM : *Anh sợ và ghét cái gì nhất trong đời ?*

- NTH : Thú thật với anh, tôi sợ nhất là khi mình “hát” dở mà không biết là dở và ghét nhất là cái “tôi”... Cho nên anh hỏi thì phải trả lời nhưng tôi ngại há miệng mắc quai lắm. Nếu có gì sơ xuất xin anh và độc giả lượng tình tha thứ!

16/SM: *Cám ơn anh Nguyễn Trung Hối . Chào tái ngộ!*

- NTH: Tạm biệt anh Sử Mặc! Và xin cám ơn quý độc giả thân mến!

SỬ MẶC thực hiện.

Montréal, Mạnh Thu năm Nhâm Ngọ.

\* Chính HNV VN đã nhận xét về hội viên của mình: "Tiếp nhận ít, nghèo nàn về hiểu biết, lại tự thỏa mãn với những thông lệ, không tiếp cận với những khám phá mới mẻ, đặc biệt về mặt lý luận, tầm nhìn, sức nghĩ cạn hẹp, tất nhiên là ảnh hưởng tới sức sáng tạo". (Tạp chí *Nhà Văn*, số 3/2002).



# NGUYỄN NÚI VUA

## đêm hè

Thằng Tây to xác đề,  
con đầm vợ nó làm theo,  
gò bông đảo phủ mặt,  
chết thằng nhỏ tóc đen (*mon petit noir!*) !  
Tôi tỉnh dậy, hoàn hồn,  
người đồng hành tóc đen nháy vẫn nằm bên cạnh,  
kèn nhị tì kéo ngon như TGV nửa đường Lyon!  
Người tình muôn thuở *s'en fout*, cứ ù ơ,  
thùy dương mấy hàng em ngủ ngon,  
có anh đang *panique* đây!  
Một giờ sáng, giấc điệp chối từ trở lại,  
đành khoác áo ngủ mở cửa ra *balcon* nhìn xuống.  
Hà-nội ba mươi sáu phố phường, không.  
Hòn ngọc viễn đông xe mắc cửi, không.  
Cũng không Paris ga đèn vàng không ngủ.  
Lá xào xạc gió đùa.  
Con mèo miao miao vội lẩn qua hàng rào cây khi tiếng xe chột  
ùa đến.  
Xe chạy, không đèn, không ngừng ở stop.  
Từng hai nhà tôi ngồi,  
vô hình, đêm cũng vô, vô hình,  
đen như mực Tàu.



Bầu trời cao, trên kia, ngân-hà đã thành dãy,  
bức tranh không bán đấu giá.  
Một người con gái ăn sương kịch cớm màu áo bấm chuông  
nhà bên kia đường.  
Không ai mở cửa.  
Con mèo vụt trở ra,  
ngồi đó nhìn, trở lại nơi vừa bỏ, hàng rào nhà hàng xóm thứ ba.  
Không ai mở cửa, người đàn bà.  
Nóng đêm hè cởi áo khoác,  
đôi gò bông đảo thấy rõ, 3-D  
bóng in trên lề đường.  
Thằng Tây to xác mở hé cửa,  
con đầm chắc vợ nó lách vô,  
gò bông đảo làm tôi suyển trở lại.  
Người tình muôn thuở hết *s'en fout*,  
đã đứng bên cạnh.  
Thùy dương mấy hàng gió hè cứ nhẹ đưa.  
Căn nhà đối diện treo bảng bán.  
Thằng Tây to xác mất hút.  
Con đầm vợ nó gò bông đảo bóng hết in bên vệ đường.  
*Monsieur Vincent est parti en avion*  
*Il est arrivé à Paris* lúc mấy giờ  
Bài học cũ quên rồi  
Bà đầm đi xích lô uốn giọng bắt lập lại  
Alliance française đầu đường Đồn Đất  
Không nhớ bà đầm có ngực không  
Bữa kia cắt cổ gió bến Bạch đằng thổi khoe đồ (lót?) trắng như  
con cú  
Hôm sau học không vô  
Thằng Tây to xác đứng chặn cửa  
Cua bà đầm hay nhìn con gái indochinoise cau mới tụ  
Biết là *exotique* mà, đôi bên  
Hélène mười lăm tuổi đã biết hàng *exotique*



Qua *bac* Sadec

Thằng Tây to xác che tầm nhìn

Tôi đã nhắm mắt, tưởng ngũ ngon,

*s'en fout* những ai đang dòm xuống bờ đêm.

Ngũ đi tôi, mệt mỏi rồi.

Thiên tọa chữa hết ưu toái.

Balcon đứng hạt tẩn ngũ hành

Sau khi phủ lên người tình thù dương muôn thuở,  
cái phải đến đã không đến!

Bà Vincent đã về

Montréal hoang dại

Và bỏ hết sau lưng

Quá khứ Ba-lê và hòn ngọc viễn đông

(Hélène nhân-vật trong *L'Amant*;

Famille Vincent trong bộ sách Mauger)



# PHẠM VŨ HELGA & NGUYỄN TRUNG HỐI

*thuở ấy ở murna u*

(7)

PHẠM VŨ HELGA

*những người đã chết*

Đoàn tàu đang chạy nhanh bỗng giảm dần tốc độ và ngừng lại. Rồi phòng vệ sinh anh ta bước ra. Những cánh cửa tự động ở các toa đã mở rộng. Trời quang nhưng không có nắng. Không khí có mùi hăng hắc. Trên sân ga có rất nhiều người đang chờ đợi. Anh ta trông thấy ông già đứng trong đám người đó bên cạnh người con gái mà anh ta không bao giờ quên. Không cần phải vội vàng anh ta nhường cho những hành khách khác xuống trước giúp một bà mẹ bế xốc một bé gái khoảng năm tuổi giao cho mẹ nó xong rồi anh ta mới từ từ bước ra. Nhưng hai người đang chờ đón trên sân ga thì hấp tấp chạy lại lúc trông thấy anh ta bước xuống tàu. Anh ta lên tiếng trước:

Chào các đồng... Chào bác! Chào chị!

Ông già nói bằng tiếng Đức: Chúng ta đang là người Thổ mà, nên nói chuyện bằng tiếng Đức đi. Có người đang theo dõi chúng ta đấy. Và hỏi anh đi đường bình yên chứ? Có tên nào bám đuôi không?

*Nein.* Không có vấn đề gì, cảm ơn bác!

Người con gái: Ngoài những báo cáo công tác mà tôi nhận được, lâu nay anh sinh hoạt thế nào? Tiền bạc đủ xài chứ?

*chủ đề 12/202*



Cũng tạm coi là đủ. Như người du lịch vậy. Cám ơn cô đã quan tâm chu đáo!

Anh học ở đâu cái tính cách tư sản khách sáo ấy? Chắc là muốn học làm dân parisien? Nếu có cám ơn thì anh nên cám ơn tổ chức vì tổ chức bao giờ cũng quan tâm đến các nhân viên của mình. Đừng cám ơn tôi.

Ông già nói: Chúng ta vào xe rồi hãy nói chuyện. Cần rời chỗ này ngay. Anh không có hành lý gì nữa chứ?

Chỉ có cái túi đeo lưng này thôi.

Được đấy. Trông anh như sinh viên đi nghỉ hè.

Ba người nhanh chóng tiến ra cửa ga đi đến bãi đậu xe. Người con gái mở cửa chiếc Volkswagen con cóc ngồi trước tay lái. Ông già mở cửa xe lên ngồi ghế sau nhường chỗ bên cạnh cô gái cho anh ta.

Anh cởi cái ba lô quăng ra sau này cho thoải mái. Ông già nói.

Vừa quay lưng trao cái ba lô cho ông già anh ta vừa hỏi nhỏ:

Gabriele lúc này thế nào thưa chú?

Ông già chưa kịp đáp thì cô gái đã lên tiếng: Anh có hỏi gì cứ nói lớn lên không cần phải e dè tôi. Anh không biết lúc đám tang của anh ở München cô ta đã tưởng có thể chết theo anh sao? Tôi mà còn phải xúc động nữa là. Tôi nghĩ nếu anh đã chết thật thì chắc chắn anh cũng không nỡ lòng nào để cô ta đau đớn như thế mà phải phá hòm sống lại thôi!

Nói xong cô mở máy xe nhấn ga cho chạy vùn vụt đi bánh xe nghiêng xuống đường ken két khi quẹo khúc quanh.

Hai người đàn ông bỗng nhiên dâm ra e dè. Mãi một lúc sau ông già mới lên tiếng: Nó vẫn thường. Lúc này nó không còn làm việc cho ông Ullrich nữa nhưng ông ta có bảo trợ cho nó triển lãm tranh hai lần. Lần nào cũng khá thành công.

Cuộc triển lãm nào cũng lấy tên là *Người Kỵ Mã Áo Xanh* như Kandinsky và Münter ngày xưa vậy. Mong anh không vì thế mà... buồn! Cô gái nói chen vào.



Anh ta không nói gì. Không khí trong xe bỗng trở nên ngột ngạt. Anh nhẹ nhàng quay xuống một phần cửa kính xe. Rồi bỗng như nhớ ra điều gì anh ta vội hỏi:

Thế Gabriele đã biết chú là...?

Không. Ông già trả lời. Và sẽ không bao giờ cả. Từ khi vượt ngục khỏi Côn Đảo năm ấy tôi không còn tên là Nguyễn Trung Thứ nữa mà là Phan Nhân tên của đồng chí cùng vượt ngục với tôi đã chết vì bị bệnh lại không đương đầu nổi với mưa bão. Và cái xác chết dưới chân Ma Thiên Lãnh mà bọn lính tìm thấy là xác của Nguyễn Trung Thứ. Tôi cũng không còn tên Bernd nữa. Bây giờ tên tôi là Günter, Günter Grings.

Chú cần gì những cái tên tạm bợ này? Tổ chức chỉ biết chú là B. 52 một biệt danh đã làm cho kẻ thù nào cũng phải khiếp sợ là đủ vinh dự rồi. Cô gái nói.

Nhưng làm sao có thể che mắt được bọn lính canh tù? Không lẽ bọn chúng không biết mặt đồng chí Phan Nhân? Anh ta hỏi.

Tôi đã ngụy trang...Tôi là họa sĩ mà! Tôi đâm nát mặt đồng chí ấy rồi thả trôi gần bờ biển. Máu ở mặt của đồng chí ấy chảy ra sẽ làm cho bọn cá tìm đến tha hồ rúc rĩa khó mà xác nhận là ai... Áo quần thì trước đó tôi đã thay đổi bằng áo quần của tôi.

Cô gái bỗng rùng mình khi nghe người đồng chí đàn anh kể chuyện đâm nát mặt đồng chí mình một cách tỉnh bơ. Một sát thủ có máu lạnh như cô mà còn nổi da gà nữa huống hồ là... Trí cô bỗng nhớ lại cái chết thảm thương của người thanh niên tình cờ bị thay thế cho người đồng chí mà cô thương yêu trước cửa nhà hàng Donisl trên đường Wein ngày nào. Một chiếc xe màu đen chạy vun vút húc báng người thanh niên vào bức tường đá làm vỡ cả đầu mặt... Đó cũng là một "tác phẩm vĩ đại" của ông ta - một người vốn là một nghệ sĩ - một họa sĩ thiên tài! Không ai lạ gì khi ông ta mang bí danh là B.52 tên như tên một máy bay chiến lược của Mỹ.

Có lẽ các đồng chí trách tôi là đã đối xử tàn nhẫn với đồng



chí Phan Nhân? Dù sao thì anh ấy cũng đã chết và tôi thì chỉ muốn hoàn thành nhiệm vụ. Tôi nghĩ đồng chí Phan Nhân có linh thiêng cũng tha thứ cho tôi đã bất đắc dĩ phải làm như thế. Cô gái bỗng hỏi: Tôi không hiểu sao trên đường từ nghĩa trang về nhà Ullrich ngày hôm ấy “máy bay” nước nào to gan dám tấn công cả...B.52?

Là “máy bay” của Ullrich. Ông già đáp.

Ullrich?

Phải. Là cốt để cảnh cáo chúng tôi thôi. Vì hấn biết chiếc Mercedes có trang bị kính chống đạn, sẽ không ai có chuyện gì. Nhất là hôm ấy hấn đã dặn trước tôi phải bảo vệ cho Gabriele... Nhưng sau cái chết của anh tài xế Bückler tôi mới biết vụ tấn công chiếc Mercedes là Ullrich muốn cảnh cáo Bückler.

Cảnh cáo Bückler? Tại sao? Tôi chưa thấy báo cáo nào của đồng chí về anh chàng này? Hấn là người của tổ chức nào? Cũng dấn thân vào vụ bức tranh *Thiếu Nữ và Hoa Huệ Trắng*? Cô gái hỏi.

Ban đầu thì tôi cũng tưởng như thế nhưng không phải. Sau khi Bückler chết tôi điều tra mới biết Bückler là người trong tổ chức buôn ma túy của Ullrich và đồng bọn. Vì vậy tôi phải rời ngay biệt thự *Hoa Huệ Trắng* nếu không cũng sẽ chết vì Ullrich biết rằng tôi đã nghi ngờ hấn.

Ông già vừa nói đến đó thì bỗng nhiên có tiếng súng nổ từ phía sau và đạn bắn vỡ tấm kính ở sau xe và vun vút bay qua đầu ba người.

Chạy mau lên! Ông già hối thúc.

Phía sau là một chiếc *van* Mercedes sơn màu bạc đang đuổi theo. Hai nòng súng hai bên xe chớp lửa liên hồi. Đạn găm chan chát vào chiếc xe Volkswagen con cóc đạn chui vào cửa sau làm vỡ luôn cả tấm kính chắn gió đằng trước. Tiếng đạn và kính vỡ nghe rào rào. Vừa quành qua khúc đường hẹp cô



gái mừng rỡ khi thấy có một chiếc xe vận tải lớn chở thức ăn tươi sống đang chạy phía trước. Tấm bửng phía sau chiếc xe vận tải bỗng nhiên hạ xuống làm thành một cây cầu thế là chiếc Volkswagen lẹ làng leo lên và chỉ trong chớp nhoáng tấm bửng khổng lồ tự động kéo lên che kín phía sau chiếc xe vận tải. Khi chiếc Mercedes queo được qua khúc quanh bọn ngồi trên xe căng rách mắt cũng không nhìn thấy bóng dáng của chiếc Volkswagen con cóc ở đâu nữa trên đường chỉ có một chiếc xe chở rau cải thịt cá khổng lồ và nhiều chiếc xe khác ung dung chạy qua lại.

Gối đầu lên cánh tay của anh ta cô gái nói giọng nói tuy cố gắng cho thật nhẹ nhàng mà vẫn có vẻ ra lệnh như cách nói mọi ngày của cô: Anh không bao giờ được gặp cô ta nữa biết không? Chuyện này không những gây nguy hiểm cho bản thân anh mà còn nguy hiểm cho tổ chức nữa. Anh cần phải biết suy nghĩ.

Anh biết nhưng...

Không nhưng gì hết. Cô ta cũng không bao giờ có thể là người vợ của anh được vì cô ấy không là người cùng chí hướng với anh với chúng ta. Tổ chức nhất định sẽ phản đối. Đó là chưa nói cha mẹ cô ta có chấp nhận anh hay không.

Thấy anh ta mở mắt đăm đăm nhìn lên trần nhà không nói gì nữa cô ta ôm xiết lấy anh ta một bàn tay khế thọc vào trong chăn lần xuống phía dưới thân thể của anh: Bộ anh không thương em sao? Chúng ta như thế này không thích sao?

Anh nằm yên không thấy cảm giác gì mà chỉ nghĩ đến Gabriele. Giờ này em đang ở đâu đang làm gì em có biết rằng anh vẫn sống ở trên đời này không có biết rằng anh đang nghĩ đến em đang nhớ em lắm không? Không có em anh thấy anh sống cũng như đã chết rồi không có tình yêu không có lạc thú không có hạnh phúc không có mục đích không có nhiệm vụ



không có sứ mạng không có lý tưởng nào cả. Con người không còn là con người nữa mà chỉ là một công cụ một con người máy một *Roboter* được điều khiển bởi một guồng máy tập thể bắt yêu phải yêu bắt ghét phải ghét chỉ đâu đánh đó muốn cho sống thì sống muốn cho chết thì chết như anh đã phải làm... Thật đáng sợ khi con người không còn được là người nữa! Một tâm hồn cũng bị đục ruỗng. Một trí não cũng bị nạo đi. Một cái tên cũng bị bóc ra. Một tư duy cũng bị đánh cắp. Đó là cuộc sống hiện nay của anh. Con người sống đồng nghĩa với con người đã chết. Khắp nơi đều là nghĩa trang. Không còn màu xanh trên trái đất này.

Thấy anh vẫn nằm yên cuối cùng cô ta không chịu được liền xỏ ngón tay vào giữa trán anh giọng nói vẻ ra lệnh như cung cách thường ngày của cô ta:

Cấm không được nghĩ vẫn vợ nghe đồng chí! Nhất là cấm không được nghĩ đến con nhỏ đó!

Không chịu được cái giọng nói ấy anh tung chăn ngồi dậy mặc vội quần áo. Cô ta vẫn lờ lờ nằm yên không buồn che đậy đôi vú buông thỏng xuống và phía dưới lưa thưa vài sợi lông.

Anh đi đâu? Bộ chán rồi sao?

Anh không trả lời. Anh có quyền trả lời không có quyền nói không có quyền làm theo ý của mình không? Qua khung cửa kính anh nhìn thấy bầu trời u ám một màu chì dù đã 10 giờ 40 sáng. Những cột đèn tua tua đâm thẳng bầu trời. Những hàng dây điện giăng mắc võng xuống buồn buồn. Những dãy nhà hai bên đường im lìm. Duy ở góc ngã tư gần nhà xe cô vẫn nổi đuôi đàn nhau liên tục. Không nghe một tiếng còi nào. Trên bãi đậu xe phía dưới tòa nhà anh đứng san sát những chiếc xe vô chủ vô hồn. Tất cả hình như đã chết dù là những chiếc xe đang chạy. Đó là một thế giới khác không phải là thế giới của con người.

*Trái đất này không phải là của chúng mình!*

Từ trong tâm tư sâu thẳm anh nghe dấy lên một tiếng hát...



Nếu anh muốn cô ta sống thì đừng tìm cách gặp cô ta!  
Không quay nhìn lại nhưng anh biết cô ta đang ở sau lưng anh  
vẫn để thân thể trần truồng không chút ngượng ngùng.  
Gabriele là cháu nội của ông Thứ cô quên rồi sao?  
Ông Thứ thì sao? Tội làm mất bản danh sách mật tôi còn chưa  
xử lý hơn nữa tôi muốn ai chết thì người đó sẽ không được  
sống!  
Tại sao cô muốn hại cô ta? Cô ta đâu có dính dáng gì đến vụ  
ấy?  
Tại vì tôi yêu anh. Tôi không muốn mất anh!  
Anh cảm thấy làn môi khô cứng của cô ta đang rà rà quanh  
vành tai của anh. Bộ ngực trần mềm nhũn của cô ta đang áp  
vào lưng của anh. Một mùi hương hăng hắc của đất đá và nắng  
gió Trường Sơn của một thời nữ thanh niên xung phong toát ra  
làm anh muốn ngạt thở. Anh thấy mình can đảm hơn:  
Tôi cảnh cáo nếu cô đụng đến cô ta tôi sẽ không tha cô!  
Dùng hết sức mạnh của hai cánh tay cô tay xoay người anh lại  
lõa lồ đối diện với anh rồi nghênh bộ mặt khó thương của cô  
ta lên:  
Anh dám?

Anh chỉ xê dịch bước chân từ từ. Từ chỗ đứng trước bức tranh  
này sang bức tranh khác. Đây là phòng triển lãm của em vào  
ngày cuối cùng. Khách đến xem chỉ còn thưa thớt. Anh đã biết  
tên phòng tranh là *Der blaue Reiter* - Người Kỵ Mã Áo Xanh.  
Cuối cùng rồi anh cũng tìm đến em mặc dù có lệnh cấm cản.  
Tất nhiên là anh đã cải trang rất kỹ. Một ông già Thổ trong  
tấm áo choàng người Kurd. Tóc tai râu ria xồm xoàm. Phòng  
tranh cũng trang trí như phòng tranh của Kandinsky năm 1911  
với tập chỉ dẫn mang hình vẽ năm xưa trên bìa của *Blaue  
Reiter Almanac*. Tất cả tranh của em đều vẽ theo lối trừu  
tượng như tranh của Wassily Kandinsky nhưng anh thích tranh



của em hơn vì chúng có ý thức hơn có chăm chút kỹ lưỡng hơn có bố cục chặt chẽ hơn và màu sắc hài hòa hơn. Anh cũng thấy có một bức tranh mang tên *Der blaue Reiter* sơn dầu trên bố. Khuôn khổ lớn hơn bức tranh ngày xưa của Kandinsky và có nhiều màu xanh hơn là màu vàng. Anh đã thấy rất nhiều bức tranh có ghim bảng “Đã bán”. Cũng có bức đã bị người mua lấy đi chỉ còn trơ lại bức tường trống. Xúc động nhất là anh nhìn thấy có một bức tranh em vẽ anh ta với khuôn mặt đầm máu rạn nứt ra từng mảnh mang tên là *Hồi tưởng* (*Die Erinnerung*). *Trong em vẫn còn có anh phải không em?* Bức tranh cũng đã được để bảng “Đã bán” và người mua chính là Wassily Ullrich.

*Guten Tag! Ich bin Gabriele Nguyen. Freut mich sehr!*

Anh giật mình quay lại. Là em đó sao? Em đang đứng trước mặt anh. Trong một thoáng lúng túng và hoảng hốt anh quên mình đã cải trang vội vàng quay mặt đi. Nhưng lập tức anh nhận thấy ra là mình không đúng và nhất là rất mất lịch sự nên cúi đầu nói lí nhí:

*Guten Tag! Ich bin Mustafa... Ich freue mich, Sie zu sehen.*

Em chăm chú nhìn anh một lát có vẻ ngỡ ngàng hình như em đã nhận ra người quen làm anh càng lúng túng nhưng lúc đó em đã trở bức tranh *Die Erinnerung* mà hỏi:

*Wie geht es dieses Malen?*

*Wie schön! Dein Malen gefällt mir.*

*Danke schön!\**

Em bước đi rồi anh còn thấy mấy lần em quay nhìn lại có lẽ vì anh đang thần thờ đứng mãi trước bức tranh *Hồi tưởng*. Lòng anh bỗng nôn nao bồn chồn và yêu em vô hạn.

Bỗng nghe có hai tiếng súng nổ. Rồi tiếng người la lên. Có những tiếng la vì sợ hãi. Anh thấy em ngã xuống nền nhà. Người ta xúm lại. Anh hoảng hốt muốn chạy ngay đến nhưng thấy có người tung cửa chạy ra đường. Cô ta? Đúng là cô ta rồi. Không suy nghĩ anh tung cửa chạy theo. Cô ta không chạy



ra bãi đậu xe mà chạy về một con đường nhỏ gần đó. Có lẽ xe của cô ta để trên con đường đó. Anh cố sức chạy theo. Khi cô ta chạy đến bên cạnh chiếc xe thì anh đã theo kịp.

Đứng lại!

Một tay nắm chốt cửa một tay chĩa súng về anh cô ta gần giọng:

Là anh?

Vẫn thủ hai tay trong tấm áo choàng anh đáp:

Chính là tôi. Tôi đã cảnh cáo cô mà cô không nghe. Tại sao cô giết Gabriele?

Tại... Tại thế này! Cô ta giương thẳng tay nhắm súng về anh. Trước khi cô ta kịp bóp cò anh đã bắn liền ba phát từ khẩu súng giấu dưới tấm áo choàng. Cô ta ngã xuống nhưng đôi mắt vẫn trừng trừng nhìn anh có lẽ vì ngạc nhiên không hiểu tại sao anh lại dám bắn cô ta. Anh đã cảnh cáo cô ta dám đụng đến em anh sẽ không tha. Nay thì anh đã trả thù cho em rồi đó em yêu dấu! Tiếng còi xe cảnh sát vang lên rất gần. Anh vội biến ngay trước khi bọn Đức đến.

Nó chết là đáng lắm! Cháu tôi mà nó cũng không tha... Đất nước sẽ mất vào tay Trung quốc vì bọn lãnh đạo ngu ngốc và độc đoán này.

Anh ngồi trong xe với ông nội em. Hôm nay anh không thể đến với em vì có công tác đột xuất. Mong em tha thứ cho anh. Anh đi cùng ông nội của em để theo dõi bà mẹ Ullrich vừa về Murnau gặp cô con dâu Anja Lissatcheva người của KGB. Ông đang theo dõi bà cụ bằng chiếc máy ghi âm bí mật đã được cài trong nhà. Chiếc máy phóng thanh ở trong xe được khuếch đại tối đa nên nghe rõ mồm một tiếng của hai người đàn bà đang trò chuyện.

Mạ chưa có dịp hỏi con về Boris. Mạ muốn con nói cho mạ biết Boris đã chết trường hợp như thế nào. Nó cũng là người



tốt. Tiếng của bà cụ vang lên trong máy. Vì ở xa bên ngoài biệt thự nên anh không nhìn thấy bà cụ và cô con dâu ngồi ở đâu trong nhà.

Theo con nghĩ thì Boris chưa chết. Có tiếng Anja nói.

Chưa chết? Mạ không hiểu.

Vâng chưa chết. Đây là một vụ tai nạn mà Boris đã tạo ra để tự giết chết mình hay nói đúng hơn là thủ tiêu cái tên Boris trên cõi đời này. Vì ngoài KGB con biết Boris đã làm việc cho CIA. Boris còn có quốc tịch Mỹ.

Con nói gì mà thật không hiểu.

Theo con nghĩ vụ xe rơi xuống vực thẳm là do Boris dàn cảnh. Lúc đó Boris lái xe. Con còn nhớ là xe không chạy nhanh lắm nên không thể lạc tay lái được. Khi xe vừa rời khỏi mặt đường thì cửa xe bên phía con tự động mở và con bị Boris đập văng ra cho nên không chết. Còn cái tử thi mà công an Việt Nam tìm thấy đã chết cháy ở trong xe không phải là tử thi của Boris.

Tại sao con biết là không phải của Boris?

Cái tử thi đó đã chết trước khi xe cháy. Mặt mũi quần áo thì cháy đen nhưng thân hình của người ấy lại không bị cháy. Do đó con biết là không phải tử thi của Boris.

Tại sao con biết?

Con đã vào nhà xác bệnh viện Long Khánh để xem. Tử thi ấy không phải của Boris vì con biết ở trước ngực của Boris có một vết nám thật lớn hình lưỡi dao và đỏ như máu. Cái tử thi này thì không có... Ở kìa! Mạ! Mạ sao thế? (Còn tiếp)

Kỳ tới: *Mùa thu xanh cuối cùng.*

\* Những câu tiếng Đức, có nghĩa là:

*Chào ông. Tôi là Gabriele Nguyễn. Hân hạnh được gặp ông.*

*Chào cô. Tôi là Mustafa. Tôi rất vui được biết cô.*

*Ông thấy bức tranh này thế nào?*

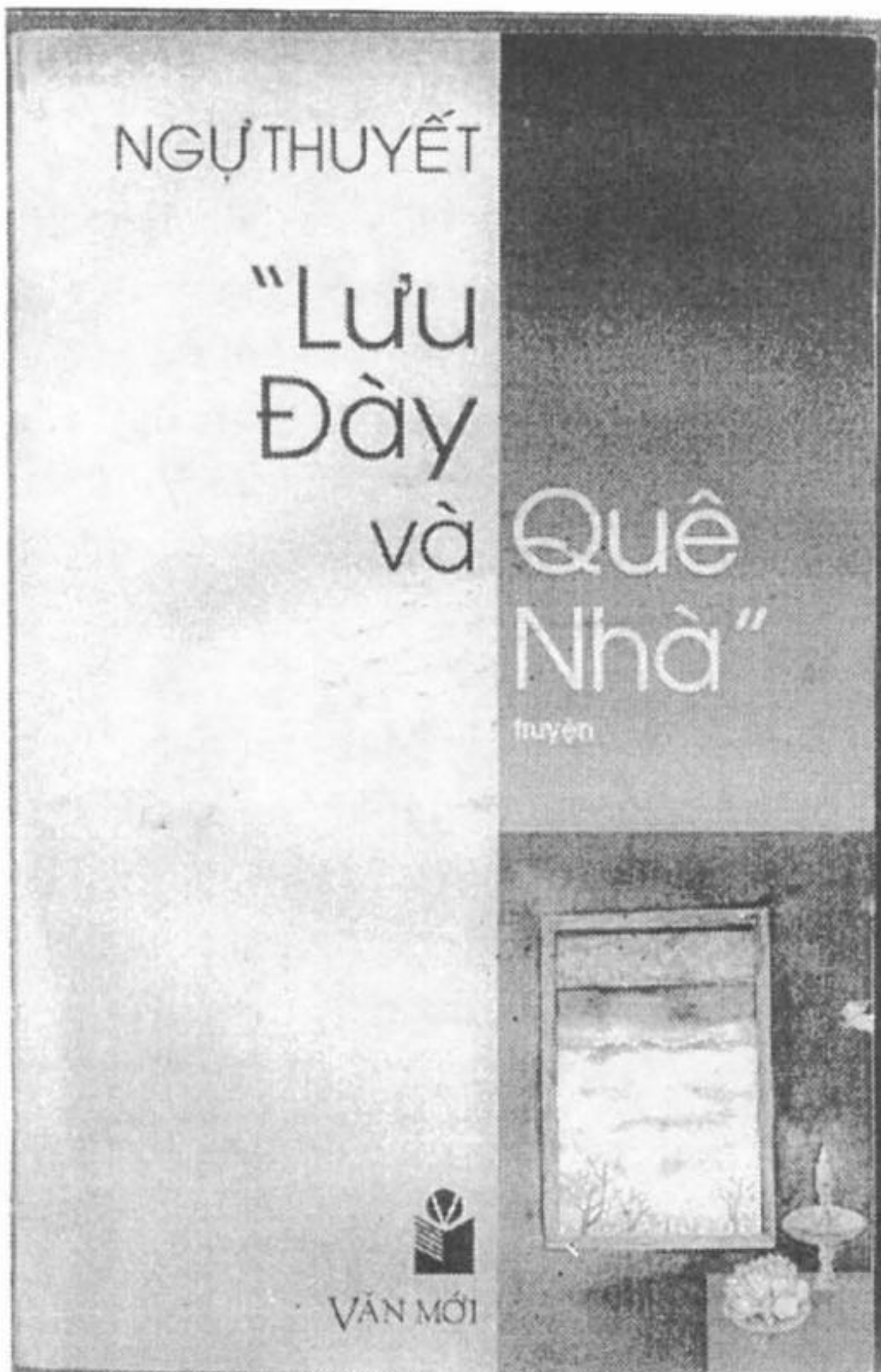
*Tuyệt vời! Tôi thích tranh của cô lắm!*

*Cám ơn!*



Anh là một nhà văn chỉ viết sau khi đến định cư ở Mỹ, nhưng tôi rất thích. Sâu sắc, tỉ mỉ, dí dỏm, chân thành. Đó là tất cả con người của anh. Đã làm cho những ai quen biết và bạn bè yêu mến anh. Văn của anh cũng thế. Chắc chắn sẽ được sự yêu mến của bạn đọc. Tôi thường mang sự thích thú trang trải cho bạn bè bằng cách copy những bài anh viết gửi đi.

NGUYỄN TRUNG HỐI (Vài ý nghĩ về Ngự Thuyết, tr.10)



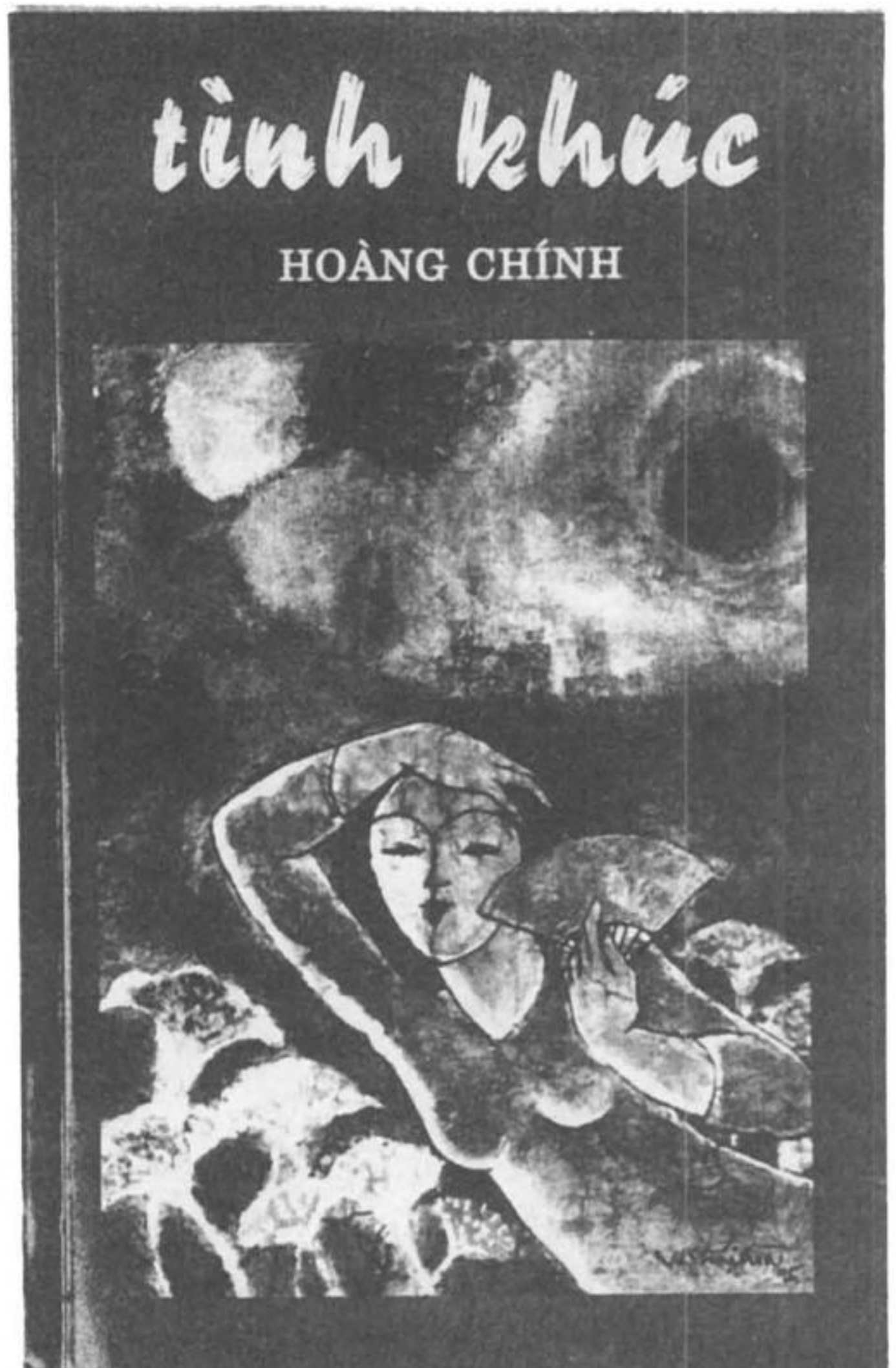
Truyện dài  
312 tr. Giá \$15.00  
Văn Mới xuất bản, 2002.  
Liên lạc với tác giả:  
13947 Brock Ln.  
Garden Grove, CA 92843  
ĐT.: (714) 265-5189



Ủ, Anh... thôi viết rồi... Thật mà... Anh chóng mắt. Trời  
đất... tối mù. Không thở được... Không gian... trắng  
mỏng... Em, em yêu dấu... Còn mãi... 10 điều răn...  
Nhớ... Xấp... bản... thảo này... như... một lời... t... ỏ...  
t...ì... n...h...

HOÀNG CHÍNH

(Trích Tình Khúc, Đoạn kết, tr. 220-221)



Truyện dài

222 tr. Giá \$12.00

Làng Văn, 2002.

Liên lạc với tác giả:

46 Mount Hope St.

Kitchener, Ontario, N2G 3J2

CANADA

E-mail: chinh2@hotmail.com



Yêu nhạc, các bạn không thể thiếu CD mới nhất của  
VĂN TUYỂN PRODUCTION



Do các nhạc sĩ Vũ Hữu Toàn, Phạm Anh Dũng, Nhật Vũ (USA), Quốc Dũng (Việt Nam), Linh Chi, Anh Việt Thanh, Ngọc Linh Trang, Nguyễn Linh Quang (Paris), Võ Tá Hân (Singapore), Mai Đức Vinh (Canada) phổ nhạc - Với những tiếng hát hàng đầu Việt Nam.

Liên lạc :

Phạm Ngọc P.O. Box 3417 Auburn, CA 95604

Tel: (530) 888 – 5193. E-mail: phamngoc@poetic.com

*chủ đề 12/214*



# 26 NHÀ THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Với sự góp mặt của 26 nhà thơ:

*Nguyễn Thị Hoàng Bắc - Nguyễn Quốc Chánh - Bùi Chát - Đinh Trường Chinh - Trần Tiến Dũng - Nguyễn Đạt - Văn Cẩm Hải - Phan Nhiên Hạo - Lê Thị Huệ - Vương Huy - Inrasara - Đỗ Kh. - Ngô Tự Lập - Đinh Linh - Ly Hoàng Ly - Nguyễn Hoàng Nam - Uyên Nguyên - Thận Nhiên - Thường Quán - Đỗ Quyên - Phan Bá Thọ - Phan Huyền Thư - Nguyễn Đăng Thường - Nguyễn Hoàng Tranh - Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Viện.*

Nhóm chủ trương: *Đinh Trường Chinh - Phan Nhiên Hạo - Thận Nhiên - Đỗ Quyên - Nguyễn Đức Tùng.*

Nhà lý luận phê bình *Nguyễn Hưng Quốc* viết Lời giới thiệu.  
Họa sĩ *Nguyễn Danh Bằng* trình bày bìa và trong nom về kỹ thuật.  
Tân Thư xuất bản, 2002 - Văn Nghệ tổng phát hành.

312 tr. Giá \$20.00.

Liên lạc Nhà xuất bản Tân Thư  
18939 Magnolia Ave.  
Fountain Valley, CA 92708 - USA  
Tel.: (714) 965-4651

- *NGUYỄN HƯNG QUỐC* viết trong ‘Lời giới thiệu’:

Tập thơ này, mặc dù là của nhiều tác giả, nhưng lại không phải là một tập thơ tuyển. Bởi ở đây không ai “tuyển” ai cả. Đây chỉ là sự tập hợp khá tình cờ, mang tính tự phát, dựa trên một sự đồng điệu mơ hồ nào đó về một quan điểm thơ, hoặc ít nhất, một thái độ đối với thơ.

Tôi đánh giá cao sự đồng điệu ấy. Không dễ gì có được sự đồng điệu rộng rãi và đáng quý như vậy, một sự đồng điệu trong nỗ lực sáng tạo và trong khát vọng vượt ra ngoài những quy ước nghệ thuật và mỹ học đã thành khuôn sáo...” (Trích, tr. 15).



Địa chỉ mới của CHỦ ĐỀ  
P.O. Box 13283  
Portland, OR 97213-0283 – USA  
Tel.: (503) 281-1821  
E-mail: chude\_2000@juno.com

### GIÁ BÁO

Các số 1, 2, 3 và 9 đã hết, các số khác, mua lẻ giá \$9.00 MK/1 số.

Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK/1 số.

1 năm (4 số) 32 MK (Media mail); ngoài HK 45 MK (Global priority)

2 năm (8 số) 60 MK (Media mail), ngoài HK 85 MK (Global priority).

Check (hay money order trả bằng MK) xin đề CHỦ ĐỀ và gửi về:  
CHỦ ĐỀ

P. O. Box 13283

Portland, OR 97213-0283 – USA.

### PHIẾU MUA BÁO CHỦ ĐỀ

[do ÔB.

gửi tặng]

Người nhận:

Địa chỉ:

|                         |                                 |     |
|-------------------------|---------------------------------|-----|
| Mua 1 năm (4 số), từ số | , kèm check (money order):      | MK. |
| Mua 2 năm (8 số), từ số | , kèm check (money order):      | MK. |
|                         | kèm check (money order) ủng hộ: | MK. |



# **c h ủ đ ề**

**giai phẩm văn nghệ phát hành 1 năm 4 số**

**Mỗi số CHỦ ĐỀ là một giai phẩm văn nghệ, *một tuyển tập thơ văn chọn lọc và tiêu biểu ở hải ngoại, một tập tài liệu về những vấn đề cần thiết và bổ ích cho những ai yêu văn học.***

**Đã ra:**

- Số 1 - Mùa Xuân 00: Nhìn lại 100 năm Văn học (hết);**
- 2 - Mùa Hạ 00: Những Dự phóng về Thế kỷ Mới (hết);**
- 3 - Mùa Thu 00: Mùa Thu trong Văn chương (hết);**
- 4 - Mùa Đông 00: Về Tiểu thuyết ;**
- 5 - Mùa Xuân 01: Họ Làm thơ/Viết văn cho Ai?**
- 6 - Mùa Hạ 01: Về Phê bình;**
- 7 - Mùa Thu 01: Về Mỹ học;**
- 8 - Mùa Đông 01: Thời đại Phụ nữ;**
- 9 - Mùa Xuân 02: Dục tính & Đồng tính luyện ái trong Văn chương (hết);**
- 10 - Mùa Hạ 02: Văn chương Lưu vong;**
- 11 - Mùa Thu 02: Sân khấu/Điện ảnh & Văn chương;**
- 12 - Mùa Đông 02: Chủ nghĩa & Văn chương Hậu/thuộc địa.**

**Sẽ ra:**

- Số 13 - Mùa Xuân 03: Tình yêu & Cái chết trong Văn chương;**
- 14 - Mùa Hạ 03: Về đề tài Chiến tranh & Hòa bình.**
- 15 - Mùa Thu 03: Văn học Dân tộc/Văn học Bộ lạc.**

**Bài vở xin gửi về e-mail: [chude\\_2000@juno.com](mailto:chude_2000@juno.com)**

**hoặc:**

**CHỦ ĐỀ**

**P. O. Box 13283**

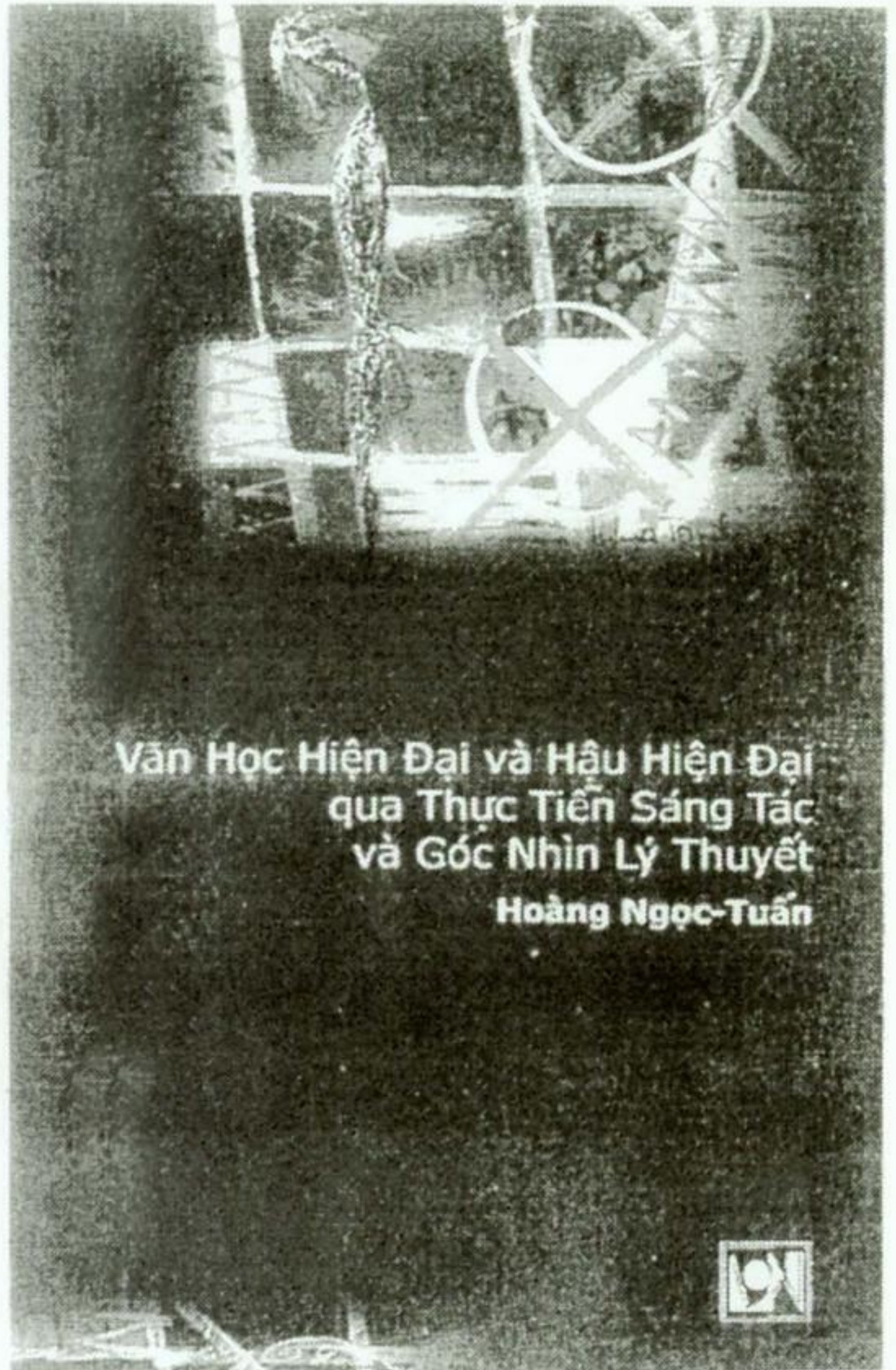
**Portland, OR 97213-0283 - USA**

**Tel.: (503) 281 1821**



Viết về đề tài gì, bao giờ Hoàng Ngọc-Tuấn cũng lục tung cả thư viện để đi đến ngọn ngành của từng vấn đề. Bao giờ anh cũng chi li và cũng rạch ròi. Tôi biết, đọc anh, không ít độc giả cảm thấy mệt mỏi. Tuy nhiên, với những độc giả kiên nhẫn chịu theo anh đến cùng, tôi tin chắc phần thưởng họ nhận được sẽ rất lớn lao: đó là những kiến thức mới mẻ và những nhận thức sắc sảo họ không dễ gì tìm được ở những tác giả khác.

*NGUYỄN HƯNG QUỐC (Lời giới thiệu)*



632 tr.

Giá \$25.00

Liên lạc:

Nhà xuất bản

**Văn Nghệ**

P.O. Box 2301

Westminster, CA 92683

**CD 12. Giá \$9.00**